NĂM THỨ MƯỜI BỐN • # 159 • JULY 2002

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL: (714) 839-8746 • E-mail: theky21@kicon.com

Ngày 7.7.: Tưởng Niệm NHẤT LINH

Nguyễn Tường Bách
Trương Bảo Sơn
Võ Phiến
Nguyễn Thị Vinh
Linh Bảo
Thụy Khuê
Trần Thanh Hiệp
Bùi Bích Hà
Nguyễn Hữu Nhật
Nguyễn Tường Thiết
Trương Kim Anh
Lưu Văn Vịnh
Thơ Thơ ...

Hoa Lan, tranh Nhất Linh

Sắc trong Thanh-Ngọc, hương thơm nồng
Một thoáng mơ tiên thoảng xuống trần..

Nhất Linh

Giường cuốc Ba-Mê 28-10-53

Quê hương lam lũ, dấu yêu!

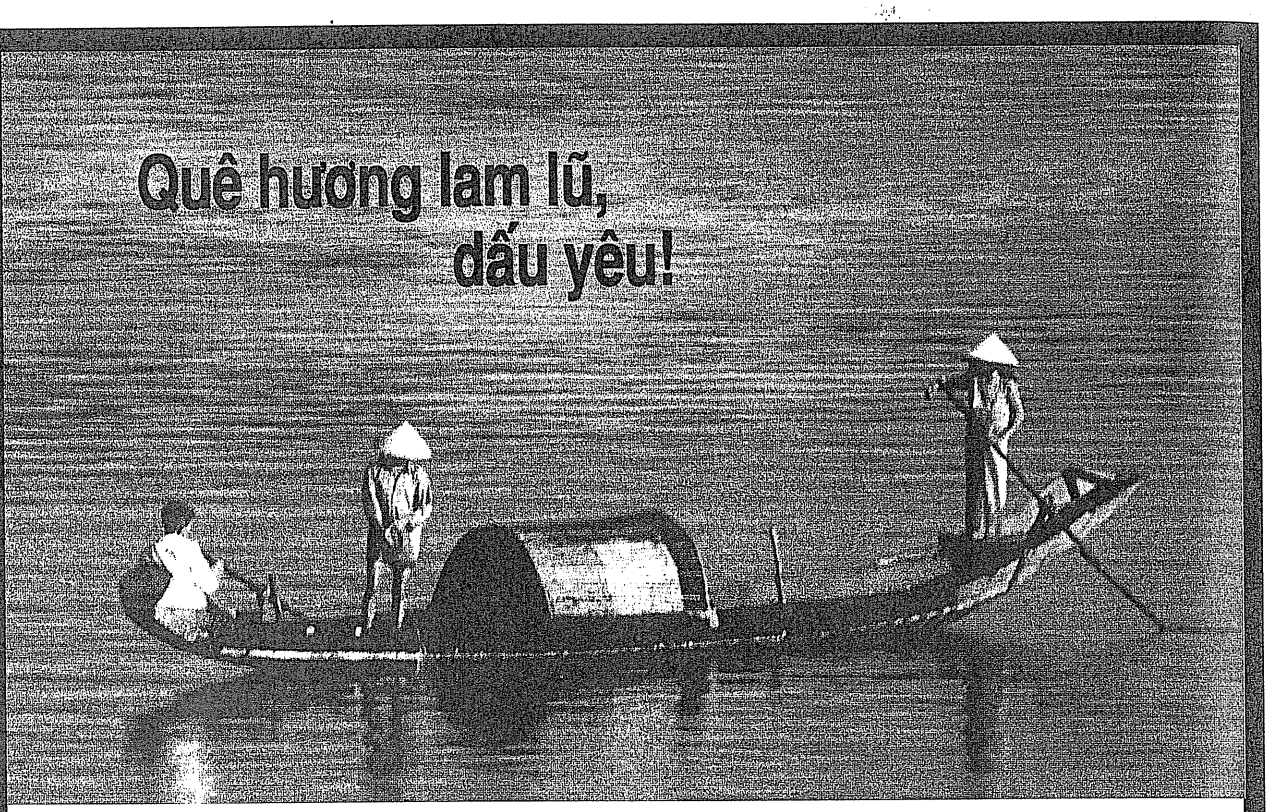

Người Việt chúng ta nổi tiếng với đức tính cần cù, chịu thương chịu khó để xây dựng một tương lai sáng lạn không chỉ cho mình mà còn cho những thế hệ mai sau. Công ty New York Life hiểu được truyền thống cao quý đó của dân tộc Việt và từng gia đình người Việt. Chính vì vậy, để cùng cộng đồng Việt mưu cầu cho đời sống tương lai tốt đẹp, công ty New York Life – một công ty đã được bao thế hệ người Mỹ đặt niềm tin vào hơn 150 năm qua – mong muốn được chia xẻ cùng quý vị trong việc thực hiện niềm mơ ước cao quý và chính đáng đó.

Chúng tôi có những sản phẩm bảo hiểm và dịch vụ tài chánh như:

- Bảo hiểm nhân thọ (Life Insurance)
- Niên kim* (Annuities)
- Bảo hiểm săn sóc tàn phế (Long Term Care Insurance)
- Quỹ về hưu (Retirement Funding)
- Quỹ đại học (College Funding)
- Kế hoạch truyền thừa tài sản (Estate Planning)

Tương lai đang nằm trong tay của quý vị. Hãy gọi cho các văn phòng và những đại diện của chúng tôi theo các số điện thoại dưới đây.

NEW YORK LIFE

The Company You Keep®

www.newyorklife.com

NEW YORK LIFE INSURANCE COMPANY

CUNG ỨNG BẢO HIỂM VÀ NHỮNG DỊCH VỤ TÀI CHÁNH KHÁC

FOUNTAIN VALLEY:	17330 Brookhurst St., Ste. 220	Fountain Valley, CA 92708	(714) 962-4440
IRVINE:	2020 S. Main St., Ste. 200	Irvine, CA 92614	(949) 797-2400
LONG BEACH:	6700 E. Pacific Coast Hwy, Ste.180	Long Beach, CA 90803	(562) 493-2571
POMONA:	3201 Temple Ave., Ste. 200	Pomona, CA 91768	(909) 598-2333
BREA:	3230 E. Imperial Hwy, Ste. 100	Brea, CA 92621	(714) 572-2100
LA PALMA:	6 Centerpointe Dr., Ste. 600	La Palma, CA 90623	(714) 228-2779

* Do Công Ty Bảo Hiểm New York Life and Annuity Corporation (Tổ Hợp Delaware) Phát Hành.

©2001 New York Life Insurance Company, 51 Madison Avenue, New York, New York 10010. All rights reserved.

HÀNG NGÀN KHÁN GIẢ ĐÃ NHIỆT LIỆT TÁN THƯỞNG
ĐÊM VĂN NGHỆ THÍNH PHÒNG tại KNOTT'S BERRY FARM
NHIỀU NGƯỜI TIẾC NGẨN NGƠ VÌ KHÔNG MUA ĐƯỢC VÉ

Thúy Nga HÂN HẠNH GIỚI THIỆU

VIDEO Paris by Night 64

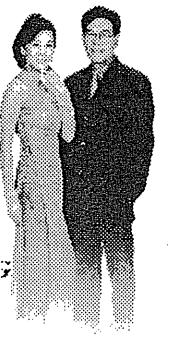

Nhạc chủ đề: VŨ THÀNH AN - TUẤN KHANH - TỪ CÔNG PHỤNG

Phát hành ngày 6 tháng 6 năm 2002

** Paris by Night 64 dòng nhạc Tuấn Khanh (Hoa Soan Bên Thềm Cũ, Chiếc Lá Cuối Cùng...) làm sống lại cả một khung trời Sài Gòn thương nhớ đã chôn vùi 27 năm qua*
** Paris by Night 64 với những Bài Không Tên nức nở của Vũ Thành An (Tình Khúc Thứ Nhất, Em Đến Thăm Anh Đêm Ba Mươi...) đã một thời làm hàng triệu con tim yêu đương rướm máu.*
** Paris by Night 64 với những ca khúc trữ tình lãng mạn của Từ Công Phụng (Mắt Lệ Cho Người, Giọt Lệ Cho Ngàn Sau...) như một ngôn ngữ đặc biệt ca ngợi tình yêu đẹp đẽ nhất trong âm nhạc VN.*

Điều Khiển Chương Trình:

NGUYỄN NGỌC NGẠN & NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN

Với sự góp mặt của các ca sĩ tên tuổi:

KHÁNH LY, LỆ THU, KHÁNH HÀ, Ý LAN, NHƯ QUỲNH, THÁI HIỀN, LƯU BÍCH, THANH HÀ, TRÚC LINH, TRÚC LAM, BẢO HÂN, LOAN CHÂU, PHƯƠNG DIỄM HẠNH, NGỌC HẠ, THÚY ANH, LAN ANH, TRÚC QUỲNH, TUẤN NGỌC, DUY QUANG, NGUYỄN HƯNG, THẾ SƠN, TRẦN ĐỨC, TRẦN THÁI HÒA, DON HỒ, NHẬT TRUNG

Ban nhạc Liberty & Vũ đoàn Paris by Night

Xin liên lạc: Trung Tâm THUÝ NGA : 714-894-5811

MỸ & CANADA: P. O. Box 2174 Westminster, CA 92683 Tel: (714) 893-2860 / Fax: (714) 891-9673
ÂU CHÂU: 44 Ave., D'Ivry - 75013 - Paris FRANCE Tel: 01-45-83-23-41
ÚC CHÂU: 323 Chapel Rd., Bankstown - N.S.W 2200 - AUSTRALIA Tel: (02) 9796-7227
Web Site: www.thuyngaonline.com / E-mail: thuynga@thuyngaonline.com

Phiếu mua Tạp Chí Thế Kỷ 21

Giá áp dụng từ 1- tháng 1- 2002

Quà tặng đầy ý nghĩa

Ngày..... Tháng..... Năm.....

Họ Tên Độc giả:(người nhận tạp chí).:.....
Địa Chỉ:.....
Thành Phố:..... Tỉnh:..... Zip:..... Quốc Gia:.....
Điện Thoại: *Nhà Riêng:( )..... Sở Làm:( )*.....

ĐẶT MUA THẾ KỶ 21 :

☐ 6 tháng ☐1 năm ☐ 2 năm bắt đầu số ---------

	6 Tháng		12 Tháng		24 Tháng		
	Bulk Rate Ground	1st Class Air mail	Bulk Rate Ground	1st Class Air mail	Bulk Rate Ground	1st Class Air mail	Tên Quốc Gia
Giá	*US$ 25.00*	*US$32.00*	*US$ 50.00*	*US$68.00*	*US$ 90.00*	*US$120.00*	Hoa-kỳ & Canada
Giá		*US$48.00*		*US$90.00 100 Euro*		*US$170.00 189 Euro*	Pháp Đức Bỉ Hòa-Lan..Tây âu
Giá		*US$35.00*		*US$65.00*		*US$112.00*	Nga, Tiệp, Ba lan.. Đông âu
Giá		*US$55.00*		*US$100.00*		*US$194.00*	*Á châu, Úcchâu, Việt nam*

*Qúi Vị có thể trả bằng chi phiếu, ngân phiếu hoặc bằng thẻ tín dụng để mua báo Tạp Chí **Thế Kỷ 21** theo ba cách:*

. BƯU ĐIỆN: Chi phiếu, ngân phiếu (money order) **xin ghi trả cho Tạp Chí Thế Kỷ 21** và gửi vế địa chỉ : 11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE, CA.92840. USA.
Liên lạc Ban trị sự: / Phát hành, gửi báo, báo thất lạc,trả tiền bằng Visa, Master Card.. Phone: (714) 534-9432 (12am-7pm PCT) Fax=714-534-9433 (24/24) Liên Lạc đăng quảng cáo : (714)775-6301 .
Liên Lạc về bài vở tòa soạn: (714) 839-8746 (Chủ bút)
. ĐIỆN THƯ: Xin điền đầy đủ vào các chi tiết trong phiếu và FAX về số (714) 534-9433.
. ĐIỆN THOẠI: Gọi Điện Thoại số (714) 839 - 8746 để cung cấp đầy đủ chi tiết ghi trong phiếu.

Họ Tên Người Mua /trả tiền: (như trên -----check vào đây)
Địa Chỉ:.....
Thành Phố:..... Tỉnh:..... Zip:..... Quốc Gia:.....
Điện Thoại: *Nhà Riêng:( )*.....
Sở Làm:().....
Sáng kiến đề nghị cùng tạp chí: (714) 585-4666

Báo cũ : Để bổ túc các bộ tạp chí lưu trữ, Tòa soạn cần mua lại một số ấn bản Tạp Chí Thế Kỷ 21 sau đây: Các số 7, 10, 33&34, 42, 48, 94, và 118&119.
Quí vị nào có dư những số tạp chí nói trên, xin liên lạc về tòa soạn, chúng tôi xin bồi hoàn tiền, hoặc đổi báo mới.

Thường xuyên **giảm giá 15% khi mua để tặng bạn hữu.**

Tạp chí đang mở rộng mạng phát hành, **cần thêm nhiều đại lý. Huê hồng cao.**

Như thường lệ: Quí vị nào giới thiệu 3 độc giả, xin tặng 9 tháng báo; giới thiệu 5 độc giả mua báo, xin tăng nguyên năm 1st class

THUỐC BỔ BẰNG DƯỢC THẢO

MADE IN USA

HEALTHY AMERICA
DIETARY SUPPLEMENTS

GIÁ RẺ NHẤT - XIN SO SÁNH:

B-COMPLETE 100 VIÊN **3.69**
B-12 1000mcg 100 VIÊN **2.49**
B-50 100 VIÊN **4.99**
C 500mg 100 VIÊN **2.49**
E-400I.U. 500 VIÊN **9.45**
GALIC 650mg 100 VIÊN **6.50**

GINKGO BLOBA 100 VIÊN **3.79**
GINSENG SAM 100 VIÊN **4.99**
GRAPE SEED 100 VIÊN **6.99**
HAWTHORN 100 VIÊN **4.49**
GLUCOSAMINE 150 VIÊN **23.41**
CHILDREN 100 VIÊN **4.59**

Hãy so sánh với Costco, và các pharmacies trong vùng!

WOMENS one tablet daily
A complete vitamin formula specially designed for women which offers all the essential vitamins plus Calcium and extra Iron. The 2 minerals government studies show women need most. Zinc is a factor in maintaining healthy skin. Also vitamin A, 5000 I.U., Vitamin C 600mg, Vitamin D 400IU, Vitamin E 30IU, Thiamin 1.5mg, Riboflavin 1.7, Niacin 20mg

100 VIÊN **4.15**

THUỐC LÀM GIẢM CHOLESTEROL

Được bác sĩ tín nhiệm.
Nhai 1 hoặc 2 viên trước khi ăn

100 VIÊN **9.99**

SỤN CÁ MẬP 100 VIÊN
only **8.90**

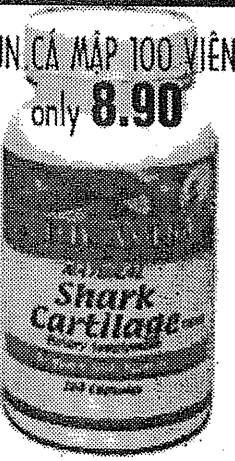

NGỌC NỮ LADY BELLE

13872 BROOKHURST ST - GARDEN GROVE - CA 92843 *(Cạnh Century TV, khu chợ Đồng Hương)*
MỞ CỬA HÀNG NGÀY TỪ 10AM -6:30PM (nghỉ Thứ Ba)
(714) 534-4500 TOLL FREE 1(888)270-1234

KÍNH MỜI QUÝ KHÁCH GHÉ TIỆM ĐỂ XEM CATALOG VÀ CHỌN CÁC LOẠI TỐT NHẤT VỚI GIÁ RẺ BẢO ĐẢM.
CẦN ĐẠI LÝ CÁC TIỂU BANG - HUỀ HỒNG CAO

GOLDEN E.Z. TRANSLATOR INC.

Chuyên bán các loại máy tự điển điện tử và computer software Vietnam.
Điện tử Anh Việt, Việt Anh, Anh Anh.
Có bán Video tự học tiếng Anh.

9200 Bolsa Ave. #226, Westminster, CA 92683
(Trong khu vực Phước Lộc Thọ, lầu 2)

714 897 9808

EV-2001

3 bộ tự điển căn bản:
Anh Việt, Việt Anh, Anh Anh

10 bộ tự điển chuyên ngành:
Toán - Kinh Tế - Pháp Luật
Du Lịch - Vật Lý - Y Khoa
Kiến Trúc - Thẩm Mỹ
Tin Học - Điện Tử

7 Đại Tự Điển trong một máy

ANH - VIỆT
VIỆT - ANH
PHÁP - VIỆT
VIỆT - PHÁP
HOA - VIỆT
VIỆT - HOA
ANH - ANH

EV 586

Với 2 bộ tự điển chính yếu
Anh Việt (200.000 từ)
Việt Anh (100.000 từ)

Và nhiều tính năng ưu việt
không máy nào có được
<u>Đặc biệt:</u> Luyện thi TOEFL,
Luyện thi nhập tịch Mỹ,
Luyện thi thẩm mỹ,...

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

MẸ VỀ BIỂN ĐÔNG / TRƯỜNG KHÚC
Trường khúc thơ nhớ thương Mẹ của **DU TỬ LÊ**. Có phần dịch sang Anh ngữ của Thiên Nhất Phương và Trần Lệ Khanh. Kèm theo sách là CD thơ do Du Tử Lê đọc.
Giá gồm cả sách và CD: 15 Mỹ kim

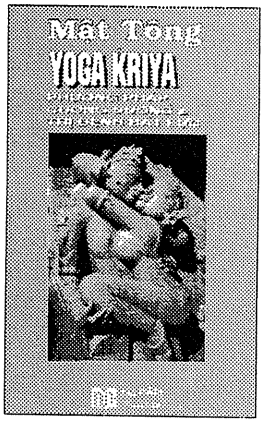

MẬT TÔNG YOGA KRIYA
HOÀNG HÀ HOÀNG VĂN NGUYÊN dịch thuật
Gồm các phương pháp Yoga để tập luyện tuyệt hảo hầu gìn giữ và tạo khả năng sinh lý vững mạnh và chữa trị chứng bất lực của đàn ông. Giá 17 Mỹ kim

SỐNG VỚI BỆNH VIÊM GAN
của Bác Sĩ **BÙI XUÂN DƯƠNG**
Một cuốn sách rất cần thiết cho mọi người Việt Nam, vì bệnh viêm gan là một trong những bệnh thịnh hành nhất của người Việt chúng ta.
Giá 18 Mỹ kim

CẨM NANG BẢO VỆ VÀ TĂNG CƯỜNG SỨC KHỎE PHỤ NỮ
HOA HẠ TĂNG chủ biên.
Người dịch: **THANH HÀ, HOÀNG HƯƠNG**
Thông tin đầy đủ, kỹ lưỡng về nhiều vấn đề mà phụ nữ cần đặc biệt quan tâm: dinh dưỡng hợp lý, vẻ đẹp, kết hôn và sinh đẻ, bảo vệ giới tính, môi trường và sức khỏe, vệ sinh tinh thần, sự trường thọ...Giá 24 Mỹ kim

BÙA YÊU
Tiểu thuyết của **HÙNG SƠN**
Một cuốn tiểu thuyết viết về tình yêu, tình dục, bùa ngãi yêu đương, ma cà rồng hút máu... vừa thực vừa hư, vừa ghê sợ vừa quyến rũ...
Giá 15 Mỹ kim

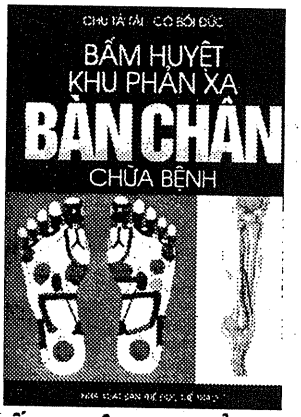

BẤM HUYỆT KHU PHẢN XẠ BÀN CHÂN CHỮA BỆNH
CHU TÁ TÀI CỐ BỐI ĐỨC.
Bản dịch của **Hà Kim Sinh**
Các huyệt của bàn chân tương quan đến nhiều chức năng của cơ thể. Bấm huyệt ở bàn chân khiến cho những công năng bị cản trở được trở lại bình thường, do đó có thể chữa trị được rất nhiều bệnh hoạn.
Giá 8 Mỹ kim

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn: Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com * WWW.TULUC.NET

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

11022 Acacia Parkway #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 839-8746
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ,
Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu,
Nguyễn Phước Quan,
Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo,
Tống Hoàng, Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Tri sự:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895
Western Australia: *Bình Anson*
(61-8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

Bìa: tranh của **Nhất Linh**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Hí họa: **Babui**
Ảnh: **Lê Văn Kiểm, Nguyễn Tường Thiết, Phạm Phú Minh**
Tranh và ảnh tư liệu của **Trương Bảo Sơn, Nguyễn Thị Vinh, Nguyễn Tường Thiết, Trương Kim Anh**

MỤC LỤC

Số 159 Tháng Bảy 2002

TƯỞNG NIỆM NHẤT LINH

10. Tiểu sử Nhất Linh
11. Tưởng nhớ anh Nhất Linh – **Viễn Sơn Nguyễn Tường Bách**
13. Đọc bản thảo của Nhất Linh – **Võ Phiến**
20. Những kỷ niệm riêng với Nhất Linh Nguyễn Tường Tam – **Trương Bảo Sơn**
27. Bài học "nhiệt tình" – **Linh Bảo**
29. Để trả Nhất Linh NguyễnTường Tam về cho lịch sử – **Trần Thanh Hiệp**
34. Nhất Linh và Xóm Cầu Mới – **Nguyễn Thị Vinh**
42. Những giây phút hạnh phúc Nhất Linh – **Thụy Khuê**
48. Sự sống và cái chết của con người ngoại khổ – **Bùi Bích Hà**
50. Lý Toét và Xã Xệ – **Động Đình Hồ**
57. Truyện dài Xóm Cầu Mới của Nhất Linh – **Nguyễn Tường Thiết**
59. Tưởng nhớ về Nhất Linh – **Trương Kim Anh**
63. Nhất Linh: tự lực văn học, tự lực chính trị – **Lê Đình Thông**
81. Nhất Linh: người định nghĩa sống và định nghĩa chết – **Lưu Văn Vịnh**
84. Nắm cỏ đưa về tấc đất xưa – **Phạm Phú Minh**
88. Nữ thi sĩ Anh Thơ viết về Nhất Linh – **TK 21**

VĂN

94. Giờ trà – **Thơ Thơ**
99. Cậu ấm đi bắn vịt trời – **Nhất Linh**
105. Bác Hòa hàng cơm – **Nhất Linh**
115. Ba chàng ngự lâm pháo thủ của Ti Vi – **Dương Như Nguyện**

THƠ

97. Tìm 45 – **Nguyễn Tường Giang.** 107. Ngồi xem bóng đá làm thơ – **Trần Doãn Nho.** 111. Mỗi ngày một bài thơ – **Khánh Hà**

MỤC THƯỜNG LỆ

7. Bạn đọc viết
9. Tòa soạn và Bạn đọc – **Phạm Phú Minh**
9. Thư Trị sự
70. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng**
75. Đời sống quanh ta – **Thanh Thảo, Trần Quán Niệm**
118. Sách báo trong tháng – **Bùi Bích Hà, Phạm Xuân Đài**

Bộ nhớ

Trong mục bạn đọc viết số vừa rồi, bà/cô Lan Phương có thắc mắc người điểm sách nếu không đãng trí như các thiên tài hay bộ nhớ đã có vấn đề thì đây là sự lầm lẫn có ý thức, có chủ ý: ông nghĩ tên tác giả là Thanh Tâm. Theo tôi được biết quả thật tên tác giả là Thanh Tâm, bút hiệu Tâm Thanh, có thể ông Phạm Xuân Đài đã biết cả tên lẫn bút hiệu của tác giả nên lẫn lộn qua lại. Mặt khác tôi nghĩ sự lầm lẫn có chủ ý này không liên quan gì đến ý "mong cuốn sách đi xa" mà câu trích dẫn (cho sự lầm lẫn) vô tình có nhắc tới.

K. Hà *(Na Uy)*

Cần hiểu sự khó khăn của người trong cuộc

Nhiều việc làm của những người Việt Nam tự xưng yêu nước ở hải ngoại rất khó hiểu và kỳ lạ. Tôi được nghe một anh đấu tranh cho dân chủ trong nước có lần than thở: "Chẳng hiểu các tổ chức yêu nước ở Hải ngoại biết và nghĩ gì về tình hình trong nước? Tôi đang bị công an theo dõi, kiếm cớ để gây sự mà các ông ấy gửi vào hòm thư những tạp chí kêu gọi tổ chức biểu tình hay bạo động lật đổ chính quyền! Cứ như là đang tiếp tay cho công an. Để bắt nhà văn Dương Thu Hương công an đã phải vụng về dựng lên màn kịch cho khám bắt một Việt kiều ở sân bay, dựa vào lời khai của ông này để bắt nhà văn. Làm thế này còn quá hơn là cộng tác với công an. Không biết họ không hiểu tình hình Việt Nam thật hay là các tổ chức do chính công an điều khiển giật dây?"

Chưa hết, một anh khác kể lại bằng giọng buồn hơn: "Chúng tôi ở nhà phải chọn hình thức hợp lý để đấu tranh. Bài viết, đơn thư phải gửi lên các cấp lãnh đạo, quốc hội, nhà nước v.v. dù biết sẽ không được đọc hay hồi âm vì chỉ như thế là hợp pháp và không ai có thể khép tội, bắt bớ v.v. được. Hay các hình thức khác cũng vậy, nhiều lúc nghe tưởng rất ngây thơ. Thế mà không ít lần có nhiều người gọi điện từ nước ngoài về phê phán và bảo chúng tôi phải làm thế này, thế khác. Hình như mọi người không biết gì về Việt Nam thì phải."

Tôi không biết những người yêu nước ở Hải ngoại có biết thực tế ở Việt Nam hay không nhưng tôi dám chắc một điều: Số đông họ cũng đã từng ở Việt Nam, đã từng biết sợ chế độ đó và có lẽ họ là những người khôn ngoan nên đã tìm đường ra đi để cứu trước hết bản thân và gia đình. Sau một thời gian sống ở nước ngoài họ thấy mình giỏi hơn, hiểu biết hơn những người ở trong nước. Đáng buồn hơn cả, họ chóng quên quá khứ và nghĩ rằng họ biết cách "đấu tranh" hiệu quả hơn cho nước Việt Nam, tất nhiên từ bên ngoài. Họ ở nơi an toàn, cùng lắm họ sẽ bị gây khó dễ khi xin visa về thăm Việt Nam mà thôi. Họ và nhiều người trong số chúng ta quên mất rằng, số ít những người dám đấu tranh công khai cho dân chủ trong nước luôn bị sự đe doạ về tinh thần và cả khủng bố về thể xác của công an bất kỳ khi nào công an thấy phù hợp và muốn. Tất cả những người đó không được xuất cảnh, nhiều người bị quản thúc, phần lớn bị đe doạ thường xuyên dưới nhiều hình thức kể cả đem ra tổ dân phố đấu tố như thời xưa, gia đình, con cái bị gây khó dễ v.v.

Dù muốn hay không, những người ở bên ngoài Việt Nam chúng ta nên chấp nhận và hiểu sự khó khăn, vất vả của người ở trong nước. Với một bộ máy (đã rất cồng kềnh và nặng nề) công an, quân đội, dân phố và các cơ quan pháp luật hình thức như toà án, viện kiểm soát v.v. chính quyền Việt Nam hiện nay có thể đe doạ, đàn áp bất kỳ khi nào họ thấy cần thiết. Với tôi, trước hết là cố gắng hiểu và cảm thông hoàn cảnh khác biệt của những người cùng đấu tranh trong nước. Từ đó tôi mong và sẽ tìm ra cách thức giúp đỡ hiệu quả, tốt nhất và phù hợp với bản thân. Tôi cũng muốn mình được an toàn, gia đình không bị ảnh hưởng. Tôi cũng là một trong những người Việt Nam tự nghĩ mình là khôn ngoan!

Nguyễn Ái Nhân
(Nữu Ước)

World Cup: trông người lại ngẫm đến ta

Với World Cup, mùa đá banh lại tới với người Việt ở Mỹ. Tại xứ sở này người Việt Nam phải bốn năm một lần mới được thưởng thức môn thể thao mà mình yêu thích.

Năm nay đội tuyển Đại Hàn đã làm nên kỳ tích, là lọt vào bán kết sau khi thắng đội Tây Ban Nha (cho đến ngày chúng tôi viết những dòng này). Tối thứ sáu rạng ngày thứ bảy (21 và 22 tháng 6, 2002) đúng là một dịp đại hội cho những người Mỹ gốc Đại Hàn ở Quận Cam. Họ tụ tập theo dõi trận đấu và đã biểu lộ sự vui sướng tột đỉnh khi

đội của quốc gia họ thắng. Họ mặc áo đỏ của đội tuyển, nhảy múa reo hò. Nhiều người khóc vì xúc động. Lớp tuổi "teen" cũng tham gia nồng nhiệt. Chưa bao giờ cộng đồng người Hàn quốc tại quận Cam đoàn kết và biểu lộ sự hãnh diện của họ về đất nước Đại Hàn đến thế.

Nếu trời xui đất khiến đội tuyển Việt Nam mà được như Đại Hàn hiện nay, liệu người Việt tại Quận Cam có bày tỏ vui sướng như người Mỹ gốc Hàn vừa rồi không? Thực tế rất khó. Mọi thứ thể thao, văn nghệ, sách báo... từ trong nước Việt Nam hiện nay đều được người Việt tị nạn xem là sản phẩm của chế độ cộng sản là thứ chế độ tệ hại nhất trong lịch sử đã đẩy hàng triệu người Việt chạy ra nước ngoài với khoảng nửa triệu vùi thây nơi rừng sâu, biển cả, đồng thời dìm nước Việt Nam vào hàng nghèo khổ nhất trên thế giới. Giả dụ đội tuyển Bắc Hàn mà vào được bán kết giải thế giới thì người Hàn tại Mỹ có vui mừng rạng rỡ như vừa rồi không? Chắc là không. Hãnh diện ngầm thì có thể có, nhưng biểu lộ một cách hào hứng thành thật thì không. Người ta khó có thể coi những gì thuộc chế độ cộng sản mà lại có thể đại diện cho quốc gia của họ được.

Mỹ là nước tạp chủng, người nước nào ở Mỹ này cũng còn có nước mẹ của họ để mà dựa vào, dù là một nửa nước như Đại Hàn, dù chỉ là một hòn đảo như người Tàu. Chỉ có người Việt là chơ vơ chỉ mình lo lấy thân mình, không một hậu thuẫn nào từ nước mẹ, dù chỉ là thuần túy tình cảm. Đó là nỗi nghiệt ngã của thân phận người Việt tị nạn, nhưng người Việt vẫn tự lực đứng vững được, và thành cộng đồng không thua kém các cộng đồng khác. Chỉ tiếc những dịp như World Cup xảy ra thì cộng đồng người Việt không bao giờ được sống những giây phút say sưa như người Đại Hàn trong những ngày qua, cho dù đội tuyển Việt Nam có đạt thành tích nào.

Nguyễn Đắc
(Westminster CA)

Vai trò của nước Mỹ

Đọc những bài về lạm dụng tình dục của một số tu sĩ Công giáo Hoa Kỳ trong số báo tháng Sáu vừa rồi, tôi tự hỏi phải chăng chuyện bê bối như thế chỉ xảy ra ở Hoa Kỳ, còn giới tu hành ở các nước khác thì thánh thiện hơn? Tôi nghĩ không chắc như vậy, tuy nhiên Hoa Kỳ là một nơi duy nhất trên thế giới để những sự việc như vậy có thể bùng nổ.

Thứ nhất dân Hoa Kỳ không lệ thuộc vào một truyền thống tinh thần cố định. Tinh thần Mỹ là tinh thần tự do phóng khoáng không bị một loại xiềng xích nào trói buộc, họ sẵn sàng đương đầu với những thế lực ngăn cản sự trong sáng, lương thiện. Vì thế khi sự việc bị vỡ ra thì giới truyền thông làm sứ mạng của mình ngay, và chắc không một số tiền nào có thể "mua" giới này để họ im miệng.

Thứ hai, có lẽ số phận nước Mỹ luôn luôn là phải đương đầu chiến đấu với những yếu tố xấu của thế giới này để bảo ve ầsự trong lành của con người. Thử tưởng tượng không có nước Mỹ thì kết quả của trận đại chiến thứ hai đã đổi khác, và thế giới sẽ như thế nào với sự thống trị của Đức Quốc xã và Quân phiệt Nhật? Rồi đến chế độ cộng sản, cuối cùng "thế giới tự do" đã đánh bại con quái vật vô nhân ấy, nhưng linh hồn của thế giới tự do là ai, nếu không phải là Hoa Kỳ? Hoa Kỳ đã chiến đấu một cách dai dẳng trường kỳ bằng đủ mọi phương tiện trong đó có cả máu xương con dân Mỹ, với lòng tin tưởng vào tinh thần tự do dân chủ như là điều tốt đẹp cho thế giới này. Khi tổng thống Bush mới nhậm chức, ông có vẻ mỏi mệt vì những gánh vác mà nước Mỹ đã làm quá nhiều cho thế giới trong quá khứ, muốn rút chân ra khỏi các "thiên hạ sự" nhưng chưa kịp thi hành thì xảy ra vụ 9.11, chính ông lại phải lao vào thế giới, nhiều hơn, sâu hơn các tổng thống tiền nhiệm gần đây nữa, để thanh toán một thế lực thần quyền đen tối. Thế mới biết có số chạy đâu cho khỏi số, đã toan trốn nợ đoạn trường được sao?

"Cuộc chiến" của giới truyền thông Mỹ vừa qua cũng thể hiện nhiệm vụ và tinh thần của nước Mỹ không kém gì những vụ lớn lao khác. Nghĩa là luôn luôn đương đầu với những thế lực toàn trị, độc tài, bưng bít hầu giải phóng tinh thần và thể xác, đem lại sự sống trong lành cho con người.

Viễn Phương ***(Internet)***

Ải khác với Cửa Ải

Bài "Một số sử liệu liên quan đến biên giới Việt Hoa" của Từ Mai đăng trong số báo tháng Sáu vừa rồi là một bài rất có giá trị, soi sáng cho chúng tôi nhiều vấn đề về biên giới Việt Hoa. Những bằng chứng sử liệu mà tác giả trưng dẫn là luận cứ đanh thép chứng minh công việc ký kết Hiệp ước biên giới dấm dúi thậm thụt của cộng sản Việt Nam là một hành vi bán nước đen tối, mà sau bao nhiêu sóng gió của dư luận, nguyên văn bản hiệp ước vẫn được giấu kỹ.

Nhờ bài đó, tôi được biết rằng

việc lấn đất ta của người Tàu đã thành như một thứ bịnh của họ, thời nào, cấp quan chức nào của Trung Hoa cũng luôn luôn làm việc đó khi có dịp. Trưng lên những bảng hiệu tuyên truyền "hữu nghị núi liền núi sông liền sông" là một việc vô cùng nguy hiểm của cộng sản Việt Nam, chỉ đưa Việt Nam từ thua tới bại trong việc giữ gìn đất đai biên giới. Định nghĩa chữ "ải" của tác giả Từ Mai cũng rất cần thiết cho chúng tôi, để không lẫn lộn giữa "cái cửa" với "vùng đất," tránh những cuộc cãi nhau vô bổ vì kiến thức không tới nơi tới chốn. Cái cổng Nam Quan là của Tàu, nhưng Ải Nam Quan, được hiểu như một hình thế thiên nhiên của đất, thì là của chung, ta một phần, Tàu một phần. Như Ải Chi Lăng, nằm lọt trong lãnh thổ Việt Nam, chẳng cần có cái cổng nào cả.

Nguyễn Văn Tiến *(Florida)*

Tài liệu độc đáo

Có những bài viết của Thế Kỷ 21 đưa ra những tài liệu độc đáo, như số vừa rồi bản chụp mẩu giấy viết tay trước khi chết của ông Trần Văn Thạch, đã làm cho tôi cảm thấy lạnh cả xương sống. Trước 1975 sống ở Sài Gòn thấy đường Trần Văn Thạch ở Tân Định, tôi cũng không hiểu rõ gốc gác ông như thế nào, nay nhờ đọc bài Ở Xứ Chuông Rè mới thấy cả một trang lịch sử bi thương, trong đó ông Trần Văn Thạch, một nhà yêu nước, lại bị cộng sản thủ tiêu một cách tàn nhẫn. Điều không ngờ nhất là ông đã lén viết một mẩu giấy nhỏ gởi về nhà... Quá sức đau thương. Cộng sản hãm hại bất cứ ai không đồng ý với chúng, nửa thế kỷ trước cho tới nay không thay đổi. Chẳng lẽ dân tộc Việt Nam cam chịu một chế độ như thế đè đầu mình mãi sao?

Lý Xuân Thảo *(Internet)*

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của những tác giả sau:

Trương Kim Anh, Võ Phiến, Nguyễn Tường Thiết, Lưu Văn Vịnh, Trần Thị Diệu Tâm, Bùi Văn Phú, Huỳnh Liễu Ngạn, Triều Dương, Lê Đình Thông, Trần Thanh Hiệp, Thơ Thơ, Võ Doãn Nhẫn, Trần Yên Hòa, Nguyễn Tường Giang, Linh Bảo, Nguyễn Thị Vinh, Nguyễn Hữu Nhật, Song Nhi, Nguyễn Văn Cường.

Thưa quý độc giả và văn hữu,

Trong thời gian chuẩn bị số đặc biệt tưởng niệm Nhất Linh này, chúng tôi đã nhận được rất nhiều đóng góp ý kiến, tài liệu, hình ảnh, bài vở của quý văn hữu, thân hữu và gia đình của nhà văn, Thế Kỷ 21 xin chân thành cảm tạ quý vị.

Một số các mục thường lệ phải gác lại để nhường chỗ cho chủ đề của số này. Điều này cho thấy khuôn khổ một tờ báo thì có hạn mà những vấn đề và tài liệu về Nhất Linh thì quá phong phú và mênh mông. Trong một số báo tưởng niệm, chỉ có thể đề cập tới một số nét tạm gọi là điển hình, còn nghiên cứu toàn diện một nhân vật như Nhất Linh Nguyễn Tường Tam chắc chắn đòi hỏi một công trình quy mô hơn nhiều.

Cũng trong tháng Bảy năm 2002 này, cuốn trường thiên tiểu thuyết Xóm Cầu Mới của Nhất Linh được tái bản. Đây là cuốn tiểu thuyết được Nhất Linh cưu mang lâu nhất, đã viết đi viết lại năm lần kể từ khi khởi thảo năm 1940 cho đến khi in lần đầu vào năm 1958. Chính anh Nguyễn Tường Thiết là con trai của nhà văn đã đích thân đánh máy lại toàn bộ cuốn sách cho lần in này, dựa trên bản thảo viết tay của Nhất Linh mà anh đã mang sang Mỹ được vào năm 1975. Nhờ thế những sai sót của lần in trước (khá nhiều) đã được sửa chữa.

Hai chương Bắn Vịt Trời và Bác Hòa Hàng Cơm của Xóm Cầu Mới đã được phép trích đăng trong Thế Kỷ 21 số tưởng niệm Nhất Linh này.

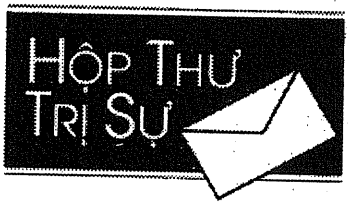

Độc giả gia hạn và độc giả mới

Nguyen Manh Khai (CANADA), Nguyen Van Cuong (Oklahoma), Lib: Westminster Branch (Westminster, CA), Ha Nhu Tuong (Elk Grove, CA), Vinh Van Luu (Eldirdge, CA), Lib: Radio Free Asia (Washington DC), Gabe Gancarz Glenbard E High Sch (IL), Nguyen Van Ke Ba (San Diego, CA), Nga Tran (Houston, TX), Vo Van Thanh Jacques (FRANCE), Khac Kham Nguyen (San Jose, CA), Chau Ngoc Le (Dayton, OH), Resource Central SBS Radio (AUSTRALIA), Pham Hai (Camarillo, CA), Huynh Ngoc Dzung (Houston, TX), Le Dang Hac (Houston, TX), Le Van Huan (San Jose, CA), Ta Duy Phong (Houston, TX), Pham Gia Loc (NORWAY), Dr. Cuong Trong Bui (AUSTRALIA), Hoang Duy Hai (Santa Ana, CA).

Độc giả thay đổi địa chỉ

Pham Gia Khanh (FRANCE).

TIỂU SỬ NHẤT LINH

Nhất Linh tên thật là Nguyễn Tường Tam, sinh ngày 25 tháng 7 năm 1906, tại huyện Cẩm Giàng tỉnh Hải Dương, trong một gia đình sáu trai, một gái. Trừ người anh cả Nguyễn Tường Thụy, là công chức không dính líu đến văn nghệ và chính trị, từ người anh thứ hai Nguyễn Tường Cẩm, mất tích ở gần Hà Nội, đến Nhất Linh - Nguyễn Tường Tam, Tứ Ly Hoàng Đạo - Nguyễn Tường Long, Nguyễn Thị Thế, Thạch Lam - Nguyễn Tường Lân và bác sĩ Nguyễn Tường Bách, đều là những người tham dự vào văn chương. Nguyễn Thị Thế và Nguyễn Tường Bách viết hồi ký về gia đình Nguyễn Tường; và năm anh em Nhất Linh có những đóng góp tích cực trong việc quản trị các cơ sở báo chí, xuất bản và nhà in của Tự Lực Văn Đoàn.

Cuối năm 1923 đậu bằng Cao Tiểu. Làm thư ký sở tài chính Hà Nội, kết duyên văn nghệ với Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu, viết *Nho Phong*. Lấy vợ và theo ban cao đẳng. Lúc đầu, năm 1924 học thuốc được một năm thì bỏ, chuyển sang học Mỹ Thuật, được một năm cũng bỏ.

1927 du học Pháp. Đậu cử nhân khoa học. Ở Pháp ông nghiên cứu về nghề báo và nghề xuất bản. Về nước, từ 1930 đến 32 Nguyễn Tường Tam dạy tư ở các trường Thăng Long và Gia Long, quen với Trần Khánh Giư - Khái Hưng. Sẵn có tờ Phong Hóa của giáo sư Phạm Hữu Ninh vừa đình bản, Nhất Linh mua lại và tục bản tờ Phong Hóa, kể từ ngày 22 tháng 9 năm 1932.

Tự Lực Văn Đoàn được thành lập năm 1933 với bảy người: Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam, Hoàng Đạo, Tú Mỡ, Nguyễn Gia Trí và Thế Lữ.

Năm 1936, Phong Hóa bị đóng cửa vì Hoàng Đạo viết bài châm biếm Hoàng Trọng Phu. Tờ Ngày Nay -trước đã ra kèm với Phong Hóa- tiếp tục và kế tiếp Phong Hóa.

Năm 1939 Nguyễn Tường Tam lập đảng Hưng Việt, sau đổi thành Đại Việt Dân Chính. Hoạt động chống Pháp của nhóm Tự Lực trở thành công khai. Năm 1942 Nhất Linh chạy sang Quảng Châu, Trung Quốc.

Thời điểm năm 1946, Nguyễn Tường Tam hợp tác với chính phủ liên hiệp, giữ ghế bộ trưởng ngoại giao, cầm đầu phái đoàn Việt Nam dự hội nghị trù bị Đà Lạt. Được cử làm trưởng phái đoàn đi dự hội nghị Fontainebleau, nhưng ông từ chối và bỏ sang Tầu, gặp cựu hoàng Bảo Đại, và ở lại Trung

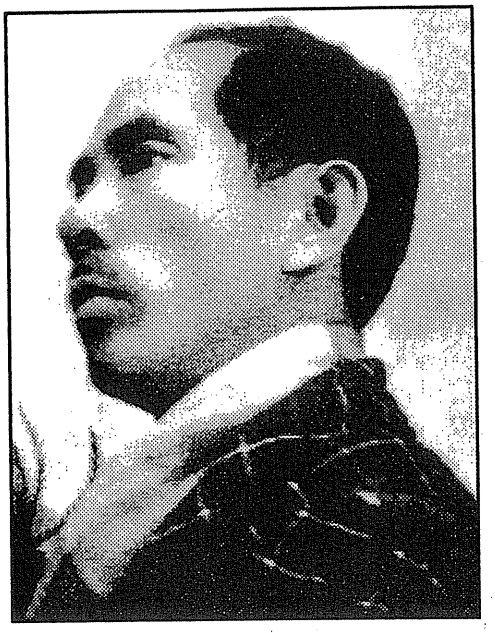

Hoa bốn năm.

Năm 1951, ông trở về Hà Nội và tuyên bố không thuộc đảng phái nào, không hoạt động chính trị. Vài tháng sau, vào Nam, mở nhà xuất bản Phượng Giang, tái bản những sách Tự Lực Văn Đoàn.

Năm 1953 lên Đà Lạt ở ẩn, sống với hoa lan ven suối Đa Mê.

1958 rời Đà Lạt về Sài Gòn, chủ trương tờ Văn Hóa Ngày Nay, phát hành được 11 số thì bị đình bản.

Dính líu đến vụ đảo chính ngày 11 tháng 11 năm 1960, ông bị chính quyền Ngô Đình Diệm gọi ra xử ngày mùng 8 tháng 7 năm 1963. Nhất Linh uống thuốc độc tự tử ngày mùng 7 tháng 7 năm 1963.

Trong 40 năm hoạt động văn học và chính trị, Nhất Linh đã hoàn thành trên 20 tác phẩm, và những sách sau đây đã được xuất bản:

Nho phong, viết năm 1924; *Người quay tơ*, 1926; *Anh phải sống*, viết chung với Khái Hưng 1932-1933; *Gánh hàng hoa*, viết chung với Khái Hưng 1934; *Đời mưa gió*, viết chung với Khái Hưng 1934; *Nắng thu*, 1934; *Đoạn tuyệt*, 1934-1935; *Đi Tây*, 1935; *Lạnh lùng*, 1935-1936; *Hai buổi chiều vàng*, 1934-1937; *Thế rồi một buổi chiều*, 1934-1937; *Đôi bạn*, 1936-1937; *Bướm trắng*, 1938-1939; *Xóm Cầu Mới*, 1949-1957; *Viết và đọc tiểu thuyết*, 1952-1961; *Giòng sông Thanh Thủy*, 1960-1961.

TƯỞNG NHỚ ANH NHẤT LINH

Viễn Sơn NGUYỄN TƯỜNG BÁCH

Các anh em trong tạp chí Thế Kỷ 21 muốn tôi viết một bài về anh Nhất Linh Nguyễn Tường Tam.

Nhưng biết viết thế nào đây, vì Nhất Linh không những là người anh ruột thịt của tôi, mà là anh em cùng chung một con đường trong sự nghiệp văn học, báo chí và cách mạng, đã cùng chung nhiều thành công và thất bại, cùng chung gian truân và nguy hiểm trong ba chục năm trường, và sau đó cuối cùng đã phải gạt nước mắt để chia tay trong bước lưu vong.

Cuộc đời và những công tích của Nhất Linh, và những tác phẩm văn chương, chắc nhiều người đã rõ; về mặt gia đình và hoạt động, nếu có ai đã đọc qua cuốn Hồi ký "Việt Nam, một thế kỷ qua phần I và II" của tôi, chắc hiểu rõ quan hệ trong gia đình Nguyễn Tường, quan hệ giữa Nhất Linh và tôi hơn.

Mỗi lần, khi nhớ tới Nhất Linh hay Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long, thì những điều quá khứ lại dồn dập trong đầu óc tôi, cả những vui buồn và bi thương ngày xưa lại hiện ra trước mắt, trong bối cảnh lịch sử tang thương của cả một dân tộc.

Ở đây, tôi không có ý thuật lại tất cả, vì đó là cả một khoảng lịch sử Việt Nam; tôi cũng sẽ không bàn về văn chương của Nhất Linh, vì chắc đã có người làm. Tôi chỉ xin nhắc lại mấy đoạn nhớ lại vài mốc trong lịch trình hoạt động của anh.

Chúng tôi sinh ra vào quãng đầu thế kỷ thứ 20, tại một vùng đồng quê miền Bắc. Chính cái khung cảnh ấy, và sống dưới chế độ thực dân Pháp, cùng với những cảnh ngộ rối ren, những sự chống chọi nhau trong xã hội giữa những quan niệm thủ cựu cùng những luồng tư tưởng canh tân mới, những phong trào giành độc lập và tự do, cùng những đàn áp tàn bạo của nhà cầm quyền, đã ảnh hưởng tới một số thanh niên trí thức, trong đó có Nhất Linh. Vì thế, nguyện vọng cải tiến xã hội rất sớm đã khiến anh bước vào viết văn và hoạt động.

"Nho Phong" và "Giấc Mộng Từ Lâm," hai tác phẩm đầu tay của anh đã bắt đầu tỏ ra tài hoa chớm nở của nhà văn sau này. Sau đó anh đi du học bên Pháp; anh học được bao nhiêu vật lý, hóa học thì không rõ, nhưng chắc chắn là anh đã hấp thu được những luồng tư tưởng phóng khoáng, tự do và dân chủ, và quyết tâm mang những điều đó để áp dụng vào xã hội Việt Nam. Đó là nguyên nhân tại sao Nhất Linh và Hoàng Đạo, và một số anh em khác đã cố ra tờ báo Phong Hóa, rồi Ngày Nay.

Một hôm, vào buổi tối, tháng 2 năm 1930, 72 năm về trước, Nhất Linh và tôi đương ngồi đọc sách tại gian phòng ngoài tại phố Giám, Hànội. Độ gần 10 giờ đêm, bỗng đột ngột có mấy tiếng nổ lớn vẳng từ xa tới. Tiếng gì đây? Không phải tiếng súng. Sau đó vài phút, lại có mấy tiếng nổ nữa, nhưng rời rạc hơn và nhanh chóng tắt hẳn; trong sự im vắng của cả thành phố. Chúng tôi hé cửa sổ nhìn xuống đường phố, không một bóng người, rồi rất nhanh có những tiếng đập gót giầy của quân Lê dương một đội quân đặc biệt của Pháp hồi ấy- chạy tới rồi chia nhau từng tốp gác các ngả đường, trong khi mọi nhà đều đóng cửa kín mít.

Đó là tiếng tạc đạn nổ do mấy chiến sĩ anh hùng ném vào sở Cảnh sát Hàng Đậu. Cuộc tấn công này đã thất bại, song những tiếng nổ ấy đã in sâu vào trong trí óc anh em chúng tôi, không bao giờ quên.

Rồi sau, cuộc khởi nghĩa Yên Bái oanh liệt, đã thất bại và bao nhiêu chiến sĩ đã bị đàn áp dã man. Tử hình, khổ sai, đi đầy... Nhưng tinh thần bất khuất cao cả của Nguyễn Thái Học và các liệt sĩ Việt Nam Quốc Dân Đảng đã thúc dục mọi người Việt đứng lên giành lấy tự do, độc lập không sợ hi sinh, gian khổ.

Tinh thần cao cả này cũng đã ảnh hưởng tới mọi lĩnh vực văn hóa xã hội. Đó là tinh thần đấu tranh, tinh thần vị tha, không mưu danh lợi cá nhân. Thiếu một tinh thần cao thượng vị tha ấy, thì không thể có tác phẩm văn hóa có giá trị chân

chính, và dù có chẳng qua chỉ là để giúp vui cho độc giả một vài trống canh mà thôi.

Muốn hiểu toàn diện con người và nhà văn Nhất Linh cần phải hiểu biết toàn diện: Hai tờ Phong Hóa, Ngày Nay không phải là những tờ báo bình thường, mà là tờ báo có tâm hồn cao thượng, vô úy - dám chống lại với những thứ xấu xa, bất công và hủ lậu, và đề xướng những cái mới, bình đẳng và có tinh thần dân chủ. Những cây viết lại đều có tài hoa xuất chúng. "Đoạn Tuyệt" là tác phẩm tiêu biểu, đánh dấu thời kỳ Tự Lực Văn Đoàn.

Song, đối với Nhất Linh, như thế là chưa đủ. Chí nam nhi phải ở bốn phương. Cùng một số anh em - anh thành lập đảng Đại Việt Dân Chính, hoạt động bí mật chống Pháp.

Từ đó, ngoài việc chúng tôi cộng tác về báo chí, xuất bản, ba anh em lại càng gắn bó hơn nữa, anh Nhất Linh, Hoàng Đạo và tôi, trên con đường cách mạng chống đế quốc Pháp. Và tới năm 1941, anh và tôi phải xa nhau dưới khủng bố của thực dân, Nhất Linh chạy sang Trung Quốc, Hoàng Đạo, Khái Hưng bị đầy đi cải tạo, tôi phải lánh trốn một thời gian.

Mãi tới tháng 11-1945, chúng tôi mới lại gặp nhau. Anh đã trở về nước, cả ba anh em đều hoạt động trong Quốc Dân Đảng Việt Nam. Nhưng đến tháng 6 năm 1946, chúng tôi lại phải chia tay, vì sự đe dọa của Việt Minh cộng sản. Mặc dù lúc đó Nhất Linh là bộ trưởng bộ ngoại giao của chính phủ Liên Hiệp Việt Nam, sản phẩm của mấy đảng phái. Anh lại phải lánh sang Trung Quốc, còn tôi phải lên chiến khu - Đệ Tam Khu phụ trách chỉ huy ở đó.

Mệnh vận lại khiến chúng tôi gặp nhau tại Côn Minh, Vân Nam, Trung Quốc, cùng sống trong tình cảnh lưu vong. Năm sau, chúng tôi chuyển đến Quảng Châu để tiếp tục hoạt động chống Việt Minh và chống Pháp. Song tại đây, một sự mất mát và đau buồn vô tận cho chúng tôi đột ngột tới, đó là cái chết của anh Hoàng Đạo trên một chuyến xe hỏa từ Hong Kong về tháng 8-1948. Đặc biệt là đối với Nhất Linh, vì hai anh em gần gụi nhất từ nhỏ, và từng sát cánh mật thiết trong sự nghiệp văn hóa, cách mạng.

Sự tang tóc này khiến cho bệnh suy nhược thần kinh của Nhất Linh càng nặng thêm. Một ngày năm 1950, tôi ra Hong Kong tới chỗ anh ở trên một sườn đồi, bên cạnh một suối trong. Hai anh em nói chuyện rất lâu về tương lai. Anh khuyên tôi nên cẩn thận khi còn ở lại Quảng Châu, và tôi cũng tán thành việc anh trở về Hànội vì cần có người săn sóc. Anh ngần ngại - không muốn trở về khu Pháp chiếm. Nhưng cuối cùng, anh cũng đồng ý về nước với quyết tâm sẽ không tham dự hoạt động chính trị nữa, ít ra trong giai đoạn này.

Đó là lần cuối cùng anh em gặp nhau. Từ đó, không còn gặp nhau nữa. Mỗi người đi một ngả đường, nhưng cùng là sống trong nghịch cảnh - anh trong vòng kiềm tỏa của thực dân Pháp, còn tôi tại Trung Quốc, lúc đó đã ở dưới ách cộng sản. Mãi tới năm 1963, tôi đột nhiên được tin anh từ bỏ cuộc đời. Âm dương đôi ngả. Vĩnh biệt người anh mà tôi hằng yêu quý. Những đêm khuya vắng, tại nơi quê người, tôi đã hằng khóc - khóc người anh thân yêu, một người đi tiên phong trong làng văn Việt Nam, một nhà văn lỗi lạc, một người lãnh đạo cách mạng Việt Nam trong những lúc khó khăn gian khổ nhất, một người không màng danh lợi, chỉ biết mình có gì để cống hiến cho đất nước, cho đồng bào.

Thêm một lần nữa, lại là thất bại. Thất bại đã đến không ngừng cho những người yêu chuộng công lý, tự do. Nhưng tôi tin chắc người đời vẫn còn nhớ tới Nhất Linh, Hoàng Đạo như những con người có tâm hồn vô tư, cao cả, với tài hoa xuất chúng, những người dẫn đầu trong nền văn học Việt Nam. Chắc chắn là không bao lâu sau, chúng ta sẽ có những nhân tài mới xứng đáng là người kế tiếp cho sự nghiệp của anh Nhất Linh.

Nguyễn Tường Bách, 2002

Tháng 6-2002

ĐỌC BẢN THẢO CỦA NHẤT LINH

VÕ PHIẾN

Tên bài như trên chẳng qua là đặt cho gọn thôi. Nó mơ hồ, thiếu sót, có thể gây ngộ nhận. Tôi không từng "nghiên cứu", cũng chưa đọc được bao nhiêu bản thảo của Nhất Linh, để phát giác ra điều nào đáng kể trong sự nghiệp trước tác của ông.

Sự thực Nhất Linh đã viết nhiều sách, bản thảo những tác phẩm xuất bản trước 1954 không nghe nói có lưu giữ được không? nhiều hay ít? hiện tàng trử ở đâu? Còn lại là cái phần được in ở Sài Gòn sau đó. Trong phần bản thảo ấy tôi cũng chỉ có dịp đọc qua một số ít - rất ít - mà thôi.

Dù vậy sự tiếp xúc với những trang chữ của bậc tiền bối lỗi lạc từng sống một đời đầy dông bão và kết thúc đau thương, sự tiếp xúc ấy gây xúc động và nghĩ ngợi. Ở đây chỉ là dăm ba ý nghĩ căn cứ vào một số trang bản thảo may mắn được xem qua thôi.

Niềm vui

Thoạt tiên người đọc để ý đến điều này: là Nhất Linh thường ghi thời điểm bắt đầu viết mỗi tác phẩm, thậm chí có khi mỗi phần trong tác phẩm:

— Ở trang đầu bản thảo *Giòng sông Thanh Thủy*, có dòng chữ: "Khai bút ngày 26 tháng 11 năm 1960". Dưới đó, bằng nét chữ nhỏ hơn, màu mực khác hẳn, lại có câu: "Bắt đầu viết 28-11-60. Viết xong 28-1-61".

— Ở bản thảo cuốn *Viết và đọc tiểu thuyết*, nơi trang ghi phác sơ lược thứ tự dàn dựng toàn tác phẩm — từ "mấy lời nói đầu" đến "kết luận" — ông đề ngày 21-4-52. Nơi trang 1 (Mấy lời nói đầu) ông đề ngày 10-5-52 [1]. Nơi trang 21 (nói về Các nhân vật) đề ngày 26-6 v.v...

Ghi ngày ghi tháng: Chưa đủ. Có những trường hợp Nhất Linh còn ghi kỹ cả giờ, cả phút nữa!

— Ở trang đầu cuốn *Xóm Cầu Mới (Bèo giạt)* có hàng chữ: "Trên Núi, ngày 16 tháng 10 năm 1949, 1 g 30 trưa".

— Ở trang phác họa bìa cuốn truyện dài *Hai con mắt* có dòng chữ: "Vụt nghĩ ra 26-4-1961 – 11 giờ (12 tháng 3 năm Tân Sửu)".

"Trên Núi" là một chỗ ở Hương Cảng. "Trên Núi", hai chữ ấy đưa ra thêm một chuyện nữa: Là, ngoài thời điểm, lắm khi Nhất Linh còn ghi địa điểm sáng tác:

— Ở trang phác họa bìa cuốn truyện dài *Vui buồn* (trong bộ *Xóm Cầu Mới*) bản thảo viết lại lần thứ ba, có lời ghi: "Hàng Bè. 1951". Rồi ở trang đầu tiên cũng bản thảo này, bấy giờ lại mang tên *Xóm Cầu Mới*, có lời ghi: "Saigon – 1951. Viết lại lần thứ 4". Thì ra cùng trong một năm tác giả đã hăm hở viết lại đoạn sách này hai lần, ở hai nơi, và đã quyết định đổi cả nhan sách.

Bao nhiêu ghi chép ấy trên các bản thảo có ích lợi như thế nào? Ngày tháng, giờ giấc viết, nơi chốn đích xác mình từng ngồi viết ra câu nọ chuyện kia, những cái ấy một khi ghi nhớ rõ sẽ có đóng góp nào cho giá trị tác phẩm, cho công việc sáng tác? Tất nhiên những ký chú về hoàn cảnh biên soạn có ích lợi cho việc nghiên cứu văn học về sau; nhưng đối với chính tác giả thì tôi không có cơ hội nhận thức được cái ích lợi. Họa chăng có nhận thấy cái gì như thể một sự hài lòng, hứng chí, của tác giả khi bắt đầu và khi hoàn tất một tác phẩm.

Dù sao, những dòng chữ nói trên của Nhất Linh đã đưa tôi đến sự liên tưởng tới mấy sự kiện trong đời ông. Chẳng hạn:

— Trước 1945 cứ mỗi lần Nhất Linh in xong một cuốn truyện mới, dù bà có bận rộn công việc đến mấy ông cũng yêu cầu bà bỏ hết mọi việc để cùng ông đi bãi biển Sầm Sơn, cùng sống với nhau riêng biệt một thời gian; trong cảnh sống của những ngày vui thú ấy ông tập cho bà hút thuốc, uống rượu, uống trà tàu [2];

— Một bức ảnh Nhất Linh nằm võng giữa rừng, chụp để "kỷ niệm ngày khai bút *Xóm Cầu Mới* bên giòng suối Đa Mê, ngày 13-10-57" [3];

— Hôm 7-7-1963 ông tự tử. Việc làm đầu tiên trong cái ngày cuối cùng của mình là đích thân mang gói bản thảo tác phẩm chót đến nhà in *Trường Sơn* (do một người bạn văn chủ trương) để lo việc xuất bản [4] v.v...

Đọc những dòng chữ li ti ghi trên bản thảo của ông, rồi nghĩ lan man về chuyện nọ chuyện kia đã xảy đến trong đời ông, tôi mường tượng ra hình ảnh ông Nhất-Linh-cầm-bút: Một Nhất Linh hớn hở thấy rõ.

Việc vừa xuất bản được cuốn sách liền mang vợ (hay người yêu) đi Sầm Sơn, đi Đà Lạt, Vũng Tàu v.v... mấy hôm, việc ấy hồi còn trẻ chúng ta phần đông cũng có thể đã làm. Việc long trọng đề ngày "khai thần bút" viết tác phẩm đầu tay cũng vậy. Nhưng cái sôi nổi của tuổi trẻ qua rồi, công việc viết lách dần dần thành thói quen, có khi là thói quen nhạt nhẽo, buồn chán, có khi (tệ hơn) là lao tác nhọc nhằn (như mấy trang bắt buộc mỗi ngày phải nộp cho nhật báo); bấy giờ chắc không mấy ai còn hứng thú ghi nhớ đoạn văn này viết tại đâu, vào giờ nào phút nào. Chắc thế.

Nhất Linh khi phải rời tòa báo ở 80 đường Quan Thánh Hà Nội ra đi, thì đã có hàng tá nhan sách ra đời, đã có hẳn một sự nghiệp văn học lẫy lừng. Thế mà gần như mỗi lần cầm cây bút lên ông đều hăm hở, đều lấy làm quan trọng. Ý này nẩy sinh trong đầu ông lúc mấy giờ, ngày nào, đoạn văn nọ viết ra vào hôm nào..., ông đều ghi nhớ. Ông mừng dòng chữ đầu tiên, ông mừng dòng chữ cuối cùng của mỗi tác phẩm. Trong xây dựng công trình kiến trúc thì đặt viên đá đầu tiên là chuyện long trọng, rồi vui mừng khánh thành càng long trọng. Trong xây dựng tác phẩm văn nghệ ở Nhất Linh, mỗi bước mỗi như thế.

Vừa rồi có nói đến những người thấy viết lách lâu ngày thành thói quen nhàm chán. Đó chẳng qua là một phương diện của thái độ tiêu cực. Lại có phương diện khác, ngược lại. Của các vị nhận thấy viết văn là việc cực quan trọng: là nhiệm vụ, là sứ mệnh, là cái nghiệp, là nghiệp vụ, nghiệp dĩ, nghiệp ... chướng [5] v.v... Một số các vị khác thấy trước tác là cái lớn lao, thiêng liêng, nhưng là việc cực nhọc, nguy hiểm (!), đòi hỏi sự hi sinh: trong văn có lửa trong thơ có thép có máu, cầm bút cũng như cầm gươm cầm súng...

Trước các bản thảo của Nhất Linh, không thể hình dung ra một con người uể oải chán ngán vì thói quen, cũng không thể nghĩ đến vẻ thê thảm của kẻ mang nghiệp chướng, và cũng không thấy ra hình ảnh một chiến sĩ lừ lừ... Tôi lại tưởng tượng ra một người đang khoái chí.

Khoái chí, tiếng ấy nghe có chỗ hỗn láo? Nó gợi một ý hồn nhiên của trẻ thơ, ít ra cũng một vẻ mừng rỡ trẻ trung. Đàng này, Nhất Linh bấy giờ đã thuộc lớp tuổi cao niên, trên đường văn nghiệp ông đã đến cái đỉnh của danh vọng. Thế nhưng mỗi lần viết ông còn náo nức. Ông viết mà sung sướng thấy rõ. Cảnh tượng ấy thật cảm động.

Vả lại trẻ trung hay trẻ thơ, náo nức hay sung sướng, thì có gì ngại phô bày? Ông Thánh Thán hể hả la lối om sòm khi gặp bất cứ niềm vui cỏn con nào, sao ta lại dè dặt vì niềm vui sáng tác? Năm 1950, ngày 13 tháng 3, Nhất Linh viết xong chương XII của bộ *Xóm Cầu Mới*. Bốn mươi hôm sau, ông ghi lên bản thảo mấy chữ: "Sáng 23-4 đọc lại: I am satisfied with me." Câu Anh văn ấy, nếu dịch ra giọng Thánh Thán thì là: "Bất diệc lạc hồ?" Cùng câu ấy nếu đem ra diễn nôm theo giọng bình dân Nam bộ sẽ thành ra: "Tôi khoái tôi quá chời!" chứ còn gì nữa? Tự nhiên thôi.

Nhất Linh nhiều lần nói đến cái sung sướng ở kẻ khác. Cô Mùi là một trong mấy "cục cưng" của Nhất Linh. Ông thấu hiểu hết ruột gan của cô gái ấy. Lúc cô ta bắt gặp mấy chữ trong bức thư của Siêu bộc lộ tình yêu, Mùi bị một "cái sung sướng đột ngột nó như từ ở một nơi xa nào ùa vào tràn ngập cả tâm hồn". Nỗi sung sướng còn phát ra... mùi thơm! "Trong gió thoảng mùi lúa chín thơm và nỗi sung sướng của nàng, Mùi thấy cũng thơm như mùi lúa." [6]

Tôi tưởng tượng ngày 12 tháng 3 năm Tân Sửu lúc 11 giờ, khi cái ý về cuốn truyện *Hai con mắt* vụt thoáng qua trí Nhất Linh và ông cũng "vụt" ghi ngay lên giấy sự việc ấy; lại tưởng tượng lúc 1 giờ 30 phút trưa ngày 16 tháng 10 năm 1949 ở chỗ "trên núi" tại Hương Cảng khi ông ghi mấy lời vào trang đầu bản thảo *Xóm Cầu Mới*, thì hẳn là nỗi sung sướng trong lòng ông cũng đột ngột thơm lên chăng?

Ở đời lắm kẻ bảo mình có duyên tiền định đối với chữ nghĩa, không sao rời được văn thơ; tuy vậy gặp được một chứng cứ viết lách hào hứng mê say như Nhất Linh không dễ đâu.

Trong trường hợp ông, chứng cứ là bộ *Xóm Cầu Mới*. Khi bắt đầu đăng báo, tác giả viết "Mấy lời nói đầu", cho biết bộ trường giang tiểu thuyết ấy dài gần vạn trang, hiện đã thảo sáu cuốn, mong sẽ viết độ hai chục cuốn nữa, trong đó có truyện dày tới nghìn trang, có truyện hai ba trăm trang [7]. Dự định một vạn trang sách rồi không thực hiện được. Mười năm sau khi tác giả qua đời, bộ *Xóm Cầu Mới* được ấn hành làm hai cuốn, dày 713 trang.

Chừng ấy trang sách đâu phải thảo ra một hơi là xong. *Xóm Cầu Mới* lần đầu viết năm 1940 tại Hà Nội; lần thứ hai năm 1943 tại Quảng Châu (Trung Hoa), lần thứ ba năm 1949 tại Hương Cảng (Trung Hoa), lần thứ tư năm 1951 tại Hà Nội, lần thứ năm năm 1957 tại Fin Nôm (Đà Lạt) [8].

Trong lịch sử văn học ở nước ta có được bao

nhiêu câu chuyện viết văn làm thơ mà năm lần bảy lượt như vậy? Đến lần thứ năm, cái viết vẫn còn đầy hứng thú. Cứ trông tấm hình kỷ niệm và dòng chữ bên dưới thì biết.

Đến đây có lẽ nên dừng lại chút xíu trước một chi tiết: Từ 1940 đến 1957 là 17 năm. Chừng ấy thời gian cho một pho truyện: lâu quá. Thật ra *Xóm Cầu Mới* là một chứng cứ mê say của Nhất Linh, không phải một chứng cứ viết chậm.

Chúng ta đã biết tác giả có ghi trên bản thảo *Giòng sông Thanh Thủy* rằng bộ truyện này bắt đầu ngày 28-11-60, viết xong ngày 28-1-61: Hai tháng. Bộ truyện gồm ba cuốn: cuốn đầu (*Ba người bộ hành*) dày 192 trang, cuốn sau (*Chi bộ hai người*) 135 trang, cuốn chót (*Vọng quốc*) 147 trang. Non năm trăm trang sách ấy viết trong một hoàn cảnh đặc biệt: Trước khi Nhất Linh bắt đầu bộ sách 17 hôm là ngày xảy ra chính biến 11-11-60. Truyền đơn Mặt trận Quốc Dân Đoàn Kết do ba nhân vật đứng tên: Phan Khắc Sửu, Nguyễn Xuân Chữ, Nguyễn Tường Tam. Mặt trận thất bại, Nhất Linh bỏ nhà trốn lánh, hơn một năm trời nay đây mai đó, gia đình không rõ tung tích.

Xóm Cầu Mới là sách viết chạy, *Giòng sông Thanh Thủy* là sách viết chui. Tình cảnh cùng gian truân cả. Cuốn sách viết nhanh lại là cuốn được tác giả thích ý. Ông ước mong sách được dịch ra tiếng Anh, tiếng Pháp. Trên trang đầu của bản thảo, ngoài bốn chữ *Giòng sông Thanh Thủy* ông còn tự mình dịch sẵn nhan sách ấy ra ba thứ tiếng khác: *Thanh Thủy hà* (chữ Hán), *La rivière claire* (Pháp) và *Limpid water river* hay *Clear water river,* hay *Clear river* (Anh).

Eudora Welty là một tiểu thuyết gia Hoa Kỳ đồng thời với Nhất Linh; bà vừa mới qua đời. Ngày nhỏ, bé Eudora chưa viết được truyện (dĩ nhiên!), chỉ ham nghe kể truyện, nghe mê mẩn. Lớn lên, khi được bảo cho biết rằng truyện là do có kẻ viết ra chứ không phải tự nhiên sinh ra như cỏ dại, bà kinh hãi và thất vọng quá chừng.

Bà Welty ấy nếu được biết luôn đến trường hợp viết truyện của Nhất Linh — viết đi viết lại, viết chụp giựt trong cảnh trốn lén — thì bà còn hồn vía còn bụng dạ nào dám viết tiểu thuyết nữa!

Nỗi khổ

Nhất Linh, hễ cứ viết là ông thấy vui sướng. Như vậy ông phải là kẻ sung sướng nhất đời, sung sướng không ai can nổi.

Đòi có nhà lầu xe hơi tiền muôn bạc triệu mới

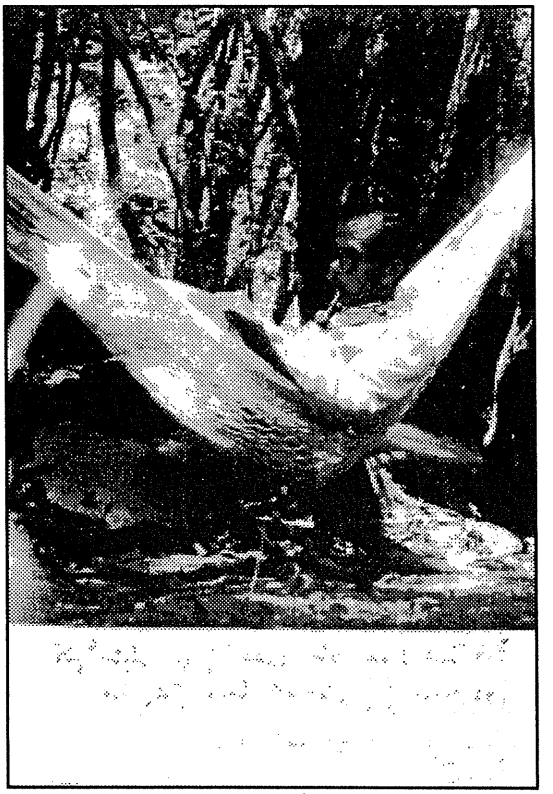

Kỷ niệm ngày khai bút Xóm Cầu Mới bên dòng suối Đa Mê, ngày 13-10-1957. Nhất Linh"

thấy sướng, đòi có quyền cao chức trọng mới thấy vui thì khó. Chứ đối với người chỉ cần một gian nhà nhỏ bên suối, với cơm ba bữa mỗi ngày, một cái võng, một ống tiêu, với một cây bút, thì họa chăng có ông Tần Thủy Hoàng sống dậy mới bắt người ấy khổ được thôi. Ngoài ra, ai bắt được?

Ấy vậy mà Nhất Linh rất khổ. Trong văn giới xưa nay hiếm ai khổ bằng ông.

Hoàng Xuân Hãn lần đầu biết Nguyễn Tường Tam vào dịp hai vị cùng tham dự vào phái đoàn Việt Nam trong cuộc họp với Pháp ở hội nghị Đà Lạt. Bấy giờ — năm 1946 — Nguyễn Tường Tam là bộ trưởng bộ Ngoại Giao, chủ tịch phái đoàn Việt Nam (Võ Nguyên Giáp là phó trưởng đoàn). Nhận xét về phong độ Nguyễn Tường Tam, ông Hoàng Xuân Hãn viết: "Cử chỉ lễ độ, ăn nói chững chàng, trong buổi xã giao hội họp với kẻ chức trách, hoặc phái viên Pháp, ảnh đã có thái độ cử chỉ đoan nghiêm và đúng mức, không làm thẹn chức vụ bộ trưởng Ngoại Giao và chủ tịch phái đoàn Việt Nam" [9]. Về ngoại dạng, ông chú ý đến "đôi mắt to nhưng ra vẻ mệt nhọc hay chán chường".

Trong năm 1946 Nguyễn Tường Tam rời Việt Nam sang Trung Hoa ở cho đến 1951. Tình trạng tệ hơn. Ông Nguyễn Tường Bách nhận xét: "Anh

Tam hồi ấy có lẽ vì mệt mỏi nên mắc bệnh suy nhược thần kinh. Mọi người chủ trương anh phải tịnh dưỡng một thời gian, không nên tham gia những hoạt động có thể đưa lại những kích thích quá mạnh" [10].

Năm 1954, Nguyễn Ngu Í đến gặp Nhất Linh để thực hiện một cuộc phỏng vấn, ở Sài Gòn. Nhớ lại bức ảnh in trong một cuốn sách *Đời Nay* trước kia, so với ông Nhất Linh bây giờ trước mặt mình, Ngu Í "bùi ngùi vô hạn". "Anh dường như yếu nhiều, và chẳng những tay anh hơi run, mà phía dưới hai gò má anh cũng giựt lia, giọng anh liu líu, hơi nói chẳng được dài. Và cả người anh một cái gì mệt mỏi, chán chường." [11] Run rẩy, giựt lia, liu líu v.v...: Bùi ngùi vô hạn là phải.

Các vị trên đây dẫu sao chỉ ghi nhận cảm tưởng qua các cuộc gặp gỡ. Người con trai út của Nhất Linh — anh Nguyễn Tường Thiết — từng sống bên cạnh cha một thời gian dài sau 1951 đã biết thêm những điều thầm kín đau đớn. Tháng 4-1951, Nhất Linh với anh là Nguyễn Tường Thụy vào ở Sài Gòn. Anh em cùng ở một nhà. Nguyễn Tường Thiết kể: "Nhất Linh thường viết trong đêm khuya khoắt. Những khi giật mình thức giấc nửa đêm tôi thường thấy, qua khe cửa, đèn trong phòng ông còn bật sáng. Có đêm lũ chúng tôi lồm cồm bò dậy vì có tiếng khóc trong phòng cha tôi. Tiếng khóc lúc đầu còn nhỏ sau lớn dần không kìm hãm được. Lũ chúng tôi ngơ ngác nhìn nhau (...). Sau này tôi biết ông đã khóc âm thầm nhiều đêm vào những dịp khác. Không ai có thể đoán biết ông khóc cái gì, ngay cả mẹ tôi cũng không thể nào biết được. Nhưng sự khám phá này đã gieo vào tuổi thơ của tôi một ấn tượng mạnh mẽ, rằng cha tôi là một người cô đơn và đau khổ. Ngoài ra những giấc mơ kỳ lạ và kinh hãi cũng được tôi hình dung thấy qua giấc ngủ của ông, qua cách ông trằn trọc ú ớ trong đêm."[12]

Năm 1954 Nhất Linh sang Pháp chữa bệnh. Từ Pháp về, sống ở khu phố chợ An Đông ít lâu, rồi ông lên Đà Lạt ở luôn mấy năm. Vẫn theo lời Nguyễn Tường Thiết thì dạo này ông khỏe mạnh.

Tuy vậy cái khóc của Nhất Linh thì vẫn còn.

Sau 1975, cùng sống với nhau ở tiểu bang Minnesota (Hoa Kỳ) vài năm, tôi được nghe ông Vũ Khắc Khoan nhắc đến một kỷ niệm về Nhất Linh: Một buổi chiều ở Sài Gòn ông Vũ có dịp ngồi nói chuyện với Nhất Linh, trong phòng chỉ có hai người. Bấy giờ là đầu thập niên 1960, Sài Gòn xôn xao không khí chính biến. Ông Vũ tỏ ý lo ngại tới sự an toàn của Nguyễn Tường Tam. Ông Nguyễn bảo rằng thực ra lúc này ông không trực tiếp hoạt động chính trị, chẳng qua bạn bè và đồng chí cũ có điều gì hỏi đến

thì ông góp ý thôi. Ông Vũ nói mình biết có những người hoặc bị tù tội hoặc đã hi sinh tính mạng vì sự tin tưởng vào ông (Nguyễn) đấy. Không nghe đáp lại. Lát sau, ông Vũ quay nhìn, thấy ông Nguyễn đang khóc lặng lẽ.

Niềm đau khổ âm thầm của Nhất Linh, trước kia người thân trong gia đình không thấu hiểu nguyên do. Về sau, nguyên do tự hé lộ: gốc nguồn là từ những hoạt động chính trị.

Năm 1946 tại hội nghị Đà Lạt, một hôm Nhất Linh ốm, nằm trong phòng, Hoàng Xuân Hãn đến thăm, trò chuyện. Nhất Linh bảo: "Những việc chính trị, thôi để các anh làm. Còn tôi thì về với văn hóa mà thôi." [13] Độ mười năm sau, khi sống tại Đà Lạt, có hôm bỗng nhiên ông buột miệng nói ra và Nguyễn Tường Thiết ghi nhớ: "có một lần hiếm hoi ông đã tiết lộ với chúng tôi là thời gian khổ sở nhất trong cuộc đời của ông là lúc ông đảm nhận chức vụ bộ trưởng bộ Ngoại Giao trong chính phủ Liên Hiệp." [14]

Với Hoàng Xuân Hãn, Nhất Linh bảo anh làm chính trị tôi làm văn hóa thôi. Sau đó, chính Hoàng Xuân Hãn về với văn hóa mà Nhất Linh lại dây dưa dính mãi vào chính trị. Với con, Nhất Linh bảo ông khổ nhất là lúc làm bộ trưởng. Sau đó cái khổ nhất lại đến với ông lúc ông đứng ngoài chính quyền, không còn giữ một chức vụ gì cả. Khổ nhất hẳn là việc tự hủy mình.

Văn nghệ với chính trị là hai yếu tố chính trong đời Nhất Linh. Ngày 7-7-1963, vào khoảng 4 giờ chiều ông uống thuốc độc thì 11 giờ trưa trong lúc cha con trò chuyện lần sau cùng, Nguyễn Tường Thiết (không biết đến ý định quyết liệt của cha) đã gợi ý ông viết hồi ký; ông bảo chuyện ấy ông có nghĩ tới hồi 1958 ở Đà Lạt: "Cậu dự tính viết ba quyển: cuộc đời làm báo và viết văn của Nhất Linh, cuộc đời làm cách mạng của Nguyễn Tường Tam và quyển thứ ba cậu viết về hoa phong lan. Nhưng về đây cậu bận vì tờ *Văn Hóa Ngày Nay* nên chỉ viết được cuốn *Viết và đọc tiểu thuyết*, sau đó lại dính vào những rắc rối chính trị, không có tâm đâu mà viết (...) Chuyện chính trị nhiều khi cái không khí nó bắt buộc mình phải tham gia, như cái tình trạng hồi Pháp thuộc, lúc đó, nếu cậu không đứng ra làm việc nước thì trong lòng áy náy chẳng làm được chuyện gì khác. Nhiều khi người ta bị đẩy tới guồng máy hoạt động một cách rất giản dị không ngờ, rồi như những bánh xe ăn khớp nhau, họ bị đẩy dần vào vòng trách nhiệm. Ngay cả hồi chơi hoa phong

lan ở Đà Lạt, cậu vẫn thấy mình không thể đứng ngoài vòng trách nhiệm ấy, nên phải về hoạt động lại ở Sài Gòn. Chính vì thế làm chính trị lúc tiến thì dễ lúc rút thì khó." [15]

Cách cái chết năm tiếng đồng hồ, Nhất Linh tóm tắt đời mình vào ba việc, trong đó phong lan là cái chơi, hai việc kia là cái làm: văn chương và chính trị. Một bên là niềm vui, một bên là nỗi khổ. Một bên muốn tiếp tục mà không được, một bên muốn rút lui lại không khỏi. Một bên đưa tới bộ *Xóm Cầu Mới*, một bên đưa tới bộ *Giòng sông Thanh Thủy*, hai tác phẩm cuối cùng của ông.

Xin trở lại mấy trang bản thảo.

Năm 1958, khi cho đăng *Xóm Cầu Mới* trên báo, tác giả viết "Mấy lời nói đầu", trong đó có câu: "Cứ đọc những truyện dài trên kia, các bạn cũng đã lĩnh hội được phần nào cái ý chính của toàn bộ, nghĩa là không có ý chính gì cả ngoài cái ý tả cuộc đời về đủ mọi mặt" [16].

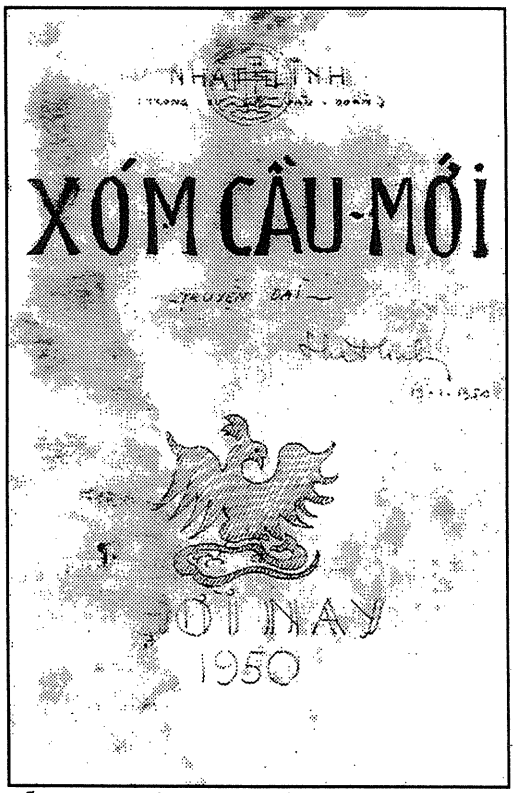

Mẫu bìa Xóm Cầu Mới do Nhất Linh vẽ.

Sau đó, viết *Giòng sông Thanh Thủy*, Nhất Linh lại lấy làm quan trọng về cái ý truyện. "Sau đó", tức ba năm sau: ngày 10 tháng 1 năm 1961. Hôm ấy ông đắn đo suy đi nghĩ lại, ông viết "ý truyện" một lần thứ nhất, rồi không vừa ý, ông gạch bỏ đi, lại viết "ý truyện" một lần thứ hai. Lúc ấy là 5 giờ sáng. Lần trước gạch bỏ bằng bút mực đen, xong lại gạch nữa bằng bút chì đỏ. Lần sau chỉ có nét gạch bằng bút chì đỏ thôi. Đến khi sách xuất bản, cả hai đoạn ý đều không được in ra.

"Ý truyện", viết đi viết lại nội dung gần như nhau. Xin lấy bản viết sau: "Mỗi người đều có một "kiếp" (*karma*); mọi hành động đều do những sức ngấm ngầm trong bản thân thúc đẩy. Cuộc đời mình đi vào con đường nào đều do sức thúc đẩy mà mình không tự biết ấy tuy mình vẫn tưởng là chính mình tự chọn. Khi đã đi vào con đường ấy, mình bị một "guồng máy vô hình" lôi cuốn, khó lòng thoát khỏi, chỉ việc noi theo, không nhận định được đâu là xấu đâu là tốt, đâu là sự thực đâu là sai lầm."

Mặc dù "ý truyện" không được in vào sách, ý truyện vẫn hiển lộ rõ ràng trong *Giòng sông Thanh Thủy* (Có lẽ chính vì sự hiển lộ quá rõ, quá đầy đủ trong truyện mà nó không cần được tách ra nêu ở đầu sách). Những ý tưởng (và cả từ ngữ) như kiếp, *karma*, xấu tốt đúng sai khó phân, guồng máy... đều có mặt trong truyện nhiều lần. Chữ "guồng máy" được nhắc đến khoảng ba chục lần. Ở "ý truyện", guồng máy chỉ lôi cuốn thôi, trong pho truyện guồng máy còn hung tợn hơn: nó là guồng máy khốc liệt (trang 55, cuốn III), nó kẹp nát nhừ (trang 145, cuốn I), nó nghiền nát (trang 12, cuốn II)...

Người đọc có cảm tưởng sau *Xóm Cầu Mới* Nhất Linh bị họa chính trị ám ảnh nặng. Nó uy hiếp cái viết của ông.

Sau vài chục năm viết truyện, Nhất Linh dần dần tìm ra, dựng nên, một lý thuyết về tiểu thuyết. *Bướm trắng* (1939) được viết theo một quan niệm mới, khác các cuốn trước. Đến năm 1942 ông bắt đầu viết hẳn ra một cuốn sách về các nguyên tắc hướng dẫn cách đọc và viết tiểu thuyết. Công trình sáng tác qui mô mà ông dự định bấy giờ được căn cứ trên những nguyên tắc ấy: *Xóm Cầu Mới* sẽ không có ý chính gì cả: trong hàng vạn trang sách sẽ chỉ có cuộc đời với nhân vật được mô tả cặn kẽ, thật đúng, thật sống động.

Dự định *Xóm Cầu Mới* vừa thực hiện non một phần mười thì ý truyện *Giòng sông Thanh Thủy* tràn tới, choáng hết tâm tư đầu óc ông. Ở đây có hẳn một ý chính, một quan niệm nhân sinh: mỗi người một kiếp, sức ngầm thúc đẩy, guồng máy lôi cuốn không thoát nổi, xấu tốt đúng sai không nhận định được...

Tư tưởng chỉ đạo ấy ám ảnh tác giả, khống chế tác phẩm. *Giòng sông Thanh Thủy* ba cuốn (*Ba người bộ hành, Chi bộ hai người, Vọng quốc*)

vừa xong, ý truyện *Hai con mắt* lại vụt đến. Cuốn sau này chưa viết được bao nhiêu, nhưng ở mấy trang bản thảo đầu đã thấy Thanh và Ngọc: câu chuyện của các nhân vật *Giòng sông Thanh Thủy* được tiếp tục.

Cuốn *Viết và đọc tiểu thuyết* viết từ 1952 đến 1960, bộ *Xóm Cầu Mới* viết lại rồi cho in lên báo năm 1958. Đến giai đoạn này Nhất Linh vẫn giữ một quan niệm. Theo quan niệm ấy, tiểu thuyết muốn viết về gì cũng được: xã hội, luận đề, trinh thám, ái tình, luân lý, tình cảm, triết lý... Được tất. Nhưng trước hết phải lo viết cho hay. Viết hay là tả đúng các trạng thái phức tạp của cuộc đời, đi thật sâu vào sự sống, tìm cho nhiều chi tiết về người và việc để tạo được những nhân vật sống động.

Sau giai đoạn nói trên, ở những tác phẩm viết sau 1960 người đọc có cảm tưởng luận đề nó xông vào ám ảnh tác giả, làm chủ tác phẩm. Người viết luôn nghĩ tới cái nghiệp của nhân vật này nhân vật nọ, cái guồng máy nó lôi cuốn anh này chị kia. Luận đề lại đóng vai trò lớn; biện giải, chứng minh, thành mối bận tâm lớn. Người làm chính trị khổ sở quay ra quấy phá người làm văn nghệ, quấy mạnh.

Nhất Linh gọi tên thủ phạm là cái guồng máy, tôi ngờ không hẳn vậy. Không chừng thủ phạm chính thị là... nạn nhân thôi. Ông vui sướng do tài năng, ông vừa viết vừa vui: đó là một phương diện của Nhất Linh. Về một phương diện khác, ông vừa làm vừa khổ, càng làm càng khổ: làm đây là làm chính trị, cái làm không thoát ra nổi.

Sự thực máy nó cuốn ông cách nào? Tôi nghĩ những lời ông thốt ra với con sát kề cái chết của mình là những lời tâm can, rất mực chân thành: "như cái tình trạng hồi Pháp thuộc, lúc đó, nếu cậu không đứng ra làm việc nước thì trong lòng áy náy chẳng làm được chuyện gì khác." Rồi máy nó cuốn vào, vì sao mà ông không rút mình ra được? — "Ngay cả hồi chơi hoa phong lan ở Đà Lạt, cậu vẫn thấy mình không thể đứng ngoài vòng trách nhiệm ấy, nên phải về hoạt động lại..." Nói cách khác, ấy cũng tại vì lòng ông lại "áy náy".

Trong đời Nhất Linh đã xảy ra nhiều chuyện phù hợp với những lời thốt ra cuối đời ấy. Chẳng hạn chuyện ông thi vào trường Mỹ Thuật, đậu đầu, mà học chẳng bao lâu lại bỏ học vẽ. Ba chục năm sau, Nguyễn Ngu Í hỏi lý do, Nhất Linh cho biết vì khi mang giá, cọ, màu về quê, thấy đời sống thôn quê khổ quá, tối tăm quá, cần phải làm gì giúp họ. Giá, cọ, màu không giúp kiến hiệu bằng báo chí. — Ấy là áy náy chứ còn gì nữa [17].

Lại chẳng hạn những tiếng khóc đêm đêm trong phòng riêng tại nhà người anh, tiếng khóc một chiều trước mặt Vũ Khắc Khoan... Ấy cũng do áy náy thôi. Còn vượt xa hơn sự áy náy.

Nhất Linh không thể không làm cái này, không thể rút lui khỏi việc kia, là do lòng ông cả, do cái tâm của ông cả. E không vì máy móc nào. Trong hoàn cảnh Pháp thuộc ông không đành lòng vui với cái vẽ cái viết; nhưng đâu phải xung quanh ông ai nấy đều bị máy nó hút cả? Hoạt động đã suy nhược người ra, đã lâm bệnh, mà ông không thể tự tách ra ngoài vòng trách nhiệm; nhưng đâu phải bấy giờ thiếu kẻ trùm chăn kín mít "cao thượng" quá trời, hay lánh ra nước ngoài thần trí thảnh thơi quá cỡ.

Ở Nhất Linh, chẳng qua cái tâm nó gây lụy cho cái tài. Chính ông hại ông, gỡ sao cho khỏi.

Một lần nọ tôi có dịp biết câu chuyện đã xảy ra cho anh Nguyễn Tường Thiết cách đây khoảng bốn mươi năm. Anh thi tú tài, vào khẩu vấn, môn Việt văn. Ông giáo sư xem thẻ học sinh, cho anh thí sinh họ Nguyễn Tường được chọn nói về tiểu sử một trong các nhà văn của Tự Lực Văn Đoàn. Bạn tôi chọn ngay Nhất Linh. Rồi anh tịt luôn, không nói được câu nào. Nói theo sách? Thì anh có học tiểu sử Nhất Linh trong sách giáo khoa bao giờ đâu? Còn kể lể về những kỷ niệm của đời sống gia đình thân mật giữa không khí cuộc vấn đáp ở trường thi thì kỳ cục quá.

Giả sử có cuộc khẩu vấn về tiểu sử mỗi người trước cửa thiên đình, chắc Nhất Linh — chính ông — lẫn lộn trong đám nhân vật lao nhao của mình, sẽ ấp úng than thở về nỗi bị kẹt vào máy liên miên, đến tàn đời. Các phán quan nhà Trời không thể không có cảm tình đối với một phát biểu khiêm tốn như thế. Nhưng chuyện ấy rối rắm, các ngài hẳn lấy làm khó tin.

Còn như bảo Nhất Linh chính bị mắc kẹt ngay vào cái tâm của mình, thì éo le quá. Nói vậy được sao?

Nói về Nhất Linh, bất giác nghĩ tới một tiểu thuyết gia khác, của Tây phương, hồi thế kỷ trước.

Mùa hè năm 1836 cậu bé Gustave Flaubert, bấy giờ 15 tuổi, tình cờ gặp bà Schlésinger. Hình ảnh người thiếu phụ ấy ám ảnh cậu ta mãi. Bà Arnoux — một nhân vật chính trong *Giáo dục tình cảm (L'éducation sentimentale)* — là biến dạng của bà Schlésinger. Năm 1843 Flaubert bắt đầu viết cuốn *Giáo dục tình cảm*, bản thứ nhất. Năm 1845, truyện viết xong, cất đấy. Nhưng G.

Flaubert thì chưa thoát khỏi sự ám ảnh của đề tài này. Ông tiếp tục đào sâu, thu thập tài liệu, đọc sách dữ dội, tích tụ những quan sát, ghi chép hàng ngày. Tháng 9-1864 ông khởi công viết một cuốn *Giáo dục tình cảm* khác. Ngày 15 tháng 5 năm 1869, lúc 8 giờ sáng, ông ngồi vào bàn, viết luôn một mạch tới 5 giờ kém 4 phút sáng hôm sau, tức ngày 16-5-1869, thì xong tác phẩm. Sách được xuất bản ngay cuối năm ấy: kể từ ngày bắt đầu viết nó là năm năm, kể từ khi bắt đầu viết cuốn *Giáo dục tình cảm* thứ nhất (1843) là hăm sáu năm, kể từ ngày gặp Schlésinger phu nhân (1836) tức ngày đề tài được "thai nghén", ôm ấp, là ba mươi ba năm. (Bản viết xong năm 1845, tác giả bỏ qua luôn; mãi ba chục năm sau khi ông qua đời mới có người cho in.) Cuốn *Giáo dục tình cảm* bản chính thức được ấn hành trong lúc sinh thời thì mỗi lần tái bản đều có sửa chữa thêm bớt liên miên. Ngay ở ấn bản cuối cùng trước khi G. Flaubert từ trần vẫn còn thấy nhiều ghi chú tu chỉnh của ông, chuẩn bị dành cho kỳ in tới: những chuẩn bị dở dang.

Từ nhân vật này nghĩ sang nhân vật nọ, không phải do một so sánh nào. Giả sử có thấy kẻ này xem ra say mê hơn người kia, tận tụy hơn, làm việc hết mình hơn v.v..., thì cũng không thể kết luận giản dị và dứt khoát. Hoàn cảnh mỗi nơi mỗi khác, mỗi thời mỗi khác, tình hình xứ sở mỗi nước mỗi khác, người cầm bút đâu có thể cùng một cách thế như nhau được. Muốn so sánh, họa chăng chỉ có thể nhặt nhạnh nêu lên một số sự kiện cụ thể thôi.

Chẳng hạn về việc sửa chữa của G. Flaubert. Hồi truyện viết xong, tác giả có đưa bản thảo cho Maxime Du Camp xem. Ông bạn này nêu ra 251 chỗ góp ý. Đối chiếu với bản in, thấy có chỗ Flaubert nghe theo, có chỗ ông bỏ qua. Theo dõi từng phản ứng có thể nhận ra lắm điều lý thú trong thái độ, trong quan niệm viết của ông.

Ba mươi năm sau khi G. Flaubert qua đời, D. L. Dumorest kiểm điểm và thấy qua các bản in cuốn *Giáo dục tình cảm* có cả thảy 495 chỗ sửa chữa. Có người cho rằng con số ấy còn thiếu sót. Dầu sao cái quan trọng không ở số lượng sửa chữa mà ở nơi xu hướng sửa chữa: Flaubert thêm vào 11 chỗ, lại bớt đi 420 chỗ; ông bỏ đi 125 chữ *mais* (nhưng mà), 39 chữ *alors* (bấy giờ), 32 chữ *et* (và), 31 chữ *puis* (rồi thì) v.v... Suy nghĩ về những chỗ con con như thế, có thể nhận ra đặc điểm của một văn phong; rồi không chừng phân tích những thêm bớt, chọn lựa nọ có thể thấy chúng hàm chứa một xu hướng đưa tới các diễn biến mới trong quan niệm tiểu thuyết v.v. và v.v... Đây đó không phải có kẻ từng cho rằng G. Flaubert đã báo hiệu phong trào tiểu-thuyết-mới sao?

Nhất Linh ra đi đã bốn mươi năm.

Ở đây không có ý so sánh người này với người nọ, nhưng tránh sao khỏi sự nghĩ ngợi về thái độ của mỗi tập thể văn giới đối với mỗi văn nhân, về thái độ mỗi thể chế chính trị đối với văn nghệ. Sau bốn mươi năm, sách của Nhất Linh có lúc bị cấm đoán chê bai, có lúc được cho phép xuất hiện. Nhưng xuất hiện giới hạn, từng phần. (Hiện nay ở trong nước phần được in sau 1945 vẫn bị chôn).

Còn khối bản thảo của Nhất Linh mà bảo rằng đã được đọc, được nhận xét thì... Tôi thấy việc làm của mình chỉ là khều vào, chứ đã xem xét suy cứu gì đâu. Thật nhảm nhí, hài hước. Cho nên ở đầu bài viết đã có lời phân bua, đến cuối bài vẫn còn "áy náy", lại kè nhè. Tôi mơ ước: Giá có ai đọc kỹ, đọc thực sự...

Tháng 8 – 2001

[1] Hay ngày 20-5-52? Chúng tôi không đọc được (V.P.)

[2] Nguyễn Tường Thiết, "Nhất Linh, cha tôi". Bài viết ở Sài Gòn, trước 1975, đăng lại trên tạp chí *Văn Học Nghệ Thuật*, California, Hoa Kỳ, bộ mới, số 3, tháng 7-1985.

[3] Tạp chí *Văn Học Nghệ Thuật* số đã dẫn. Sự thực về ngày chụp ảnh; đây không phải là ngày khai bút, mà là ngày bắt đầu viết lại lần thứ 5 cuốn *Xóm Cầu Mới* (Theo "Lời nhà xuất bản" *Phượng Giang* ở cuối quyển II bộ sách này, trong bản in lần đầu ở Sài Gòn).

[4] Theo thư của bà Nguyễn Thị Vinh viết ngày 2-6-2001.

[5] *Xóm Cầu Mới*, Xuân Thu tái bản ở Hoa Kỳ, trang 17.

[6] Xem cước chú số 5.

[7] Tạp chí *Văn Hóa Ngày Nay*, Sài Gòn, số 1, ngày 17-6-1958.

[8] "Lời nhà xuất bản", trong bộ *Xóm Cầu Mới*, Phượng Giang xuất bản ở Sài Gòn.

[9] Hoàng Xuân Hãn, *Một vài kí vãng về Hội nghị Đà Lạt* (Trích tập san *Sử Địa* số 23 và 24) Sài Gòn 1971. Tái bản tại Pháp do AVAC, năm 1987, trang 44.

[10] Nguyễn Tường Bách, *Việt Nam, những ngày lịch sử*, 1981.

[11] Nguyễn Ngu Í, *Sống và viết...* Ngày xanh xuất bản, Sài Gòn, 1966.

[12] Nguyễn Tường Thiết, "Nhất Linh, cha tôi", trong *Văn Học Nghệ Thuật*, tạp chí xuất bản ở Hoa Kỳ, bộ mới số 3, tháng 7-1985.

[13] Hoàng Xuân Hãn, sách đã dẫn, trang 59.

[14] Tạp chí *Văn Học Nghệ Thuật*, số đã dẫn, trang 295.

[15] Nguyễn Tường Thiết, "Nhất Linh, những giờ phút cuối", bài báo đăng lại trên tạp chí *Ngày Nay*., Texas, Hoa Kỳ, số 28, tháng 6-1983.

[16] Tạp chí *Văn Hóa Ngày Nay*, tập I, ra ngày 17-6-1958, tại Sài Gòn.

[17] Nguyễn Ngu Í, sách đã dẫn.

NHỮNG KỶ NIỆM RIÊNG VỚI NHẤT LINH NGUYỄN TƯỜNG TAM

TRƯƠNG BẢO SƠN

Để tưởng niệm Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, tôi không có ý nói về sự nghiệp văn chương hay chính trị của ông, việc này đã được nhiều nhà văn, nhà nghiên cứu viết. Tôi chỉ xin kể những kỷ niệm riêng màtôi và gia đình tôi còn nhớ được về ông.

Những kỷ niệm của tôi về cố văn hào rất nhiều, vì ngoài gia đình của ông, có lẽ, có thể nói gia đình tôi đã có cái hân hạnh được thân cận, làm việc với ông nhiều nhất, khi ở Trung Hoa, Hong Kong, khi ở Sài Gòn, Đà Lạt.

Khi ở Hong Kong, ông đã sống với gia đình tôi, về nước, ở Sài Gòn gần như hàng ngày ông đến với chúng tôi cùng làm việc, ăn nhậu, hoặc đi chơi đây đó. Khi ông ở Đà Lạt, trong gia đình một ông bạn thân là Lê Đình Gioãn, những ngày cuối tuần hoặc nghỉ lễ, chúng tôi thường lên thăm ông.

Cơ duyên nào đã khiến tôi được gặp gỡ để rồi trở nên một đồng chí thân tín của Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, người tôi hâm mộ từ thập niên 1930, khi mới 14-15 tuổi, mê đọc những báo Phong Hóa, báo Ngày Nay, và những tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn?

Lần đầu tiên tôi được gặp ông, tiếp xúc với ông là ở Chiến Khu của Việt Nam Quốc Dân Đảng (VNQDĐ), trong tỉnh Vĩnh Yên, sau khi ông từ chức Bộ trưởng Bộ ngoại giao trong chính phủ Liên Hiệp kháng chiến, trên đường ông đi sang Trung Hoa, ở Côn Minh, Trùng Khánh, rồi Thượng Hải, nơi đây tôi gặp ông lần thứ hai vào cuối năm 1946.

Nhất Linh Nguyễn Tường Tam người dong dỏng cao gần 1m80, trán cao, mắt sáng với đôi lông mày rậm, mũi cao, thẳng, đầu mũi thường hoe đỏ khi ông uống nhiều rượu. Ông để ria mép trông như người Âu. Hồi đó ông thường mặc một bộ quân phục Mỹ bằng gabardine màu kaki, ngoài khoác áo da, đi giày botte, trông như một quân nhân hơn là một văn gia chính khách. Ngoài bộ quần áo ấy, ông chỉ mang theo một bộ nữa để thay đổi xếp trong một cặp da, chung với những giấy tờ cần thiết, thế thôi.

Ở Thượng Hải, chúng tôi ở chung với các ông Trần Văn Tuyên, Phan Quang Đán, Nguyễn Văn Hợi và Nguyễn Gia Trí. Trời mùa đông lạnh dưới không độ, có ngày tuyết rơi lất phất, căn nhà chúng tôi ở không có sưởi, chúng tôi ngủ trên những ghế bố, không chăn, không nệm, Nguyễn Tường Tam mặc nguyên bộ áo nói trên nằm ngủ, trong khi tôi phải lót giấy bằng giấy báo và mặc cả pardessus dầy cộm mà vẫn rét cóng, đủ biết ông có sức khỏe chịu đựng nhiều hơn tôi.

Khoảng một tháng sau, có cụ Nguyễn Hải Thần, các ông Nguyễn Bảo Toàn, Lưu Đức Trung, Tạ Nguyên Hải, người từ trong nước ra, người từ Quảng Châu tới, hội họp và tổ chức thành một mặt trận mang tên là Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Việt Nam, mục đích ủng hộ cựu hoàng Bảo Đại đương đầu với Việt Minh và Pháp. (Mặt Trận có chụp một bức hình làm kỷ niệm, trong hình có ông Trịnh Hưng Ngẫu tình cờ tới chơi chứ không phải là thành viên của Mặt Trận).

Nhất Linh Nguyễn Tường Tam thường ít nói, nhưng những đề nghị, lời bàn của ông phần nhiều được mọi người tán thành. Ông hút nhiều thuốc lá hạng nặng, hai ngón tay trỏ và giữa cáu nhựa thuốc. Người ta đồn ông nghiện thuốc phiện, hoàn toàn sai lầm, vì trong nhiều năm sống chung với ông, tôi không hề thấy ông hút bao giờ. Ngay tôi cũng bị người ta đồn bậy là nghiện thuốc phiện, suýt hụt lấy vợ. Trái lại ma túy là thứ tôi ghét thậm tệ, thực dân Pháp với sự tiếp tay của một số người Trung Hoa đã nhập cảng vào Việt Nam để đầu độc từ quan lại, tổng lý tới dân lành, hại không biết bao nhiêu là đồng bào của chúng ta.

Khi được tin cựu hoàng Bảo Đại tới Hong Kong, các thành viên Mặt Trận kéo nhau xuống đó, nhưng đã không thâu được kết quả mong muốn. Ông Bảo Đại đã không giữ lời cam kết với Mặt Trận là khi quyết định một việc quan trọng về Việt Nam, đôi bên phải tham khảo ý kiến của nhau và lấy quyết định chung, nhất là trong việc điều đình với Pháp phải đòi cho được

Việt Nam tự trị, có quân đội riêng, tài chánh riêng trừ ngoại giao đi chung với Pháp. Mặt Trận đã tuyên bố rút lui sự ủng hộ Bảo Đại. Sau đó ông cựu hoàng này đã tự ý ra vịnh Hạ Long ký kết với Pháp, để được trở về làm quốc trưởng một nước VN tái hồi thuộc địa Pháp và sau chia đôi với Việt Minh bằng con sông Bến Hải, như chúng ta đã thấy.

Ông Nguyễn Gia Trí và tôi từ Thượng Hải xuống Hong Kong vào khoảng tháng 9-1947, được hai anh em ông Võ Văn Hải (sau là bí thư của ông Diệm) và Võ Văn Lăng mướn cho một gian lều vách ván, lợp giấy bồi sơn hắc ín, không điện không nước ở lưng chừng một ngọn núi đá, trông sang trường đua ngựa Happy Valley. Hàng ngày hai ông này còn đem cơm cho chúng tôi, cho tới khi chúng tôi kiếm được sinh kế. Ông Trí lo vẽ tranh, tôi đi kiếm việc làm và đã được tuyển vào một công ty hàng hải của Hòa Lan. 1948, vợ và con tôi, lúc đó mới ba tuổi đã bắt được liên lạc với tôi và từ Hànội đã sang ở với chúng tôi.

Tại Thượng Hải, 1947. Từ trái: Hàng ngồi: Trần Quang Vinh, Lưu Đức Trung, Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Tường Tam, Trần Văn Tuyên. Hàng đứng: Nguyễn Bảo Toàn, Đỗ Đình Đạo, Nguyễn Tường Long, Nguyễn Văn Sâm, Nguyễn Tường Bách, Lâm Ngọc Đường (?).

Sau khi hội nghị Hong Kong tan rã, căn lều lại có thêm ông Đỗ Đình Đạo, nguyên tư lệnh Chiến khu Ba của VNQDĐ, và Nhất Linh Nguyễn Tường Tam tới ở chung. Ngay sau lều, có một hốc đá, rộng mỗi bề khoảng năm mét, ông Tam đã thu dọn ngủ trong đó. Chúng tôi gọi nó là động tiên, bước sâu vào độ ba thước đã phải khom lưng, tuy nhiên ông Tam cũng kê được một cái giường nhỏ, một cái giường cùng vài chiếc ghế thấp. Ông lấy ba hòn đá xếp thành một cái bếp, thỉnh thoảng trổ tài nấu cơm tây cho chúng tôi ăn. Phải nói ông có tài làm vài món rất ngon, nhất là biftek Châteaubriand và món bouillabaisse, ông trình bày món ăn cũng rất đẹp mắt với những lá rau, lá hành xanh hoặc củ cải đỏ cắt thành bông hoa.

Cạnh trường đua ngựa Happy Valley, có một bãi đất rộng, cứ tối đến, người đứng từ đằng xa thấy hàng trăm ánh sáng nhỏ lập lòe như đom đóm và những bóng người "mờ mờ nhân ảnh" di động như bóng ma trơi một nghĩa địa. Thực ra đó là một thứ chợ trời, người ta ngoài trò coi bói bài, bói chim, bầy bán nhiều món nhậu hải sản, như ngao, hến, sò ốc, cá mực v.v... trên những chiếc trõng, những chiếc bàn đóng thô sơ hẹp và thấp như một kiểu bàn salon ở Canada. Bàn nào cũng có một ngọn đèn dầu, gió bãi thổi chập chờn. Rất đông khách nhậu nhẹt, ngồi trên những chiếc ghế thấp lè tè. Nhất Linh Nguyễn Tường Tam thích rủ anh em xuống núi đến đó thưởng thức mấy món nhậu bình dân này. Nhất Linh nói ông thích ăn quà rong, như ăn phở gánh ở Hànội. Phở gánh là phở người ta gánh đi bán rong trên những vỉa hè. Những chiều đông, ông đứng cạnh nồi nước lèo nghi ngút hơi thịt bò thơm ngon, dùng đũa và lùa hoặc húp xì xụp cái món đặc biệt của Hà Nội băm sáu phố phường này. Ông nói mua đem về nhà, ngồi bàn ăn "tử tế đường hoàng" không thể thưởng thức hết cái thơm ngon của phở bằng cách bưng bát phở lên miệng ăn, trong khi mùi nước lèo bốc vào mũi.

Nhất Linh Nguyễn Tường Tam và Đỗ Đình Đạo hàng ngày họa clarinette với nhau ở cửa động. Ông Đạo cũng là một cây clarinette trong một ban nhạc chơi ở mấy tiệm khiêu vũ.

Cũng ở cái động và căn lều này, Nhất Linh Nguyễn Tường Tam ngồi viết văn và khuyến khích Nguyễn Thị Vinh viết cuốn Thương Yêu và Linh Bảo viết cuốn Gió Bấc.

Lại cũng ở đây xảy ra mấy việc đáng ghi nhớ:

1. Việc thứ nhất là cái chết của em ô.Tam, tức Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long. Năm 1948, bà Long đã từ Hànội sang thăm chồng. Sau khi bà về nước, ông Long đến ở với chúng tôi, đợi hôm sau đáp xe lửa về Quảng Châu nơi ông thường trú với người em là ô.Nguyễn Tường Bách và vài đồng chí khác. Nhưng rồi chúng tôi đã được tin sét đánh ngang tai: ông Long đã chết bất ngờ trên xe lửa khi đến trấn Thạch Long và đã được thân nhân chôn ở trấn này! Không biết tên ông Nguyễn Tường Long có sự ứng hợp huyền bí gì với cái tên địa phương Thạch Long này không? Ông mất đi là một cái tang chung cho VNQDĐ, cho nền văn học của nước nhà, nhưng còn là một nỗi đau thương lớn cho Nhất Linh Nguyễn Tường Tam. Ông Tam mất đi một người không những là em ruột, mà còn là một đồng chí thân tín, đắc lực nhất.

2. Việc thứ hai là sự thay đổi lý tưởng của ô.Nguyễn Tường Bách, người em út của Nhất Linh Nguyễn Tường Tam. Một hôm ông Bách từ Quảng Châu sang Hong Kong đề nghị với chúng tôi bỏ chủ nghĩa Tam Dân. Sau đó, ô.Bách lại ở lại Quảng Châu tiếp tục làm việc trong một bệnh viện dưới chế độ Trung Cộng.

Phải chăng hai việc mất hai người em thân yêu như mất hai cánh tay đắc lực, đã làm cho Nhất Linh Nguyễn Tường Tam xót xa đau lòng khiến nhiều đêm ông đã âm thầm khóc một mình và chán nản, ngưng làm chính trị mất ba, bốn năm trời, ẩn cư ở núi rừng Đà Lạt?

3. Việc thứ ba nói ra thật buồn cho tôi. Căn lều vách ván, chơi vơi giữa ngọn núi ở Happy Valley cũng là nơi chi bộ Hong Kong của VNQDĐ tổ chức cuộc họp mặt giữa hai ông Nguyễn Tường Tam và Vũ Hồng Khanh, người tôi vẫn coi như thần tượng cách mạng của tôi với hy vọng dàn hòa hai đại lãnh tụ này của mình, nhưng đã thất bại vì sự ngoan cố của một người đặt vấn đề tiên quyết là "có chấp nhận ông ta là bí thư trưởng tức tổng thư ký- của Đảng" mới bàn sang vấn đề khác. Điều tiên quyết này không thể chấp nhận được vì toàn ban chấp hành trung ương Đảng ở trong và ngoài nước trong số có cả ông Vũ Hồng Khanh đã chấp thuận và ký biểu quyết cử ông Phan Trâm tức bác sĩ Nguyễn Tiến Hỷ làm Tổng thư ký. Một mình ông Tam không thể tự ý chấp nhận ông Vũ giữ chức vụ bí thư trưởng được. Thế là từ đó sinh xuất ra hai phe, phe ông Vũ và phe ông Tam trong VNQDĐ. Chi bộ Hong Kong cũng chia thành hai phe, mỗi phe theo một ông, bất cộng tác cho tới ngày hai ông hóa người thiên cổ.

Ở Hong Kong, chúng tôi có giai thoại này, xin kể để quý vị đọc cho vui. Chả là con gái tôi hồi đó mới hơn bốn tuổi, được gởi ăn học nội trú ở trường công giáo ở Macau, một hòn đảo cách Hong Kong vài giờ tầu thủy. Một hôm vợ chồng tôi cùng ông Tam sang thăm cháu, khi trở về bất ngờ bị cảnh sát an ninh xét hỏi, và chỉ cho những người Trung Hoa biết nói tiếng Quảng Đông lên bờ, còn những người nói không sõi, hoặc không hiểu biết tiếng Quảng Đông đều bị đuổi trở lại Macao. Mục đích của chính quyền Hong Kong ngăn chận những người Bắc phương như Tiên Sinh, Thượng Hải v.v... di cư vào Hong Kong tỵ nạn cộng sản. Ông Tam bị họ không cho lên bờ, phải trở lại Macao. Nhưng trưa hôm sau, chúng tôi thấy ông lững thững về, đầu từ xưa bao giờ cũng để trần, nay đội xùm xụp một chiếc mũ và nét mặt có cái gì là lạ. Chúng tôi nhìn kỹ và cười bò ra: bộ ria mép của ông đã bị cạo nhẵn. Ông cười và giải thích ông phải hóa trang để bọn cảnh sát an ninh khỏi nhớ mặt và đuổi về Macao lần nữa.

Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Việt Nam thành lập ở Thượng Hải giải tán. Thành viên mỗi người đi một nơi. Nhất Linh Nguyễn Tường Tam năm 1950 về HàNội, năm sau vào Sài Gòn, sống với gia đình người anh là ông Nguyễn Tường Thụy. Sau ông Trí, gia đình tôi mãi tới 1952 mới về nước, ở HàNội ba tháng, rồi theo lời ông Tam, kéo nhau vào Sài Gòn.

Ở đây ông Tam đã mướn sẵn cho gia đình một căn nhà vách ván, nằm sâu trong một cái hẻm đường Hai Bà Trưng (hồi đó còn mang tên tây mà tôi đã quên mất; số nhà thì dài thòng, tôi phải đặt thành vè để bà con, bạn bè và chính tôi dễ nhớ. Câu vè là: *Ba trăm hai tám, tám hai A* (328/82/A), *bác đến thăm tôi nhớ số nhà.*

Ông Tam còn tặng chúng tôi tiền nhà tháng đầu và hai cái giường cùng một bộ bàn ghế bằng tre, tôi rất thích, giữ gìn và dùng mãi đến ngày tôi bị chế độ Ngô Đình Diệm bắt giam và đày Côn Đảo.

Từ ngày vào Sài Gòn, ông Tam ở nhà ông Thụy, giám đốc Bưu điện. Ông ở trong một gian phòng nhỏ với con trai út là Nguyễn Tường Thiết. Ông cho tái bản một số tác phẩm cũ và xuất bản những tác phẩm mới của ông và vài ba văn hữu, in tại nhà Nguyễn Đình Vượng và giao nhà Nam Cường phát hành.

Tuy làm việc đấy, nhưng ông xuống tinh thần,

như người thất chí, chán đời, mệt mỏi chỉ tiếp một số bè bạn thân. Ông tuyên bố không làm chính trị nữa và đưa con lên ở Đà Lạt, lấy thú đi rừng kiếm lan chơi lan để giải buồn.

Ông tìm được nhiều loại lan. Trừ những loại đã có tên nhiều người biết, ông đặt tên cho những loại bông lạ theo hình dáng, màu sắc của nó. Những ngày nghỉ, gia đình tôi thường lên Đà Lạt thăm ông, thấy trong nhà, nền vách la liệt các loại lan. Chúng tôi theo ông đi tìm lan, mới thấy ông đi bộ rất nhanh và dai sức. Mắt ông lại tinh nên thường trông thấy lan trên những cây cao trước chúng tôi.

Ông yêu lan, mê lan đến độ bưng cả chậu lan Thanh Ngọc lên giường ngủ chung và tặng lan hai câu thơ:

Sắc trong Thanh Ngọc, hương thơm mộng
Một thoáng mơ tiên, thoảng xuống trần

Nhất Linh Nguyễn Tường Tam chơi lan đến độ vô tình đã gây thành phong trào chơi lan ở Đà Lạt cùng vài tỉnh lân cận.

Khoảng 1955, nhân ông cậu bà Tam và bác sĩ Nguyễn Sĩ Dinh, một bạn thân khác của ông, tậu được một miếng đất ở làng Fin Nôm cách Đà Lạt độ 30 cây số, ông Tam đã đến đây, tự vẽ kiểu và dựng một ngôi nhà gỗ lợp lá theo kiểu "Nhà ánh sáng" bên cạnh suối Đa Mê. Ông thường mắc võng giữa hai thân cây, để nằm hoặc ngồi viết, hoặc thổi hắc tiêu. Có lần chúng tôi lâu không lên thăm ông, đã nhận được hai câu:

Người đi lâu chửa thấy về
Nhớ người lòng suối Đa Mê gợn sầu...

Rồi một hôm đến thăm ông, chúng tôi thấy ngôi nhà lá của ông nằm tả tơi, cột kèo lăn lốc khắp mặt đất. Nó đã không đứng vững trong một trận mưa to gió lớn.

Ngay sau khi tới Sài Gòn, tôi và một số đồng chí đã tổ chức một chi bộ lấy tên là Chấn Hưng QDĐ, nhưng không phát triển được ở Miền Nam, vì đồng bào hồi đó tin tưởng ở Việt Minh. Có người nói Việt Minh đã lấy lại được độc lập cho nước nhà rồi, các anh còn chống đối cái gì! Nước đã độc lập rồi, sao các anh không ở ngoài đó, vào đây làm gì? Hay: các anh QDĐ bị thua rồi phản tuyên truyền làm gì có chuyện con tố cha mẹ, vợ tố chồng vô lý như vậy! Tuy nhiên chúng tôi lại được anh em Miền Trung hưởng ứng, có người đã mở trường đặt tên là Chấn Hưng. Do đó mỗi lần gặp ông Tam, tôi vẫn báo cáo công tác của chúng tôi. Nhân vụ nhà Fin Nôm sập đổ, tôi nói đùa là Trời không muốn ông ở Đà Lạt và đề nghị ông trở lại Sài Gòn lãnh đạo chúng tôi.

Tới 1957, một phần có lẽ vì sức khỏe đã bình phục, một phần những chuyện buồn theo thời gian đã nguôi ngoai, Nhất Linh Nguyễn Tường Tam đã hạ sơn, từ giã Đà Lạt, trở lại Sài Gòn, hoạt động cả về chính trị lẫn văn hóa, để không còn bao giờ có dịp trở lại Đà Lạt nữa.

Về chính trị, Nguyễn Tường Tam cùng chúng tôi cải thiện chi bộ cốt cán Chấn Hưng, trao những nhiệm vụ quan trọng cho các đồng chí trẻ tuổi. Ông giữ công tác liên lạc với các nhân sĩ, chính khách, các lãnh tụ đảng phái và tôn giáo (như các cụ Phan Khắc Sửu, Trần Văn Hương, Trần Văn Văn, các bác sĩ Phan Huy Quát, Nguyễn Xuân Chữ, Nguyễn Hữu Phiếm, linh mục Hoàng Quỳnh, v.v...)

Đối với cố T.T Ngô Đình Diệm, thoạt tiên chúng tôi rất kính trọng thái độ của ông ở Hong Kong, khi từ chối chức vụ Thủ tướng cựu hoàng Bảo Đại và Pháp muốn trao cho ông, vì ông cũng đòi hỏi Pháp chấp nhận quy chế tự trị của Việt Nam, với điều kiện VN có tài chính và quân đội riêng, chỉ có ngoại giao cùng chung với Pháp; nhưng Pháp không chịu, tức thì ông Diệm đã rũ áo đi ngay khỏi Hong Kong.

1954, ông Diệm về nước làm thủ tướng, chúng tôi rất mừng và nhiệt tâm ủng hộ, nhưng chỉ sau khoảng nửa năm, chế độ của ông càng ngày càng lộ ra là độc tài độc đoán, nhất là sau khi ông truất phế Bảo Đại. Do đó chúng tôi vừa chống cộng sản, vừa chống chế độ Ngô Đình Diệm và tham gia cuộc nổi dậy năm 1960 của nhóm quân nhân Thi Đông.

Ở đây tôi xin mở dấu ngoặc để nói về việc làm truyền đơn trong vụ biến cố này. Khi thảo truyền đơn, trong danh sách những người ký tên, chúng tôi đã để tên Nguyễn Tường Tam lên đầu, rồi mới tới tên các cụ Phan Khắc Sửu, Trần Văn Hương, Trần Văn Văn, Nguyễn Xuân Chữ v.v... ông Tam đã sửa lại để tên ông sau tên ông Chữ. Trước sự ngạc nhiên của tôi, ông giải thích: "Anh đừng quên người ta vẫn nói Miền Nam của người Nam, mình là người Bắc di cư, phải lưu tâm và tôn trọng điều đó."

Cuộc đảo chánh thất bại, các đồng chí của ông Tam bị bắt gần hết. Ngoài ra ông Diệm còn cho bắt giam hết các nhân sĩ và lãnh tụ đảng phái và giáo phái khác, không trừ một ai, nhưng... trừ

Nguyễn Tường Tam!

Sao có sự lạ lùng như vậy?

- Phải chăng vì Ngô Đình Diệm kính nể Nguyễn Tường Tam?

- Phải chăng Ngô Đình Diệm cho rằng đã chặt hết tay chân của ông Tam đi rồi thì ông Tam không còn làm gì được nữa?

Không bị bắt giam, nhưng Nhất Linh Nguyễn Tường Tam đã bị đòi ra trước tòa án quân sự để xét xử, ngày 7-7-63. Nhất Linh Nguyễn Tường Tam đã không chịu để cái chế độ độc tài thối nát xét xử ông. Đúng ngày đó, ông đã dùng độc dược tự sát, để lại di chúc như sau:

"Đời tôi để lịch sử xử, tôi không chịu để ai xử cả.

"Sự bắt bớ và xử tội tất cả các phần tử đối lập là một tội nặng, sẽ làm mất nước vào tay cộng sản.

"Tôi chống đối sự đó và tự hủy mình như Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để cảnh cáo những người chà đạp mọi thứ tự do.

"Ngày 7-7-63, Nguyễn Tường Tam"

Cùng chiều hôm đó, một luật sư vào khám Chí Hòa báo tin cho luật sư Lê Ngọc Chấn, cùng bị giam chung với bọn đảng phái chính trị và quân nhân bị bắt sau cuộc đảo chính hụt 1960, chúng tôi vô cùng đau khổ và thương tiếc Nhất Linh Nguyễn Tường Tam đã bàn nhau để tang ông ngày hôm sau khi bị đưa ra trước tòa án quân sự. Một anh em đã hy sinh một chiếc áo đen, cắt thành băng đeo ở cánh tay trái.

Vừa trông thấy chúng tôi, ủy viên chính phủ Lê Nguyên Phu nói ngay: "Bọn Quốc Dân Đảng để tang Nguyễn Tường Tam." Nhưng không phải chỉ có "bọn QDĐ" mà tất cả các chính trị phạm khoảng ba chục người hôm đó đã đeo băng đen, trừ một người là ông Phan Quang Đán!

Sau khi chúng tôi đứng nghiêm chỉnh trước mặt "ba tòa quan lớn" cụ Phan Khắc Sửu đã giơ tay nói: "Xin phép cho chúng tôi mặc niệm Nguyễn Tường Tam." Chánh án Lê Xuân Khoa (nếu tôi nhớ đúng tên) và Ủy viên Lê Nguyên Phu đều không có phản ứng, sau khi buộc tội đã kết án chúng tôi mỗi người năm năm đầy Côn Đảo.

Chiều ngày Nhất Linh Nguyễn Tường Tam được đưa vào nhà xác, vợ con tôi đã tới nhìn mặt ông lần cuối. Con gái tôi đã đem theo một chiếc sáo, đứng bên cạnh xác "Bác Tam của nó" thổi một bài vĩnh biệt Bác.

Về văn hóa, sự nghiệp của Nhất Linh, thiên tài của văn hào như thế nào, quý vị đã đọc tác phẩm của ông tất đã biết nhiều, sách báo cũng đã đề cập tới, tôi xin phép chỉ kể hầu quý vị những chuyện ở bên lề.

Nhất Linh chủ trương tìm nhân tài và gây dựng nhân tài, khuyến khích những người ông biết là có khả năng viết văn hay làm thơ. Ngoài những Linh Bảo, Nguyễn Thị Vinh, Bình Nguyên Lộc, đã có những bạn trẻ như Nhật Tiến, Tường Hùng, Phương Khanh, và những bạn khoảng 20 tuổi trở lại như Trần Dạ Từ, Lê Tất Điều, Trần Tuấn Kiệt và một số bạn khác tôi đã quên mất tên, ngày nay đều là những văn gia, thi sĩ nổi tiếng.

Trong ban biên tập Văn Hóa Ngày Nay, Nguyễn Thị Vinh, Tường Hùng và tôi được Nhất Linh trao lại cho việc đọc và tuyển lựa những bản thảo văn thơ đưa ông duyệt lại trước khi in. Tường Hùng và Tô Hoàng giữ việc trình bày bài vở. Nhất Linh tự vẽ bìa.

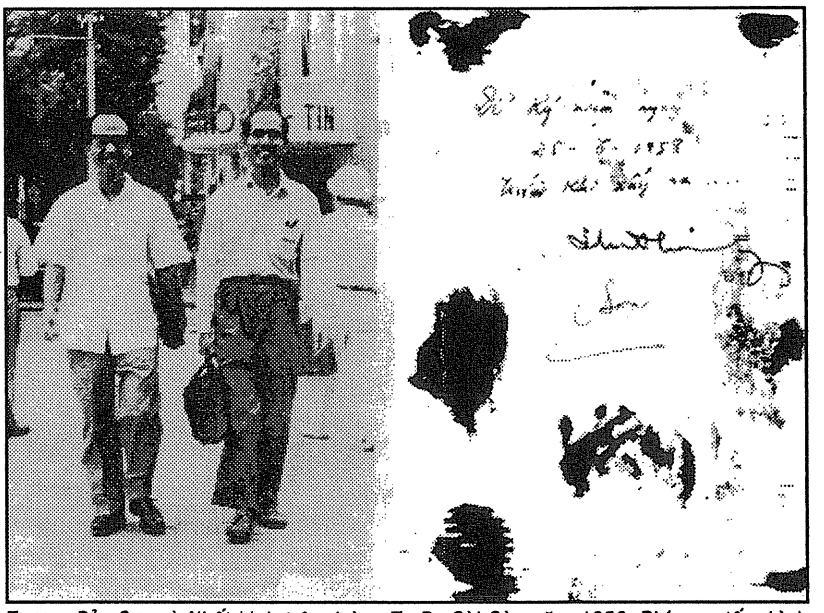

Trương Bảo Sơn và Nhất Linh trên đường Tự Do Sài Gòn năm 1958. Phía sau tấm hình có dòng chữ của Nhất Linh: "Để kỷ niệm ngày 25-6-1958 trước khi xảy ra..." dưới có chữ ký của cả hai người. Những dấu chấm lửng cho đến ngày nay vẫn còn là một ẩn số.

Nhất Linh ăn mặc rất giản dị và khiêm tốn như bản tính của ông. Không bao giờ mặc sơ mi cộc tay, tay áo dài thường sắn cao lên, quần rộng, thắt lưng da lỏng lẻo.

Ông đi đâu cũng xách một cái cặp lớn đựng giấy tờ, bản thảo, vài gói thuốc lá Bastos, với một bộ đồ ngủ để tiện đâu ngủ đấy. Ông không dùng máy quẹt lửa, chỉ ưa dùng diêm que. Cây viết của ông hiệu Parker 51, màu xanh, chữ ông viết nhỏ ly ty như đàn kiến bò rất ngay ngắn nhưng khó đọc trên những trang giấy trắng không kẻ dòng mà ông đặt thợ đóng thành những tập 200 trang, bìa dầy. Túng lắm ông mới dùng vở 200 trang có dòng kẻ, bán sẵn ở các tiệm sách.

Nhất Linh làm việc rất mê say, bất kể ngày đêm, không kêu mệt. Ông tôn trọng văn của người khác, không tự ý sửa văn của người khác mà không có ý kiến của tác giả. Ông thường đề nghị và để tùy tác giả sửa hoặc không sửa.

Tiền nhuận bút ông trả cao hơn các nhà xuất bản khác 20 hoặc 50%. Thơ cũng được hưởng nhuận bút, ông giải thích làm một bài hay chỉ có bốn hoặc tám câu không khác gì viết một truyện ngắn, có khi còn khó hơn vì tư tưởng phải xúc tích, cô đọng, trong một phạm vi quá hẹp và quy tắc gò bó.

Văn Hóa Ngày Nay ra được 11 số thì đình bản, mặc dầu được độc giả khắp nơi hoan nghênh. Ôi, chỉ vì nó được hoan nghênh quá xá mà chết non. Nguyên do như thế này:

Trước hết tập Văn Hóa Ngày Nay không được chế độ Ngô Đình Diệm cho phép xuất bản như một tạp chí mà chỉ là một giai phẩm phát hành không có định kỳ. Vì không có định kỳ nên Bộ Thông Tin kiểm duyệt cố tình để lâu mới trả bản thảo để in. Ông Hoàng Nguyên, chủ sự phòng kiểm duyệt đã nói với tôi rằng ông tuy có nhiều cảm tình với chúng tôi, nhưng không thể làm trái lệnh cấp trên là cản trở tờ Văn Hóa Ngày Nay ra đúng hạn kỳ (tỷ dụ như đúng ngày mồng một mỗi tháng) để độc giả nhớ ngày mua báo. Hơn nữa bài vở phải kiểm duyệt kỹ, nhất là bài của Nhất Linh và Bảo Sơn.

Sau nữa, ngoài chế độ kiểm duyệt, phản quyền tự do ngôn luận này ra, chế độ Ngô Đình Diệm còn có một thủ đoạn hiểm độc nữa là nhà nước giữ độc quyền phát hành báo chí, kể cả giai phẩm. Ngô Đình Diệm đã có sáng kiến đặt ra Nhà Phát Hành Thống Nhất, bắt tất cả mọi báo chí phải đưa cho công sở này phân phối. Tập Văn Hóa Ngày Nay bán chạy như tôm tươi mấy số đầu, đã bị ế dần đi. Nhà Phát Hành độc quyền của chính phủ đã thi hành độc kế không gởi đủ số báo cho các tiệm sách đã đặt mua. Chúng tôi khi buộc báo thành từng bó đã cố ý đánh dấu riêng, khi nhận báo từ Nhà Phát Hành trả về, thấy những dấu ấy vẫn còn y nguyên, tức là Nhà Phát Hành đã không làm đúng nhiệm vụ, đã giữ báo của chúng tôi trong kho, không phân phối đi. Có những tiệm sách đến điều đình mua thẳng báo với chúng tôi để có đủ báo bán, nhưng chúng tôi phải từ chối, sợ bị chính quyền gài bẫy. Đã nghèo lại bị thua lỗ, chúng tôi đành đình bản tờ Văn Hóa Ngày Nay.

Mấy tháng sau, tôi đứng tên xin ra tờ Tân Phong, cũng chỉ được phép xuất bản như một giai phẩm không định kỳ, cuối cùng cũng chịu chung số phận như tờ Văn Hóa Ngày Nay.

Nhờ được thường xuyên ở gần Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, nên tôi hiểu biết rõ con người ông. Ở ông có hai con người, không phải hai con người như nhà văn Võ Phiến đã nhận định là một con người Nhất Linh khi còn trẻ viết tiểu thuyết có chủ đề, theo nghệ thuật vị nhân sinh và một con người khi về già chủ trương nghệ thuật vị nghệ thuật.

Tôi muốn nói ở Nhất Linh Nguyễn Tường Tam có một con người Nhất Linh làm văn hóa và một con người Nguyễn Tường Tam làm chính trị cách mệnh. Mỗi con người ấy đã làm việc một cách cần cù, mê say theo một triết lý tôi gọi là triết lý tuyệt hảo.

Tại sao lại gọi là tuyệt hảo?

Vì con người Nhất Linh khi làm văn hóa đã để hết tâm trí thời giờ và tiền bạc làm công việc cho thật hay, thật đẹp, thật tuyệt hảo.

Và khi con người Nguyễn Tường Tam làm cách mệnh và chính trị, cố đem hết khả năng ra làm việc một cách nghiêm chỉnh cho thật hoàn hảo.

Tôi cần nói rõ ngay rằng ông chỉ làm tuyệt hảo riêng từng việc một, không thể cùng một lúc cả hai việc văn hóa và chính trị. Làm một lúc cả hai việc như vậy kết quả không thể như ý ông, không thể tuyệt hảo được. Khi nghỉ làm văn hóa và chính trị, ông cũng đã chơi lan một cách tuyệt hảo.

Trong thập niên 1930, Nhất Linh đã ra báo Phong Hóa và báo Ngày Nay tuyệt hảo, đã tổ chức Tự Lực Văn Đoàn một cách tuyệt hảo, và đã viết trên mười cuốn tiểu thuyết tuyệt hảo, vì ông chỉ làm một công việc là văn hóa thôi.

Trong thập niên 1940, Nguyễn Tường Tam

không làm văn hóa, đã tổ chức đảng Dân Chính, rồi đứng ra thống hợp bốn đảng: Dân Chính, Duy Dân, Đại Việt và VNQDĐ một cách tuyệt hảo để chống thực dân và cộng sản. Ở đây tôi phải nói thêm rằng từ khi sát nhập Dân Chính đảng vào VNQDĐ, Nguyễn Tường Tam không bao giờ nhắc tới Dân Chính Đảng, không bao giờ rời bỏ hàng ngũ VNQDĐ. Ông hoàn toàn hoạt động, phục vụ dưới ngọn cờ Sao Trắng, tuân thủ chính cương, chính sách của VNQDĐ, cũng như không bao giờ đòi hỏi chức vụ này hay chức vụ khác. Trước sau, ông chỉ giữ mỗi chức vụ ngoại giao do Ban Chấp Hành Trung Ương ủy nhiệm cho ông. Ông cũng không bao giờ cậy quyền thế, uy hiếp người khác, ông tôn trọng đường lối dân chủ, tập đoàn lãnh đạo, cá nhân phụ trách của Đảng, cho nên được mọi người kính mến, tòng phục. Nguyễn Tường Tam đã làm cách mệnh và chính trị một cách tuyệt hảo.

Nhưng... từ giữa thập niên 1950 đến 1963, con người Nhất Linh và con người Nguyễn Tường Tam đã cùng làm việc một lúc, vừa làm chính trị, vừa làm văn hóa. Tuy Nhất Linh Nguyễn Tường Tam cũng đem hết tâm trí, đem hết khả năng ra làm, những mong kết quả cũng tuyệt hảo như hai giai đoạn trước, nhưng có phải sức người có hạn, sự thế vần xoay, hay mệnh trời đã định, cho nên ông đã thất bại về chính trị, đến nỗi phải tự hủy mình chăng?

Dẫu sao cái chết của ông cũng tuyệt hảo như cuộc đời của ông vậy.

Trong phần trên, quý vị chỉ thấy tôi khen Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, kể ra những đức tính tốt của ông, triết lý tuyệt hảo của ông, chắc có vị cũng muốn biết ông có những thói hư tật xấu gì. Tôi xin kể một vài điều.

Trước hết Nhất Linh Nguyễn Tường Tam nghiện thuốc lá hạng nặng và nghiện rượu nhất là la-de. Chính ông "xui" tôi hút thuốc lá. Ông nói làm chính trị cần hút thuốc lá, có cái lợi là mỗi khi gặp vấn đề gì khó trả lời ngay mình có thể rít vài hơi thuốc, rồi từ từ nhả khói ra, để có thời giờ suy nghĩ kỹ. Tôi đã "nghe dại," không những hút thuốc lá mà hút pipe và cigar. Còn rượu thì nói đáng của đáng tội, tôi cũng thích nhậu với bè bạn - thích thôi chứ không nghiện và biết tự hạn chế- nên trong nhà thường trữ sẵn dăm ba chai vang và la-de. Tôi thích nhất rượu Bénédictine và Cointreau, nhưng mắc quá nên ít mua. Một sáng, ngồi uống cà phê với Nhất Linh, tôi đem chai Cointreau mới mua hôm trước ra khoe. Ông đã mở chai rượu ra rót vào ly cà phê của ông. Uống một hai ngụm, ông lại rót thêm rượu, như thế hết hơn một phần ba chai rượu nặng 40 độ. Tôi nói: "Thế này thì anh uống rượu chứ có uống cà phê đâu." Ông đáp: "Đúng thế. Cointreau pha chút ít cà phê ngon thật, chẳng kém gì cà phê rhum của chị Long." Bà Long tức vợ Hoàng Đạo, là em dâu ông, nhưng ông quen gọi là chị Long, anh Long.

Viết đến đây, tôi lại nhớ có lần Tường Hùng hỏi ông, trong lúc hội họp, như họp Văn Bút, thì có nên xưng chú cháu với nhau không. Ông đáp nên gọi anh em như mọi người, cũng như trong Đảng ông vẫn gọi anh Long, anh Bách, hai người em ruột của ông.

Quần áo ông chỉ có vài bộ đủ mặc, không bao giờ ủi, tôi thấy ông có vẻ ngượng mặc quần áo mới hay là ủi thẳng tắp.

Ông không chịu học lái xe, chỉ đi tắc xi và nhất là xe của mấy người bạn thân khi đi chơi xa. Nhiều hôm, ăn cơm tối xong, thấy trời sáng trăng đẹp, chúng tôi rủ nhau đi Vũng Tàu, ngồi chơi bãi biển đến một hai giờ sáng mới về. Có đi khỏi Sài Gòn, ông và bạn bè mới có hứng làm thơ.

Nhất Linh Nguyễn Tường Tam còn thói xấu này, có thể coi là xấu lắm, chính ông và bà Tam đã kể ra vợ chồng tôi mới biết mà chẳng biết con cái ông có biết không? Ấy là ông ít sống với gia đình; người không ưa có thể bảo là ông bỏ bê gia đình vợ con. Ông hết đi Tây du học, đi Pháp chữa bệnh, lại đi Tầu làm cách mệnh, đi Đà Lạt dưỡng sức chơi lan, một hai năm, ba bốn năm mới về nhà. Và mỗi lần về là dính một bé trai hay một bé gái, dính tất cả đến 13 lần. Việc nuôi nấng săn sóc con cái, gần như ông phó mặc cho bà, thường ví bà như bà Phan Bội Châu. Bà Tam đã buôn bán cau khô, nuôi những bảy con với một chồng. (Tuy sinh 13 lần, nhưng chỉ nuôi được có bảy con, 5 trai và 2 gái). Ông bà cho biết khi kết hôn đã ký "thỏa ước" với nhau bà lo việc trong nhà, ông lo việc xã hội, người nọ không được can thiệp vào công việc của người kia. Thỏa ước này đã được cả hai ông bà tôn trọng đến đầu bạc răng long, sang tận bên kia thế giới.

Hàng năm cứ tới ngày "song thất" tôi lại nhớ tới Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, một lãnh tụ tôi kính trọng, một bạn đồng tâm đồng chí thân mến của tôi và của cả gia đình tôi. Hôm nay tôi hân hạnh kể hầu quý vị những kỷ niệm riêng của tôi với ông, gọi là đốt nén hương lòng tưởng niệm ông./.

BÀI HỌC "NHIỆT THÀNH"

LINH BẢO

Kính gửi anh Minh,

Trong lúc tôi đang "vui thú điền viên" nghĩa là tưới cây cỏ ở vườn sau thì nhận được điện thoại của anh. Mở đầu anh nói ngay là do anh Ngô Thế Vinh giới thiệu. Anh Vinh là người bạn từ 40 năm trước. Với thân tình ấy, nghe anh bảo viết một bài cho số Thế Kỷ 21 đặc san về Nhất Linh, làm tôi không biết "ca bài con cá" ra sao.

Thú thực tôi sống ở nước ngoài nhiều hơn ở trong nước nên kỷ niệm với tiền bối Nhất Linh rất ít. Nếu nói thế để từ chối thì anh sẽ trách tôi tránh né và anh Vinh cũng sẽ không vui.

Sau khi nghĩ kỹ, tôi viết thư này cho anh cố tìm kiếm soi mói ký ức xem có gì liên hệ đến anh Nhất Linh kể hết cho anh biết, rồi tùy anh muốn bất muốn tha sao cũng được.

Tuổi đời của tôi đã lên thượng thọ, từ thuở xa lắc xa lơ. Đã được phép nói trước quên sau, lẩm ca lẩm cẩm một cách hợp pháp. Vậy thì làm sao tôi có thể nhớ lại được những gì đã xảy ra từ nửa thế kỷ trước. Vậy anh cho phép tôi kể lại từ buổi đầu tiên làm sao quen biết anh Nhất Linh để dần dần gỡ ra manh mối nhé.

... Không nhớ rõ ngày tháng... Năm ấy sau khi thành phố Quảng Châu thất thủ. Quân Cộng hoàn toàn chiếm được lãnh thổ Trung Hoa, Quân Tưởng Giới Thạch rút chạy ra Đài Loan. Sinh viên ngoại quốc được hưởng trợ cấp của ông Tưởng cố nhiên là phải chạy tứ tán. Sinh viên Việt Nam cố nhiên cũng chạy nếu có thể, nghĩa là nếu có tiền để chạy. Trong số ở lại còn sót hai người. Mãi một năm sau tôi mới thoát ra được đến Hong Kong. Nơi đây có vài gia đình Việt Nam đếm được trên đầu ngón tay.

Qua một bà bạn Việt Nam, tôi được quen anh Trương Bảo Sơn và chị Nguyễn Thị Vinh. Anh chị rất thương mến tôi coi tôi như em gái, săn sóc đủ mọi thứ. Nhờ thân tình ấy tôi đưa cho chị Vinh xem tập nhật ký của tôi viết, kể lại cuộc sống của sinh viên Việt Nam tại Trung Sơn Đại Học ở Quảng Châu.

Thời kỳ Cộng Quân chưa chiếm được Nam Kinh, chánh phủ của Tưởng Giới Thạch đã bảo trợ cho mỗi nước Đông Nam Á tám sinh viên vào Đại Học. Sinh viên tất cả các nước khác đều có chánh phủ của họ làm hậu thuẫn. Riêng VN lúc ấy đang rối loạn, không có ai cho là quan trọng phải để tâm đến.

Anh Vũ Quốc Hùng, một giáo sư Việt Nam đang dạy ở đấy, đứng lên cầm đầu nhóm sinh

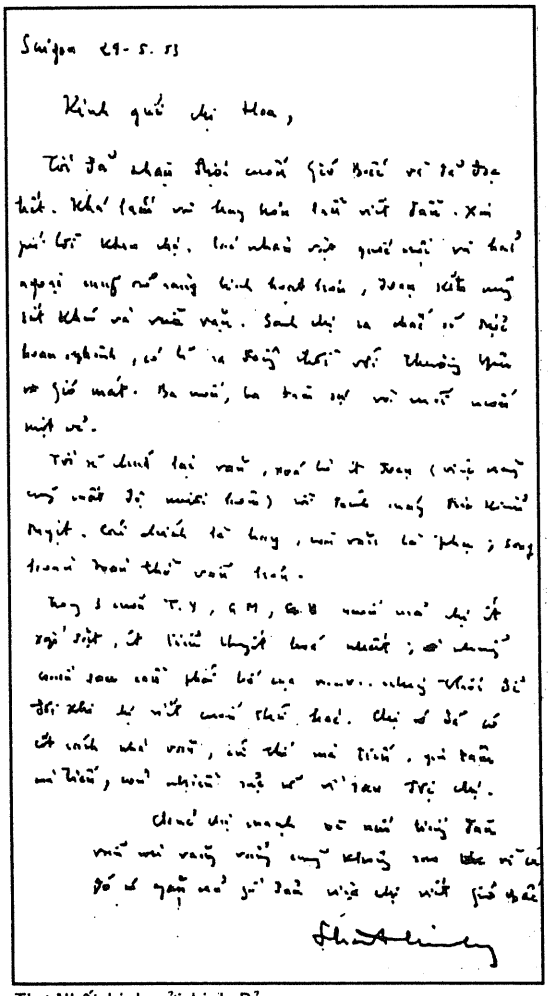

Thư Nhất Linh gởi Linh Bảo.

viên "không bảo trợ" ấy. Anh đem anh em lên Nam Kinh, ngày ngày vào bộ giáo dục can thiệp điều đình xin cho sinh viên Việt Nam vào học mà không cần phải có một chánh phủ nào chánh thức làm hậu thuẫn. Cuộc vận động xem như bán le le

giữa đồng, không ngờ thế mà được chấp nhận.

Tập nhật ký của tôi kể cuộc sống của anh em lúc đang chờ đợi... Mỗi sáng nấu một nồi cháo lỏng, ăn xong đi thư viện học suốt ngày, chiều về thì nồi cháo còn lại đã đặc. Và đó là buổi "cơm chiều" của anh em.

Nhật ký kể lại những ngày chạy bán sống bán chết khi Cộng quân tiến vào Nam Kinh và Quốc quân rút lui. Dân chúng kẻ chạy tới, người chạy lui, rối rít cả lên, mà kết cục vẫn như kiến bò miệng chén.

Tiếp đến kể cuộc sống còn lại trong trường dưới chính thể mới. Tập nhật ký nhỏ ấy tôi gọi là Gió Bấc, vì tôi bị suyễn nặng từ bé, và mỗi khi gió Bấc thổi thì cơn hen suyễn lại nổi lên thảm khốc.

Chị Vinh đọc xong Gió Bấc cho là thú vị nên cho anh Nhất Linh đọc. Nhất Linh bảo tôi viết lại thành truyện ở ngôi thứ ba đừng giữ lối viết Nhật ký. Vì thời ấy độc giả chưa quen nghe "cái tôi" bất cứ tác giả nào. Anh Nhất Linh cũng đề nghị đổi tên Gió Bấc hay hơn chữ Gió Bấc tôi đã dùng.

Tôi làm theo lời anh và Gió Bấc, cuốn truyện đầu tay của Linh Bảo ra đời.

Tôi không nhớ lúc còn ở Quảng Châu, thường được theo anh em đi thăm những vị lão tiền bối, và tiền bối. Tôi quên mất tên của các vị ấy, mà họ cũng không hề nhớ đến một cô bé lẫn lộn trong đám sinh viên lưu vong. Tôi cũng không nhớ tôi đã có dịp gặp anh Nhất Linh tại Quảng Châu hay Hong Kong không. Chị Vinh và anh Sơn dọn nhà về Việt Nam. Tôi cũng có dịp về VN hai lần nên được gặp Nhất Linh trong nhiều cuộc họp mặt với anh chị Sơn Vinh và các anh em khác. Thỉnh thoảng tôi được anh chị Vinh đón đi ăn Phở với anh Nhất Linh và món chả cá Hànội được ăn lần đầu tiên trong đời cũng do anh thết đãi. Anh cho phép tôi được đến nhà anh bất cứ lúc nào nếu có cần gì phải học hỏi.

Việc Gió Bấc đầu tay được Nhất Linh xuất bản là một bất ngờ cho tôi. Chủ tâm tôi chỉ ghi lại như một nhật ký chứ không nghĩ xa hơn. Nếu không có một Nguyễn Thị Vinh hào phóng, khuyến khích, nâng đỡ giới thiệu bước đầu thì chắc không có Linh Bảo.

Những truyện ngắn về sau đều đăng ở Tân Phong, có lần anh chữa lại đoạn kết một truyện ngắn theo ý anh là cho có vẻ nghịch ngợm như tính nết của Linh Bảo. Tôi không thích câu kết đổi lại như thế và nói cho anh biết. Từ đó về sau bài của tôi, anh chỉ chữa lại chính tả nếu cần, chứ không bao giờ thay đổi ý của bài.

Tôi còn nhớ lần đầu tiên được ngồi ăn phở với anh chị Sơn Vinh và anh Nhất Linh, tôi có một cảm khái đặc biệt. Ngày xửa ngày xưa, lúc còn bé con ở nhà đọc Phong Hóa, Ngày Nay, đọc các sách của anh Nhất Linh, xem anh như một bậc thầy rất xa vời... Thế mà không ngờ trong đời có lúc được cùng ngồi ăn chung một bàn... Nhìn tay anh cầm đũa run run, tôi ngờ rằng sức khỏe của anh đã bắt đầu suy kém.

Tôi có thể quên và được quyền quên tất cả mọi kỷ niệm, ký ức... tất cả mọi vui buồn trong đời. Nhưng không bao giờ quên được lời khuyên rất quan trọng của anh.

- Phải nhiệt thành trong tất cả mọi trường hợp. Bất cứ làm gì cho mình hay cho người, bao giờ cũng đầy nhiệt thành. Làm việc với nhiệt thành không bao giờ nản, đối thoại với nhiệt thành không bao giờ chán, sống với nhiệt thành thì thời gian không bao giờ trôi qua một cách nặng nề.

Lúc ấy tôi đã hỏi lại anh:

- Nhưng nếu lỡ có sự việc gì mà mình không cảm thấy "nhiệt thành" được thì sao?

Anh trả lời không ngần ngại:

- Thì de ra, cũng một cách nhiệt thành chứ sao!

À ra thế.

Linh Bảo, 2002

Anh Minh, tôi không biết gì quan trọng về anh Nhất Linh, ngoài bài học "Nhiệt thành" anh đã trao truyền lại, và tôi đã cố gắng giữ gìn đừng đánh mất.

Tôi kèm theo phóng ảnh ba bức thư của anh Nhất Linh. Tất cả thư từ anh đều viết tay và hơi khó đọc. Trong một thư đề tên Hoa, đó là một trong những tên "vượt biên" trước khi thành ra Linh Bảo.

5-13-2002

ĐỂ TRẢ NHẤT LINH NGUYỄN TƯỜNG TAM VỀ CHO LỊCH SỬ

TRẦN THANH HIỆP

Tự hủy đời mình...

Trong quyển **Nhất Linh, cây bút trụ cột của Tự Lực Văn Đoàn**, do Văn Hóa-Thông Tin xuất bản ở Hà Nội năm 2000, Nguyễn Tường Thiết có kể lại rằng, trên đường chở cha vào bệnh viện Grall để cấp cứu, « (...) *tôi thò tay vào túi áo ngủ của cha tôi lấy ra một tờ giấy mà lúc ở nhà tôi không kịp xem. Trên một vuông kẻ ô, cha tôi để lại những hàng chữ cuối cùng trong đời ông. Đọc xong, gần như vô ý thức, miệng tôi cứ lập đi lập lại mãi một câu* "đời tôi để lịch sử xử»... ». Giáo sư Nguyễn Thành Vinh - người hoạt động chính trị ở miền Nam Việt Nam, đầu thập niên 60 được coi như gần với Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, trong cuốn hồi ký tập thể ***Biến Cố 11. Từ đảo chính đến tù đày***, do Trần Tương tuyển chọn và biên soạn, xuất bản tại Saigon năm 1971, đã ghi lại đầy đủ lời tuyên bố trên như sau :

«Đời tôi để lịch sử xử, tôi không chịu để ai xử cả. Sự bắt bớ và xử tội tất cả các phần tử Đối lập Quốc Gia là một tội nặng sẽ làm cho nước mất về tay Cộng sản. Tôi chống đối sự đó và tự hủy mình cũng như Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để cảnh cáo những người chà đạp mọi thứ tự do,

Nhất Linh Nguyễn Tường Tam

7-7-1963»

...để đời sau phán xét !

«*Để lịch sử xử* » là một lối nói có thể hiểu theo nhiều cách, tùy hoàn cảnh, tùy thời đại. Lịch sử ở phương Đông có nghĩa gốc là bản sách chép những việc đã qua của một người hay của một nước. Ý chính trong nghĩa này là sự ghi chép (*phong tình cổ lục còn truyền sử xanh*). Ở phương Tây, nghĩa vượt trội của từ lịch sử không phải là việc ghi chép mà là những kiến thức – nay đã thành khoa học - giúp chọn lựa những điều gì của quá khứ đáng ghi chép để ghi chép. Rồi từ đó người ta tách đối tượng của những công trình nghiên cứu ghi chép quá khứ, coi đối tượng ấy như một thực thể trừu tượng độc lập, có một đời sống riêng biệt, chẳng những trong dĩ vãng mà cả trong tương lai. Nhà văn nổi tiếng của Pháp, J.P.Sartre, có câu «*Chúng ta sống trong lịch sử như cá sống trong nước.*» Và nghĩa của từ lịch sử lại rộng thêm khi tiếng này được dùng để chỉ ký ức của loài người, sự phán xét của đời sau. Cách nói «*lịch sử sẽ phán xét*» (l'histoire jugera) là do hiện tượng trượt nghĩa (như trượt tuyết) này mà có.

Khi viết «*để lịch sử xử*,» Nhất Linh Nguyễn Tường Tam muốn nói: để cho lịch sử phán xét hành động của ông. Gần bốn mươi năm đã trôi qua. Nguyện vọng cuối cùng này của ông đã được thỏa mãn hay chưa? Nhiều người, đồng chí, bạn bè, đồng nghiệp, thân nhân v.v... của ông đã bàn về cái chết của ông. Nhưng không vì thế mà có thể khẳng định rằng «lịch sử đã xử. » Nhất Linh Nguyễn Tường Tam đã không chấp nhận cho bất cứ ai - trừ đời sau - được quyền đánh giá việc làm của ông. Nhưng lịch sử - đời sau - là ai? Xử ai, *Nhất Linh* hay *Nguyễn Tường Tam* hay *Nhất Linh Nguyễn Tường Tam*? Xử nghĩa là phán xét, nhưng phán xét về những gì, phán xét như thế nào v.v...? Biết bao nhiêu nghi vấn đã được đặt ra, còn được đặt ra. Chưa có giải đáp nào được coi là thỏa đáng. Sự thật, nói «để lịch sử phán xét» là suy nghĩ theo cách phương Tây. Trong môi trường này, dư luận làm nền tảng cho phán xét của lịch sư đồng thời là con kênh để các sự kiện được lưu trữ vào trí nhớ tập thể.

Việt Nam những năm 2000 không còn là Việt Nam những năm 60. Bước phát triển quốc tế của vùng đất này, phát khởi từ phần nửa sau thế kỷ XX, đã ngày càng gia tăng mức độ phương Tây hóa của nó. Dư luận Việt Nam bây giờ cũng phải lớn lên để tầm nhìn lịch sử của người Việt Nam được mở rộng mà phán xét. Và nó sẽ làm công

việc Nhất Linh Nguyễn Tường Tam đã ủy thác. Để lại di ngôn «*Đời tôi để lịch sử xử,*» ông ký tên Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, một tên gọi kết hợp ông chỉ mới dùng những năm cuối đời. Kết hợp con người làm văn học nghệ thuật và con người làm cách mạng chính trị. Cái chết rất đặc biệt của ông là cái chết của cả hai con người ấy, hay nói đúng hơn, cả hai con người này đã làm ra cái chết ngày 7-7-1963 của Nhất Linh Nguyễn Tường Tam.

Lịch sử «chính danh» hay lịch sử «nhân danh»?

Muốn «để cho lịch sử xử » thì trước hết phải có «lịch sử» đã. Vậy lịch sử là gì? Cho đến nay, dù nhân loại đã bước vào kỷ nguyên khoa học thần kỳ, vẫn chưa có một định nghĩa nào - đúng tuyệt đối về lịch sử - vạch rõ được bản chất của lịch sử. Nhưng người ta tin rằng có một dòng diễn biến khách quan, thị hiện bằng một chuỗi biến cố có vẻ ngẫu hữu, theo chiều hướng tiến bộ, dưới sức đẩy của ba động cơ là ngẫu nhiên, tuân nguyên và tự do. Tạm gọi thứ lịch sử này là lịch sử «chính danh,» lịch sử viết bằng chữ hoa «Lịch Sử. » Bên cạnh lịch sử chính danh này còn có những lịch sử người ta nhân danh lịch sử chính danh để ghi chép theo một sử quan riêng. Hay lịch sử người ta nhân danh tự do mà làm ra. Tạm gọi những loại lịch sử này là lịch sử «nhân danh.» Do đó có sự cách biệt giữa hai loại lịch sử và đã phát sinh tệ trạng ngụy tạo lịch sử, viết lại lịch sử với những quy mô cá nhân hay tập thể. Một tệ trạng đã gây biết bao thảm họa không thể phai mờ trong ký ức của loài người, và đặc biệt của những người Việt Nam hơn nửa thế kỷ bị chìm đắm trong các tội ác khủng bố, diệt chủng, dưới danh nghĩa giai cấp.

Trong trường hợp Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, có những lý do để e ngại rằng vẫn còn những khoảng tranh tối tranh sáng xung quanh cái chết của ông. Những công trình nghiên cứu, ghi chép về thân thế và sự nghiệp của ông chưa đủ để cho lịch sử có thể phán xét thật công bằng công tội của ông, như ông muốn.

Một cá nhân, ở vào một vị thế nào đó trong xã hội – và đây là trường hợp Nhất Linh Nguyễn Tường Tam – có thể viết cho riêng mình một lịch sử vi mô đóng góp vào việc việc viết nên lịch sử vĩ mô cho xã hội. Mấy luồng dư luận - chính quyền Ngô Đình Diệm qua bản cáo trạng của Tòa Án Quân Sự Đặc Biệt truy tố ông về tội «*xâm phạm an ninh quốc gia,*» những đồng chí của ông có dính líu vào cuộc binh biến 11-11-60 phải ra tòa - đã không giúp làm sáng tỏ công tội của ông trước lịch sử, không cho thấy rõ lô gích nào đã đưa tới cái chết ngày 7-7-63 của ông. Người đời sau còn phải đẩy cho dư luận đi tới xa hơn nữa, để tìm ra

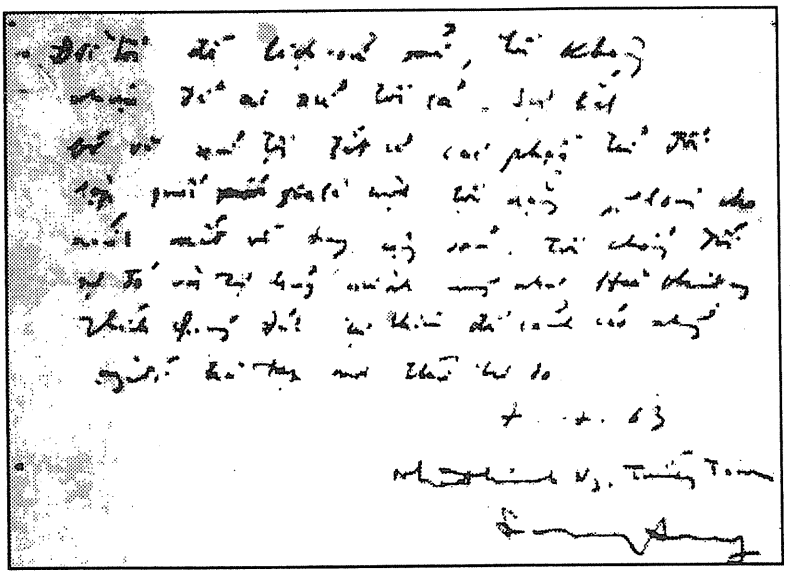

Di chúc của Nhất Linh

ý nghĩa lịch sử của cái chết này. Dĩ nhiên, ai cũng có quyền nghĩ hay nói về cái chết ấy. Và càng nhiều người nghĩ hay nói thì dư luận càng đầy đủ. Nhưng điều nên tránh là đừng tự cho mình quyền «nhân danh» lịch sử vĩ mô để viết lại, theo chủ quan của mình, lịch sử vi mô Nhất Linh Nguyễn Tường Tam. Tốt hơn, nên trả Nhất Linh Nguyễn Tường Tam về thời đại của ông để các sự kiện có tiếng nói. Như vậy ông sẽ được trả về cho lịch sử., điều tương xứng với sự nghiệp, phong cách của ông. Và để cho lịch sử phán xét ông.

Nhất Linh Nguyễn Tường Tam và thời đại của ông

Muốn trả ông về cho lịch sử, trước hết phải trả ông về cho thời đại của ông. Để xem ông đã đột xuất như thế nào trước thời đại ấy.

Nhất Linh Nguyễn Tường Tam sinh ra đời năm 1906 và 57 năm sau, năm 1963, ông tự kết liễu

đời mình. Khoảng thời gian này, tuy rất ngắn trên dòng lịch sử, nhưng ở Việt Nam, nhiều biến đổi dồn dập xảy ra, trên khắp các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa. Nó là sự thể hiện của cuộc vận động Duy Tân đã bắt đầu từ thế kỷ trước, qua một tiến trình trong đó Việt Nam, từ một nước nô lệ lạc hậu, tự chuyển hóa thành một nhân xã độc lập đối với ngoại bang và một chủ thể chính trị trên đường dân chủ hóa nội trị. Hàng triệu người đã góp phần viết nên lịch sử vĩ mô này, bằng những lịch sử vi mô của mỗi người hay của mỗi nhóm họp lại. Để phán xét Nhất Linh Nguyễn Tường Tam không thể không tìm hiểu cách đóng góp và sự đóng góp – mà nhiều người thường tự ý thêm hay bớt – của ông vào lịch sử vĩ mô nói trên, qua hai con người Nhất Linh và Nguyễn Tường Tam. Sự thật khó mà chia phần một cách thật chính xác giữa Nhất Linh và Nguyễn Tường Tam. Nhất là khi sử dụng quyền tự hủy, ông đã nhân danh cả hai con người Nhất Linh và Nguyễn Tường Tam. Nếu dưới đây vẫn cứ phân chia thì đó chỉ là để thuận tiện cho sự trình bày mà thôi.

Nhìn dưới độ góc này, Nguyễn Tường Tam đã đột xuất trước thời đại, dưới tên gọi Nhất Linh - nhà văn, nhà báo, nhà hội họa, nhà trí thức, nhạc sĩ v.v...- cha đẻ của một loạt nhân vật hư cấu, những Lệ Nương, Loan, Dũng, Nhung, Nghĩa, Phương, Thái, Triết, Trương, Thu, Mùi v.v... Những nhân vật hư cấu nhưng linh hoạt như đang sống thực ở ngoài đời, tuy chỉ hiện hữu trong tưởng tượng. Những nhân vật, vì vậy, phản ánh được một bộ mặt nhất định của xã hội đương thời, mở ra được một chiều hướng đi lên cho cuộc sống. Trong từ ngữ chuyên môn của văn học, người ta gọi đó là «không gian văn chương» của Nhất Linh. Không gian cung cấp cho xã hội một kiểu mẫu sống, một rung cảm mới và và nhất là một ngôn ngữ mới, một văn phong mới. Công trình mở đường này đã khiến cho Nhất Linh được đồng thanh nhìn nhận là người mở đường cho văn học sử Việt Nam vào thời điểm thập niên 30, mang lại cho bộ môn tiểu thuyết một bước tiến bộ theo hướng nghệ thuật, và thổi vào báo chí tiếng Việt một sức sống vươn lên. Trong chừng mực đó, Nhất Linh đã đi vào lịch sử của đất nước.

Còn Nguyễn Tường Tam? Hành trình của con người «làm cách mạng» này không sáng tỏ như hành trình của Nhất Linh. Chẳng những ngoài xã hội mà cả trong gia đình ông, các bạn bè, văn hữu của Nguyễn Tường Tam cũng không ai biết đích xác về những hoạt động chính trị của ông. Theo tiểu sử nòng cốt của ông, do Nguyễn Ngu Í công bố ở Sài Gòn năm 1966, Nguyễn Tường Tam năm 1939 lập đảng chống Pháp lấy tên là Hưng Việt sau đổi thành Đại Việt Dân Chính. Năm 1942, Nguyễn Tường Tam ra ngoài nước để sang Trung Quốc, đứng vào hàng ngũ phe tranh đấu người Việt xu hướng quốc gia tại Liễu Châu. Ông hoạt động trong Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội với cụ Nguyễn Hải Thần và một thời gian có cả Hồ Chí Minh. Sau đó, ông về Côn Minh tranh đấu dưới màu cờ Việt Nam Quốc Dân Đảng. Cho đến giữa 1945, ông có về nước ở vùng Hà Giang nhưng rồi lại quay sang Côn Minh và đi Trùng Khánh. Khi đảng Cộng Sản Việt Nam cướp chính quyền dưới danh nghĩa Việt Minh thì Nguyễn Tường Tam vẫn còn ở ngoài, mãi đầu năm 1946 mới về nước. Tổ chức Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội cũng dời địa bàn hoạt động về Việt Nam. Để có lực lượng đối lập công khai với chính quyền cộng sản, một Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất ra đời với Nguyễn Tường Tam Phó chủ tịch, bên cạnh Nguyễn Hải Thần, chủ tịch. Vào thời điểm này, dưới áp lực của Trung Quốc, và của tình hình mới do sự hiện diện của quân đội Pháp ở Việt Nam, hai phe quốc cộng ở Việt Nam phải thành lập một chính phủ Liên Hiệp. Nguyễn Tường Tam nhận lời tham gia, giữ chức vụ bộ trưởng Ngoại giao. Nhưng ngày 5-3-1946, Nguyễn Tường Tam gửi thư cho Hồ Chí Minh xin từ chức bộ trưởng ngoại giao, nói rõ rằng quyết định rút lui của ông chỉ có tính cách «hoàn toàn cá nhân,» không «liên quan gì đến sự đoàn kết các đảng phái.» Bởi vậy, ông không cầm đầu phái đoàn Việt Nam sang Pháp tham dự cuộc đàm phán Việt Pháp tại Hội nghị Fontainebleau. Trước khi cuộc chiến tranh Việt Pháp bùng nổ vào gần cuối tháng 12-1946, Nguyễn Tường Tam lại trở qua Trung Quốc, cùng với cựu hoàng Bảo Đại tìm một giải pháp chính trị tranh thủ độc lập cho Việt Nam. Việc này không đi tới kết quả cụ thể nào đối với Nguyễn Tường Tam và một số đồng chí cùng lưu vong với ông ở Trung Quốc. Năm 1949, tất cả những người này quyết định giữ vững lập trường không hợp tác với Pháp, cũng không bắt tay với cộng sản Việt Nam, dù để kháng chiến. Một trong những người này, Nguyễn Tường Bách, tác giả quyển Hồi ký nhan đề *Việt Nam một thế kỷ qua* viết rằng : «Đối với ý kiến của chúng tôi đi tìm một con đường mới để thoát khỏi bế tắc, anh Tam không biểu lộ ý nghĩ cụ thể, không tán thành hay phản đối việc chúng tôi làm. Xưa nay, anh không

ép buộc ai phải theo ý muốn của mình cả, có thể vì thế mà anh không tổ chức được hàng ngũ đấu tranh có kỷ luật chặt chẽ (...) » Năm 1949, Nguyễn Tường Tam trở về Hà Nội, tuyên bố không hoạt động chính trị nữa. Năm 1953, ông lên Đà Lạt ở ẩn, 1958 trở về Saigon, hoạt động văn nghệ, ấn hành tờ tạp chí Văn Hóa Ngày Nay, thể gánh chịu. Sau hết, vào thời điểm chính quyền Ngô Đình Diệm đưa ông ra xét xử trước tòa, trong dư luận quần chúng, chính quyền nàyđã tới bên bờ vực thẳm của tiêu vong. Cái chết của Nguyễn Tường Tam quả thật không phải là điều tất yếu của tình thế. Nhưng Nguyễn Tường Tam đã chết «để cảnh cáo» một bạo quyền. Như vậy có thể là

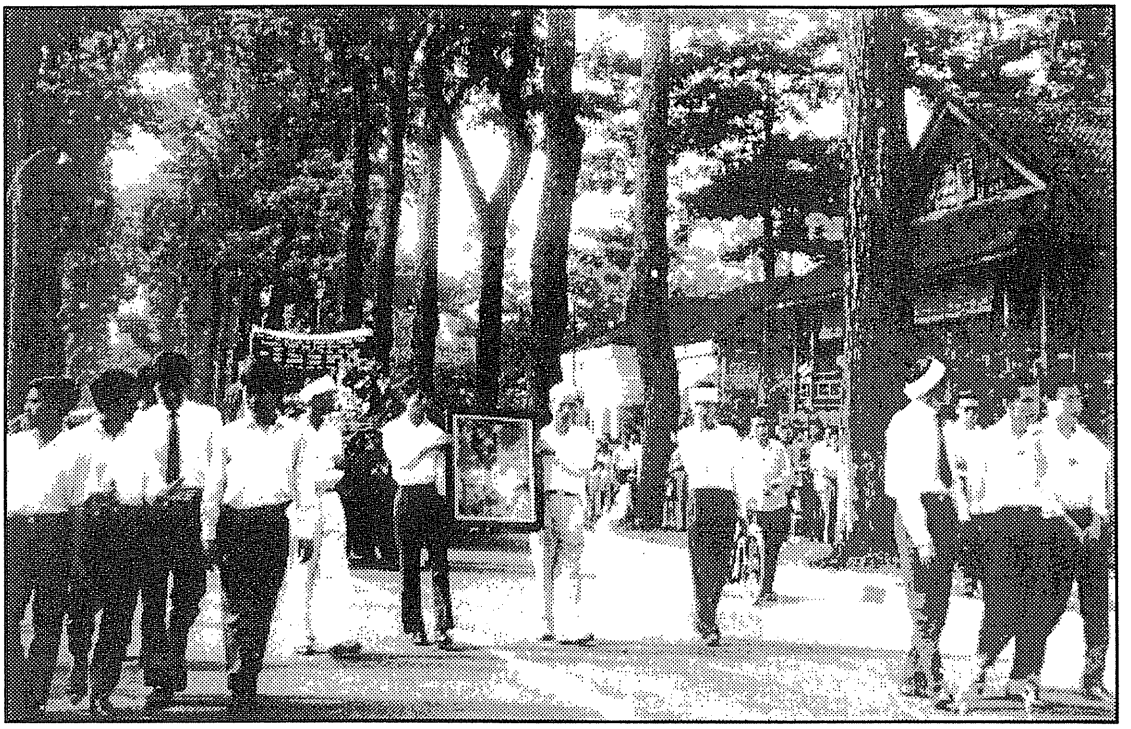

Đám tang Nhất Linh, 14 tháng 7 năm 1963

được 11 số thì đình bản. Ngày 7-7-1963, ông tự sát vì không chịu để tòa án của chính quyền Ngô Đình Diệm xét xử ông. Mặt khác , ông còn muốn chống lại *«Sự bắt bớ và xử tội tất cả các phần tử Đối lập Quốc Gia là một tội nặng sẽ làm cho nước mất về tay Cộng sản.»* Ông minh xác: *«Tôi chống đối sự đó và tự hủy mình cũng như Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để cảnh cáo những người chà đạp mọi thứ tự do.»*

Trong lịch sử chính trị cận đại Việt Nam chưa có một người làm chính trị nào chọn cái chết như Nguyễn Tường Tam. Trong chừng mực đó, ông cũng đã trở thành một nhân vật lịch sử, nhưng không theo lô gích chính trị. Sự thật, Nguyễn Tường Tam không trực tiếp hay gián tiếp liên hệ gì với nhóm quân nhân đảo chính, ngày 11-11-1960 tấn công Dinh Độc Lập nhằm lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm. Tội danh «xâm phạm an ninh quốc gia» đã được áp đặt cho ông vì nhu cầu đàn áp. Đã vậy, cũng không có đủ tội chứng để biện minh cho bất cứ một hình phạt nào ông có Nguyễn Tường Tam đã chết theo hai lô gích. Hoặc là lô gích «luân lý» để tỏ bày cái «thượng dũng» của một đấng trượng phu. Phải chăng Nguyễn Tường Tam đã trở lại với nhân sinh quan «Nho phong» mà ông vẫn còn thấm nhuần khi bắt đầu sự nghiệp văn chương của mình? Hoặc là lô gích thẩm mỹ, Nguyễn Tường Tam đã trở thành một «nhân vật tiểu thuyết» của Nhất Linh ? Trong các tiểu thuyết của Nhất Linh người ta luôn luôn gặp những nhân vật, vì lý do này hay lý do khác, tính chuyện kết liễu cuộc đời mình một cách bình thường, tự nhiên. Phiên xử ngày 9-7-1963 của Tòa Án Quân Sự Đặc Biệt là giọt nước làm tràn ly. Như môt người viết tiểu thuyết đi tìm chi tiết dựng tác phẩm, Nguyễn Tường Tam đã thản nhiên bố trí cái chết của mình. Chết như vậy là một vẻ đẹp trong một toàn bộ thẩm mỹ mà tác giả, như Thượng Đế, có toàn quyền sắp xếp. Phải chăng vì vậy mà ông đã ký tên dưới di ngôn của mình là Nhất Linh Nguyễn Tường Tam? Hai con người này đã nhập làm một để lấy một quyết định chót.

Ba mươi chín năm sau khi Nhất Linh Nguyễn Tường Tam nằm xuống, có lẽ nay và mãi sau vẫn còn những người tưởng nhớ đến ông. Dù muốn hay không muốn, Nhất Linh Nguyễn Tường Tam đã là quá khứ mà những lớp người ở Việt Nam lựa chọn làm văn học nghệ thuật hay làm cách mạng chính trị đã mang trong mình. Trọng lượng của quá khứ ấy có thể nặng nhẹ, tùy theo cách đánh giá của mỗi người. Đối với một số người, Nhất Linh Nguyễn Tường Tam đã làm xong công việc của một chặng trên con đường đổi mới nghệ thuật (xin xem **Thảo Luận**, nhà Xuất bản Sáng Tạo, Sài Gòn 1965). Đối với một số người khác - thân cho cách mạng chính trị từ thập niên 30, lúc nào cũng ở trên cấp bậc lãnh đạo, vậy tại sao ông đã tuyên bố rút lui khỏi chính trường đầu thập niên 50 và hơn một thập niên sau, lại tự sát vì chính trị ? Những bí ẩn này gợi ý rằng sự hiểu biết của đời sau về nhân vật Nhất Linh Nguyễn Tường Tam vẫn còn phải bổ sung. Nói như vậy không có nghĩa là chỉ có thể có một thái độ của khách bàng quan, trong khi chờ đợi.

Miền Nam Việt Nam đã mất vào tay Cộng Sản, điều Nhất Linh Nguyễn Tường Tam lo ngại. Tất nhiên không hẳn hoàn toàn do những hành động ông lên án. Nhưng lịch sử đã bắt đầu việc

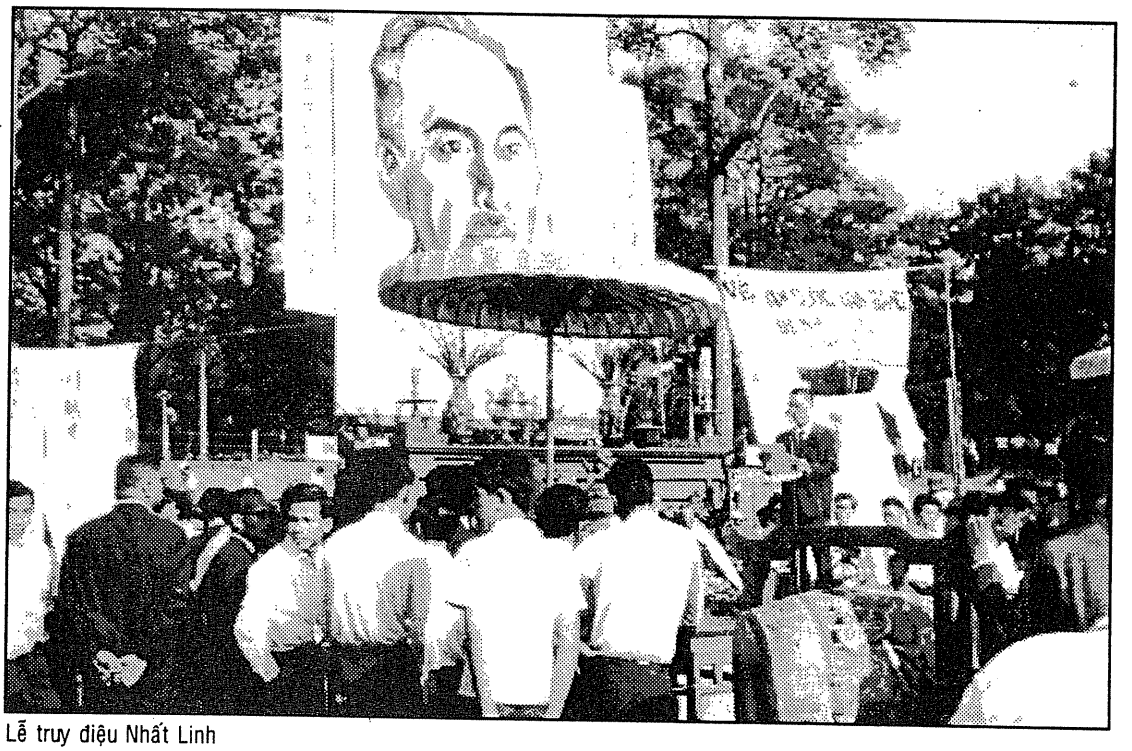

Lễ truy điệu Nhất Linh

những người duy lịch sử, tự cho mình là Lịch Sử - sự đóng góp của Nhất Linh Nguyễn Tường Tam chỉ đáng kể trong một giới hạn nào đó thôi (xin xem**Nhất Linh, cây bút trụ cột của Tự Lực Văn Đoàn**, nhà Xuất Bản Văn Hóa Thông Tin, Hà Nội 2000).

Trong trí nhớ tập thể, vẫn còn những khoảng tối trên thân thế và sự nghiệp Nhất Linh Nguyễn Tường Tam. Không dễ gì mà có được một «cây đàn muôn điệu» (văn, họa, nhạc) như ông. Lại thêm một vốn sống thượng vàng hạ cám, phong phú, không phải ai cũng có. Vậy tại sao Nhất Linh Nguyễn Tường Tam đã ngưng sáng tác sau Bướm Trắng, Xóm Cầu Mới, Giòng Sông Thanh Thủy (1961)? Ông có mặt tại nhiều nơi, đã liên tục dấn phán xét và sẽ còn tiếp tục phán xét. Nhất Linh Nguyễn Tường Tam không có ý định để lại cho đời sau một thông điệp với một nội dung nhất định nào. Vào cái tuổi 57 chưa hẳn quá về chiều của cuộc đời, ông đã lấy cái chết của mình để cảnh cáo những người cầm quyền bạo ngược, ngang nhiên chà đạp lên mọi thứ tự do là nhân phẩm, thứ giá trị khiến cho con người khác biệt được với các sinh vật khác. Không phải ai cũng lấy được một quyết định như vậy. Phong thái lẫm liệt ấy hiếm thấy trong lịch sử Việt Nam hiện đại.

Người Việt Nam có thể tự hào đã có một nhân vật Nhất Linh Nguyễn Tường Tam trong lịch sử./.

NHẤT LINH VÀ XÓM CẦU MỚI

NGUYỄN THỊ VINH

Thật ra, tôi nghĩ là phải viết thế này mới đúng: Nhớ về "Xóm Cầu Mới". Có nghĩa là tôi nhớ lại tác phẩm "Xóm Cầu Mới" đã được nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam ấp ủ, thai nghén và cho ra đời ở đâu, khi nào và ông, người mà lúc sống vẫn vui lòng cho phép các bạn hữu và đàn em, trong đó có tôi, được gọi là "anh Tam", đã gửi gấm những gì trong tiểu thuyết "Xóm Cầu Mới"?

Trong nỗi nhớ thường có điều quên và "nhớ lại" cũng không đồng nghĩa với "lại nhớ" được hết mọi chuyện. Nên tôi hy vọng rằng bài viết ngắn ngủi và nhỏ nhoi này, nếu có chi thiếu sót, xin các bạn văn và bạn chiến đấu thời lưu lạc ở Hương Cảng niệm tình mà thứ lỗi cho tôi.

Xóm Cầu Mới còn có tên là Bèo Giạt, dựa theo một câu thơ của Huy Cận, "Bèo giạt về đâu hàng nối hàng," được nhà văn Nhất Linh viết lại mạch lạc và gọn gàng ở "Trên núi, lúc 01giờ 30 trưa, ngày 16 tháng 10 năm 1949" tại Sường Châu, Hương Cảng, nơi mà "anh Tam" cùng các "bạn chiến đấu" tỵ nạn chính trị từ năm 1946. Rồi lại viết lại, viết tiếp và sửa nhiều lần, tại Đà Lạt năm 1957.

Mỗi khi có dịp nhìn lại tấm bìa cũ, các tựa sách do anh Tam phác họa, làm mẫu cho nhà in typo của nhà xuất bản Đời Nay tại Hà Nội hay Phượng Giang ở Sài Gòn nằm trong bộ sưu tập của Nguyễn Tường Thiết con trai anh Tam, lòng tôi lại nhen lên một ánh lửa hồi ức của que diêm kỷ niệm văn nghệ tưởng như đã tàn. Các nhà phê bình văn học viết về nội dung, bố cục và bút pháp của XCM; còn tôi, nhớ mãi những ngày tháng được nhìn thấy bản thảo "chữ con kiến bò" của anh Tam, nhỏ nhưng không tới nỗi quá khó đọc, chạy trên mấy trăm trang giấy bản thảo. Bản thảo đầu tiên của XCM, anh Tam thai nghén từ năm 1940 ở Hà Nội và tới năm 1949 mới được anh viết tiếp ở Hương Cảng sau khi chị Nguyên (tức bà Nhất Linh – TK21) đã khuyên anh nên trở lại "đời văn sĩ." Thời gian đó, tôi không hiểu nhiều về các vấn đề chính trị ảnh hưởng tới đất nước Việt Nam thân yêu, nhưng cũng biết là chị Nguyên có lý khi muốn anh Tam viết văn trở lại.

Năm 1949, anh Tam còn ở Hương Cảng, bản thảo Xóm Cầu Mới đề ngày 16 tháng 10 năm 1949, truyện dài mà anh hằng mong muốn dựng lên như:

"Một cuốn Đông chu Liệt quốc của những đời sống tầm thường, vui lẫn buồn, những vui buồn nhỏ nhặt hàng ngày của những nhân vật, những gia đình sinh hoạt trong cái xóm nhỏ ở đầu một chiếc cầu gỗ từ lúc cầu bắt đầu mọt cho đến khi cầu gẫy xóm nhỏ và các gia đình cũng tan tác theo chiếc cầu gỗ. *Những đời "bèo giạt" đến hội tụ ở xóm nhỏ cũng như những bèo giạt đến, trong ít lâu, vương bám vào chân cầu, rồi lại trôi đi theo giòng nước, không biết về đâu?"*

Xóm Cầu Mới dự tính in năm 1950, nhưng mãi tới năm 1958 mới được đăng trên Văn Hóa Ngày Nay, giai phẩm (nghĩa là muốn in số báo nào xin phép số đó) do anh Tam chủ trương; số ra mắt ngày 17 tháng 06 năm 1958, phần Một của Xóm Cầu mới, là truyện Cô Mùi. Xóm Cầu Mới ở đâu? Xóm Cầu Mới của Nhất Linh không phải là Xóm Cầu Mới ở Tân Định Sài Gòn, cũng chẳng ở đâu khác, ngoài vùng phố Huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương là nơi anh Tam sinh ra và lớn lên. Nơi mà Thạch Lam Nguyễn Tường Lân viết truyện ngắn nổi tiếng "Nhà Mẹ Lê."

Ở phần Mở Đầu cuốn truyện dài ấy, anh Tam đã dẫn giải hết sức rõ ràng:

"Xóm Cầu Mới là một cái xóm nhỏ ở cạnh một chiếc cầu gỗ cũ..." Tính bi kịch của truyện bắt đầu từ câu văn này. Xóm tên là Cầu Mới nhưng cầu thì quá cũ: "*... đã long mất gần một nửa số ván và gẫy mất gần một nửa số chân. Cũng may, ván long đều và chân cầu cũng gẫy đều nên cầu còn vững và xe cộ còn qua lại được...*"

Anh Tam liên tưởng gì tới tình hình đất nước ta, sau Hiệp ước Sơ bộ ngày 06 tháng 03 năm 1946, ở đoạn văn:

"Đời dân xóm liền với chiếc cầu nên bất cứ một tin gì lạ về chiếc cầu cũng làm họ thao thức và xôn xao bàn tán. Bốn năm trước có một người làm ở sở Lục Lộ, trong lúc vui câu chuyện, đã

Nhất Linh cùng gia đình Trương Bảo Sơn đi thăm Nguyễn Gia Trí bị Pháp "chỉ định cư trú" tại Thủ Đức, năm 1953. Từ trái: Hàng trước: Nhất Linh, bé Kim Anh. Hàng sau: Nguyễn Thị Vinh, Trương Bảo Sơn, Nguyễn Gia Trí.

nói là sẽ sơn lại cầu. Sơn lại thì họ không cần lắm nhưng sơn tức là phải sửa chữa lại, dân xóm tán ra như vậy. 'Sơn tức là phải sửa chữa lại cầu,' câu ấy ròng rã bốn năm trời vẫn được nhắc đến luôn ở cửa miệng những người dân xóm, nghèo tiền nhưng rất giầu hy vọng hão. Còn duyên do vì đâu lại oái oăm bắc một chiếc cầu vô dụng và đắp một con đường tắc tị thì không ai hiểu gì cả và sở Lục Lộ bây giờ có lẽ cũng không hiểu nốt."

Sao tôi cứ buồn khi nghĩ, bốn chục năm qua, dân nghèo nước mình vẫn chỉ giầu niềm hy vọng mong cho đất nước được sửa chữa, nhưng quả thật là hão huyền, vẫn nguyên vẹn đó một "con đường tắc tị," đường cụt, mà người Na Uy gọi là "đường mù." Những đời dân tứ xứ như "bèo giạt" nơi quê người và nhất là ngay cả trong đất nước mình: giờ đây đa số chết non, thác yểu hoặc vẫn kéo lê cuộc đời chỉ "hy vọng hão." Ngày xưa, ở "Cầu Mới," qua lời anh Tam kể: "Cả xóm không có một căn nhà gạch hay gỗ nào. *Toàn là những nhà tranh lụp xụp, xiêu vẹo; trông cũ kỹ như chiếc cầu gỗ chỉ có cái tên là mới."* Ngay ở đảo Sường Châu, những năm sau thập niên 40 của thế kỷ 20, là một hòn đảo nghèo, nơi mà nhóm tỵ nạn chúng tôi ngụ cư cũng không nghèo đến thế. Mặc dù bị kềm dưới chế độ thực dân Anh, Hương Cảng vẫn vươn mình lớn mạnh; mọi người, tùy theo sức lực, tài năng hoặc ý chí vẫn có quyền tự do mưu cầu sự sống. *Các văn nghệ sĩ được tự do sáng tác.* Họa sĩ Nguyễn Gia Trí vẫn sống nhờ vào tiền bán tranh sơn dầu và sơn mài. Anh Tam cũng vẽ các loại than chì, sơn dầu, thủy mặc, phấn tiên.

Thời gian viết Xóm Cầu Mới, ở Hương Cảng cũng như Đà Lạt hay Sài Gòn, anh Tam vẽ nhiều, ngoài ra còn là họa sĩ chính của tờ Văn Hóa Ngày Nay. Các nhà sưu tập tranh người Pháp, Anh, Trung Hoa... sưu tập tranh của họa sĩ Nguyễn Gia Trí là chuyện bình thường, vì anh Trí là nhà mỹ thuật chuyên môn. Nhưng tranh của anh Tam cũng được rất nhiều người ưa chuộng. Tiếc ngày nay hàng ngàn tấm tranh nhỏ, vẽ trên giấy, của anh đã bị thất lạc nhiều. Anh vẽ cây đa Cốc, nơi chim cốc thường về đậu, vẽ cây cầu cũ nơi Xóm Cầu Mới. Vẽ cả sơ đồ bối cảnh của cuốn truyện. Anh vẫn thường bảo: "Văn chương, thi ca còn tùy thuộc bản dịch. *Nhưng âm nhạc, nhiếp ảnh và đặc biệt là hội họa có hình thể thì người nước nào cũng hiểu được!"* Lúc viết lại Xóm Cầu Mới, anh nói: "Người ta vẫn nghĩ có một loại văn Tự Lực Văn Đoàn. *Riêng tôi, không làm văn, tôi viết cốt sao cho người đọc dễ hiểu và người dịch dễ dịch sang ngoại văn, nếu có dịp."* Có lần, tôi hỏi: "Anh tính viết Xóm Cầu Mới, cho chuyện nhà cô Mùi

là chính, các nhà khác vây quanh, là phụ hay sao?" Anh nói: "Tôi không cho nhà nào là chính hay phụ. *Tôi sẽ viết mấy cuốn trong một cuốn mới đủ bộ Xóm Cầu Mới."*

Sau này, từ Hương Cảng về Sài Gòn, rồi Đà Lạt, anh đã thảo mấy cuốn: Cô Mùi, Người Chiến Sĩ, Nhà Bác Lê, Người Sát Nhân, Cậu Ấm, Ông Năm Bụng. Với dự tính ban đầu: "Những chuyện dài có liên can hoặc xa, hoặc gần tới XCM mà các nhân vật chính hay phụ phần nhiều lấy ở số người tới ngụ cư trong xóm." Anh còn tỉ mỉ vẽ chân dung và ghi lý lịch, cá tính từng nhân vật một, để "khỏi quên" vì pho truyện có thể sẽ kéo dài, theo ý anh thì: "Riêng tôi, tôi mong viết độ hai chục cuốn nữa thành một bộ gần vạn trang, mới đủ tả đầy đủ sự phức tạp và muôn mặt của cuộc đời." Theo nhà xuất bản Phượng Giang: "Nhất Linh viết đi viết lại Xóm Cầu Mới tất cả năm lần. *Lần đầu viết năm 1940 ở Hà Nội, lần thứ hai năm 1943 tại Quảng Châu (Trung Hoa). Lần thứ ba năm 1949 tại Hương Cảng (Trung Hoa). Về nước, Nhất Linh viết lại lần thứ tư tại Hà Nội năm 1951. Và sau cùng, trước khi đăng trên tờ Văn Hóa Ngày Nay (1958), Nhất Linh đã sửa lần chót bên dòng suối Đa Mê, Fin Nom (Đà Lạt) vào năm 1957."*

Tới đây, tôi muốn kể chuyện về nơi anh Tam viết và sửa lại cuốn Xóm Cầu Mới, lần thứ ba: Tại Hương Cảng năm 1949 cùng với bao kỷ niệm đã ghi đậm nét trong trí nhớ của tôi:

Năm 1948, tôi sang Hương Cảng, nơi tôi ở là một căn nhà... Không, phải gọi là một túp lều mới ổn. Túp lều của chúng tôi nằm trên một, trong nhiều các ngọn núi đá thấp. Vách ghép bằng các mảnh ván thùng, mái lợp cao su dầy màu đen. Bên trong ngăn ra làm hai buồng nhỏ, buồng nào cũng có cửa sổ không lớn, nhưng đủ thoáng mát. Bếp ở phía sau lều, vách dựng sơ sài bằng các mảnh thùng sắt tây cũ. Nhu cầu nước, đã có con suối gần nhà, được những mỏm đá thiên nhiên bao bọc rất kín đáo, chúng tôi có thể ra tắm ở đây. Ông Woòng, người chủ của hai túp lều cho chúng tôi thuê, đã có sáng kiến dùng ống cao su dẫn nước từ suối, chảy vào khu nhà bếp, nên việc nấu ăn, rửa bát của chúng tôi rất tiện.

Đời tôi từ bấy đến nay, thời gian qua đi già nửa thế kỷ, đã từng được ở những nơi nhà cửa cao rộng, đầy đủ tiện nghi, mà sao tôi vẫn không thể nào quên được túp lều (trên núi) của chúng tôi. Chao ơi, mỗi khi tắm, tôi chưa thấy có một vòi "hoa sen" nước nào có thể so sánh được với dòng suối ngày ấy. Tiếng suối reo, ào ạt suốt ngày đêm, hòa với tiếng u. u... u... của gió núi, khi thổi lùa qua những hốc đá, đã trở thành "bản nhạc núi" tuyệt vời. Nơi đây, không có hoa lá và ngay cỏ dại cũng chẳng mọc nhiều; dân cư ở xa, nên không cả mùi khói bếp. Không, không có mùi gì hết, tại sao tôi vẫn cảm nhận được mùi thanh khiết của núi đá, của nước. Không khí nhẹ nhàng quá. Phải chăng, tôi chỉ ngửi được bằng hai lá phổi, chứ không bằng mũi...

Tôi biết kể sao cho hết nỗi vui thích của tôi, mỗi khi ra suối tắm. Mặt trời đụng vào dòng nước đang chảy, vỡ tung, thành muôn vàn mảnh ánh sáng nhỏ lấp lánh đủ màu, loang loáng chảy, xối ào ạt lên người tôi; hơi nước mát rười rượi. Tôi tưởng như mình đang ở một xứ thần tiên, trong truyện cổ tích nào đó, tôi đã được đọc từ thuở ấu thơ!

"Nhà của chúng tôi," nếu tính từ trung tâm thành phố Hương Cảng về, phải ngồi xe điện mất gần một tiếng. Đến trạm chót, còn phải đi bộ một thôi dài, tới đường Happy Valley gần khu Phảo-mã-tỷ (trường đua ngựa) đến chân núi. Khốn nỗi, lại mất khoảng hai mươi phút từ chân núi, leo ngược con dốc đá thoai thoải, mới lên đến "nhà" lều.

Con đường này, mùa hè cũng như mùa đông, mới sáng tinh mơ đã có rất nhiều người dân lao động đến ngồi ven núi, đập đá thuê. (Thời ấy, có một số nhà cách mạng Việt Nam, từng bôn ba sang Tàu; qua Thượng Hải, Quảng Châu... rồi trôi giạt đến Hương Cảng, khi kẹt cũng phải mưu sinh tạm bằng nghề đập đá thuê ở đây.) Sở dĩ tôi phải kể dài dòng cảnh "trên núi" như trên, là vì: Trên bản thảo XCM, còn có tên là Bèo Giạt, anh Tam có ghi lại: "Hương Cảng, Trên núi, lúc 01giờ 30 trưa, ngày 16 tháng 10 năm 1949." Bản XCM, lần đầu được viết lại, ở Hương Cảng và Sường Châu. Sường Châu, hay Sheng Chou là một hòn đảo nhỏ, cách Hương Cảng một hoặc hai giờ tầu thủy, tùy theo chuyến chạy nhanh hay chậm. Nơi có gia đình ông Woòng, đã mấy đời, làm nghề cho các thuyền đánh cá trên đảo thuê bến bãi đậu thuyền. Nhà ông Woòng ở sát bờ biển, phong cảnh đẹp, không khí thoáng mát pha mùi nước biển.

Gia đình ông Woòng, ai cũng hiếu khách, rất quý trọng các nhà chính trị, chí sĩ hay nghệ sĩ lưu vong. Ông Woòng để riêng hẳn một phòng cho khách ngụ, dù ở bao lâu cũng được. Nhưng, ai muốn ở chơi lâu, đều đề nghị với chủ nhà cho ăn

riêng, tự nấu lấy bằng cái bếp dầu tây, bằng đồng. Giờ đây, mỗi khi có dịp nhìn lại

Như đã kể, năm 1948, khi đến Hương Cảng, tại túp lều kể trên, tôi được gặp anh Tam lần đầu. Tôi không biết anh là nhà văn Nhất Linh. Khoảng một tuần sau, trong bữa cơm, "cả nhà" ngồi quanh cái bàn dài, bằng gỗ ván thùng, do các anh đóng lấy. Nhân một câu chuyện tình cờ, khi biết anh là nhà văn Nhất Linh, tôi đặt bát cơm ăn dở xuống bàn, vội vàng, đến gần như vô lễ, tôi nhìn anh, lắp bắp hỏi: "Anh, anh là ông... *Nhất Linh đấy hả?*" Anh mỉn cười gật đầu, còn các anh cùng bàn thì bật cười thành tiếng. Tôi lại hỏi tiếp: "Thế anh... *Chính anh, viết cái cuốn Đoạn Tuyệt đấy hả?*" Lần này thì anh khẽ cười thành tiếng và trả lời "vâng!"

Hàng ngày, tôi ít dám nói chuyện với anh, bởi vì trên gương mặt anh toát ra một vẻ nghiêm khắc, trầm lắng, rất buồn bã. Ánh mắt luôn luôn như nhìn về một cõi xa xăm..., mọng lên nỗi chứa chất u sầu. Tới nỗi tôi có cảm tưởng, nếu có một tiếng động dù nhỏ, bất chợt vang lên, cũng đủ làm cho những màng nước trong mắt anh oà vỡ! Cặp môi anh có lúc rung rung, như đang nói chuyện với ai đó, vô hình, đôi khi lại thoáng nét nhẹ, thật nhẹ, như mỉm cười!

(Sau này ở Sài Gòn khoảng năm 1960-62, khi viết Dòng Sông Thanh Thủy có lần anh đã nói về chuyện cũ, nên tôi hiểu nỗi buồn của anh ngày lưu lạc quê người, Hương Cảng 1949; cùng lúc anh có nhiều chuyện buồn, toàn về "vận nước" với tình người.

Tự Lực Văn Đoàn "tan đàn, nát gánh"; Việt Nam Quốc Dân đảng thì Vũ Hồng Khanh lại không nhìn ra thủ đoạn chính trị "6 tháng 3 năm 1946," ký Hiệp ước Sơ bộ cho Pháp trở lại Việt Nam; các bạn chiến đấu cùng chạy qua Tàu, phần lớn mất liên lạc.)

Không chỉ mình anh Tam, mà tất cả anh em trong nhà đều buồn; Vì chúng tôi đang có một cái tang chung! Một chiến sĩ, chí sĩ, một nhà cách mạng hay một nhà văn lớn và cũng là Bạn Chiến Đấu của chúng tôi. Người mới từ giã cõi đời, anh Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long, là em ruột anh Nhất Linh Nguyễn Tường Tam. Anh Long từ Quảng Châu về Hương Cảng, dự một phiên họp, (nghe nói buổi họp này gồm "đủ mặt" từ mấy phía, có cả vua Bảo Đại...) Ôi! Buổi họp cuối cùng của tác giả "Mười Điều Tâm Niệm" và "Trước Vành Móng Ngựa"...! Họp xong, Anh Long vội rời Hương Cảng đi Quảng Châu, chẳng may

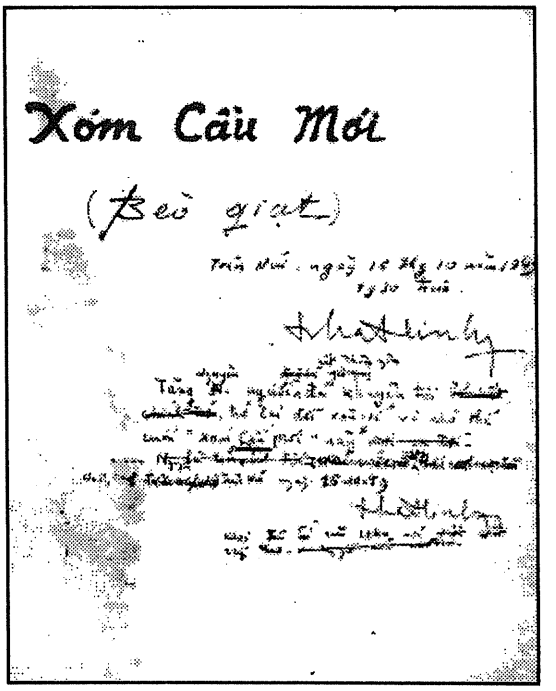
Xóm Cầu Mới

Trang viết từ Hương Cảng: "Trên Núi, ngày 16 tháng 10 năm 1949, 1 giờ 30 trưa. Tặng Nguyên người rất thân yêu đã khuyên tôi trở lại đời văn sĩ và nhờ thế cuốn "Xóm Cầu Mới" này mới ra đời"

đã mất ở trên chuyến tầu hỏa đó, năm 1948. Năm 1946, Khái Hưng bị giết, năm 1948 lại đến Hoàng Đạo! Vì đâu và lỗi do ai? Ai đã gây ra? Trong vòng năm năm, nhóm Tự Lực Văn Đoàn tắt mất hai Ngôi sao Chủ lực. Đất nước Việt Nam đã mất hai nhà văn, cũng là hai nhà cách mạng, đầy ý chí muốn mở mang dân trí, qua ngòi bút và hành động chính trị vì tình Yêu Nước! Nỗi đau mất bạn Khái Hưng còn đó, lại tiếp thêm Nguyễn Tường Long... Anh Long mất, anh Tam không chỉ mất người em ruột, mà còn là mất một người Bạn Chiến Đấu, một nhà Tư Tưởng thân thuộc, một Bạn Văn đã cùng chung khai sáng Tự Lực Văn Đoàn. Tình trạng đất nước ngày ấy đang thay đổi, với chiều hướng suy đồi, anh Tam nhìn thấy trước mà đâu đỡ nổi. Cho nên chẳng lấy gì làm lạ khi thấy anh buồn bã, như tôi đã kể.

Anh là người thương Nước, xót Dân thật sự; bày tỏ một thái độ chính trị Quốc Dân (Quốc gia, Dân tộc) trước sau như một, hết sức trong sáng, rõ ràng. Anh Tam không phải là người "làm chính trị" có chủ trương dựa vào các thế lực ngoại quốc, như: Nhật, Nga, Tàu, Pháp, Mỹ. Để mong "cõng rắn về..." lấy cớ "cứu nước!" Tâm hồn anh lại là một tâm hồn nghệ sĩ lớn. Anh rung động, nhạy cảm, vui buồn với tất cả mọi chuyện xảy ra trong

xã hội, trong đời sống thường ngày của mọi người, quanh anh. Và anh đã gửi gấm được tấm lòng này vào trong bộ truyện XCM, cùng với bao nỗi khắc khoải. Thêm vào đó, "cảnh trên núi" chúng tôi lúc ấy lại vắng đi mấy người, anh Đỗ Đình Đạo, anh Trần Văn Tuyên..., vì công việc chung cũng như việc riêng, đã trở về nước. Các anh khác đều bận việc, anh Bảo Sơn làm cho hãng hàng hải của Hòa Lan, tuốt dưới phố; anh Lễ làm cho nhà "băng," sáng đi, chiều về. May lúc ấy, nhờ Kim Anh, con gái tôi, năm 1948 mới được hai tuổi; chưa biết vui buồn là gì, thường luẩn quẩn bên anh Tam. Nơi nào có trẻ con, không khí sinh

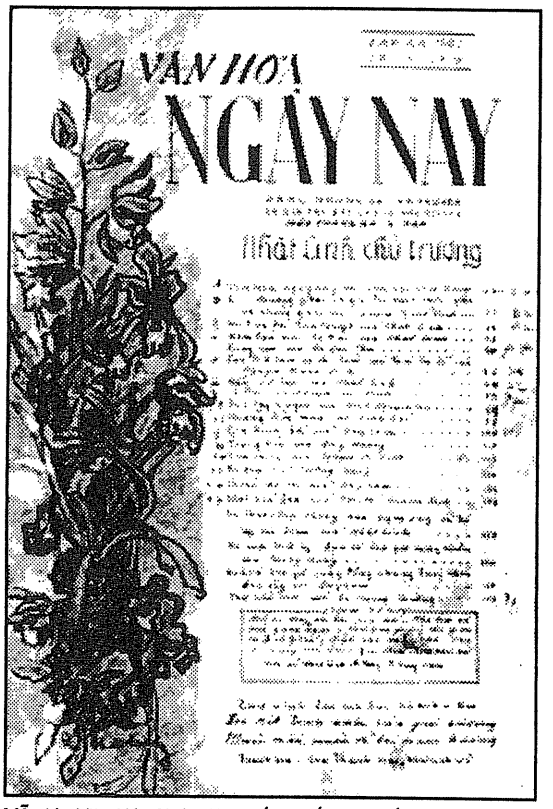
VĂN HÓA
NGÀY NAY
Nhất Linh chủ trương

Mẫu bìa Văn Hóa Ngày Nay số ra mắt do Nhất Linh trình bày.

động, vui hẳn lên. Đôi lúc anh Tam bế cháu Kim Anh, sửa lại giọng bi bô, tập nói ngọng ngịu của cháu; và thường đùa, bằng cách sai vặt: "Kim Anh, đưa cho bác cái bật lửa!" Nếu cháu hiểu ra, làm được theo đúng ý anh, anh cười thành tiếng... Như các anh khác, tôi cũng mừng, tiếng cười của người này, thường làm cho bao người khác vui lây, quên đi phần nào cảnh anh em, bạn bè chia lìa, mất mát.

Sau khi được tin anh Nguyễn Tường Long mất, chị Long cùng với người con gái lớn của anh chị, là Minh Thư, vội sang Hương Cảng. Anh em đi đón chị Long và Minh Thư từ phi trường, lên thẳng trên núi. Hai ngày sau, mẹ con chị Long đáp tầu hỏa đi Quảng Châu. Chắc để lo việc thu nhận hài cốt của anh Long. Tôi không nhớ rõ.

Dù không sống gần, song những người thân của anh Tam ở quê nhà, ai cũng đoán được, chắc chắn anh Tam sẽ đau buồn về chuyện mất anh Long; anh sẽ xuống tinh thần không ít! Vì vậy chẳng bao lâu, chị Tam từ Hà Nội đã sang Hương Cảng thăm anh. Có chị trên núi, không khí nơi đây như tươi lên được đôi chút. Chị Tam kín đáo săn sóc anh, luôn tìm cách nhắc lại về thời anh làm báo, viết sách. Chỉ những khi đó, như một phép lạ, nét mặt anh vui, ánh mắt tươi sáng. Kỳ diệu thay, sức mạnh của văn chương và nghệ thuật! Tôi biết, văn nghệ không làm cho anh quên việc đất nước, nhưng nó làm cho anh tạm yên, để từng bước một bình tĩnh, lọ toan nhiều chuyện lớn.

Tôi đưa chị Tam đi chợ "Trung Vàn Cái Xỉ", là chợ lớn nhất Hương Cảng, giống như chợ Bến Thành ở Sài Gòn. Chúng tôi bị nhiều người lớn nhìn ngó, trẻ con bu coi; họ thấy lạ mắt vì chiếc áo dài Việt Nam chị mặc. Tôi phải đi mua mấy thước lụa Thượng Hải, rồi dẫn đến tiệm đo, may áo Tàu "sường sám" cho chị. Từ những lần sau, đi ra phố, chúng tôi cùng mặc "sường sám," nên việc đi lại được tự nhiên, thoải mái. Chị Tam nói riêng với tôi: "Anh Tam yêu văn chương lắm, nhẽ ra anh không nên 'đụng' vào chính trị, chính em. *Chỉ viết văn, làm báo không thôi, anh cũng đã đủ thứ vất vả rồi!.*" Tôi cãi lại: "Nhưng tình hình đất nước như thế này! *Rất cần đến những người như anh Tam góp công, góp sức, làm lơ sao đành, hả chị?!*" Chị Tam nói: "Thì cứ viết những điều mình cho là đúng, là lý tưởng của mình vào sách, cũng tốt thế, chứ sao!" Tôi nhìn chị Tam với tấm lòng kính mến. Một người phụ nữ không làm văn hóa, văn nghệ, chính trị... Chị chỉ lo "buôn tần, bán tảo," chăm sóc họ hàng hai bên nội, ngoại, nhất là giúp đỡ chồng con. Việc buôn bán cau khô của chị, trước sau cũng chỉ mong sao kiếm lời, để chồng yên tâm gánh vác việc xã hội, khỏi bận lòng về chuyện nhà, nuôi nấng các con ăn học. Thế mà chuyện chính trị, chị lại bảo: "Cứ viết vào sách, cũng tốt thế, chứ sao!" Lời nói dễ hiểu mà chí lý. Mặt khác, tôi nghĩ là chị Tam ngờ ngợ, "nhìn ra" thế "lưỡng đầu thọ địch" của anh Tam, một bên là thực dân, một bên là cộng sản. Sau hai cái tang Khái Hưng và Hoàng Đạo, dường như chị e ngại... Song trên thực tế, sự đóng góp

tuy gián tiếp nhưng tận tình của chị vào sự nghiệp văn hóa, chính trị của anh, theo tôi biết, không phải là nhỏ.

Tính anh Tam quen tự do như gió trời. Rày đây, mai đó. Đến cả nơi ở, cũng không có chỗ nhất định; vỏn vẹn chỉ hai bộ quần áo, giặt bộ này mặc bộ kia, được thứ hàng khỏi cần tới bàn-là, càng tốt; nếu không, vải bị nhàu một chút cũng chẳng sao. Anh không có tủ sách riêng, khi cần, chạy ra thư viện mượn. Người như thế làm sao có thể "chu đáo," gần gụi với gia đình vợ con cho được!

Những ngày ở trên núi với chúng tôi, mỗi lần đi chợ về, chị tự tay nấu các món ăn cho cả nhà. Tôi chỉ phụ với chị rửa rau, thu dọn việc vặt. Khi nào mua thịt bò, chị nhờ anh Tam giúp làm món "beefsteak," chị khoe anh còn nấu súp "bouillabaisse" (nấu với nhiều thứ hải sản, tôm, cua cá, sò...) rất ngon. Mà ngon thật, cứ như ăn ở hiệu cơm Tây nổi tiếng. Chị nói riêng với tôi: "Cứ để anh làm cho vui." Tôi cũng kể với chị: "Lúc chị chưa sang, dù buồn cách mấy, hễ sau bữa ăn trưa, anh Tam nhất định giành việc rửa bát." Anh Nguyễn Gia Trí cũng phải bảo nhỏ tôi: "Để anh làm cho vui." Sau này, tôi mới biết tính anh Tam, không chỉ lúc ở Hương Cảng, dù ở đâu anh cũng thích làm một vài món ăn, rửa bát, quét nhà. Anh bảo: "Đó là cách nghỉ ngơi, giải trí của tôi!" Thường buổi chiều, lúc chị không ở cùng, anh không ăn cơm, chỉ tự nấu lấy vắt mỳ khô, với ít tôm khô và rau cải. Anh ăn mỳ, uống cốc bia xong, đi nằm nghỉ, yên lặng, chẳng chuyện trò với ai, trừ khi có các anh em ở xa đến mở buổi họp, cần có anh. Tôi thấy hình như anh thích ở những nơi đồi núi và thích nghe tiếng suối. Sau này, về Đà Lạt, anh cũng cất lều bên suối Đa Mê...

Ở trên núi gần nhà bếp, phía trước dòng suối "không tên," có một cái hang đá; cửa hang rộng chừng sáu thước, cao gần hai thước, sâu hun hút, nhưng thoai thoải thấp dần, thấp dần. Từ ngoài cửa vào, khoảng bốn năm thước là đã bị đụng đầu, không đi tới thêm được. Nền đá phía dưới rộng, sạch sẽ và mát lạnh. Vào mùa hè, cả nhà thường vào đấy đọc sách báo, bàn luận chuyện chính trị; nếu muốn có thể nằm lăn ra ngủ, nghỉ. Chỉ tội, hơi đau mình một chút vì mặt đá lồi cồi, không trơn phẳng.

Phía trước hang, một khoảnh sân, lộ thiên; không biết bằng cách nào, mầm cỏ từ đâu lạc tới, đâm chồi trong các kẽ đá; mọc lên từng đám cỏ xanh non, tươi mát, lả lướt đùa rỡn trong nắng gió. Tôi thầm nghĩ: "Đây là một, trong các món quà tặng của Trời, đã cho muôn vàn sự sống nẩy sinh trên trái đất này!" Một thân cây không lớn lắm, nhưng già cỗi, mọc ghé bên bờ sân, nghiêng ra ngoài vực; vực không sâu, có thể đi men men xuống. Bên dưới, rất nhiều ốc sên, chẳng có gì đẹp, nên không ai buồn xuống đó. Anh Nguyễn Gia Trí thường đem giá gỗ, ngồi vẽ dưới gốc cây. Cũng ở nơi đây, tôi đã ngồi làm mẫu, để anh vẽ "portrait." Tấm tranh này, sau anh phải bán cho ông bà Lãnh sự người Anh ở Hương Cảng, khoảng năm 1948 hay 1949.

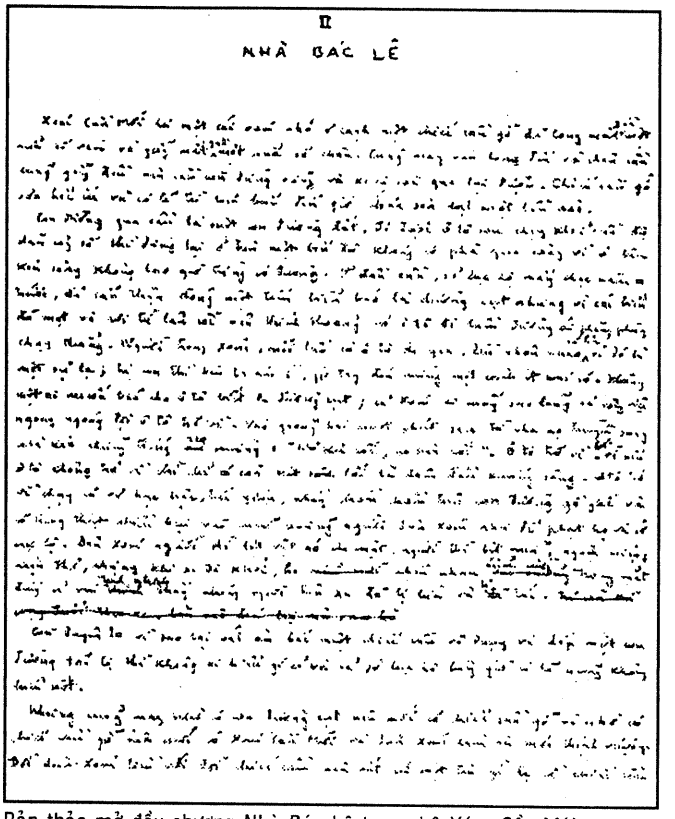
II

NHÀ BÁC LÊ

Bản thảo mở đầu chương Nhà Bác Lê trong bộ Xóm Cầu Mới.

Chị Tam mua một chiếc ghế vải, có thể ngồi hay nằm tựa và chiếc bàn nhỏ, kê ở trong hang đá, rồi gọi nơi đó là "nhà mát." Anh Tam đem vào nhà mát một chiếc cặp da đựng bản thảo XCM cùng với bình thủy nước sôi, cà phê và vài bao thuốc lá hiệu "Bastos xanh" và một cái gạt tàn thuốc to gần bằng cái đĩa tây. Với ngần ấy thứ, anh có thể ngồi suốt ngày trong hang đá, viết,

viết và viết... Cháu Kim Anh thích quanh quẩn chạy chơi loanh quanh chỗ bác Tam viết, rồi lại chạy ra chỗ bác Trí vẽ. Các anh chỉ vui thêm chứ không lấy thế làm phiền. Anh Trí còn bế cháu lên, cho cháu cầm cọ vẽ nghịch vài nét ngay trên tấm tranh đang vẽ dở của anh. Anh bảo: "Không hề gì, rồi sửa lại, được mà!"

Anh chị Tam, thường hay mời "cả nhà" đi ăn hiệu, (nhậm sà, uống trà), với đủ các thứ bánh trái, xíu mại, há cảo, bánh bao v.v..., ăn xong lại cùng đi dạo cảnh Hương Cảng. Ai cũng biết đó là ý riêng của chị Tam bày vẽ ra thế, muốn để anh có dịp đi nơi này, nơi kia cho khuây khỏa. Khi về, anh Tam bảo chị mua thêm vài thứ bánh, để làm quà cho một "bà già dưới chân núi." Căn nhà của bà, cũng vách ván thùng cũ, mái cao su đen. Lưng nhà quay ra đường xe chạy, cửa vào hướng về phía núi. Nhà có được mảnh sân phía trước, trồng dăm luống rau cải, cà chua và một dàn mướp. Lại thêm cái chuồng gà nơi góc sân, nom hệt như mảnh vườn quê ở Việt Nam. Trông vào mà thấy ấm cả lòng! Ấm lòng hơn nữa, bà già chủ nhà lại là người Việt Nam, chừng bảy mươi, vóc dáng xem còn mạnh khỏe. Bà thường xuyên mặc bộ quần áo Tàu rộng rinh, bằng vải dầy màu lam xẫm đã bạc phếch, vá vài ba chỗ. Mái tóc trắng xám, khô, xơ xác, được cắt ngắn, lộ ra cái gáy đen đủi, nhăn nheo. Vài năm trước đấy, bà già nhận ra chúng tôi là đồng hương, vì có một lần, anh Đạo và anh Sơn đã nói chuyện với nhau trong lúc đi ngang qua nhà bà. Bà chỉ nghe âm thanh của giọng mà nhận ra các anh là "ố Nàm dần," tức người An Nam, chứ hầu như bà đã quên hết tiếng mẹ đẻ, không còn nói và hiểu nổi ý nghĩa dù một câu tiếng Việt nào. Bà chỉ nhớ và nói được mỗi một câu duy nhất, mà lại phát âm lơ lớ bằng giọng Tàu: "Mìn dơ..*i tó... ti dờ... dồ.*" Nghĩa là "Mình ơi có đi Bờ Hồ...", một câu trong bài hát vui, tếu, đầu thế kỷ 20 được giới bình dân ở Hà Nội, Hải Phòng ưa thích. "*Mình ơi có đi Bờ Hồ. Cùng tôi chén kem kẹo dừa. Xin đừng, là đừng chê nhé. Trong túi tôi có mười đồng xu...*" Chồng bà, gốc dân Tàu nghèo, xưa kia từng lưu lạc sang làm phu mỏ ở Hòn Gai, Móng Cái. Gặp và lấy bà, rồi đưa nhau về Tàu. Chẳng may, ông mất trong thời chiến tranh Nhật Hoa. Bà chỉ có một người con trai. Năm gặp chúng tôi, anh ta khoảng trên bốn mươi, chưa vợ. Vóc người to cao, vạm vỡ. Hàng ngày phơi mình ngoài nắng gió, làn da bị bụi đá và mồ hôi bám két lại, xần lên, đen xám, như da của con voi con, tóc bờm xờm cứng đơ. Nhưng tính anh rất hiền, quá hiền đến gần như ngây ngô. Chúng tôi có hỏi han chuyện gì, anh ta cũng chỉ nhe hàm răng xỉn, cười cười, không trả lời. Mỗi buổi sớm, anh ta đi đập đá; mình bà mẹ ở nhà, vào ra trông coi, săn sóc vườn tược. Bà khéo trồng, nên rau, trái mọc xanh um; hoa màu dùng để nhà ăn và đem bán cho mấy người đập đá thuê, quanh nhà, cũng phụ thêm được tiền gạo chợ cho cả hai mẹ con. Thỉnh thoảng, bà già sai con trai đem lên núi cho chúng tôi, khi thì vài quả mướp, mấy quả cà chua, hay rau cải v.v... Một buổi xế trưa, chắc người con đi làm chưa về, bà lọm khọm bưng lên núi một "thố," loại nồi đất có chiều cao, đựng canh chân giò, nấu với rau cải khô. Chẳng biết bà phải leo bao lâu, lúc đến trước cửa nhà chúng tôi, mới thoáng thấy anh Tam, bà đã quýnh quíu, vừa thở dốc vừa gọi: "Sần, sếng sáng, Sần... sếnh... " (Ông Trần, ông Trần ơ...) Anh Tam họ Nguyễn, nhưng hồi ở Tàu các anh em lại lấy họ Trần để gọi anh. Chưa dứt lời, bà vấp ngã, thố canh đổ vỡ tung tóe. Anh Tam hốt hoảng, đỡ bà đứng lên, nhưng bà không chịu. Ngẩn người nhìn những miếng chân giò và rau rơi vãi trên nền đá, rồi cuống quít nhặt lên. Miệng không ngớt kêu rên bằng một tràng tiếng Tàu, chẳng vì đau cái đau mới ngã, mà hình như chỉ tiếc nổi canh. Anh Tam vội cúi xuống phụ bà nhặt, vừa nói với bà: "Không sao, không sao đâu bà ơi, chỉ rửa đi, rồi đem nấu lại, vẫn ăn được mà. Vẫn ăn được mà...! Bà đứng lên đi, để tôi xem chân bà có đau lắm không...*?*" Khi đã nhặt hết, không còn cọng rau và miếng thịt nào, bà mới chịu đứng lên, nhìn xuống; cũng may nhờ vải dầy, chỉ xước ống quần một chút. Bà đòi mang chỗ canh đổ về, để đổi phần canh của mẹ con bà, lên biếu anh em. Ai ngăn sao bà vẫn cứ nhất định làm theo ý mình. Anh Tam nói: "Thì làm theo ý bà đi... *Lòng thương nhớ đất nước của bà, bà gửi vào tình đồng hương đấy!*" Anh H., một người bạn trẻ, hôm đó lại phải theo bà xuống núi, đổi thố canh mới.

Đến "mùa hàng" cau khô, chị Tam phải về Hà Nội. Anh Tam, phần nào đã tạm ổn định tinh thần, viết văn lại và viết rất đều tay cuốn XCM, khiến chị yên tâm. Sau này, chị Tam còn sang Hương Cảng thêm lần nữa. Ông Woòng mời anh chị qua Sường Châu ở chơi mấy tháng. Nơi đây anh đã nghe chị, người vợ và cũng là người bạn của anh, dịu dàng, từ tốn khuyên giải. Anh viết tiếp, viết tiếp, viết cả văn chính luận, cho đến khi về nước.

Hình ảnh mà tôi nhớ sắc nét nhất ở Sường

Châu, nơi một căn nhà mang tên Biệt ly đình, nhiều lần anh Tam nhìn ra biển, thở dài, sau mỗi lần nghe tin một "bạn chiến đấu" nào đó, của anh, trở về hợp tác với Chính phủ Bảo Đại thân Pháp. Cũng buồn như nghe tin một "bạn chiến đấu" khác ở lại vùng Tàu đỏ, làm việc cho Bắc Kinh. Mất một số "người anh em" từng cùng mình gian khổ chiến đấu, lòng anh thấy xót xa như với tác phẩm Xóm Cầu Mới: "Có khi phải hoàn toàn viết lại vì trong cuộc đời phiêu lưu của tôi, bản thảo phải bỏ lại rồi sau bị thất lạc trong cơn ly loạn hoặc có lần chính tôi phải tự tay thiêu hủy, vì không mang theo được." Ôi! Mười lăm năm, một bộ truyện, với năm lần viết lại hoặc sửa chữa, mà phải mười tám năm sau kể từ khi viết dòng thứ nhất ở Hà Nội, 1940, mới được đăng báo, năm 1958, ở Sài Gòn; mà rồi cũng chỉ mới tạm xong được có Phần Một: Cô Mùi. Lẽ ra phần này cũng bị thất lạc nốt nếu nhà in Trường Sơn, đường Nguyễn An Ninh Sài Gòn không giữ gìn hộ; nên mới được xuất bản lần đầu ở Sài Gòn. May vì VHNN đăng chưa được hết.

Con người hoạt động vì Dân, vì Nước, trong anh Tam không khi nào chịu được cảnh ngồi yên, nhàn tản để viết văn; anh chống lại Chính phủ Ngô Đình Diệm ít nhất về quyền Tự do Ngôn luận bị xâm phạm nặng nề. Tờ Văn Hóa Ngày Nay, chỉ là giai phẩm, đã không được cấp giấy phép chính thức mà còn bị đóng cửa. Cuối cùng, anh dùng cái chết của mình để cảnh tỉnh một sự kiện mà ngày nay, nhớ lại, đối chiếu với dòng lịch sử, người ta thấy rõ như một lời tiên tri: "*Đời tôi để lịch sử xử, tôi không chịu để ai xử tôi cả. Sự bắt bớ và xử tội tất cả các phần tử đối lập quốc gia là một tội nặng, sẽ làm cho nước mất về tay cộng sản. Tôi chống đối sự đó và tự hủy mình cũng như Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để cảnh cáo những người chà đạp mọi thứ tự do. 7.7.63 Nhất Linh Nguyễn Tường Tam.*" Tôi nghiêng mình trước tinh thần đấu tranh cho mọi quyền tự do của anh Tam, nhưng tôi vẫn nghĩ là cái nhìn của anh về việc "tự thiêu" có một số dữ kiện lịch sử bị giới hạn...

Dù sao, như tôi đã nói ở trên, con người Kẻ Sĩ nơi anh Tam trong giông tố lịch sử, chống lại cả thực dân, đế quốc, cộng sản, lẫn phong kiến, những thứ đã thay phiên nhau hoặc cùng lúc đầy ải, chà đạp đời sống tinh thần và vật chất của người dân...

Buồn thay, trước tình hình đất nước dầu sôi, lửa bỏng vào những năm cuối đời viết văn của anh Tam, "con người cách mạng" trong anh không tài nào chịu sống cách xa các anh em cũ, đã từng cùng anh kề vai, sát cánh đấu tranh, chia nhau từng nắm cơm, gói mỳ. Anh lại rời bàn viết. Tới ngày 07 tháng 07 năm 1963... Những ai có dịp sống gần, quen thân anh lâu, đều hiểu được tấm lòng anh: Anh mang chí hướng Tự Lực, tựa hồ nhân sinh quan trong sáng của vị anh hùng dân tộc Nguyễn Thái Học, lúc ngồi viết sách trên căn gác Nam Đồng thư xã ở Hà Nội: "Không thành công thì thành nhân!" Nguyễn Tường Tam của tư tưởng và hành động Cách mạng Quốc dân, Nhất Linh của văn học, báo chí và Tự Lực Văn Đoàn, họa sĩ, nhà văn, nhạc sĩ... Tất cả. Trước sau, vẫn là anh Tam của XCM, nơi những người dân bao đời nghèo khó, lầm than mãi trong cảnh "bùn lầy, nước đọng," như "gia đình bác Lê," rất cần đến tiếng nói chia sẻ, bênh vực họ từ phía nhà văn, nhà cách mạng Nhất Linh Nguyễn Tường Tam...

Tôi còn nhớ mãi câu anh từng nói: "Chúng ta chiến đấu, không dựa vào thế lực ngoại bang nào, thì chỉ thành công về mặt Chính Nghĩa. *Nhưng như thế mới là Tự Lực!*" Còn con người Nghệ sĩ của anh, qua tác phẩm Xóm Cầu Mới, vẫn chẳng giây phút nào rời xa những mảnh đời "bèo giạt." Đâu chỉ có văn chương trong sáng không thôi, mà mà cả cuộc đời anh Tam đã ánh lên sự sáng trong. Tôi nhớ một đoạn văn trong Cô Mùi:

"*... Hai mắt nàng mở to và qua những sợi tóc của Siêu, nàng nhìn thấy cái cửa sổ sáng với những lá non lấm tấm của hàng rào găng ta, điểm một vài bông hoa trắng như ngôi sao. Cái ánh sáng ở cửa sổ, cái ánh sáng dịu và phơn phớt xanh ấy và những ngọn lá xanh mát, với màu trắng mới của hoa thoáng trong một lúc, Mùi thấy như là ở đâu, xa lắm có vẻ thần tiên, không phải là ánh sáng hay hoa lá của đời này...*"

Vâng, thứ "ánh sáng hay hoa lá của đời này" đâu phải là Xóm Cầu Mới.

Na Uy Oslo, mùa xuân 2002.

Nguyễn Thị Vinh, 2000

NHỮNG GIÂY PHÚT HẠNH PHÚC NHẤT LINH

THỤY KHUÊ

Tìm hiểu Nhất Linh dưới góc cạnh phê bình hiện đại là điều tất yếu. Việc in lại các tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn, ở ngoài nước, từ trước đến nay chưa bao giờ ngừng, nhưng đối với trong nước bây giờ trở thành một phong trào: Nhất Linh, Khái Hưng và Tự Lực Văn Đoàn đã được đánh giá lại. Có những tuyển tập Khái Hưng, Nhất Linh, thu thập những bài viết của nhiều tác giả khác nhau, trong Nam, ngoài Bắc, trước và sau 75, tựu trung hầu như tất cả đều đồng ý công nhận giá trị của Nhất Linh-Khái Hưng và Tự Lực Văn Đoàn trong công việc cải tạo xã hội, giải phóng phụ nữ, đặt móng cho một nền văn học quốc ngữ mà trước và sau họ chưa có một văn đàn nào đạt được ảnh hưởng sâu xa trong văn học và xã hội như vậy.

Nhưng còn một khía cạnh khác ít được chú ý, và có lẽ quan trọng hơn, đó là tư tưởng của Nhất Linh, dòng ý thức sâu sắc về *sự thoát ly của con người*, về *những nét tiêu cực trong lý tưởng cách mạng*, về *tính ngắn hạn của hạnh phúc*, về *sự trường tồn của văn hóa, văn nghệ*... Những yếu tố có thể là chủ yếu ấy, vừa lặn sâu dưới đáy các tác phẩm, vừa bao trùm toàn bộ những sáng tác của Nhất Linh, kể từ tập truyện ngắn *Người Quay Tơ* viết năm 1926 đến những tác phẩm cuối cùng như bộ trường thiên *Giòng Sông Thanh Thủy*, viết năm 60-61. Như vậy tìm hiểu Nhất Linh là thử đào xới những ẩn tưởng chìm sâu trong lòng tác phẩm, mà một «đọc đi» chưa thể thấu, cần có thêm một «đọc lại.»

*

Sự nghiệp văn học của Nhất Linh có thể chia làm hai giai đoạn: Giai đoạn đầu từ 1932 đến 1936 với các tác phẩm chủ yếu mang nhiều tính cách luận đề: *Anh Phải Sống, Gánh Hàng Hoa, Đoạn Tuyệt, Lạnh Lùng* ... Và giai đoạn sau, từ *Đôi Bạn, Bướm Trắng* đến *Xóm Cầu Mới, Dòng Sông Thanh Thủy* Nhất Linh đã ra khỏi giới hạn luận đề xã hội để viết về những khắc khoải nội tâm trong con người.

Có một nghịch lý là đối với phần đông độc giả, dường như tên tuổi Nhất Linh chỉ gắn liền với các tác phẩm luận đề như *Đoạn Tuyệt, Lạnh Lùng*, ... Khi Nhất Linh từ bỏ tiểu thuyết luận đề, đấu tranh xã hội để bước vào tiểu thuyết nghệ thuật và tư tưởng, thì *Đôi Bạn, Bướm Trắng* đã ít người đọc hơn. Sau 54, Nhất Linh cho ra đời những tác phẩm không kém phần quan trọng, nhưng ít được dư luận biết đến, hoặc nếu đề cập, cũng không được đánh giá đúng mức, đó là tập tiểu luận *Viết Và Đọc Tiểu Thuyết* và hai cuốn trường giang tiểu thuyết *Dòng Sông Thanh Thủy* và *Xóm Cầu Mới* (1).

Ở *Đoạn Tuyệt, Lạnh Lùng* Nhất Linh vẽ nên cảnh xung đột trực tiếp giữa lối sống cũ và mới. Để bênh vực người phụ nữ, Nhất Linh đã không ngần ngại đẩy hoàn cảnh đến những mức độ cực đoan nhất, và lấy phần quyết thắng về phe Loan, người phụ nữ tân thời, tranh đấu cho quyền làm người trong xã hội Khổng Mạnh.

Ở *Đôi Bạn*, Nhất Linh đi xa hơn. Ông không dựa trên tình tiết, không dựa trên cốt truyện để xây dựng tiểu thuyết nữa. Nhất Linh đi sâu vào địa hạt phân tích nội tâm, xây dựng nghệ thuật trên sự tinh vi của nhận thức. Cảm giác, xúc giác, khứu giác là những yếu tố chính trong cơ lực con người, giao thoa giữa nội tâm và ngoại giới. Nhất Linh cho người đọc thưởng lãm những mùi hương, những say sưa của hạnh phúc, của ánh nắng chiều, của mầu thời gian thoáng nhạt. Dũng với Loan trong *Đôi Bạn* đã khác xa Dũng với Loan trong *Đoạn Tuyệt*. Dũng Loan trong *Đôi Bạn* «cao» hơn, giúp ta nhớ lại, duyệt lại, học lại những cảm giác đã mất, đi vào những thời gian và không gian liên tưởng, và cho chúng ta những rung động mới, những ấn tượng mới.

Với *Bướm Trắng*, Nhất Linh đi sâu vào khía cạnh triết lý. Trương, trong *Bướm Trắng*, biết mình

bị lao, chỉ còn sống được có một năm, bập bềnh giữa sống và chết. Qua Trương, Nhất Linh phân tâm con người trước cái chết. Bằng một lối nhìn trầm lặng, ngọn bút Nhất Linh bình thản đi vào các cửa ngõ nội tâm biến dạng và bối rối của Trương, không phải để tìm kiếm một lối thoát cho Trương, mà để cùng nhập cuộc phiêu lưu không định hướng của dòng đời.

Thanh Thủy là một dòng sông nhỏ, chảy qua biên giới Việt Nam - Trung Hoa, gần Hà Giang. *Dòng Sông Thanh Thủy* là cuốn tiểu thuyết duy nhất của Nhất Linh viết về chính trị. *Dòng Sông Thanh Thủy* được viết khá vội vàng, trong thời điểm 60-61. Thời kỳ Nhất Linh đã bị chính quyền Ngô Đình Diệm truy lùng và bắt bớ. Về phương diện kỹ thuật tiểu thuyết, *Dòng Sông Thanh Thủy* hơi loãng, thua *Đôi Bạn, Bướm Trắng* và *Xóm Cầu Mới*, nhưng có giá trị lịch sử và nhân văn. Đây là câu truyện về giai đoạn kinh hoàng của cách mệnh, hai đảng Việt Nam Quốc Dân Đảng, gọi tắt là Việt Quốc, và Việt Minh thanh toán nhau trong bắt bớ và thủ tiêu. Thế mèo chuột của hai đảng đã được Nhất Linh mô tả trong *Dòng Sông Thanh Thủy* một cách lạnh lùng và tường tận.

Xóm Cầu Mới là tác phẩm dang dở của Nhất Linh. Dang dở nhưng không sao. Bởi đây là cuốn tiểu thuyết không có cốt truyện, được Phượng Giang in thành hai tập, trên 700 trang. Bản thảo bị thất lạc nhiều năm -theo nhà xuất bản Phượng Giang- đã được tìm thấy tình cờ vào ngày giỗ thứ mười của Nhất Linh. Đây là tác phẩm quan trọng mang những kỳ vọng của Nhất Linh về một bộ tiểu thuyết trường giang trên mười ngàn trang, diễn tả những phức tạp muôn mặt của cuộc đời. Tác phẩm đã được viết đi viết lại tất cả năm lần. Lần đầu năm 40 tại Hà Nội. Lần thứ hai năm 43 tại Quảng Châu. Lần thứ ba năm 49 tại Hương Cảng. Về nước năm 51, Nhất Linh viết lại lần thứ tư tại Hà Nội. Và trước khi in một số chương trên Văn Hóa Ngày Nay, Nhất Linh sửa lại lần chót bên dòng suối Đa Mê, tại Fim Nôm Đà Lạt vào năm 57.

Xóm Cầu Mới viết về cuộc sống của một xóm nhỏ, với năm gia đình ở trong các địa vị xã hội khác nhau, vào thời điểm nửa đầu thế kỷ XX. Khác với những tiểu thuyết trước của Nhất Linh -tác phẩm thường giới hạn trong một loại hạng người, thường thường là trí thức tiểu tư sản như trường hợp *Gánh Hàng Hoa, Đoạn Tuyệt, Lạnh Lùng, Đôi Bạn, Bướm Trắng*. Ở *Xóm Cầu Mới* Nhất Linh khảo sát nhiều hạng người. Ông tạo ra một xã hội nhỏ, trong đó mỗi nhân cách giàu nghèo đều có tương quan mật thiết với nhau. Mỗi chân dung nhân vật đều linh hoạt và sâu sắc về dung mạo cũng như về đời sống tâm linh.

Ý thức thoát ly trong Đôi Bạn

Gió lên! Gió nữa lên!, Gió lên! Lạy trời gió lên! Những lời cầu nguyện của hai chị em đứa bé *nhặt lá bàng* trong đêm khuya vang lên như một nguyện cầu giải thoát, báo hiệu ý thức *thoát ly* trong *Đôi Bạn. Gió lên! Gió nữa lên !* cho lá lìa cành, cho chị đầy thúng, cho em đầy rổ, để chị bó lá đem bán, rồi lá khô sẽ hóa thân trong lửa đỏ, sưởi ấm lòng người, nuôi sống những đứa trẻ nhặt lá vàng trong những đêm gió lộng. *Gió lên! Gió nữa lên!* trên bến đò gió và bến đò đời.

Nhất Linh mở đầu *Đôi Bạn (2)* bằng bài *Nhặt lá bàng* thay lời tựa, với hai bối cảnh: Một tôi, nhà văn Nhất Linh bất động trước tờ giấy trắng *sao trắng thế*. Chữ cứ bặt vắng. Bỗng một tiếng bật ra: *«Trời muốn trở rét»* và ngòi bút chạy... trong khi bên ngoài có tiếng khác cất lên: *Gió lên! Gió nữa lên!* hai đứa trẻ cầu trời cho gió lên, chúng chạy lăng quăng, nhặt, bó, nhặt, bó, con chị mắng thằng em, tiếng chúng vang trong đêm khuya cùng tiếng lá rơi, chạm vào tường, lăn xuống đất. Chuyện thật ngoài đời, chuyện đời trên giấy, cả hai không liên hệ gì với nhau nhưng cùng gặp nhau trong đêm nay. Những đứa bé ấy có thật không? Hay chỉ là tưởng tượng của Nhất Linh? Cả Dũng nữa? Dũng, người bạn đã có lá thư tha thiết yêu cầu Nhất Linh viết về đời mình, một đời mà Dũng cho là *«những nỗi đau khổ, băn khoăn của tôi, hẳn cũng là những nỗi băn khoăn của anh, của các bạn chúng ta»* (Nhặt lá bàng). Dũng có thật không ? Hay cũng là tưởng tượng? Nhưng có một điều chắc chắn phải thật: đó là động cơ nào đã thúc đẩy *cuộc đời* và *tưởng tượng* xích lại gần nhau? Động cơ nào đã gọi những tiếng vang trong tiềm thức Nhất Linh, tiếng đứa bé, tiếng Dũng, tiếng Loan, tiếng đôi bạn, tiếng các bạn cùng cất lên trong tác phẩm như một hợp âm những hình ảnh, những cảm xúc, khổ đau, hạnh phúc của cuộc đời? Động cơ ấy phải là *gió*. Gió như một yếu tố ngẫu nhiên, bất ngờ và *rét* đến như một trợ lực: *Trời muốn trở rét*. Gió, rét đã nhiều lần đến, rồi đi, nhưng chỉ có hôm nay, lúc này, chúng tạo thành một giao hưởng của hiện tại và dĩ vãng: cả hai cùng cầu gió, bởi không có gió thì lá không rụng mà có gió trời lại rét lắm, gió đem đến chia ly, gió tạo ý thức thoát

ly, gió cuốn nơi này đến nơi kia, gió làm vật đổi sao rời, gió gây nghịch cảnh; tiểu thuyết và cuộc đời xoay quanh cái trục nghịch cảnh ấy: vừa mong gió, vừa ngại gió bởi gió đem rét mướt, gió sẽ chia lìa, nhưng nếu không có gió thì buồm chẳng đi xa, chẳng có thoát ly, chẳng có gì báo hiệu cho hành trình... *đôi bạn*.

*

«Anh phải sống vượt ra ngoài xã hội bình thường» câu nói và cũng là lời tự nhủ này của Dũng, trong *Đôi Bạn* như thể từ miệng Khái Hưng nói ra; Dũng, con một ông tuần phủ và đời Dũng hình như có cái gì rất giống đời Khái Hưng *«Tôi sinh ra đã phải chọn một sự bất công là sống trong cảnh giàu sang không đích đáng, tôi không có quyền hưởng, tôi không muốn hưởng.»* Những người bạn Dũng cũng có những nét giống Khái Hưng, và con đường họ đi, cái chết của họ cũng bí mật không khác gì cái chết của những Khái Hưng, Hoàng Đạo, ... cuộc đời họ hình như chỉ là *«một sự tìm kiếm không bao giờ ngừng.»* Dũng là một mẩu Khái Hưng hay cả Khái Hưng? Dũng là một mẩu Nhất Linh hay cả Nhất Linh? Đôi bạn Dũng Trúc phải chăng là «đôi bạn» Nhất Linh-Khái Hưng? Rồi Dũng/Loan có phải là Trương/Thu trong *Bướm Trắng*, Triết/Thoa trong *Hai Buổi Chiều Vàng*, Thanh/Ngọc trong *Giòng Sông Thanh Thủy*, Nghĩa/Nhung trong *Lạnh Lùng*, Siêu/Mùi trong *Xóm Cầu Mới?* ... Những nhân vật tiểu thuyết của Nhất Linh, nói theo ngôn ngữ bây giờ, có một quan hệ «liên văn bản» với nhau, với thời cuộc và với chính tác giả. Họ cùng có một ý chí *«muốn vượt ra ngoài hoàn cảnh sống của mình.»* Muốn thoát ly. Thoát ly gia đình. Thoát ly xã hội. Thoát ly cuộc đời. Những nhân vật của Nhất Linh dù là bạn thân hay bạn tình, đều chỉ gặp nhau trong một thời gian, không sống trọn đời với nhau, không là bạn đời, bởi Nhất Linh cũng như Khái Hưng, không tin có một thứ hạnh phúc kéo dài trọn kiếp. Lan và Ngọc của Khái Hưng trong *Hồn Bướm Mơ Tiên* đã «khai trương» thế giới «đôi bạn» và tất cả những «đôi bạn» của đôi bạn Nhất Linh-Khái Hưng đã tạo nên một thế giới sống ngoài cuộc sống, trong tiểu thuyết Tự Lực Văn Đoàn. Thế giới này vừa phản ảnh những suy tư, trăn trở của thế hệ thanh niên những năm 30-40, vừa phản ảnh những chao đảo xã hội thời Pháp thuộc, những đụng chạm cũ-mới, những nỗi đau của lựa chọn làm quan hay làm cách mạng? Ở hay đi? Đó là những đoạn trường cô đơn và hạnh phúc. Đời họ, Nhất Linh tóm gọn: *«Đời bọn ta, một bọn sống ở trong một xã hội đương thay đổi có những nỗi đau khổ chung, mà oái oăm thật những nỗi đau khổ lại là những nỗi vui độc nhất của chúng ta bấy lâu»* (Nhật lá bàng).

*

Dũng muốn thoát ly gia đình vì chàng không thể sống mãi trong cảnh giàu sang của gia đình mà chàng biết là không chính đáng và *«hễ cứ lúc nào chàng dịu lòng để cố tìm cách yêu cha thì chàng lại đau xót thấy những hành vi tàn ác của ông tuần mà chàng tưởng đã quên hẳn rồi, hiện ra như bức rào ngăn cản»* (trang 188). Thấy những bộ mặt khốn khó của dân làng, những người túng quẫn, cùng khổ, bị ông tuần đánh, chửi, Dũng khó chịu vì những người bị đánh không kháng cự, mà trái lại, còn nói nịnh: *«Bẩm, cụ lớn đánh là cụ lớn thương, hôm thượng thọ cụ cố, cụ lớn cầm đầu con rập vào tường [...] Thế mới biết cụ lớn còn khỏe.»* (trang 98). Dũng muốn bênh vực họ nhưng rồi cuối cùng *«chàng nhận thấy ông tuần và những người dân trong làng có liên lạc mật thiết với nhau [...] chàng thấy chàng trơ vơ đứng riêng hẳn ra ngoài»* (trang 186). Cái thế giới phản kháng, chống lại mọi áp bức mà Dũng mong muốn, không có trong đầu óc dân làng. Họ yên phận chịu nhận số kiếp yếu kém *«từ đời kiếp nào rồi»*. Mối tương quan đàn áp và chịu đàn áp giữa ông tuần và họ là một tương quan mà Dũng không cắt nghĩa được. Dũng thấy mình ngoại cuộc, ở đây không ai cần Dũng, bởi cuộc đời không cần những Don Quichotte. Những nhận thức ấy đã dẫn đến quyết định: *«Chàng cầm dao cắt mạnh quả hồng làm đôi* ...(trang 189), *«giản dị như không ... phải đoạn tuyệt hẳn mới gọi là đi ... Chàng muốn được như con bướm thoát khỏi cái kén tối tăm»* (trang 190). Nhưng thoát ly không có nghĩa là tìm ra một lý tưởng. Bởi Dũng biết chắc là không có lý tưởng, khi Thái đi, Dũng đã tự hỏi: *«Anh Thái đi như vậy để làm gì? Chẳng qua không biết làm gì nữa thì liều lĩnh»* (trang 31) và *«Dũng có cái cảm tưởng rằng Thái đi như là đi thay cho mình, hình như tất cả những nỗi chán chường, đau khổ của một đời mình, Thái đã đem theo hết»* (trang 32). Và chính trong những giây phút băn khoăn, chưa dứt khoát lựa chọn, Dũng biết là mình *«phải sống một đời ngang trái nhưng chàng không có đủ can đảm để thoát ly; mà thoát ly rồi, cái đời tương lai của chàng sẽ đại khái như đời của Thái và Tạo, hai cảnh đời mà trước kia*

mới nghĩ đến chàng đã thấy buồn nản vô cùng» (trang 158).

Dường như cuộc đời «quẫn quại» của Thái, cũng là cuộc đời Nhất Linh, Khái Hưng và những người bạn của họ: Chống Pháp? Không chống Pháp? Theo Việt Quốc? Việt Cách? hay Việt Minh? tất cả rồi cũng chỉ là để *«Thỉnh thoảng lại nghe tin một người trong bọn chết đi hay bị tù tội, rồi ai nấy, trước số mệnh, chỉ việc cúi đầu, yên lặng, nơm nớp đợi đến lượt mình»* (trang 106).

«Cái chết của Thái đối với Dũng chỉ là một sự thoát ly» (trang 105). Hoặc như Tạo chấp nhận cái chết một cách vui vẻ *«Tôi không sợ chết đâu [...] đất mát lắm»* (trang 149). Cả những người bạn của Tạo cũng nghĩ *«kể như anh ấy thì chết là thoát»* (trang 167).

Nhất Linh thổi Clarinette

Tóm lại, *ra đi* không phải để tìm đến một lý tưởng cách mạng mà Dũng biết chắc là ra đi rồi sẽ chết như Phương, như Thái, như Tạo ... *«như biết bao người bạn của Dũng [...] vụt biến đi không để lại một vết tích gì.»* (Nhật lá bàng). Ở thời điểm 1936, khi Nhất Linh viết *Đôi Bạn*, mọi người chưa kịp *lên đường* và sau đó thì mọi *lên đường* được tôn thờ như một lý tưởng cao quý nhất, Nhất Linh đã xác định không có lý tưởng và mọi ra đi, thoát ly, chỉ là *«đi tìm kiếm, sự tìm kiếm không bao giờ ngừng ấy, có lẽ là sự an ủi độc nhất»* (Nhật lá bàng).

Và cái việc tìm kiếm ấy, Nhất Linh đã đi hết cuộc đời mà chưa tìm thấy, những trăn trở lựa chọn giữa cách mạng và văn học, giữa xuất thế và nhập thế... dùng dằng nhau trong Nhất Linh đến giây phút cuối và bây giờ chúng vẫn còn dầy vò thế hệ sau Nhất Linh.

Thoát ly còn do một trăn trở khác, đó là sự từ chối một thứ hạnh phúc «trường cửu» trong tình nghĩa vợ chồng, với người không yêu như Khánh, hoặc với người yêu, như Loan.

Ở lại, trước hết là sẽ phải cưới cô Khánh, con cụ Thượng Đặng, người vợ môn đăng hộ đối mà cha đã chọn và sẽ phải chấp nhận đời sống «thừa» như Trường và Đính, hai anh và như *«tất cả mọi người trong nhà, trong họ, thảy đều sống bám vào một mình ông tuần và cho thế là một sự tự nhiên, một cái phúc»* (trang 87).

Nhưng ở lại còn có thể có một con đường khác là làm trái lời cha, cưới Loan làm vợ. Làm trái lời cha không khó vì xưa nay Dũng vẫn làm, cái khó là làm trái lòng mình, bởi đã bao lần khi nghĩ đến *«chàng sẽ cưới Loan làm vợ ... rồi suốt đời hai người gần nhau, yêu nhau mãi mãi ... Thế rồi sau làm sao? Lại ngày nọ tiếp ngày kia ... không chờ đợi.»* (trang 48-49). Chính *«ý nghĩ chán nản này,»* xuất phát từ nội tâm của Dũng *«làm bận trí Dũng một cách ác nghiệt»* (trang 63), đã gián tiếp chỉ đạo sự thoát ly của Dũng.

*

Ở buổi mà mọi *«hoài nghi»* về cuộc sống chưa có chỗ đứng vững chắc trong văn chương Việt Nam, Nhất Linh, Khái Hưng lại «đem lòng» hoài nghi hạnh phúc, thứ hạnh phúc vợ chồng trọn đời được «công nhận» như một «giá trị phổ quát của

nhân loại», cũng như đã hoài nghi lý tưởng đấu tranh khi mọi người chưa kịp lên đường. Nghi ngờ hạnh phúc «trăm năm» nhưng không chối bỏ hạnh phúc mà tin vào một thứ hạnh phúc khác, ra ngoài thông lệ: đó là *những giây phút hạnh phúc và những giây phút sống lại những giây phút hạnh phúc ấy*. Những giây phút hạnh phúc sẽ qua đi, nhưng sự sống lại chúng trong con người là trường cửu, là mãi mãi, là vượt ra ngoài ý muốn của con người; chúng bất tử và không có sức mạnh nào diệt nổi. Và đó là điều mà Nhất Linh đã ghi lại trong tiểu thuyết như một quan niệm độc đáo về hạnh phúc và là cơ nguyên của sáng tạo.

Cái hạnh phúc ấy có sẵn ở trong mỗi người, kể cả những người không có hạnh phúc: đó là những giây phút ngắn ngủi của cảm xúc, của những linh cảm hạnh phúc, của đợi, của chờ, của nhớ, của nghĩ đến người mình nhớ, mong người ấy nhớ mình hơn là mình nhớ người ấy ... Những linh cảm ấy thường đến trong yên lặng, cho nên những trang đẹp nhất mà Nhất Linh viết về tình yêu, về sự tỏ tình là... yên lặng. Tình yêu không diễn tả bằng lời mà bằng mắt, bằng tim: Nhất Linh thao túng «yên lặng» trong một thế giới mới, thế giới của cảm xúc, thế giới thần bí mà mọi sự đều khả thể.

«Dũng vòng hai tay ra phía sau làm gối ngửa mặt nhìn lên. Ánh nắng trên lá thông lóe ra thành những ngôi sao; tiếng thông reo nghe như tiếng vọng ra, đều đều không ngớt; Dũng có cảm tưởng rằng cái tiếng ấy đã có từ đời kiếp nào rồi nhưng đến nay còn vương lại âm thầm trong lá thông.

Không nghe tiếng Loan và Thảo nói chuyện nữa, Dũng nghiêng mặt quay về phía hai người. Chàng thấp thoáng thấy hai con mắt đen của Loan. Thấy Dũng bắt gặp mình đương nhìn trộm, Loan vội nhắm mắt lại làm như ngủ; song biết là Dũng đã trông thấy rồi, nàng lại vội mở mắt ra, rồi qua những ngọn lá cỏ rung động trước gió, hai người yên lặng nhìn nhau.» (trang 209-210)

Nhất Linh đã «vớt» từ yên lặng ra những âm thanh và màu sắc. Âm thanh và màu sắc của ánh nắng chiếu trên lá thông «*lóe*» ra thành những ngôi sao. Nhạc của tiếng thông reo từ đời kiếp nào còn *vương* lại âm thầm trong lá thông; nhạc và tranh hòa hợp cùng những trao đổi giữa hai người qua ánh mắt. Và đó là hạnh phúc. Hạnh phúc ở những giây phút mình yên lặng nghe mình: *«Chàng cố ngồi thật yên lặng để hoàn toàn nghĩ đến cái vui sướng của lòng mình»* (trang 63).

Nhưng hạnh phúc không chỉ là những giây phút vui sướng, hạnh phúc còn có thể ở cả những nỗi buồn, ví dụ như nỗi buồn của nhận thức về bản chất cuộc đời:

«Dũng châm một điếu thuốc lá hút rồi đưa mắt ngắm nghía đám người nhà quê thảm đạm, quấn áo xơ xác trước gió, đương đứng đợi bên bờ sông. Họ đứng yên, không nói, vẻ mặt bình tĩnh, không nghĩ ngợi gì; chuyến đò mà họ đợi sang, Dũng thấy là hình ảnh của cả cuộc đời; họ sinh ra, sống thản nhiên ít lâu, không hiểu vì cớ gì rồi lại khuất đi như những người bộ hành, một buổi chiều đông, qua bến đò, in bóng trong chốc lát trên dòng nước trắng của cuộc đời chảy mãi không ngừng.

Dũng ngẫm nghĩ:

- Buồn có lẽ vì tại trông thấy bến đò, mình như thấy rõ hình ảnh cuộc đời. Sống mà nghĩ đến mình sống thì bao giờ cũng buồn [...] Bến đò không buồn lắm, buồn nhất là những cái quán xơ xác của các bến đò. Mình là những cái quán ấy, đứng yên trong gió lạnh nhìn cuộc đời trôi qua trước mắt.» (trang 71)

Sống mà nghĩ đến mình sống thì bao giờ cũng buồn, mình là những cái quán đứng yên trong gió lạnh, nhìn cuộc đời trôi qua trước mắt, những nhận thức này có thể chỉ qua một lần rồi mất đi, nhưng nó không chết hẳn, nó có khả năng sống lại, và sự hồi sinh ấy thường xảy ra ở những lúc bất ngờ nhất: một ngọn gió, một mùi hương, một bến đò ...

Do đó, hạnh phúc ở đây vừa trực tiếp, vừa gián tiếp. Trực tiếp là những giây phút sống trong thực tại: *nhìn* (một người) yêu, *ngắm* (một đóa) hoa, *đợi* (một ngọn) gió, *đón* (một mùi) hương ... Và gián tiếp là những lúc nhớ lại những giây phút kỷ niệm của những *nhìn, ngắm, đợi, đón,* ... đó, những giây phút ngắn ngủi mà nhà văn muốn giữ lại mãi mãi:

«Mùi hoa khế đưa thoảng qua, thơm nhẹ quá nên Dũng tưởng như không phải là hương thơm của một thứ hoa nữa. Đó là một thứ hương lạ để đánh dấu một quãng thời khắc qua trong đời: Dũng thấy trước rằng độ mười năm sau, thứ hương đó sẽ gợi chàng nhớ đến bây giờ, nhớ đến phút chàng đương đứng với Loan ở đây. Cái phút không có gì lạ ấy, chàng thấy nó sẽ ghi mãi ở trong lòng chàng cũng như hương thơm hoa khế hết mùa này sang mùa khác thơm mãi trong vườn cũ.» (trang 26)

Có thể nói rằng Nhất Linh đã tìm ra một thứ «định thức» của hạnh phúc, ở đây là mùi hương+trí nhớ=hạnh phúc, nhưng những yếu tố của vế đầu tiên có thể thay đổi không

ngừng, một chỗ khác, Nhất Linh viết:

«Nền trời lúc đó, Dũng thấy như một tấm lụa trong; một con bướm trắng ở vườn sau bay vụt lên cao rồi lẫn vào màu trời. Dũng tự nhiên nghĩ đến một bãi cỏ rộng trên đó có Loan và chàng, hai người cùng đi ngược chiều gió; nàng mặc một tấm áo lụa trắng và gió mát thơm những mùi cỏ đưa tà áo nàng phơ phất chạm vào tay chàng êm như cánh bướm.» (trang 45)

Lại một định thức khác của hạnh phúc: thiên nhiên+tưởng tượng=hạnh phúc. Như vậy hạnh phúc là một định thức biến thiên không ngừng, từ những dư âm hoàn toàn khác nhau, khi biết hòa âm phối khí thì ta có... hạnh phúc. Hạnh phúc, như thế, là sự hòa hợp của âm thanh trong âm nhạc, là sự điều phối của màu sắc trong hội họa, là sự ngẫu hợp của chữ nghĩa trong thi ca. Nhưng điều thiết yếu là những định thức biến thiên ấy cần những chất xúc tác như mùi hương, ngọn gió ...

Nhất Linh tinh tế bao nhiêu trong nhận thức thì ông cũng lại càng thực tế bấy nhiêu trong cái biết của mình: Biết «hạnh phúc» cũng như «nghệ thuật» chỉ là những hợp âm dễ vỡ, dễ tan, không thể nắm bắt được, tựa như: *«Những con đom đóm bay qua ao bèo, lúc tắt lúc sáng như những ngôi sao lạc biết thổn thức»* (trang125).

Hạnh phúc phải chăng là những con đom đóm trong đêm? Hay là tà áo của Loan, chạm vào tay Dũng như những cánh bướm? Có lẽ cả hai. Một điều chắc chắn là hạnh phúc nằm trong khoảnh khắc và cái khoảnh khắc bí mật ấy, luôn luôn, Nhất Linh muốn níu nó lại: *«Dũng có cái cảm tưởng rằng thời khắc ngừng hẳn lại; ánh nắng lấp lánh trên lá cây cũng thôi không lấp lánh nữa ... Chàng và cảnh vật chung quanh như không có nữa, chỉ là một sự yên tĩnh mông mênh, trong đó tiếng Loan vang lên.»* (trang 61), *«không còn phút sau nữa: thời gian ngay lúc đó sẽ ngừng lại mãi mãi»* (trang 63). *Thời gian sẽ ngừng lại.* Đó là ước vọng của Dũng. Nhưng thời gian chưa bao giờ ngừng lại và đó là bất hạnh của hạnh phúc. Khiến mọi sự liên tục trường cửu đều trở nên đáng sợ và vô nghĩa: đóa hoa không trường cửu, cánh bướm không trường cửu, đến cả thân phận con người cũng phù du... Như vậy có gì trường cửu trên cuộc sống này? Hẳn là sự trường cửu của những phút giây hạnh phúc, chết đi và sống lại trong ký ức. Mỗi lần hồi sinh chúng lại là những cánh bướm đã thoát xác, đã đổi dạng thay hình... Cho nên nếu muốn có những luân hồi của kỷ niệm thì phải sống xa người tình, sống ngoài kỷ niệm, phải xa bến đò Gió thì mỗi lần đến một bến đò, mới hồi tưởng lại và gió và đò... phải sống xa Loan mới có thể hồi tưởng những phút giây hạnh phúc được nhìn Loan và được Loan nhìn lại... Thoát ly khỏi Loan để được yêu Loan mãi mãi... để khỏi rơi vào cảnh vợ chồng ngày ngày bị những tính toán vụn vặt của đồng tiền, mảnh cơm, manh áo bào mòn thể xác, bị những giờ giấc quen thuộc đi, về, cơm, nước, con cái... giết chết kỷ niệm, giết chết tình yêu... Tình yêu, cũng giống như nghệ thuật, là những bóng đom đóm chụm đầu vào nhau như một chùm ảo ảnh mà con người càng tìm cách sở hữu, lại càng thấy bất lực. Tình yêu cũng như nghệ thuật, không thể sở hữu được mà chỉ có thể cảm thức từ yên lặng, trong yên lặng, như Nhất Linh, để từ cõi yên lặng ấy, vớt ra những xúc động, những nhục cảm say sưa nhất của con người. Yên lặng nghe *«một cơn gió lạnh lùa vào đượm mùi thơm hắc của hoa cau»* (trang196), yên lặng ngắm nắng trong vườn cùng với Loan và Dũng *«thỉnh thoảng một sợi tơ trời từ trên cao là là xuống, lấp lánh, hai người sợ tơ trời vương vào mình cùng giơ tay đón lấy rồi nhìn nhau mỉm cười khi thấy trong tay không có gì cả, hình như sợi tơ vừa tan đi cùng ánh sáng.»* (trang 195).

Những giây phút ấy là tình yêu, là hạnh phúc, là nghệ thuật mà trong cuộc đời chạy ruổi để bắt kịp xe bus, bắt kịp métro, chen chúc trong đám kẹt xe đô thị, trong chớp loạn của truyền hình, ciné với những chiến tranh hành tinh giả tưởng, trong cuộc đời bão táp kinh tế, tranh chấp những phát minh khoa học tân kỳ ..., con người rất ít thì giờ dành cho những giây phút *«yên lặng nghe lòng mình sung sướng»*, những *giây phút hạnh phúc Nhất Linh.*

(kỳ tới: Nỗi đau hiện sinh trong Bướm Trắng)

Chú thích

1. Các cháu của Nhất Linh như Duy Lam, Thế Uyên, đều có ý chê những tác phẩm của ông xuất bản sau 54. Và cả em ruột Nhất Linh, Nguyễn Tường Bách cũng viết trong hồi ký: *«Sau này, ở miền Nam, anh lại viết thêm vài cuốn như Xóm Cầu Mới, Giòng Sông Thanh Thủy ... Những tác phẩm này kém xa ngày trước vì anh không còn những cảm thụ độc đáo như ngày còn trẻ và cũng mất cả vẻ hồn nhiên trong tâm linh, sau khi đã trải qua những ngày vật lộn chính trị kinh hồn.»* (*Việt Nam, Những Ngày Lịch Sử*, trang 50, Nhóm Nghiên Cứu Sử Địa xuất bản, Montréal, 1981)

2. Nhà xuất bản Đời Nay, hải ngoại in lại, không đề năm.

SỰ SỐNG VÀ CÁI CHẾT CỦA CON NGƯỜI NGOẠI KHỔ

BÙI BÍCH HÀ

Kể về vai vế, tôi là hậu sinh xa lắc. Lúc ông đã đi xong những chặng đường phiêu du đó đây, đã lăn xả vào các công trình văn hóa, xã hội, chính trị, đã thành danh, tôi mới chỉ là cô sinh viên tỉnh lẻ, mon men bước vào ngưỡng cửa đại học. Tuy nhiên, cho đến lúc đó, tôi đã đọc gần hết tiểu thuyết của Tự Lực Văn Đoàn, cảm nhận rõ mình lớn lên trong khí hậu của những Đoạn Tuyệt, Gánh Hàng Hoa, Đôi Bạn, Bướm Trắng, Anh Phải Sống, Đi Tây, Trống Mái, Hà Nội Ba Mươi Sáu Phố Phường...vv...

Năm tôi mười bẩy tuổi, do nhà văn Duy Lam Nguyễn Kim Tuấn (lúc bấy giờ đang đóng quân ở Huế) khuyến khích, tôi có gửi vài truyện ngắn ký bút hiệu Chi Hương, được Nhất Linh cho đăng ở Văn Hóa Ngày Nay, bộ mới, với lời khen ngợi qua một thư ngắn viết tay cho tôi mà tự dạng, về sau tôi có dịp so sánh, rất giống với nét chữ của những nhà văn khác, thế hệ thứ hai của giòng họ Nguyễn Tường, mỏng, nhỏ, ngoằn ngoèo, gãy vỡ, chông chênh nhiều khoảng trống xung quanh.

Sau các truyện này, tôi không còn cơ hội nào giữ liên lạc với Nhất Linh nữa tuy thỉnh thoảng vẫn đọc thấy tin tức về ông trên báo chí và qua nhiều sinh hoạt văn học, nghệ thuật, chính trị đương thời. Mối liên hệ giữa ông và tôi quả không có gì gọi là mật thiết thế nhưng tôi luôn có cảm nghĩ ông như cái bóng nắng quanh quẩn, soi rọi lung linh xung quanh tôi, là cơn gió nhẹ làm thơm những khóm hoa bên bờ lề con đường tôi đi, là hạt mưa rơi làm cho mặt đất câm nín dưới chân tôi bớt im lìm. Nói cho đúng hơn, đó là Nhất Linh của thời gian và không gian Tự Lực Văn Đoàn. Tuổi thiếu niên của tôi, cùng với TLVĐ, đã như cái chồi non hé mở trong buổi bình minh nạm vàng của chữ quốc ngữ bước vào thời kỳ xác lập cho nó một phong cách diễn đạt hoàn toàn mới mẻ, gãy gọn, sắc bén, sáng láng, hôi hổi hơi thở người. Tôi đã ngậm những hạt sương mai trong trẻo ấy mà lớn khôn, mà ứng xử với đời và với mình, mai kia, về một cõi khác, vẫn cứ còn mang theo linh hồn cái khoảng trời xanh bát ngát những điều kỳ diệu trong văn chương TLVĐ.

Thời thơ ấu, chưa hiểu biết bao nhiêu, tôi yêu âm điệu của những con chữ xếp đặt cẩn trọng, khi đọc lên một mình trong hiu quạnh, làm ngân lên đâu đó trong tôi cái tiếng nói rất khác với tiếng nói tôi vẫn nghe hằng ngày trong ngôi nhà bề thế của bố tôi bên bờ sông Hương, trong cái xó bếp tối tăm, nơi mỗi lúc sà vào lòng mẹ, bao giờ tôi cũng thấy bà dấm dúi quẹt thầm nước mắt. Sau này trưởng thành, tôi khâm phục đường hướng phục vụ nhân sinh của nhóm TLVĐ mà Nhất Linh là con chim đầu đàn. Ông có tấm lòng mẫn cảm, sự công chính, để cúi xuống những thân phận đàn bà, cho đến giữa thế kỷ hai mươi, vẫn còn là nạn nhân bị lạm dụng, bị vùi dập, bị đối xử bất công bởi luân lý phong kiến, bởi những người có ưu thế ăn trên, ngồi trước, tuy có được tiếp cận với ảnh hưởng tốt lành của nền văn minh tây phương, nhân bản, khai phóng, song vẫn lãnh đạm bám vào các định chế xã hội lỗi thời để tiếp tục hưởng thụ đặc quyền, đặc lợi. Song song với việc tranh đấu trả lại nhân phẩm cho người phụ nữ, thúc đẩy người phụ nữ vươn lên, tự bảo vệ mình, gieo cấy vào đầu óc họ những tư duy mới, mở cho họ cánh cửa của tình yêu trong tự do chọn lựa (Nửa Chừng Xuân), trong cảm xúc và rung động hồn nhiên của cả tâm hồn lẫn thể xác, *nous nous aimons corps et âme* (Trống Mái), thiết lập cho họ những tương quan lành mạnh, bình đẳng giữa người với người (Nửa Chừng Xuân, Đoạn Tuyệt), Tự Lực Văn Đoàn còn thổi vào tuổi thanh niên những năm 30, 40, luồng gió của tình yêu nước lãng mạn, là một thứ trái quả non xanh mà vận nước bất ưng đã vô tình nhìn thấy nó chín ngạt ngào, khỏe mạnh, lừng lẫy hương sắc, trong cuộc cách mạng chống chủ nghĩa thuộc địa mùa thu năm 45.

Thế hệ Nhất Linh là một tổng hợp những nỗi xao xuyến của giới trí thức mới Việt Nam, bước đầu làm quen với những giá trị hào phóng và cởi mở của học thuật tây phương. Họ thấy phơi bày trước mắt nhiều chọn lựa mà khoảng cách giữa khao khát và khả năng nắm bắt của người dân một nước nhược tiểu thì quá đỗi so le, đưa đến thái độ nửa vời, phiến diện, vốn quen được đồng hóa như một đặc tính của giai tầng tiểu tư sản. Trong Nhất Linh có con người nghệ sĩ, cầm cọ, cầm giá vẽ, bước chân vào cổng trường Cao Đẳng

Mỹ Thuật rồi quày quả trở ra, bỏ quên mình, để đi làm cách mạng xã hội giúp dân nghèo nông thôn. Trong con người Nhất Linh có nhà khoa học muốn đi vào kỷ nguyên kỹ thuật của thời đại mình nhưng lại bỏ cuộc vì tiếng gọi ray rứt của những thôi thúc chính trị tưởng chừng cấp bách hơn, hiệu quả hơn, để cải thiện đất nước và dân tộc. Tâm hồn nhậy cảm, tấm lòng nhân hậu, bản chất văn học của ông bị thương tổn trầm trọng nơi chính trường đầy rẫy toan tính, lọc lừa, phản trắc và gian trá. Sức khỏe sa sút, ông lui về ẩn náu giữa thiên nhiên, cầm lại cây bút, để tiếng suối róc rách của giòng Đa Mê gội rửa phiền muộn, làm người đi săn tìm lan quí trong trời đất bao la.

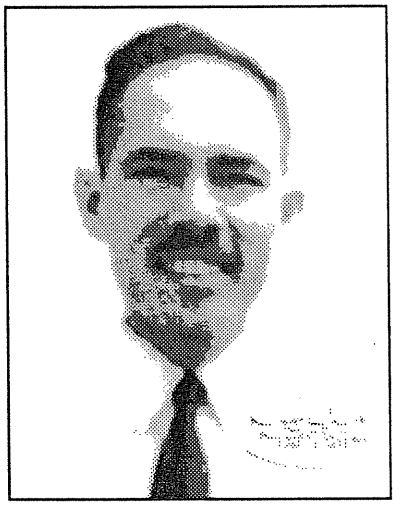
Nhất Linh

Sau này, để cắt nghĩa lý do vì sao, đã tạ từ, đã làm đến thế mà ông vẫn không thoát khỏi vòng hệ lụy chính trị (đến nỗi cuối cùng, phải mượn đến cái chết để trốn nợ vong thân), ông cho rằng ông bị cuốn vào "guồng máy hoạt động, của những bánh xe ăn khớp nhau," thúc đẩy con người dấn thân nhận lấy trách nhiệm, trong nhọc nhằn, đau đớn, ngay cả trong tự hủy chính mình: *"Hồi chơi hoa phong lan ở Đàlạt, cậu vẫn thấy mình không thể đứng ngoài vòng trách nhiệm nên phải về hoạt động lại ở Sài Gòn."* (1) Bàn đến đây, nhà văn, nhà thơ, nhà phê bình văn học Võ Phiến đã nhận định cái "guồng máy" trong lời tâm sự của Nhất Linh, trong suốt ý truyện của Giòng Sông Thanh Thủy, chẳng phải là gì khác ngoài chính "cái tâm" của ông, tôi xin phép được thêm, của người nghệ sĩ sống chết vì cái Đẹp, ôm ấp không rời những ước mơ cuồng nhiệt làm đẹp cả thế giới loài người chỉ với ngòi bút viết bằng máu lửa từ trái tim mình, chỉ với ám ảnh ngây ngất, hoang dại, về khả năng sáng tạo quả có lúc xây dựng nên những cảnh đời siêu việt vượt qua sự khốn khó của thời đại họ sống.

Ông mất đi, chủ động lựa chọn cách thế từ giã, rất đông người thương tiếc, ngậm ngùi, ngưỡng mộ. Ít người trách ông yếu đuối, bỏ cuộc vội vã. Đối với riêng tôi, ông quả thật là một nhà nghệ sĩ lớn, đã sống, đã chết, cái sống và cái chết tận cùng, triệt để, trong đam mê, trong sáng tạo, trong ước mơ, trong tuyệt vọng, trong tuyệt đối tự do, luôn luôn trân trọng, cháy bỏng từng phút giây niềm phấn khích viết lấy định mệnh đời mình. Thành công hay thất bại, xét theo thế gian thường tình, chỉ là những cân đo chật chội, phù phiếm, những phong tặng hay qui kết không bao giờ thấu đáo, không bao giờ vừa với kích thước của những con người ngoại khổ mà sự sống và sự chết của chính họ mới là minh chứng rõ nét ý nghĩa cuộc đời họ.

Tôi biết ơn Nhất Linh (và nhóm TLVĐ) đã dạy cho tôi biết nhìn, biết lắng nghe, biết gạn đục khơi trong, giữa vô vàn hình tượng và tạp âm xung quanh, để nhận ra cái sâu thẳm, sống động, cái đẹp nhất, thật nhất, long lanh màu sắc, lẩn khuất bên sau, bên dưới cái thường tình mà nếu không tế nhận được chúng, đời sống có lẽ sẽ chỉ còn là một cõi thinh không vắng lặng, nhạt nhẽo, buồn bã.

Bây giờ, cố nhớ lại hai truyện ngắn đã gửi cho Văn Hóa Ngày Nay, bộ mới, do Nhất Linh chủ trương ở Sài Gòn đầu thập niên 60, tôi không còn nhớ được nội dung tôi đã viết những gì và như thế nào? Dường như chúng chẳng thực sự có một cốt chuyện rõ rệt mà chỉ là những nắm bắt xao xuyến đến và đi trong tích tắc thời gian, của hai người bạn trẻ, giữa buổi chiều dường như êm đềm hơn mọi buổi chiều đã qua, bỗng nhiên ôm hôn nhau và cảm nhận qua nụ hôn ấy tất cả cái rực rỡ não nùng của một ngọn pháo bông vừa bừng cháy vừa tự hủy, là cái duy nhất, cái tuyệt đối, cái mãnh liệt của sức sống hiện tồn bên trong họ gom vào một sát na, qua rồi là mất hút nên rất đỗi thiêng liêng; mà chỉ là cái loay hoay của một bà mẹ nghèo thèm khát một số tiền, chưa biết để làm gì nhưng nỗi thèm khát trở thành một ám ảnh không ngớt dầy vò bà. Tất nhiên những truyện ngắn này không là bức tranh toàn cảnh một đời người, chúng chỉ là dương bản một khoảng khắc sống toàn vẹn, sống đến kiệt lực của vài ba nhân vật nhìn bằng ống kính tôi nghĩ là đã vay mượn của TLVĐ (để làm nên hạnh phúc của riêng tôi).

Như thế, đối với tôi, Nhất Linh quả đã viết, bằng cuộc đời ông, những trang tiểu thuyết cân xứng với tầm vóc mình, người chiến sĩ, người sứ giả văn hóa cô đơn đi rao giảng vẻ đẹp với lòng xác tín một xã hội không có chỗ cho cái Đẹp là một xã hội trên đường sa đọa và tự diệt.

6/ 02

(1) Trích lời Nhất Linh tâm sự với con trai vài giờ đồng hồ trước khi ông quyên sinh.

CƯỜI CỢT ĐỂ SỬA ĐỔI PHONG HÓA

LÝ TOÉT & XÃ XỆ

CỦA BÁO PHONG HÓA NGÀY NAY

ĐỘNG ĐÌNH HỒ

Lý Toét và Xã Xệ là hai nhân vật chính, trong loại tranh cười, cùng có mặt lần lượt trên các trang báo Phong Hóa và Ngày Nay; theo chủ trương "cười cợt để sửa đổi phong hóa" của Tự Lực Văn Đoàn. Cười cợt nền phong hóa giao thời Việt, Pháp, nửa Đông, nửa Tây, nửa phong kiến, nửa thực dân, mà cụ Tú Xương đã ghi lại, rằng: *"Trên ghế bà đầm ngoi đít vịt. Dưới sân ông cử ngỏng đầu rồng"*.

Nguồn gốc tranh cười nước ta

Lịch sử tranh biếm họa Việt Nam, không chỉ có từ thời này, càng không vì nhờ bắt chước Pháp mà ta có loại tranh cười. Tranh "tiến sĩ chuột vinh quy" hối lộ cá chép cho mèo. Tranh "đánh ghen" vợ cả cầm kéo tính xén tóc vợ lẽ; con bênh mẹ, ném đá về phía cha; chồng bênh vợ mới, tay huơ, tay giữ ngực. Tranh tốc váy lên "hứng dừa"... là những "tiếng cười bằng hình vẽ" đã có từ thuở xa xưa.

Đánh ghen / tranh mộc bản dân gian

Tranh cười dân gian, như các bài vè diễu, từ bao đời đã trở thành thứ vũ khí sắc bén, giữ gìn truyền thống và phong tục tốt đẹp; chúng chỉ chua cay, cười cợt, nhạo báng trước những tục lệ hủ lậu, làm mục nát xã hội, do hói hư, tật xấu con người nói chung hoặc của giới thống trị nói riêng... tục lệ hủ lậu, làm mục nát xã hội, do cay, cười cợt, nhạo báng trước những tục lệ hủ lậu, làm mục nát xã hội, do thói hư, tật xấu con người nói chung hoặc của giới thống trị nói riêng... Chính các tác giả của thơ cười hay tranh diễu cũng không có "thói hư", vơ đũa cả nắm, khi nói về "tật xấu" của người mình. Vì thế mà biếm họa, một lối vẽ châm biếm của tranh dân gian truyền thống đã được giới báo chí Việt ngữ đầu thế kỷ 20, kế thừa và phát huy, trong đó nổi bật nhất là hai tuần báo Phong Hóa, Ngày Nay.

Nếu như tranh dân gian thời Pháp thuộc, chỉ họa hình ảnh một người nào đó, không "tên tuổi", leo cột mỡ; thì Phong Hóa đã cho Lý Toét hoặc

Phong hóa / thứ 6 ngày 20. 07. 1934.

Xã Xệ vào hẳn trong tranh, trở thành các nhân vật "lừng danh" từ Bắc chí Nam... "Hội Thăng Bình", 14 tháng 7, Lý Toét từ quê ra tỉnh "xem hội"; đeo đôi giầy lên cán ô vì sợ đi nhiều thì giầy sẽ mau mòn. Thấy một người đang với tay lấy đôi dép treo trên cột mỡ, Lý Toét vội vã la to, mách nước:

"Này, lấy đôi giầy!
Lấy đôi giầy hơn!"

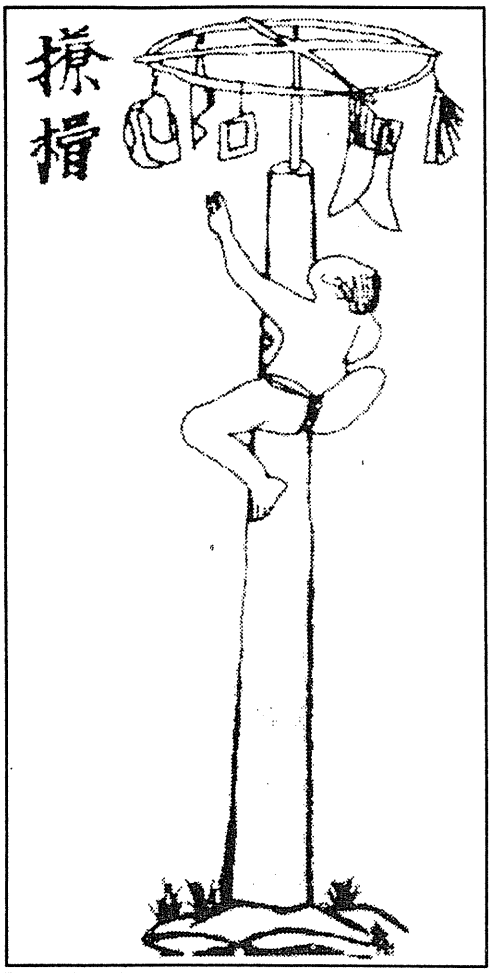

Tranh dân gian

Trong khi đó, một tên ăn cắp cũng đang cắt dây, lấy giầy của Lý Toét.

Thời mà thể thống quốc gia, tức giềng mối nước nhà, bị lung lay mạnh, thì rất ít người dân đứng vững.

Nhân cách đã mất, còn nói nói gì quốc thể, khiến thơ văn của giới sĩ phu không ngớt lên tiếng chỉ trích.

Thơ Nguyễn Khuyến đã nói ngay:

"Ngày xưa, nào thấy hội này đâu,
Từ có quan Tây mới bắt đầu
Nhọ mặt, than ôi người liếm chảo
Bày trò, tệ nhỉ bọn vênh râu."

Thơ Trần Tế Xương đã nói thẳng:

"... Cậy sức, cây đu nhiều chị nhún
Tham tiền, cột mỡ lắm anh leo."
"Khen ai khéo vẽ trò vui thế
Vui thế bao nhiêu, nhục bấy nhiêu."

Tranh dân gian liền ghi nhận ngay hình ảnh một người dân đóng khố, cố leo lên cái cột cao, có thoa mỡ cho trơn trượt, để giật lấy giải thưởng. Tranh "tả cảnh". Không "phê bình". Tranh chỉ "vẽ". Không "bình" cảnh "người liếm chảo". Còn tranh cười Lý Toét và Xã Xệ, vì đăng chính thức trên báo nên phải tránh lưỡi kéo thực dân kiểm duyệt, cũng không đả kích thẳng vào ngày 14 tháng 7. Tùy theo người xem tranh mà thấy được ngụ ý; "thằng cám hấp" không chỉ là kẻ đã leo lên được cột mỡ, lại tính lấy đôi dép, không lấy giầy; mà Lý Toét, kẻ mất giầy ở dưới đất, mới đáng... cười.

Cuối cùng: Phần lớn những kẻ đi xem "Hội Tây" đều ranh ma hoặc ngu đần? Ranh ma ở chỗ, nâng đôi giầy lên, rồi mới cắt dây. Ngu đần không thấy ngày Quốc Khánh ấy của kẻ cướp nước, đâu phải của mình? Lý Toét và Xã Xệ, những chất liệu, để Phong Hóa, Ngày Nay vẽ lên bức tranh xã hội nước ta đầu thế kỷ 20.

Ai đã sinh ra Lý Toét và Xã Xệ

Không riêng người mình ở thời đó thích Lý Toét, Xã Xệ, cả đến một số báo Pháp cũng trích đăng... George Pisier đã đăng bức tranh sau đây, trên tờ indochine (Đông Dương), số 75-76, ra ngày 12 tháng 02 năm 1942:

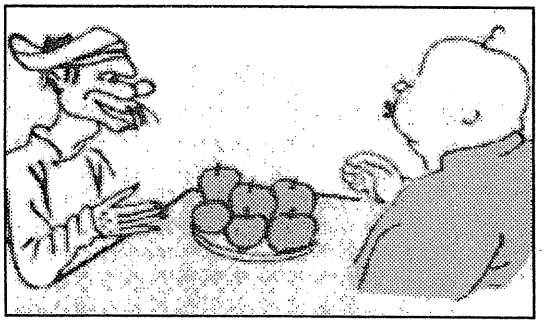

Bom à? Nó nổ chết!

Nội dung tranh trên, đại khái: "Bác Xã đến đúng giờ đã định, với quà tặng, biếu bác Lý một đĩa táo Tây, vốn là thứ quý vì giá đắt. *Bác Lý quê mùa,* không biết là thứ quả gì, hỏi:

- Bác mang sang cho tôi quả gì đẹp thế, bác Xã?

- Tôi hân hạnh được mang tặng bác mấy quả "Bom" (pomme).

Lý Toét tưởng là bom thật, sợ qúa, ngất sỉu ngay."

Cách "chơi chữ" bom, từ tiếng Tây pomme, thường thấy ở miền Nam.

Nhưng ai là người đầu tiên tạo ra hình dáng, cá tính hai "nhân vật ảo" mà sống động y như thật?

Cho tới nay, người thì bảo họa sĩ Nguyễn Gia Trí đã sinh ra Lý Toét và Xã Xệ. Căn cứ vào bút hiệu viết tắt: Gtri trên một số tranh. Rồi sau đó, ai vẽ cũng được, dù là họa sĩ hay người yêu hội họa, miễn là bức tranh có ý nghĩa, Phong Hóa và Ngày Nay đều đăng. Người đó có thể là Đông Sơn, tức nhà văn Nhất Linh; hay Tô Tử hoặc Ái Mỹ, tức hoạ sĩ Tô Ngọc Vân; hoặc Lemur, tức họa sĩ Nguyễn Cát Tường, người vẽ kiểu áo dài "tân thời", Lemur.

Một nguồn tin khác, qua bài báo "Có nên sửa bộ đời Lý Toét, Xã Xệ", đã đăng trên báo xuân Bình Minh, Sài Gòn 1968: khoảng năm 1931, Phong Hóa mở cuộc thi vẽ tranh hài hước, như từng mở các cuộc thi văn, họa sĩ Bút Sơn ở miền Nam, gửi tranh dự thi và trúng giải nhất. Tranh vẽ Xã Xệ leo lên một bàn cân gạo, nói: "Bác Lý! *Lên đây cân! Rồi chúng ta chia hai. Có sao đâu!*" Sau đó, Lý Toét và Xã Xệ trở thành của chung trên Phong Hóa, Ngày Nay, không kể tới tác quyền của Bút Sơn.

Hiện nay, Chúng tôi chưa có đầy đủ các số báo Phong Hóa, Ngày nay đã in, nên không biết sự thật ra sao?

Theo lời tác giả Nguyễn Thị Vinh: "Ngay từ khi nhận tờ Phong Hóa do Phạm Hữu Ninh giao lại, năm 1932, với tư cách là Giám đốc kiêm Quản lý, Nhất Linh đã tính tới việc tập hợp một số nhà văn, nhà thơ cùng một chí hướng: Chống phong kiến, chống thực dân, phổ biến những quan niệm nhân quyền và dân quyền, trình bày những quan niệm về tiến bộ cá nhân, gia đình và xã hội, đặc biệt là khơi dậy lòng yêu nước của người mình. *Năm 1936, Phong Hóa bị đóng cửa, tờ Ngày Nay, do Nguyễn Tường Cẩm điều khiển lại nhanh chóng ra đời, tờ nào cũng đông bạn đọc khiến cho thực dân Pháp lo sợ trước tầm ảnh hưởng ngày càng lan rộng của Tự lực Văn Đoàn. Nên tới năm 1939 thực dân Pháp lại ra lệnh cho đóng cửa nốt tờ Ngày Nay.*" ("Thư gửi cô Mai, cô Loan", trích thi phẩm Cõi Tạm.)

Trước hết, chúng ta cần để ý tới:

1932-36: Phong Hóa.

1936-39: Ngày Nay.

Ngày Nay đình bản năm 1939 là sai:

Ngày nay, số 222/ Hà nội 24.08.1940

Vì trong số ngày 24 tháng 8 năm 1940, Xã Xệ còn hỏi:

- Nước ta ở đâu có mỏ vàng, cụ nhỉ?

Lý Toét:

- *Tôi nói ra bác biết để bác đi đào tranh tôi à?*

Vậy, khó tin được rằng cuộc thi "vẽ tranh hài hước" lại xuất hiện trước một năm Phong Hóa ra đời? Cho quảng cáo từ năm 1931? Nên cuộc thi chỉ có thể xảy ra từ năm 1932? Quý bạn đọc nào có tài liệu chứng tỏ Lý Toét, Xã Xệ có mặt từ ngay số ra mắt của Phong Hóa hoặc số Phong Hóa có loan tin họa sĩ Bút Sơn trúng giải nhất cuộc thi vẽ tranh hài hước, xin cho chúng tôi bản sao.

Nhiều người vẽ Lý Toét & Xã Xệ

Nhiều tác giả và độc giả của Phong Hóa, Ngày Nay đã vẽ tranh cười Lý Toét, Xã Xệ, dù hai nhân vật này do Nguyễn Gia Trí hay Bút Sơn sinh ra.

Chắc chắn trong bảng chữ ký kể trên có họa sĩ Nguyễn Gia Trí và họa sĩ Nguyễn Cát Tường. Cũng do nhiều người vẽ, nên "chân dung" của Lý Toét và Xã Xệ cũng có những nét khác nhau vì bút pháp không giống nhau. Nhưng tất cả những hình vẽ Lý Toét và Xã Xệ đều cùng chung những

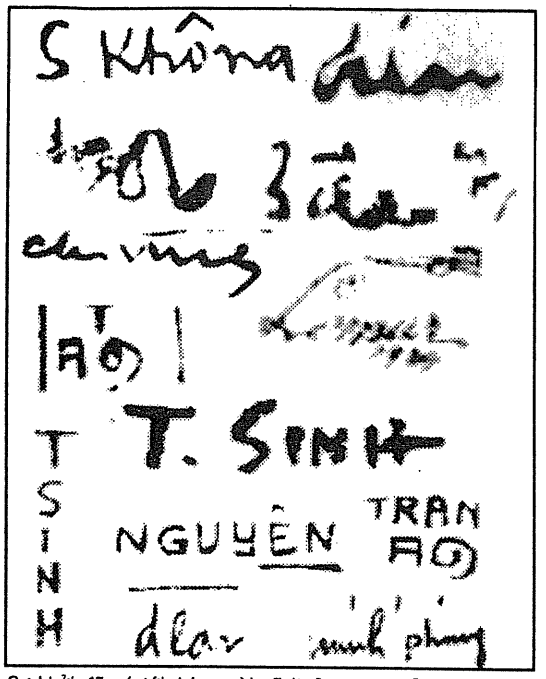

Sơ khởi đã có tới 14 người vẽ It & xx.

tính chất không thay đổi, như:

1- Lý Toét: Gầy, cao, rậm râu, nhiều tóc, tóc búi tó củ hành, khăn đống áo dài, hay đi chân không vì sợ giầy dép mau hư. Quen sống ở nhà quê. Lý Toét, làm chức Lý trưởng và bị bệnh toét mắt, nên gọi là Lý Toét?

2- Xã Xệ: Béo, thấp, đầu hói và chỉ còn độc nhất một sợi tóc, quần áo Tây, Tàu đủ kiểu, thích đi guốc, khá "văn minh"... Xã Xệ, một người ở thị xã, béo xệ, nên được gọi là Xã Xệ?

Cả hai đều có một "hệ thống lý luận" riêng, không giống nhau, cũng "chẳng giống ai".

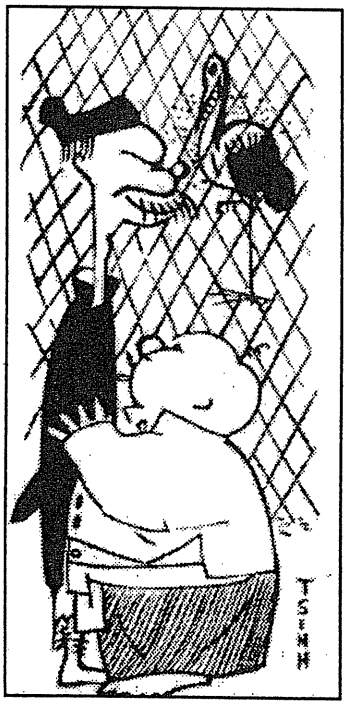

Xã xệ: - kìa bác lý, xem chỗ khác chứ đứng mãi ở đây chán lắm!
- tôi còn chờ xem nó rút nốt chân kia lên.
(Ngày Nay, 1936, số 74).

Nhưng ai cũng giật mình, đôi khi, thấy "trong người" Lý Toét và Xã Xệ có cái... Ta. Nhưng vì tranh cười Lý Toét, Xã Xệ không chạm tới cái... Tôi, nên ai cũng thích.

Phần khác, Lý Toét, Xã Xệ hoàn toàn không giống như Ba Giai, Tú Xuất, là hai "nhân vật dân gian" thông minh, ranh mãnh, quỷ quyệt. Lý Toét và Xã Xệ chưa từng bày mưu, tính kế để châm chọc, vụ lợi hay trả thù ai. Hai người này nghĩ, nói và làm nhiều việc khiến nhiều người phải cười. Lý Toét và Xã Xệ, không hề dụng công, song người vẽ ra họ đều có dụng ý.

Nhận diện Lý Toét và Xã Xệ

Chính những nét bút, bố cục hay nghệ thuật tạo hình Lý Toét, Xã Xệ khác nhau, khi sắc sảo, lúc giản dị đủ cho thấy, chỉ riêng về mặt hí họa, Phong Hóa và Ngày Nay là tờ báo được độc giả bốn phương hưởng ứng.

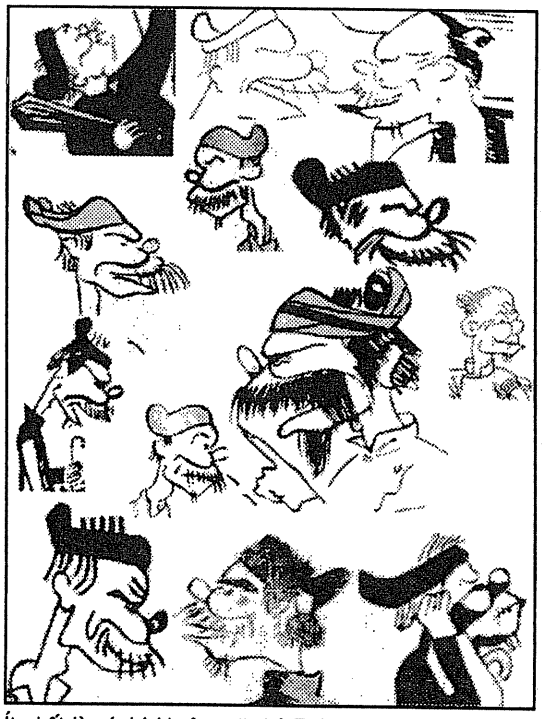
Ít nhất là có 14 khuôn mặt Lý Toét

Đúc kết nhiều tin văn nghệ, rải rác trên một số báo chí miền Nam hoặc qua chuyện kể của kịch tác gia Vi Huyền Đắc trước năm 1975, về "sự gợi ý ban đầu" để báo Phong Hóa tạo ra hai nhân vật Lý Toét, tựu trung:

1- Phỏng theo hai diễn viên "béo, gầy" của loại phim cười thập niên 19(30-40).

2- Lý Toét là hình ảnh nhà báo Nguyễn Văn Tố, người mà tuần báo Phong Hóa thường châm

chọc "cái búi tó của hành" của ông.

3- Xã Xệ hao hao nhà thơ Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu. Nhân cuộc bút chiến về thơ cũ, thơ mới, báo Phong Hóa số 14, ra ngày 22 tháng 9 năm 1932 đả kích thơ cũ không tiếc lời: "Phong Hóa đã bàn về những chỗ không hay, không hay vì bị bó buộc vào trong khuôn sáo của lối thơ Đường luật... *Bỏ luật, niêm đối, bỏ điển tích, sáo ngữ, nghĩa là tóm tắt, đừng bắt chước cổ nhân một cách nô lệ. Thơ ta phải mới, mới văn thể, mới ý tưởng.*" Các báo bênh vực thơ mới "sôi nổi" nhất là: Phong Hóa, Phụ Nữ Tân Văn, Tiểu Thuết Thứ Bẩy...

Tản Đà, không hẳn bênh vực thơ cũ, nhưng cho rằng thơ mới "Tây" quá. Ông đã làm bài Tửu Nhập Xuân Thi, đăng trên An Nam Tạp Chí, của Tản Đà, số 6: Bài thơ lên giọng hết sức kẻ cả, "ông Tản Đà", bảo cho "bạn Phong Hóa".

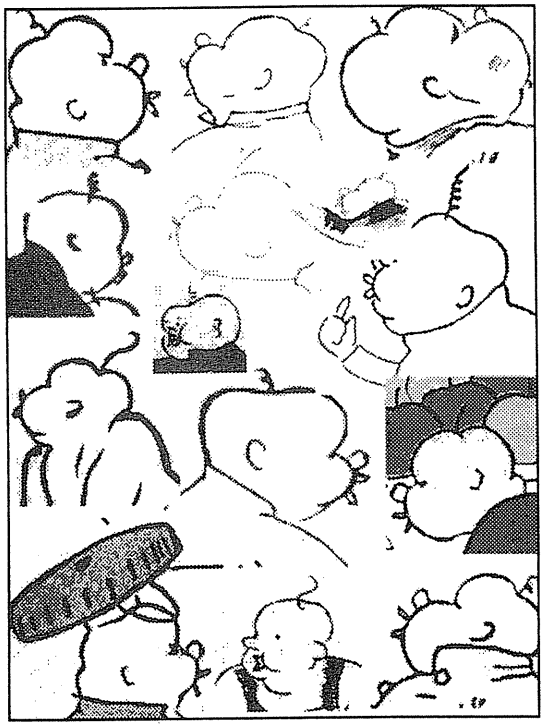

và 14 khuôn mặt khác nhau của Xã Xệ

Ông Tản Đà Nhắn Bạn Phong Hóa

Mấy lời nhắn bảo anh Phong Hóa
Báo đến như anh thật láo quá
Từ tháng đến năm không ngớt mồm
Sang năm Quí Dậu phải kiếm khóa
Ông nỉnh ông ninh có liệu mà
Tứ tái tứ tam đừng trách nhá.
Chút tình đồng nghiệp bảo cho nhau
Nhờ gió thổi đi mong cảm hóa*.*

* Gió + hóa = Phong Hóa.

Báo Phong Hóa, qua Lê Ta Nguyễn Thứ Lễ, tức nhà thơ Thế Lữ, người đứng đầu phong trào thơ mới, vội "họa thơ", trả lời An Nam Tạp Chí:

Gửi Bác Tản Đà

Anh lên giọng rượu
khuyên Phong Hóa
Sặc sụa hơi men khó ngửi quá
Đã dạy bao lần, tai chẳng nghe
Hẳn còn nhiều phen mồm bị khóa
Thân mềm chưa chắc đứng ngay đâu
Lưỡi ngắn thì nên co lại nhá.
Phong Hóa mà không hóa nổi anh
Túy nhân quả thật là nan hóa.

3- Năm 1954 ở Hà Nội, một tờ báo, không nhớ là nhật báo Giang Sơn hay Tia Sáng; trong đó có bài báo viết về họa sĩ Lemur Nguyễn Cát Tường, đại ý: Dựa theo những hình vẽ thường thấy trong loại tranh cười của tuần báo trào phúng Phong Hóa dưới đây, ông Tường đã sáng tạo ra hai nhân vật độc đáo, Lý Toét và Xã Xệ:

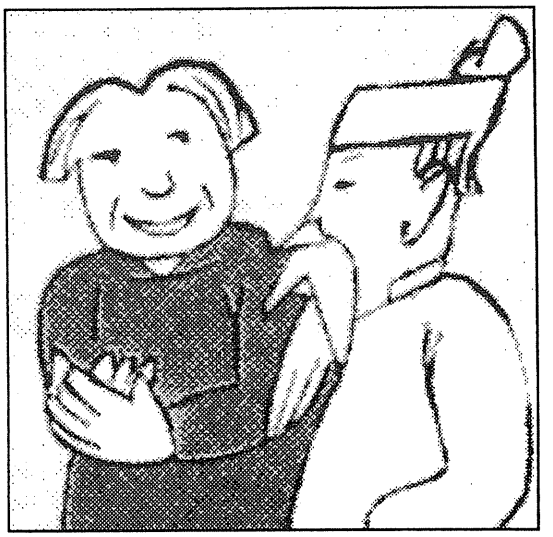

Mẫu hình gợi ý để vẽ xã xệ và lý toét?

Chúng tôi ghi lại. Không ghi nhận. các nguồn tin trên chưa có bằng chứng xác đáng để có thể xác nhận nguồn gốc của Lý Toét và Xã Xệ! Hai nhân vật này, dù muốn hay không, chỉ là "phương tiện" của "mục cười" trong báo cười Phong Hóa, Ngày Nay nói riêng và của Tự Lực Văn Đoàn nói chung, cho một "cứu cánh":

"Cười cợt để sửa đổi phong hóa"

Văn hóa và phong tục nước ta thời Pháp thuộc, giữa hai luồng gió Đông Tây xoáy tít, bụi rác của

nhiều hủ tục xưa cùng với mọi chất cặn bã của thứ a dua Tây hóa sốp nổi làm mờ mịt bức tranh xã hội. Nên văn học, nghệ thuật và báo chí của Tự Lực Văn Đoàn chủ trương nâng cao trình độ dân trí. Nhưng không sửa chữa thì không thay đổi được. Nếu muốn đổi những cái xấu cũ để thay vào đó bằng những cái tốt mới. Nên Phong Hóa và Ngày nay không chọn con đường để trở thành một tạp chí văn học nghệ thuật thuần túy hoặc một tạp chí chính trị, xã hội, chuyên nghiên cứu và lý luận. Phong Hóa và Ngày nay chỉ là hai tờ tuần báo... cười, trong đó có nhiều tranh hài hước, biếm họa, hí họa. Lý Toét, "một anh nhà quê học đòi" và Xã Xệ, "một anh giàu sổi học làm sang". Cả hai, khi thì ngây ngô, lúc lại lại hợm hĩnh. Nhưng Phong Hóa, Ngày Nay không nhắm chỉ trích dân quê hay thị dân. Không cho rằng ở nhà quê thì "gạo trắng, trăng thanh, gió mát" và thành thị thì "cơm máu, ngựa người, bụi khói". Cũng không nghĩ là "dân phố sang hơn dân ruộng". Từ làng ra tỉnh, bất cứ nơi đâu phong hóa suy dồi, đều bị cười cợt. Chẳng cười chơi, cười cho vui, mỗi bức tranh cười là một vấn đề văn hóa xã hội. Tiếng cười, như tiếng chuông, đánh thức dân Việt dậy, ra khỏi cơn mê mộng tự tôn "bốn ngàn năm văn hiến" hoặc như tự ti "dân an-nam-mít" thấp kém.

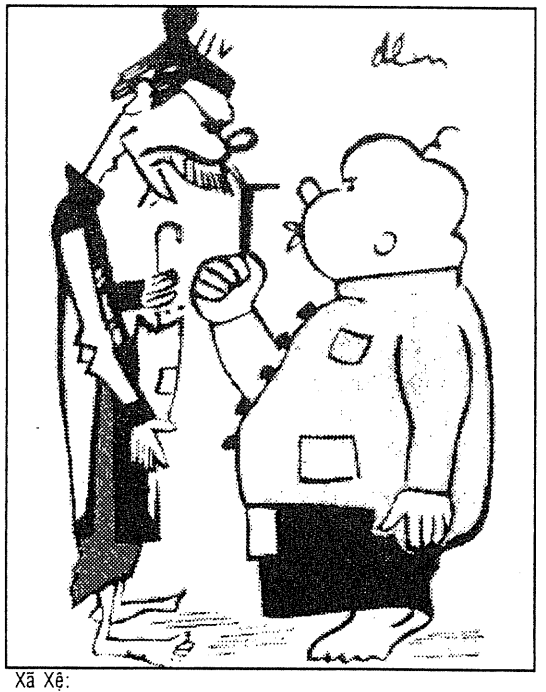

Xã Xệ:
- Còn độc một chiếc lược, lại còn đúng hai răng, rõ chán!
Lý Toét:
- Còn chán gì nữa! Đầu bác có một sợi tóc ranh, thì hai cái răng là đủ chải. Đến đầu tôi hàng vạn sợi tóc mà cũng chỉ dùng lược có hai, ba chục răng thôi!

Phong hóa xuân giáp tuất 1934.

Xã Xệ:

- Còn độc một chiếc lược, lại còn đúng hai răng, rõ chán!

Lý Toét:

- Còn chán gì nữa! Đầu bác có một sợi tóc ranh, thì hai cái răng là đủ chải. Đến đầu tôi hàng vạn sợi tóc mà cũng chỉ dùng lược có hai, ba chục răng thôi!

Sợi tóc, của Xã Xệ, "như cái đuôi giữa hai cái mông lợn", cần chi tới lược? Người xem tranh mỉm cười về sự ngớ ngẩn của Xã Xệ. *"Nhưng có người xem tranh nào nhận ra mình cũng vớ vẩn như Xã Xệ, ở một khía cạnh khác; khi đất nước mất tự do cũng tựa hồ như đầu rụng gần hết tóc, người dân sống trong nô lệ, mà còn cần đến các thứ Hội đồng Hàng tỉnh, Hội đồng Dân chính Bắc kỳ, như lược hai răng, của thực dân Pháp? Ngày nay, nhiều người còn hy vọng vào bản Hiến pháp và Quốc hội của một chế độ độc đảng, độc tôn? Chưa biết Xã Xệ hay người xem tranh nào đó, ở thời này, ai ngớ ngẩn hơn ai?"*

Nhà văn và nhà thơ Thụy An Lưu Thị Yến, mười lăm năm tù trong vụ Nhân Văn, Giai Phẩm, năm 1978 đã nhận xét như vậy khi coi tranh trên.

Lý Toét: *Chà khổ quá! Xuất hành hướng Đông mà hướng Đông tường chắn thế này thì xuất hành làm sao?*

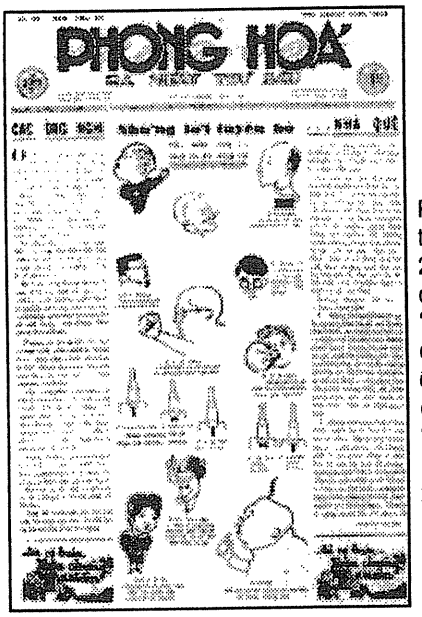

Phong Hóa / thứ 6 ngày 27. 04. 1934 châm chọc từ "nhà quê" cho đến "các ông nghị" và quảng cáo "đã có bán nửa chừng xuân" của nhà văn Khái Hưng Trần Khánh Giư.

Năm mới, ngày đầu tiên Lý Toét ra khỏi nhà gọi là "xuất hành", chọn hướng đi và giờ giấc hợp với tuổi, để mong "suốt năm may mắn". Thay vì chọn hướng, dù đi đường nào cũng được, miễn là đúng hướng, Lý Toét chỉ chọn đường. Gặp trở ngại thì kêu khổ. Hướng tiến tới của cuộc Cách mạng Dân tộc, đầu thế kỷ 20, là Độc lập, Tự do, Hạnh phúc. Có nhiều ngả đường, học thuyết chính trị, để đi tới hướng này. Nhưng thực tế, cuộc cách mạng đã bị dồn vào lối độc đạo, mà trở ngại của nó là dẫn tới bế tắc; sau nửa thế kỷ mới tính quay đầu trở lại?

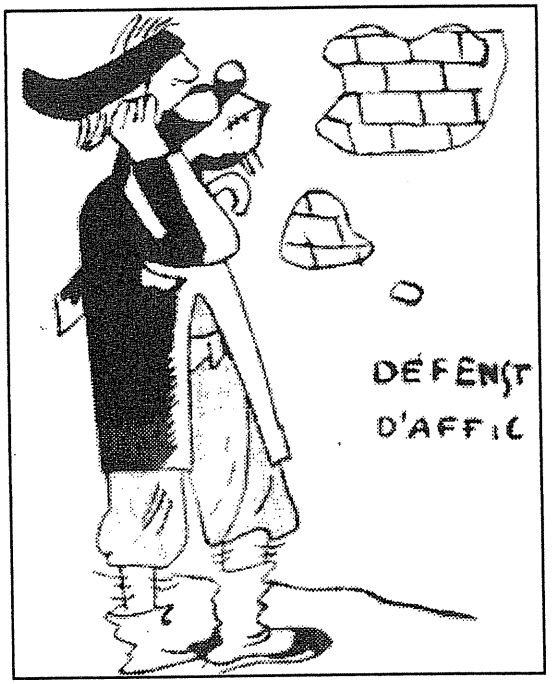

Báo Indochinne ngày 12.02.1942 / Trích từ báo Ngày Nay

Suốt mười năm Tự Lực Văn Đoàn làm Phong Hóa, Ngày Nay, qua mấy trăm số báo ra hàng tuần, tuần nào cũng có nhiều tranh cười Lý Toét, Xã Xệ; biết bao nhiêu vấn đề xã hội được nêu lên, nhằm sửa đổi cách suy nghĩ của người mình. Vua coi xã tắc như của riêng Trời ban cho giòng họ mình. Đảng phái coi đất nước như của riêng mà mình độc quyền cai trị để hưởng đặc lợi. Dân chúng phần đông coi của công là chẳng phải của ai. "Ăn cắp của công là không ăn cắp của ai hết!" Cách suy nghĩ của phần đông trên, dưới rất "xã xệ", khó có Tự do, Dân chủ, Công ích và kỷ luật?

Ngày nay / số 65 / 1936. Đội xếp:
- Ê! Ai cho phép tắm ở đây?
Xã Xệ:
- Rõ cái ông này mới sinh sự chứ! Tôi tắm ở hồ nhà nước, chứ tôi tắm ở hồ nhà ông à?

Những vấn đề mà báo Phong Hóa, Ngày Nay nêu lên từ 1932 tới nay 2002, bảy mươi năm qua, vẫn còn nguyên mới, như nạn bóc lột, cửa quyền, tham nhũng, bè đảng, cá lớn nuốt cá bé, mạnh được yếu thua... Chắc cũng vì quen sống lâu trong cảnh tù giam, bị "trói" tư tưởng, câu thúc thân thế, mà những người tù, nhân dịp năm mới, thay vì chúc nhau sớm được Tự Do, lại chỉ mong cho nhau "phát tài" và "sinh cháu trai"? /

Truyện dài XÓM CẦU MỚI của NHẤT LINH

(Viết nhân lần tái bản năm 2002)

NGUYỄN TƯỜNG THIẾT

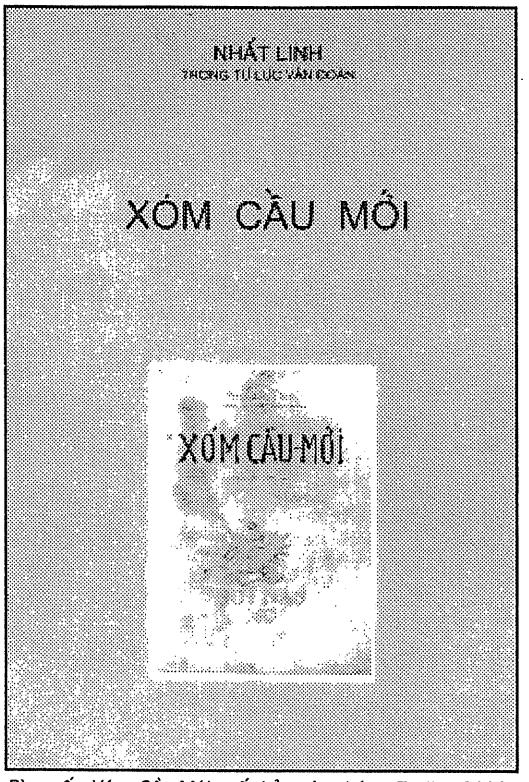

Bìa cuốn Xóm Cầu Mới xuất bản vào tháng 7 năm 2002

Cuốn truyện dài Xóm Cầu Mới của Nhất Linh, thân phụ tôi, đã được ấn hành lần đầu tiên ở Sài-Gòn năm 1973 bởi nhà xuất bản Phượng Giang do tôi chủ trương.

Sau biến cố tháng Tư năm 1975, khi ở trong nước sách của Nhất Linh không được phép lưu hành thì ở hải ngoại hầu hết các tác phẩm của ông đã được một số các nhà xuất bản cho in lại ở Hoa Kỳ.

Những năm gần đây, sách của Nhất Linh cũng như của các nhà văn khác thuộc nhóm Tự Lực Văn Đoàn lại thấy dần dà xuất hiện ở trong nước. Tuy nhiên, chỉ những sáng tác của Nhất Linh ra đời trước năm 1945 mới được ấn hành; còn những tác phẩm về sau của ông thì không những không thấy in lại mà ngay cả trong các sách bình luận văn học xuất bản ở trong nước cũng không thấy đề cập tới.

Đó là lý do tôi dự định cho tái bản hai tác phẩm cuối đời của ông, hai tác phẩm mà tôi may mắn còn giữ nguyên được bản thảo. Đó là hai cuốn *Xóm Cầu Mới* và *Giòng Sông Thanh Thủy*.

Để cho quyển sách này được trung thực với nguyên tác, không phạm những lầm lỗi về ấn loát như trong lần xuất bản trước, tôi không tái bản bằng cách cho sao in lại từ ấn phẩm cũ, mà là khởi công đánh máy lại từ đầu dựa hoàn toàn vào nguyên gốc bản thảo.

Đánh máy non năm sáu trăm trang sách với khả năng đánh "mổ cò" của tôi, việc này vừa chậm vừa tốn công. Nhưng tôi thấy việc tự tay mình đánh máy lấy là cần thiết, vả lại cũng vui

thích nữa.

Thứ nhất là rất khó tìm được một chuyên viên đánh máy nào có thể vừa đọc vừa đoán những hàng chữ nhỏ li ti trong bản thảo mà không sai ý tác giả. Tôi nói nhiều chữ phải đoán ý vì bản thảo được viết cách đây đã trên một nửa thế kỷ, nhiều nét mực đã mờ đi theo với thời gian (1).

Thứ hai là trong suốt mấy tháng cặm cụi trước bàn máy vi tính, cận kề với những trang chữ bản thảo, gõ cọc cạch từng chữ từng chữ, tôi thực sự đã sống với ông nhiều nhất kể từ ngày ông ra đi cách đây đã non bốn mươi năm. Nhìn những hàng chữ viết tay của ông, những hàng chữ gẫy vụn, nhỏ nhí, vùi dập, những kí chú bên lề riêng tây, thân mật, tôi thấy rõ là khi đọc từ bản thảo tôi gần gũi tiếp cận với tác giả nhiều hơn là đọc qua ấn phẩm. Vừa đọc, vừa đánh máy vừa thưởng ngoạn tác phẩm này, khi thì tôi tách ra bình tâm đọc văn ông như một độc giả, khi thì tôi nhập vào bồi hồi nhớ tới hình dáng một người cha thân yêu và tưởng tượng ông ra sao khi ông viết tác phẩm này, ông vui ông buồn nổi trôi theo những nhân vật và tôi vui tôi buồn theo ông qua những hàng chữ.

Tôi hình dung một Nhất Linh vui. Hay ít ra cũng nhiều vui hơn buồn khi ông viết cái tác phẩm mà đã có lần ông định đặt tên là Vui Buồn này. Các nhân vật cứ đua nhau mà mỉm cười (tôi tẩn mẩn đếm được cả thảy 269 chữ mỉm cười trong toàn tác phẩm). Và tác giả mỉm cười cũng nhiều lần không kém. Hẳn thế.

Rồi tôi cũng mỉm cười liên tưởng tới một sự kiện trớ trêu: 52 năm trước ông ngồi viết những hàng chữ bản thảo này ở Hồng Kông (Trung Hoa), 52 năm sau tôi đọc những hàng chữ đó ở Seattle (Hoa Kỳ). Đều là hoàn cảnh lưu lạc cả. Nhưng tâm trí của cả người viết lẫn người đọc đều qui về một cái huyện nhỏ ở quê nhà nằm bên con đường sắt Hà Nội - Hải Phòng thuộc tỉnh Hải Dương. Huyện Cẩm Giàng. Nơi ông đã tiểu thuyết hoá thành Xóm Cầu Mới (2). Nơi tôi đã sống những ngày ấu thơ (3).

Về hình thức trình bầy cuốn sách tôi cũng tận dụng bản thảo. Trước hết là cái bìa sách. Tôi để nguyên không sửa đổi nguyên trang đầu của bản thảo mà Nhất Linh đã tự phác cái bìa cho cuốn truyện tương lai của mình. Sau đó các hình vẽ của Nhất Linh trong bản thảo tôi cũng cho in đầy đủ.

Sau cùng, để cho cuốn sách thêm phần phong phú, tôi có nhờ hai nhà văn Nguyễn Thị Vinh và Võ Phiến viết bài đặc biệt để đăng trong lần tái bản cuốn Xóm Cầu Mới này. Nhân đây xin nhị vị nhận cho lòng biết ơn của chúng tôi.

Chú thích:

1. Trưa ngày 29 tháng 4 năm 1975, tôi có đúng 15 phút để trở về lần sau cùng căn phố lầu chợ An-Đông Sài Gòn, nơi thân phụ tôi đã sống những tháng ngày cuối, tính quơ hết những gì có thể mang theo được nhưng chỉ kịp gói hai tập bản thảo Xóm Cầu Mới và Giòng Sông Thanh Thủy vào một bao nylon đem đi. Đến đảo Guam, soát lại tôi gần muốn khóc vì sau gần tháng trời trên biển, hơi nước mặn đã làm phai thêm nhiều nét mực.

2. Tháng 5 năm 2001, nhân chuyến về nước để mang di cốt song thân chúng tôi về chôn cất nơi nguyên quán ở Hội An, chúng tôi có dịp đi thăm lại huyện Cẩm Giàng. Tôi có mang theo Sơ đồ Xóm Cầu Mới do Nhất Linh phác họa trong bản thảo ra đối chiếu thì thấy chỉ con đường sắt, nhà ga, một dãy phố Phủ là giống huyện Cẩm Giàng hiện tại, phần còn lại của sơ đồ có thể là hư cấu.

3. Trong ký ức xa thẳm nhất của tôi về trại Cẩm Giàng là cái hàng hiên rộng và dài có rặng hoa ti-gôn rủ xuống và tiếng còi xe lửa rúc lên trong đêm khuya. Hai đoạn văn tả anh chàng Siêu thích sống ở căn nhà có hàng hiên và tiếng còi tàu ở Lăng Cụ Quận khiến tôi như sống lại những ngày rất xưa cũ.

DONGNAI PHARMACY
HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM:
PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9.30 AM - 6:00 PM

TK69-80

TƯỞNG NHỚ VỀ NHẤT LINH

TRƯƠNG KIM ANH

Một hôm nhà văn Nhất Linh, mà từ năm tôi mới hai tuổi vẫn quen được phép gọi là bác Tam, đến thăm gia đình tôi, tại nhà in Trường Sơn, số 14 đường Nguyễn An Ninh (phía cửa Tây, chợ Sài-Gòn).

Giống như mọi lần, tôi chạy tới quấn quýt bên bác, định đem sáo trúc thổi cho bác nghe, hay dạo khúc đàn tranh mới học được ở trường Quốc Gia Âm Nhạc. Nhưng chưa kịp làm thì đã bị mẹ bảo: "Kim Anh, con hãy đi chơi, để mẹ nói chuyện với bác." Nhìn nét mặt mẹ và bác có vẻ quan trọng! Tôi không dám hỏi, nhưng trong lòng không vui, phụng phịu đi ra khỏi phòng khách, chạy qua nhà hàng xóm đối diện, tiệm chuyên bán và sửa chữa máy chữ, để chơi với Thúy, con gái ông chủ tiệm Trần Văn Phép.

Cô gái thổi sáo do Nhất Linh vẽ. Dòng chữ Hán góc trái, dưới: Tặng Trương Kim Anh - Tân Sửu. - Hai chữ Hán bên phải: Nhất Linh.

Mãi sau này tôi mới biết, chuyện quan trọng đó là: Bác Tam nhận được trát đòi "ra hầu tòa" cùng với một số bạn chiến đấu của bác; trong đó có ba tôi, "ông Trương Bảo Sơn," lúc ấy đang bị chính quyền Ngô Đình Diệm giam tại Tổng nha Công An, cùng với một số chính khách khác.

Khoảng một tiếng sau, từ trên cửa sổ nhà Thúy nhìn xuống cửa nhà mình, tôi thấy bác Tam đang từ giã mẹ tôi. Bác bước khỏi ngưỡng cửa, ra tới lề đường, dáng cao lêu nghêu. Theo thói quen, bác để tay lên rờ rờ vầng trán cao, mắt ngó xung quanh như tìm một cái gì... Sau này, tôi đoán bác có ý tìm tôi, nhưng lúc đó tôi đang hờn dỗi vì bị đuổi "đi chơi," nên tôi không chạy xuống tiễn bác. Không ngờ đó lại là hình ảnh cuối cùng mà tôi được thấy bác, tới nay vẫn còn hằn ghi trong tâm trí tôi! Tôi hối hận vô cùng, đã không xuống chào bác để được nghe những lời thân yêu cuối của bác.

Tảng sáng, ngày Song Thất, tức ngày 7 tháng 7 năm 1963, cả nhà tôi còn đang ngủ; bỗng tiếng chuông cửa dồn dập, thôi thúc. Mẹ hốt hoảng chạy xuống, tôi

cũng ngồi bật dậy, theo mẹ và chú tôi, xuống nhà dưới. Cửa mở, tôi thấy anh Nguyễn Tường Thiết, con trai út của bác. Anh Thiết thì thầm nói với mẹ tôi vài câu, rồi vội vã đi. Tôi linh cảm có chuyện bất thường. Mẹ và chú tôi quay trở lên lầu, hớt hải, giục: "Kim Anh thay quần áo gấp! Đi với mẹ!" Tôi quýnh quáng, im lặng làm theo lời mẹ, lát sau cùng mẹ và chú ra xe. Chú lái đi. Ai cũng ngồi im lặng, nỗi lặng im đầy vẻ lo lắng, bồn chồn. Không khí nghiêm trọng đến nỗi, suốt dọc đường, tôi không dám hỏi một câu.

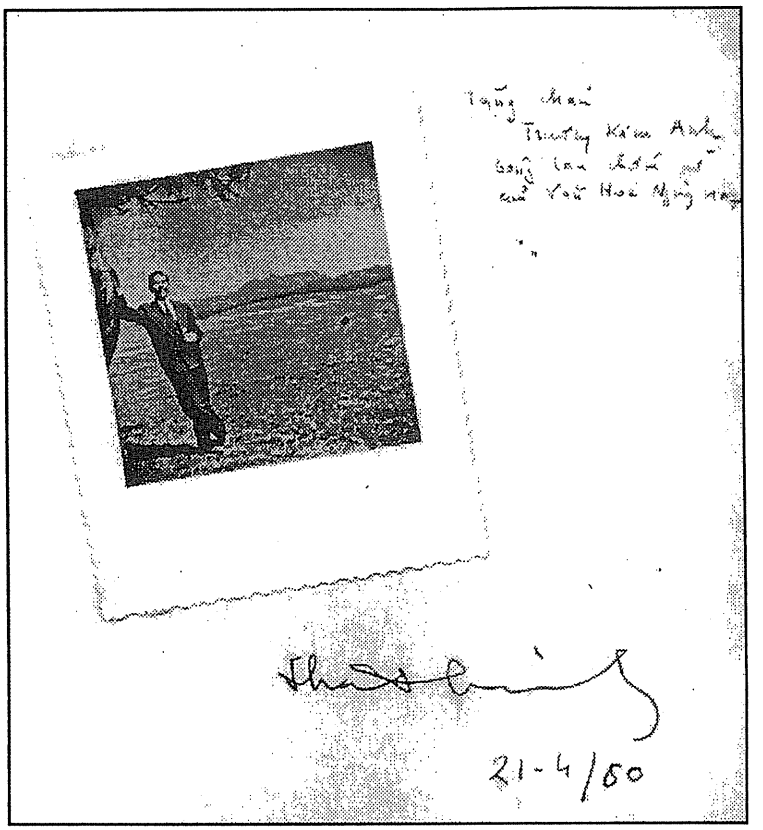

Tới nhà thương Grall, tức bệnh viện Đồn Đất, Sài Gòn. Khu vườn rộng mênh mông với những hàng cây to, được chia làm nhiều khu bệnh. Chúng tôi vẫn không ai lên tiếng. Mẹ và chú tôi hấp tấp đi về hướng một trong mấy dãy lầu. Cho tới khi vào đến trong hành lang, chú tôi mới nói: "Đúng là dãy này, trên lầu; số phòng... đây, đây rồi!" Tôi vẫn chỉ biết bén gót đi theo hai người. Sau này, mãi tới nay, tôi còn nhớ như in:

Từ cầu thang lên lầu, dẫn thẳng đến phòng bệnh nhân. Trong phòng lúc đó, bác Tam đang nằm mê man trên giường. Từ ngực trở lên được phủ một "túp lều" ny lông trong suốt (cứ tạm gọi như thế), mũi miệng bị chụp ống dẫn khí. Giờ phút này, tôi mới hiểu lý do giữa đêm hôm khuya khoắt, tại sao mẹ và chú dẫn mình tới đây. Trong phòng lúc đó chỉ có mấy người trong gia đình, đứng yên lặng. Nét mặt căng thẳng, đầy vẻ lo lắng, chờ đợi! Cảm nhận được tình trạng nghiêm trọng, tôi đứng sát bên giường, nhìn bác nằm đó, khẽ nắm bàn tay bác: Nước mắt tôi tuôn trào, lòng đầy hối hận: "giá như mấy ngày trước, mình đừng hờn dỗi..."

Hôm sau, tin bác mất, được truyền tới mọi người. Bác đã tính kỹ cho cái chết của mình được mau lẹ, nên tự uống một chất độc gì đó cực mạnh, các bác sỹ đã tận tình cứu chữa, nhưng không kịp.

Hai ngày sau, mẹ tôi đã dặn tôi đem ống sáo trúc, theo mẹ vào nhà xác, vĩnh biệt bác! Lúc đó, tâm trạng tôi tràn đầy đau thương, mọi cảnh vật xung quanh được thu nhỏ lại trong mắt tôi, vỏn vẹn một chiếc giường đơn, vừa đủ cho bác nằm ngay ngắn, bất động. Nét mặt bình thản trong giấc ngủ ngàn thu. Tôn trọng giây phút cuối thiêng liêng, ông "gác dan" lặng lẽ lui ra khỏi phòng. Còn lại mẹ và tôi đứng bên cạnh bác. Mặc cho nước mắt ràn rụa chảy, tôi lấy tay áo chặn ngang mũi, ngăn chặn tiếng sụt sịt. Mẹ tôi cũng đang thì thầm những lời vĩnh biệt, ngập trong nước mắt.

Sau một lúc, mẹ tôi bảo tôi lấy sáo trúc ra thổi một bản tiễn bác. Tôi gạt nước mắt, đưa ống sáo ngang miệng, chọn bản "Thiên Thai," bản mà bác thường bảo tôi thổi mỗi lần bác đến nhà chúng tôi. Tiếng sáo u uẩn vang trong khu nhà xác, lạnh lẽo. Nhưng chỉ được nửa bản, tiếng sáo ngưng trong tiếng nấc nghẹn ngào; âm thanh như đọng lại trong không gian, tiễn đưa hương linh bác về nơi vĩnh cửu.

Trong tang lễ bác, có cả ngàn người tới tiễn đưa. Dẫn đầu đám táng là một tấm biểu ngữ ghi lời di chúc của bác "Đời tôi để lịch sử xử..." Khởi điểm từ nhà thương Grall. Tới chùa Xá Lợi, đám tang ngưng lại. Linh cữu bác được rước vào chuà đặt trước chánh điện, các Thầy tụng kinh, làm lễ. Gia đình, bạn hữu và những người mến mộ bác

lần lượt nối nhau vào lễ. Xong mọi nghi thức, đám tang tiếp tục đi tới nghĩa trang Hạnh Thông Tây, quận Gò Vấp, tỉnh Gia Định.

Tôi được chít khăn tang trắng, để tang bác, vì lúc sinh thời bác coi tôi như con, cháu bác.

Năm 1945, Việt Minh nổi lên cướp chính quyền Hà Nội, tiêu diệt các đảng phái Quốc Gia. Bác Tam cùng một số bạn cùng chí hướng, chạy qua Thượng Hải sống lưu vong, trên một ngọn núi, cách trung tâm thành phố độ một giờ xe điện. Châu.

Theo thời gian, lần lượt mọi người đều kiếm ra việc làm, sinh sống qua ngày. Ba tôi được tuyển vào một công ty hàng hải của Hòa Lan. Một đứa bé hai tuổi vô tư như tôi, đang bi bô tập nói, chỉ biết chập chững, quanh quẩn bên cạnh các chú các bác. Bác Tam thường bế tôi, tập tôi nói cho bớt ngọng, bác Trí chiều chuộng, cho tôi nghịch những sơn cọ vẽ. Tiếng cười của trẻ thơ, hòa tiếng cười của người lớn, khiến mọi người đôi lúc khuây

Tết Tân Sửu 1961, khi thân phụ của cô Trương Kim Anh là Trương Bảo Sơn còn ở trong tù của chế độ Ngô Đình Diệm, Nhất Linh đã vẽ tặng Kim Anh bức tranh bình hoa với hai câu thơ: *'Ngày Xuân tặng cháu bó hoa. Xuân này chúc cháu toàn gia xum vầy"*. Mồng 1 Tết Tân Sửu.

Năm 1946, khi tôi mới chào đời, ba tôi qua Thượng Hải gặp bác Tam, để mẹ tôi cùng đứa con sơ sinh ở lại Hà Nội. Qua năm 1948, mẹ tôi mới bế tôi qua với ba, lúc đó đang ở Hương Cảng.

Thời gian mẹ tôi và tôi ở Hương Cảng "trên núi," từ năm 1948 tới năm 1952, tôi còn bé quá, không nhớ được những kỷ niệm thương yêu của bác Tam, cũng như các chú các bác Nguyễn Gia Trí, Phan Quang Đáng, Trần văn Tuyên... , đã dành cho tôi. Tôi từng nghe mẹ kể, hồi đó các chú các bác đều mang một nỗi buồn chung, nghe tin các chiến hữu như Khái Hưng bị thủ tiêu và Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long bị bất đắc kỳ tử trên một chuyến tầu hỏa Hồng Kông - Quảng khỏa nỗ buồn.

Tôi vẫn nhớ rõ những kỷ niệm, giòng suối Đa Mê, thuộc vùng Fin-Nom, cách cao nguyên Đà Lạt hai mươi sáu cây số:

Tại Fin-Nom, bên suối Đa Mê, bác ở trong căn nhà gỗ, không lớn, nhưng ngăn nắp, đồ đạc đơn sơ (nhà ông Cậu của bác). Trong nhà có đến mười mấy loại Lan rừng, được sưu tầm. Dạo đó tôi độ 10 tuổi, còn nhớ những buổi được theo bác cùng với mấy ông bạn của bác vào rừng kiếm hoa phong lan bám trên những ngọn cây cao vút.

Mỗi lần chúng tôi từ Sài Gòn lên thăm bác, đều được bác đưa ra thăm suối, ngồi trò chuyện ngay sát ven bờ suối. Để đãi khách, bác kéo từ

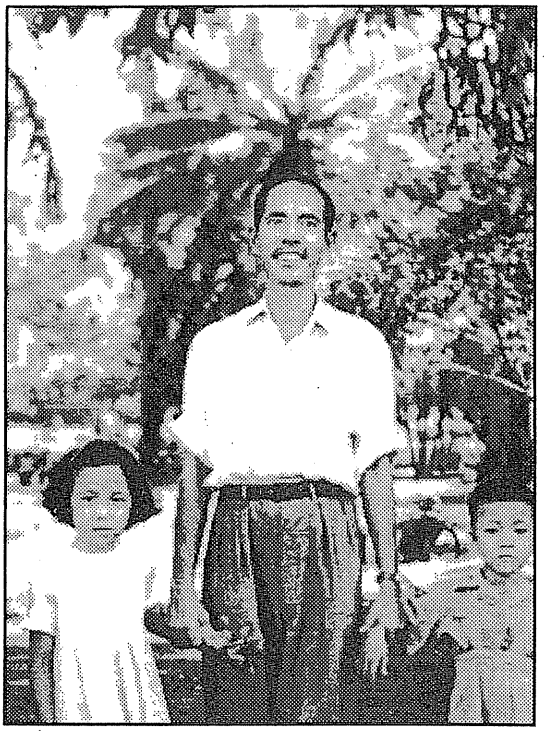

Nhất Linh trong vườn Tao Đàn với Kim Anh (trái) và bạn Kim Anh, đầu thập niên 1950.

dưới suối lên một sợi dây có cột chiếc giỏ, chứa vài ba chai bia "33" được ướp lạnh sâu dưới lòng suối. Trong lúc người lớn chuyện trò, tôi mặc bộ đồng phục thể dục của nhà trường: chiếc quần bồng mầu xanh dương và áo sát nách, tung tăng ngâm mình dưới dòng Đa Mê mát lạnh, tay vuốt ve những cánh hoa xinh xinh tím đỏ, mọc trên những tảng đá giữa dòng nước trong suốt.

Cũng bên dòng Đa Mê, trong một buổi chia tay với ba mẹ tôi, bác đã làm hai câu thơ:

"Người đi đi mãi không về
Nhớ người lòng suối Đa Mê gợn buồn..."

Không ngờ sau này, hai câu thơ chính là điềm báo ứng với việc bác vĩnh viễn ra đi, vào ngày Song Thất, mồng bẩy tháng bẩy 1963!

Nhờ bác Tam, mà tôi đã được hưởng cảnh thiên nhiên bên suối Đa Mê, mùi hương phong lan thoang thoảng trong rừng. Thật là những kỷ niệm đẹp khó phai mờ!

Tôi cũng còn giữ được hai tấm ảnh, có hình bác Tam đang bế tôi trên lòng, ngồi bên cạnh một cái bàn, sau lưng là ba mẹ tôi, tức nhà văn Trương Bảo Sơn và Nguyễn thị Vinh, đứng bên cạnh là cố họa sỹ Nguyễn Gia Trí. Theo lời ba mẹ tôi kể, mấy tấm ảnh này đã được chụp vào năm 1953, tôi độ bẩy tuổi. Hồi đó, bác Nguyễn Gia Trí bị thực dân Pháp an trí tại Thủ Đức, trong một garage của xưởng làm đồ sơn mài.

Tôi còn nhớ, năm 1960, dưới chính quyền Ngô Đình Diệm, tôi đã được mười bốn tuổi. Thời đó ba tôi cùng một số bạn chiến đấu của bác Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, bị mật vụ Ngô Đình Diệm bắt bớ tra tấn, rồi đem đầy ra ngoài Côn Đảo. Riêng bác phải ẩn trốn trong một căn phòng, tôi không nhớ ở khu chung cư nào. Có lẽ thấy tôi ít nói và kín đáo, nên bác tin cẩn và cho phép tôi thường xuyên theo người thân tín tới thăm bác trong căn nhà đó. Tôi thích xem bác vẽ những bức tranh khổ nhỏ cỡ khoảng 15x18cm, bằng bút chì màu. Có lần bác tỷ mỷ ngồi cắt những bông hoa bằng giấy thủ công màu, tô điểm thêm cho bức họa, vẽ một bình với những bông hoa xinh xinh. Tôi thích thú, khen đẹp, bác lặng lẽ mỉm cười. Bức tranh hoàn tất, vào đầu mùa Xuân năm đó, tôi vui mừng được bác tặng đúng bức tranh hoa rực rỡ. Xúc động hơn nữa, bên phải bức tranh bác vẽ thêm cuốn truyện dài "Cô Mai" của mẹ tôi sắp xuất bản; bên trái kèm hai câu thơ:

"Ngày Xuân tặng cháu bó hoa
Xuân này chúc cháu toàn gia sum vầy"

chứng tỏ bác luôn luôn nghĩ tới ba tôi cùng các bạn đồng chí hướng đang bị nhốt ngoài Côn Đảo.

Và trong một bức vẽ tấm chăn len, ghi bốn câu thơ :

Một tấm chăn len khám Chí Hòa
Ấy ai vượt ngục mới đem ra
Tù nhân tặng kẻ "chùm chăn kíno"
Tuy mỏng nhưng mà cũng ấm da!

để nhớ đến một số bạn chiến đấu, đang bị giam trong khám Chí Hòa.

Lại có bức vẽ một thiếu nữ ngồi thổi sáo dưới gốc thông, hai bên tranh ghi mấy chữ Nho: Nhất Linh-Tặng Kim Anh- Năm Ất Sửu (1961)

Suốt gần bốn mươi năm qua, những bức vẽ quý giá đó vẫn được tôi lưu giữ trong cuốn "Lưu bút," gồm những lưu ảnh và bút ký của một số nhà văn miền Nam, trang đầu tiên là di ảnh và chữ ký của bác Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, vào năm 1963.

Từ ngày Song Thất mồng bảy tháng bảy 1963 đến nay lại đến ngày Song Thất của năm 2002. Đã ba mươi chín năm qua, nhưng những kỷ niệm của nhà văn Nhất Linh (Bác Tam của tôi) vẫn ghi đậm trong trí nhớ tôi. Tôi ghi lại đôi giòng trên đây, như một nén tâm hương, để kính dâng lên Bác.

Oslo tháng bẩy năm 2002

NHẤT LINH: TỰ LỰC VĂN HỌC, TỰ LỰC CHÍNH TRỊ

LÊ ĐÌNH THÔNG

"Người quay tơ đôi bạn tối tăm, anh phải sống chứ sao *đoạn tuyệt?*

Đời mưa gió lạnh lùng bướm trắng, buổi chiều vàng đâu nhỉ *nắng thu?"*

Không kể "chứ sao" và "đâu nhỉ," những chữ in nghiêng là tên mười tác phẩm của Nhất Linh, ghép lại thành *Câu đối khóc Nhất Linh*. Thi sĩ Vũ Hoàng Chương viết câu đối này ngày 14-7-1963:

- 14-7: trùng hợp ngày kỷ niệm cuộc cách mạng dân quyền của nước Pháp.
- 1963: mở đầu 12 năm cuối cùng của VNCH (1963-1975).

Hai vế *Câu đối khóc Nhất Linh* đồng thời là hai câu hỏi: hỏi về hiện tại (*Anh phải sống* chứ sao *đoạn tuyệt*?). Về quá khứ văn học (*Buổi chiều vàng* đâu nhỉ *nắng thu*?).

Vế trên (gồm năm tác phẩm):

1) *Người quay tơ* là tên tập truyện ngắn đầu tiên của Nhất Linh, xuất bản năm 1927. (*Nho Phong* là tiểu thuyết đầu tiên, in năm 1927 khi tác giả mới 20 tuổi). *Người quay tơ* kể chuyện ông Tú làm chính trị: *"Ta không nên hỏi 'tại sao,' nhưng nên tự hỏi 'làm thế nào.' Vẫn biết việc gì cũng là ảo mộng, nhưng đã để tâm đến việc gì thời phải cố đạt cho kỳ được."* Ông bị đầy ra Côn Đảo, quyên sinh chết. Bà vợ góa tên Từ Nương *"... hay về nhà bố mẹ đẻ, lấy cái guồng năm xưa ra quay tơ, quay cả ngày mà không biết mỏi." "... nàng chỉ ngày ngày thơ thẩn một mình trên đỉnh đồi cao mà đứng trông."* Tiểu truyện này hao hao giống cuộc đời Nhất Linh, kết thúc bằng sự tự vẫn. *Người quay tơ* là hiện thân của bà Phạm Thị Nguyên, vợ Nhất Linh:

- *"Đời tôi để lịch sử xử..."* (Di chúc cho đời).
- *"Mình, Mối tình của đôi ta đẹp đẽ lắm rồi. Mình không còn mong muốn gì hơn nữa."* (Di chúc cho vợ).

2) *Đôi bạn*: Nhân vật chính trong *Đôi bạn* (đăng trên báo :1938; in thành sách: 1939) tên là Dũng. Nhất Linh đã trả lời báo *Phương Đông* (Saigon, 1954) như sau:

- Dũng có thật không ?
- Bảo có cũng được, mà không cũng được.
- Nghĩa là ?
- *Nghĩa là tôi "tạo" Dũng sau khi đọc một tin tòa án: một nhà cách mạng bị xử đầy ra Côn Đảo, trong đời anh ấy có vài điểm hay hay, tôi lấy làm mẫu để "dựng" Dũng.*

Người bạn gái của Dũng tên là Loan (tên hai nhân vật giống như trong *Đoạn Tuyệt*) *"Hai người liều bỏ hết cả vì đã không thể nào yêu nhau được thì chỉ còn một cách trốn đi biệt để yêu nhau."*

3) *Anh phải sống* (1937) gồm sáu truyện ngắn của Nhất Linh, sáu truyện ngắn của Khái Hưng. Truyện *Dưới bóng hoa đào*: Nhất Linh và Khái Hưng cùng ký tên. *"Tháng ngày qua... sắc đẹp tàn... nhưng cái hương thơm của tình thương yêu tuyệt vọng, u uẩn của nàng đối với Giao còn phảng phất, không bao giờ phai."(Tháng ngày qua)*

4) *Tối tăm* (1936) là tuyển tập truyện ngắn, trong đó có *Một kiếp người*, kể lại Dậu, một thiếu nữ nhà giàu nhất làng nhưng đành chịu thất học vì mẹ sợ con gái viết thư cho trai.

5) *Đoạn tuyệt* (1935) (tiểu thuyết luận đề, roman à thèse): Loan là phụ nữ mới, không chấp nhận lối sống hủ lậu nên đã "đoạn tuyệt" với gia đình để sống tự lập. Thế Lữ đã "cảm đề truyện Loan và Dũng" bằng bài thơ *Giây phút chạnh lòng*:

Anh đi đường anh, tôi đường tôi,
Tình nghĩa đôi ta có thế thôi.
Đã quyết không mong sum họp mãi,
Bận lòng chi nữa lúc chia phôi?

Hai mươi sáu năm sau Đoạn tuyệt, Nhất Linh cho rằng: *"cái sai lầm nhất trong đời văn sĩ của tôi là đã để ý cái quyết định dùng tiểu thuyết làm một việc gì (viết luận đề tiểu thuyết) lên trên cái ý định viết một cuốn tiểu thuyết hay." (Viết và đọc tiểu thuyết*, Saigon : Nhà xb. Đời Nay, 1961, tr. 17).

Vế dưới:

6) Trong *Đời mưa gió* (1934), Tuyết yêu Chương, một nhà mô phạm. Tuyết bỏ Chương sống chung với người khác, rồi trở lại sống với Chương vài lần. "*Thế rồi một buổi sáng, buổi sáng hôm mồng ba Tết, trong khi tiếng pháo hãy còn vui mừng đón chào xuân mới, một buổi sáng mưa phùn gió bay, Tuyết lặng lẽ bỏ Chương ra đi. Thà liều thân với một đời mưa gió, khổ sở, đê tiện, nàng cho còn hơn là sống mãi cái đời lừa dối, bên cạnh một người mà nàng đã cạn tình yêu và trong một gia đình bình tĩnh êm ấm, nó luôn luôn nhắc nàng nhớ địa vị nàng không phải ở đây.*" Thế Lữ đề tặng tác giả *Đời mưa gió* bài thơ Bên sông đưa khách :

Mà biết vô duyên, vẫn cứ mong
Trăm năm ôm mãi mối tình không.
Trọn đời làm kẻ đưa thuyền khách
Thuyền chảy, trơ vơ đứng vời trông.

7) Lạnh *lùng*: Phạm Thế Ngũ đã phê bình cuốn *Lạnh lùng* (1936) như sau: "*Người ta nhận thấy ảnh hưởng của Proust, của Freud nữa trong cái bút pháp của tác giả mô tả ái tình, dục tình, trỗi dậy nung nấu lòng Nhung.*"

8) Trong *Bướm trắng* (1939), Nhất Linh ghi lại một ý nghĩ của Trương về tự tử: "*Các nhà luân lý học ở nhà trường dạy người ta: tự tử là hèn nhát để mong người ta đừng tự tử, thực là những anh chàng ngốc.*"

9) *Hai buổi chiều vàng* (1937) kể lại mối tình của Triết và Thoa, thuở nhỏ ở cạnh nhà nhau. Thoa lấy Lộc, làm cách mạng bị bắt. Khi Lộc được thả, mối tình giữa Lộc và Thoa trở nên tuyệt vọng. Thế Lữ viết Giây phút chạnh lòng cho Đoạn tuyệt. Khái Hưng đã dịch bài Sonnet (Mes heures perdues) của Félix Arvers (1806-1850) cho *Hai buổi chiều vàng :*

Mon âme a son secret, ma vie a son mystère,
Un amour éternel en un moment concu.
Le mal est sans espoir, aussi j'ai du le taire,
Et celle qui l'a fait n'en a jamais rien su.

10) Sau cùng là *Nắng thu* (viết năm 1934, in năm 1942), kể chuyện tình giữa Phong và một thiếu nữ câm xinh đẹp tên là Trâm. Sau rất nhiều ngộ nhận, Phong và Trâm sống hạnh phúc bên nhau. "Hai người say sưa nhìn nhau, ngồi lặng yên để hưởng cái hạnh phúc êm đềm lúc đó man mác khắp bầu trời, phảng phất trên mặt nước lăn tăn gợn sóng, như hòa với gió heo may, với ánh nắng một ngày thu trong sáng."

*

Trong số mười tác phẩm của Nhất Linh được thi nhân họ Vũ chép vào câu đối (1), vế trên có *Người quay tơ*, vế dưới có *Bướm trắng*. Cả hai đều nói tới tự tử. Trong *Le Suicide* (1897), Emille Durkheim đã giải thích về tự vẫn như sau: "*Tự tử biến đổi ngược chiều với mức độ hội nhập (degré d'intégration) vào xã hội tôn giáo, vào đời sống gia đình và vào xã hội chính trị.*" Theo Durkheim, tự tử bắt nguồn từ các nguyên nhân xã hội. Các lý do riêng tư và cá nhân chỉ là cái cớ (prétextes), hoàn toàn không phải là nguyên nhân (causes). Giải thích xã hội học của Durkheim về tự tử hoàn toàn đúng với trường hợp Nhất Linh.

*

Nhất Linh đã tự lực trong cái chết. Ngoài ra là hai tự lực khác tiếp nối trong cuộc sống Nhất Linh: tự lực văn học và tự lực chính trị.

I - TỰ LỰC VĂN HỌC :

Theo Phạm Thế Ngũ, Nguyễn Tường Tam "*ra đời vào đúng năm mà Đông Kinh Nghĩa Thục ra đời để thúc giục quốc văn bước vào con đường duy tân.*" Thân phụ qua đời năm ông 12 tuổi, gia đình đông anh em (3) khiến ông có óc tự lực ngay từ thuở nhỏ.

Văn học Việt Nam thế kỷ 20 ghi lại hai năm đáng ghi nhớ: 1907 và 1932. Đây là hai năm mà báo chí khẳng định vai trò của mình.

1907: thành lập Đông Kinh Nghĩa Thục. Nghĩa thục này đề ra sáu học sách để mở mang dân trí :

1) *Dùng văn tự nước nhà*: "*Gần đây, linh mục người Bồ Đào Nha chế ra chữ quốc ngữ, lấy 26 chữ cái châu Âu, phối hợp với 6 âm, 11 vận, đánh vần theo lối hài thanh mà đọc ra tiếng ta.*"

2) Hiệu đính sách vở: "*Tưởng nên đặt ra một tòa soạn sách, pho nào nên đọc, pho nào không nên, đặt thành các chương trình học theo từng cấp.*"

3) Sửa đổi phép thi: "*Có thể tạm dùng luận và văn sách cũng còn có lý đôi chút. (...) Rồi thêm vào đó mấy bài toán pháp, về chữ quốc ngữ, để cho điều học sinh học không trái ngược với công việc thực tế.*"

4) Cổ võ nhân tài: "*Có học mà không dùng được thì ai theo đuổi làm gì? Vậy nên khuyến khích*

các học quan xem xét người nào đã tốt nghiệp rồi thì bổ làm việc (...)"

5) Chấn hưng công nghệ: *"Những ai giỏi về các khoa cách trí, khoa học, hóa học thì làm cho họ vẻ vang sang trọng hơn cả những người đỗ đại khoa."*

6) Mở tòa báo: *"Còn nước ta thì chỉ có ở Saigon và Hải Phòng có báo viết bằng chữ Tây, người đọc không được mấy. Báo viết bằng chữ Hán chỉ có một tờ Đại Nam Đồng văn Nhật báo. Không thể bỏ qua chữ quốc ngữ. Dùi mài mấy tập sách cũ, sao bằng xem báo mới."*

Ngày 20-3-1907, Nguyễn Văn Vĩnh đổi tờ báo viết bằng chữ Hán *Đại Nam Đồng văn Nhật báo* ra tờ báo đầu tiên viết bằng chữ quốc ngữ, lấy tên là *Đăng Cổ Tùng Báo*. Trong lời tựa bản dịch Tam Quốc Chí, dịch giả là Phan Kế Bính, Nguyễn Văn Vĩnh viết: *Nước Nam ta mai sau này hay dở là ở như chữ quốc ngữ.*

Ngày 15-5-1913, Nguyễn Văn Vĩnh chủ trương *Đông Dương Tạp Chí* (ra hàng tuần), với sự giúp đỡ của một chủ nhà in tên là Schneider.

Năm 1917, Phạm Quỳnh làm chủ bút *Nam Phong Tạp Chí*, với sự bảo trợ của Louis Marty, trưởng phòng chính trị Phủ Toàn quyền.

Trong thời gian dạy học ở Tư thục Thăng Long, Nguyễn Tường Tam quen biết Trần Khánh Giư dạy Việt văn. Ông xin ra báo *Tiếng cười*. Chính quyền không cấp giấy phép. Nguyễn Tường Tam đành thương lượng với Phạm Hữu Ninh và Nguyễn Xuân Mai tiếp tục khai thác manchette báo *Phong Hóa* với một équipe mới, sau này là Tự Lực Văn Đoàn: Nguyễn Tường Tam, Nguyễn Tường Long, Nguyễn Tường Lân, Trần Khánh Giư và Hồ Trọng Hiếu .

Ngày 22-9-1932, Nguyễn Tường Tam chủ trương báo *Phong Hóa* số 14 đổi mới (Directeur: Nguyễn Tường Tam. Directeur politique: Nguyễn Xuân Mai. Administrateur: Phạm Hữu Ninh). Báo Phong Hóa đổi mới báo chí Việt Nam từ hình thức đến nội dung: *"Báo Phong Hóa sẽ ra số mới 8 trang thay vì 4 trang (khổ nhật trình, mỗi số 0$07). Bàn một cách vui vẻ các vấn đề cần thiết: xã hội, chính trị, kinh tế. Nói rõ hiện tượng* (hiện tình) *trong nước. Có 15 tranh vẽ, nhiều chuyện vui v.v."*

Các chủ trương của *Phong Hóa* là :

"Hăng hái theo con đường mới, tìm lý tưởng mới;

Không chịu khuất phục thành kiến;

Không làm nô lệ ai, không xu phụng một quyền thế nào;

Lấy lương tri mà xét đoán, theo lẽ phải mà hành động;

Lấy thành thực làm căn bản;

Lấy trào phúng làm phương pháp; tiếng cười làm vũ khí."

Tháng 3-1933, Nguyễn Tường Tam thành lập

Bìa báo Phong Hóa

Tự Lực Văn Đoàn. Ngay từ đầu, Nguyễn Tường Tam chủ trương lập một nhóm nòng cốt (formation d'un noyau) :

- Ý nghĩa: *"Lấy tên Tự Lực là có ý họ tự sức mình gây lấy một cơ sở chứ không cậy nhờ bàn tay chính phủ hoặc một thế lực tài chính nào, do đó có tư cách độc lập, không tuân theo một chỉ thị nào, ngoài đường lối chính họ tự vạch ra."* (Phạm Thế Ngũ, *Việt Nam Văn học sử Giản ước Tân biên*, tập 3, tr. 433).

- Dấu hiệu: Chim Phượng Hoàng.

- Thành phần: Không nói rõ. Trong *Những ngày vui*, Khái Hưng nói tới *Pléiade* (4) (Bảy vì sao): Nguyễn Tường Tam (Nhất Linh, Nhị Linh, Bảo Sơn, Đông Sơn), Trần Khánh Giư (Khái Hưng), Nguyễn Thứ Lễ (Thế Lữ, Lê Ta), Nguyễn Tường Long (Hoàng Đạo, Tứ Ly), Nguyễn Tường Lân (Thạch Lam), Hồ Trọng Hiếu (Tú Mỡ) và họa sĩ Nguyễn Gia Trí. (5)

Lời tuyên bố của Tự Lực Văn Đoàn (*Phong Hóa* số 87, ngày 2-3-1933) như sau: "*Tự lực Văn đoàn họp những người đồng chí trong văn giới: người trong đoàn đối với nhau cốt có liên lạc về tinh thần, cùng nhau theo đuổi một tôn chỉ, hết sức giúp nhau để đạt được mục đích chung, hết sức che chở nhau trong những công cuộc có tính cách văn chương. Tôn chỉ gồm 10 điều nguyên văn như sau :*

1 - Tự sức mình làm ra những sách có giá trị về văn chương chứ không phiên dịch sách nước ngoài nếu những sách này chỉ có tính cách văn chương thôi: mục đích là để làm giầu thêm văn chương trong nước.

2 - Soạn hay dịch những cuốn sách có tư tưởng xã hội. Chú ý làm cho người và cho xã hội ngày một hơn lên.

3 - Theo chủ nghĩa bình dân, soạn những cuốn sách có tính cách bình dân và cổ động cho người khác yêu chủ nghĩa bình dân.

4 - Dùng một lối văn giản dị dễ hiểu, ít chữ nho, một lối văn thật có tính cách An Nam.

5 - Lúc nào cũng mới, trẻ, yêu đời, có trí phấn đấu và tin ở sự tiến bộ.

6 - Ca tụng những nét hay vẻ đẹp của (đất) nước mà có tính cách bình dân, khiến cho người khác đem lòng yêu nước một cách bình dân. Không có tính cách trưởng giả quí phái.

7 - Trọng tự do cá nhân.

8 - Làm cho người ta biết rằng đạo Khổng không hợp thời nữa.

9 - Đem phương pháp khoa học thái tây ứng dụng vào văn chương Việt Nam.

10 - Theo một trong 10 điều này cũng được, miễn là đừng trái ngược với những điều khác."

Trong số đoàn viên Tự lực Văn Đoàn có họa sĩ Nguyễn Gia Trí. Ngoài lãnh vực thơ mới, tiểu thuyết, báo chí, Tự Lực Văn Đoàn còn chủ trương "chủ nghĩa bình dân" trong lãnh vực chính trị, đồng thời có nhiều đóng góp vào âm nhạc, kiến trúc, y phục Việt Nam :

- Âm nhạc : *Ngày Nay* (số 124 ngày 29-8-1938) ngỏ lời Cùng các nhạc sĩ: "*... Báo Ngày Nay đã nhận lấy cái vinh hạnh đầu tiên công bố những nhạc phẩm ban đầu của nền âm nhạc đổi mới. Báo Ngày Nay sẽ là một thứ đài triển lãm cho những bài âm nhạc khác, là một diễn đàn để các bạn bày tỏ ý kiến và là một khách thính phòng phong nhã để các nhạc sĩ các nơi gặp nhau.*"

- Kiến trúc: Hai kiến trúc sư Nguyễn Cao Luyện và Hoàng Như Tiếp thiết kế kiểu nhà ánh sáng. Ngày 16-8-1937 tại Nhà hát lớn Hà Nội, Nhất Linh hô hào thành lập Hội Ánh Sáng: "*Nhiều tia yếu ớt hợp lại sẽ thành một luồng ánh sáng lớn.*" Báo *Ngày Nay* (14-3-1937), Hoàng Đạo viết: "*Một buổi sáng mùa xuân. Ánh nắng mới nhuộm hồng những thân cây trắng. Vài con nhạn lạc ở đâu về, lanh lẹn đuổi nhau trên không, in hình trên nền trời xanh sáng. Tôi cùng vài người bạn, thong thả đến thăm một trại Ánh Sáng ở ngoại ô Hà Nội.*"

- Y phục : Họa sĩ Nguyễn Cát Tường vẽ áo dài Lemur (Le mur : cái tường > Cát Tường). Ngày Nay (30-1-1935) in hình cô Nguyễn Thị Hậu, thiếu nữ đầu tiên mặc áo dài Lemur.

Ngoài hai lãnh vực tiểu thuyết và thơ mới, Tự Lực Văn Đoàn còn mở rộng hoạt động tới nhiều lãnh vực khác vì người đứng đầu Tự Lực Văn Đoàn là một người đa năng, đa tài. Trong lãnh vực sáng tác, ngoài tiểu thuyết, truyện ngắn, Nhất Linh còn làm thơ thời thế, viết phim (phiếm luận), vẽ tranh châm biếm. Ông là cha đẻ của *Lý Toét, Xã Xệ*. Trong thập niên 60, các nhà báo viết phiếm luận có Chu Tử, Hiếu Chân, Ký giả Lô Răng, Ông Đạo Cấy, Sức Mấy, Kiều Phong, Độc Thủ, Dê Húc Càn v.v. Về hí họa có họa sĩ Chóe, Hĩm v.v. Về thơ thời thế có Hà Thượng Nhân (Đàn Ngang Cung), Tú Kếu (Thơ Chua). Đằng Giao nổi tiếng là người trình bầy trang báo một cách sáng sủa. Trong những năm 30, Nhất Linh tự làm lấy nhiều công việc khác nhau trong tòa soạn, từ việc trình bầy tờ báo, làm *maquette* tới việc vẽ *vignette* minh họa. Ông là chủ bút có biệt tài (có công khai phá nhiều tác giả sau này là những tên

Câu đối viếng Nhất Linh của thi sĩ Đông Hồ :

Một thời còn nức thanh danh, nền xã hội canh tân sắp sẵn, trào lưu khơi rộng ngõ tâm tình; trước rồi sau Phong Hóa, Ngày Nay, đoàn Tự Lực gây nên bút tài hoa lỗi lạc, mũi thép sắc ngòi, làng báo đàn văn tay lãnh tụ.

Nấm đất không chôn sự nghiệp, tòa cường quyền, án chuyên chế đừng tuyên, xét công tội để cho phần lịch sử, khinh với trọng lòng non Thái, nghĩa thành nhân chọn lấy, tiệc chánh khí huy hoàng, rượu đời cạn chén, đường mây nẻo gió bước thung dung.

tuổi lớn trên văn đàn), viết tiểu thuyết, đồng thời là thi sĩ, họa sĩ. Ngoài ra, ông là nhạc sĩ trình tấu *clarinette* trong ban nhạc của Lê Ngọc Huỳnh cùng với Nguyễn Khắc Cung (violon), Thẩm Oánh (Saxophone) v.v.

Tiểu thuyết có một vị trí quan trọng trong sự nghiệp của Nhất Linh. Nhiều người cho rằng tiểu thuyết của ông có chỗ gần gũi với André Gide (1869-1951). Theo Malraux, Gide là nhân vật hiện đại chính yếu (contemporain capital) của thế hệ trí thức trong khoảng từ 1925-1935. Tại Việt Nam, từ 1933 Nguyễn Mạnh Tường giảng Gide cho nhiều lớp học Trường Bưởi. Một số tác phẩm của Nhất Linh ra đời kể từ 1932 tỏ ra gắn bó với Gide về văn chương nhập thế:

"Thực ra tôi không muốn một thứ hạnh phúc lấn lướt trên sự khổ cực của người khác. Tôi cũng không muốn làm giầu bằng cách tước đoạt của kẻ khác. Nếu tôi bận áo quần bắt người khác phải trần truồng thì thà tôi chịu trần truồng còn hơn. (...) Tôi chỉ có hạnh phúc khi người khác thêm hạnh phúc. Tôi cần hạnh phúc của tất cả để tôi được hạnh phúc." Gide không phải là một nhà lý thuyết (như Karl Marx). Tiểu thuyết của ông mang lại một phương pháp hành động (une méthode en action).

Có thể so sánh văn học với một vườn hoa. Mỗi tác giả có những ý nghĩ riêng tư, đồng thời điểm xuyết hương thơm cỏ lạ trong vườn hoa văn nghệ. Có người hỏi André Gide về kịch bản *Le Procès* rút ra từ tiểu thuyết của Kafka: Tội nhân không phải là tội nhân. Tội nhân đó chỉ là một nạn nhân vô tội. Bị cáo đó không ai khác hơn là Nguyễn Tường Tam, vào ngày Song thất 1963. Một ảnh hưởng khác nữa là sự chọn lựa chính trị. Năm 1936, Gide viết cuốn *Retour de l'U.R.S.S.* đánh dấu sự đoạn tuyệt với chủ nghĩa cộng sản. Trong *Les cahiers de la jeunesse*, Khái Hưng đã trả lời Cung Giũ Nguyên về ảnh hưởng của Gide nơi Nhất Linh: *Sự băn khoăn ấy Nhất Linh đã có bốn năm trước khi đọc Gide. Gide chỉ làm cho nó rõ rệt thêm mà thôi.*

Năm 1960, tập *Littérature engagée* của Gide tập hợp các bài viết từ 1930-37. Nhất Linh không sử dụng thuật từ văn học dấn thân. Chỉ riêng cái tên Tự Lực cũng đã bày tỏ ý hướng dấn thân của văn đoàn không những trong lãnh vực văn học, nghệ thuật, nhưng nhất là sự dấn thân chính trị.

"Lấy tên Tự Lực là có ý họ tự sức mình gây lấy một cơ sở chứ không cậy nhờ bàn tay chính phủ hoặc một thế lực tài chính nào, do đó có tư cách độc lập, không tuân theo một chỉ thị nào, ngoài đường lối chính họ tự vạch ra." (Phạm Thế Ngũ, sđd).

II - TỰ LỰC CHÍNH TRỊ :

Tự Lực có nghĩa là do sức lực của chính mình, không cần nhờ ai. Việc Nhất Linh đặt tên cho văn đoàn của mình là *Tự Lực* có nghĩa là :

Văn đoàn (phương tiện) — > Tự Lực (cứu cánh).

Trong giai đoạn thành lập Tự Lực Văn Đoàn (1932), "độc lập" là từ ngữ có thể khiến nhà cầm quyền Pháp e ngại. *Tự lực* diễn tả cùng một nội dung, lại không phải là một thuật ngữ chính trị (như độc lập).

Nhất Linh chủ trương muốn giành độc lập cho đất nước cần mở mang dân trí. Các độc giả của Tự Lực Văn Đoàn là tầng lớp trung lưu, sau này tác động không nhỏ vào tranh đấu cho độc lập dân tộc.

Thời kỳ *Tự lực văn học* (1932-1945) được tiếp nối bằng thời kỳ *Tự lực chính trị*. Chủ trương chính trị của Tự lực Văn đoàn sau này thực sự biến thành hành động chính trị.

Theo Jean Sainteny trong *Histoire d'une paix manquée*: Ngày 2-3-1946, Quốc Hội họp phiên đặc biệt tại Nhà hát lớn Hà Nội chỉ định chính phủ. Nguyễn Tường Tam trở thành bộ trưởng Ngoại giao.

Chương *Premier contact avec les nationalistes*, Sainteny (khi đó chưa được bổ nhiệm làm Ủy viên Pháp tại Bắc phần và Nguyễn Tường Tam chưa phải là bộ trưởng Ngoại giao) đã viết như sau :

"... Sau cùng, chúng tôi đến trước một tửu lầu kín đáo nằm trong ngõ hẻm vắng người. Trên lầu một chỉ có một chiếc bàn có một người đang đợi tôi: đó là một mẫu mực trí thức Việt Nam đầy nghị lực, trình bầy quan điểm trực tiếp, hiếm thấy trong tầng lớp trí thức Đông Dương. Chúng tôi chỉ có hai người, vì cùng nhau thỏa thuận không có người tháp tùng. Sĩ quan tùy viên của tôi là thiếu úy Francois Missoffe chờ tôi trong xe Jeep. (Missoffe sau này là bộ trưởng Thanh niên Thể thao).

(...) Mấy tháng sau, nhân cuộc tiếp xúc ở vịnh Hạ Long, tôi giới thiệu nhân vật này với đô đốc d'Argenlieu, Tổng Cao ủy Pháp. Nhân vật đó là Nguyễn Tường Tam, một lãnh tụ Việt Nam Quốc dân đảng, trong chính phủ đoàn kết quốc gia lập ngày 2-3-1946, được giao bộ Ngoại giao, vài ngày

nữa sẽ bối thự các hiệp ước Pháp-Việt.

Sau những lời chào hỏi xã giao, Nguyễn Tường Tam tỏ ý hài lòng được gặp một người Pháp mới (un Francais nouveau): một từ ngữ lần đầu sử dụng thường nghe lại sau này.

Người đối thoại hỏi tôi có hay biết về sự phát triển đáng kể của ý tưởng độc lập trong đầu óc người Việt kể từ 9-3-1945. Ông ta ngại rằng ở Pháp, người ta không nhận ra quyết tâm mãnh liệt của các đồng bào ông muốn giải thoát khỏi sự bảo hộ của Pháp. Ông ta cắt nghĩa cho tôi không úp mở và với sự rõ ràng hiếm thấy nơi một người Đông Dương rằng "cơ hội rất tốt đẹp"; ông ta và các đồng chí quốc gia có quyết tâm không để lỡ cơ hội. Họ yêu cầu người Pháp xét lại hoàn toàn lập trường của Pháp ở Đông Dương. (...)

Nguyễn Tường Tam lưu ý dân tình hiện rất sôi nổi, nhất là ở miền Bắc đúng như dự kiến, và cũng không dấu diếm rằng ông e ngại tình thế sẽ xấu đi. Một số người, trong số có Nguyễn Tường Tam, không muốn nền độc lập được xây trên sự đổ nát do cuộc nổi dậy đẫm máu. Chính vì vậy, ông ta muốn gặp một đại diện nước Pháp ở Trung Quốc. Em của ông ta hiện còn ở Hà Nội là một lãnh tụ VNQĐD. Ông đề nghị sẽ trao cho tôi một lá thư mã hóa giữa em ông và đại diện Pháp ở Bắc phần ngay khi người này nhận nhiệm sở ở Hà Nội. (...)

Cuộc tiếp xúc rất lâu tới khuya. (...) Đây là cuộc gặp gỡ đầu tiên và duy nhất với một lãnh tụ VNQĐD trên đất Trung Hoa."

Ngày 24-3-1946 (trên chiến hạm Emile Berlin): Cao ủy d'Argenlieu và tướng Leclerc gặp Hồ Chí Minh và Nguyễn Tường Tam.

Ngày 17-4-1946 (Dalat): Nguyễn Tường Tam, bộ trưởng Ngoại giao là trưởng phái đoàn Việt Nam. Phái đoàn gồm có Võ Nguyên Giáp (phó trưởng phái đoàn kiêm trưởng ban quân sự), Vũ Văn Hiền (tổng thư ký phái đoàn), Hoàng Xuân Hãn (trưởng ban chính trị), Nguyễn Mạnh Tường (trưởng ban văn hóa).

Luật sư Trần Văn Tuyên (đổng lý văn phòng bộ Ngoại giao) thuật lại rằng *"anh Nguyễn Tường Tam trả lời bằng tiếng Việt Nam, anh Nguyễn Văn Huyên, Nguyễn Mạnh Tường cùng phụ trách thông ngôn cho phái đoàn."*

Hoàng Xuân Hãn viết về hội nghị này như sau :*"Thấm thoắt đã đến ngày chủ nhật thứ nhì ở Dalat. Hôm nay là ngày 28-4. Nguyễn Tường Tam bị ốm từ hôm qua, có lẽ bị cảm lạnh. Tôi không biết Tam trước khi có phái đoàn Dalat, nhưng cũng biết anh là Nhất Linh trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn và nhất là chủ bút những tạp chí Ngày Nay, Phong Hóa đã vang tiếng một thời. Bấy giờ, anh người cao nhưng gầy, mặt dài má lép, chút râu trên mép, đôi mắt to nhưng ra vẻ mệt nhọc hay chán chường. Cử chỉ lễ độ, ăn nói chững chạc trong buổi xã giao hội họp với kẻ chức trách, hoặc phái viên Pháp, anh đã có thái độ cử chỉ đoan nghiêm và đúng mức, không làm thẹn chức vụ bộ trưởng Ngoại giao và chủ tịch phái đoàn Việt Nam."*

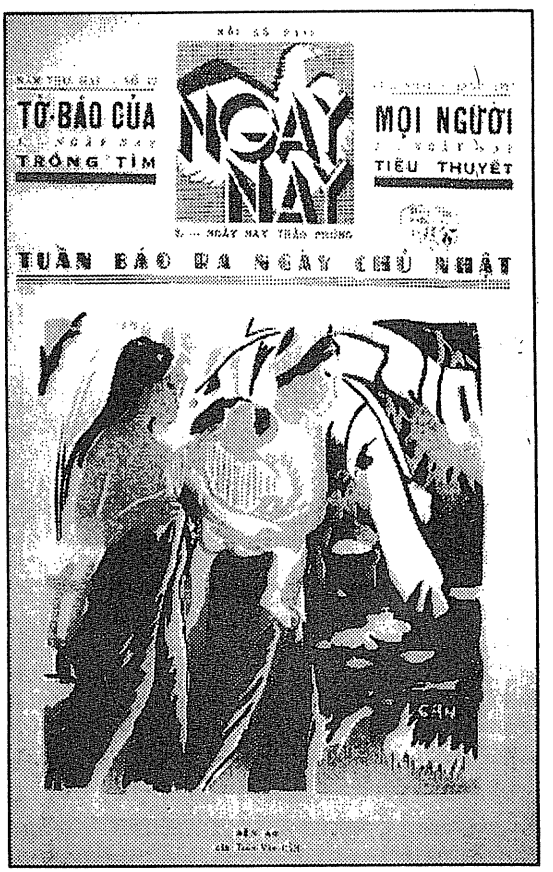

Bìa báo Ngày Nay

Các tài liệu ghi trên đều nói lên quyết tâm giành độc lập cho đất nước cũng như khả năng ngoại giao ngoại hạng của Nguyễn Tường Tam.

Trong cuộc hội kiến với Jean Sainteny, Nguyễn Tường Tam đã lưu ý người sau này trở thành ủy viên Pháp tại Bắc phần về tình hình dầu sôi lửa bỏng. Ông e ngại tình thế sẽ xấu đi. Nguyễn Tường Tam không muốn nền độc lập được xây trên sự đổ nát do cuộc nổi dậy đẫm máu. Tác phẩm của Sainteny ghi lại cuộc tiếp xúc trong phần đầu cuốn sách chứng tỏ Nguyễn Tường Tam đã thực hiện sáng kiến "Tự lực chính trị" rất sớm.

Theo Bernard Droz trong *Les décolonisations* (Ed. Seuil, 1996): *"Vấn đề giải thực (décolonisation) là hậu quả tất yếu của tình hình : các phong trào quốc gia trong nước đã chín mùi và nhất là tương quan lực lượng sau Thế chiến thứ hai đều không tán thành các chế độ thực dân. Phong trào giải thực là một tiến trình không thể nào tránh được đối với các lãnh thổ xa xôi."*

Một tác giả khác là Wolfgang Reinhard trong *Petite histoire du colonisalisme* (Belin Sup/ Agrégation) cũng cho rằng *"phong trào giải thực và chế độ thực dân có quan hệ biện chứng. Chính phong trào thực dân đã tạo cơ sở cho phong trào giải thực, đồng thời phát sinh những điều kiện cho vấn đề giải thực."*

Các nhận định này chứng tỏ rằng quan điểm của Nguyễn Tường Tam về tiến trình tranh đấu giành độc lập bằng thương nghị, không đổ máu là chính đáng. Đảng Cộng sản Việt Nam đã mượn danh nghĩa giành độc lập để giành chính quyền. Cuộc chiến tranh đẫm máu do đảng cộng sản tiến hành là phí phạm sinh mạng một cách không cần thiết.

Tại Hội nghị Dalat, Nguyễn Tường Tam trả lời bằng tiếng Việt, Nguyễn Văn Huyên và Nguyễn Mạnh Tường phụ trách thông ngôn, chứng tỏ vị bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam thể hiện tinh thần độc lập trong các cuộc thảo luận nhằm giành độc lập cho dân tộc. Những thành viên trong phái đoàn như Hoàng Xuân Hãn đều ca ngợi khả năng ngoại giao của Nguyễn Tường Tam.

Gần 20 năm sau, ngày 7-7-1963, nếu Nguyễn Tường Tam không quyên sinh và tham chính, biết đâu chủ trương *Tự lực chính trị* có thể biến đổi cục diện của miền Nam bằng cách chống lại sự can thiệp trực tiếp của quân đội Hoa Kỳ tại miền Nam. Sự tham chiến này là một trong nhiều nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của miền Nam Việt Nam.

*

Cuộc đời Nhất Linh gắn liền với những thăng trầm của lịch sử nói chung, và văn học sử nói riêng. Nhân giỗ đầu Nhất Linh (1964), thi sĩ Vũ Hoàng Chương đã viết *Nhịp cầu*. Ngày giỗ Nhất Linh năm nay, tôi chép lại bài thơ này để bắc một Nhịp cầu giữa Thế Kỷ 21 và một văn hào lớn của Thế Kỷ 20: Nhất Linh Nguyễn Tường Tam:

Hạc vàng bay đi...
Lầu hoang sầu vây quanh
Đường ngôi hoang khói sáng bơ phờ
Bướm trắng bay đi...
Bầy lan run rẩy mộng,
Gai rừng khuya xé rách cánh bơ vơ
Một con người mê đời như ai kia!
Tài hoa như ai xưa!
Nức tiếng văn hay một thời
Uổng cho Sông Sen chưa từng hé nhụy!
Sông Dương chưa hề buông tơ!
Chỉ u uất một giòng Thanh Thủy
Nối vầng mây con lạc điệu hai bờ
Người ôi! Người ôi!
Chí sĩ đền xong nợ nước
Văn hào đã thỏa ước mơ
Hai bóng đi vào lối Sử
Riêng người một chuyến ra đi tìm thơ
Phải chăng bến quạnh sao mờ?
Lan xuông Bướm trắng, lầu trơ hạc vàng?

Chú thích:

1. Trong *Việt Văn Độc Bản*, Đàm Xuân Thiều và Trần Trọng San đã phân loại các tác phẩm của Nhất Linh như sau :

- Tiểu thuyết lý tưởng : *Nho phong, Người quay tơ.*
- Tiểu thuyết luận đề : *Đoạn tuyệt, Lạnh lùng.*
- Tiểu thuyết tâm lý : *Bướm trắng, Nắng thu.*
- Những truyện viết chung với Khái Hưng : *Anh phải sống, Gánh hàng hoa, Đời mưa gió.*
- Những tác phẩm khác như: *Tối tăm, Hai buổi chiều vàng, Đi Tây* (truyện vui) v.v.

Các tác phẩm không được kể ra trong *Nhà văn hiện đại* (Vũ Ngọc Phan) và *Việt Văn Độc Bản* :

Sống (đăng nhiều kỳ trên báo *Ngày Nay* vào năm 1937, chưa in), *Viết và đọc tiểu thuyết, Mối tình chân, Giòng sông Thanh Thủy, Thương chồng, Xóm Cầu Mới.*

2. Nhà văn Nguyễn Tường Tam có năm người con : Nguyễn Tường Việt (Virginia), Nguyễn Tường Triệu (Canada), Nguyễn Tường Thạch (Việt Nam), Nguyễn Tường Thiết (Washington) và Nguyễn Kim Thoa (Pháp).

3. Ông nội Nhất Linh tên là Nguyễn Tường Tiếp là tri huyện Cẩm Giàng (Hải Dương). Thân phụ là Nguyễn Tường Nhu (mất ở Lào năm 1918, hưởng dương 37 tuổi) có bảy người con (sáu trai một gái) : Thụy, Cẩm, Tam (Nhất Linh), Long (Hoàng Đạo), Nguyễn Thị Thế, Vinh, sau đổi tên là Lân (Thạch Lam) và Bách.

4. Trong văn hoc Hy Lạp và văn học Pháp có nhóm *Pléiade* gồm bảy nhà thơ.

5. Theo Tú Mỡ, Nhất Linh thu nhận thêm Xuân Diệu vào văn đoàn, trở thành bát tú. Sau này, Nhất Linh nhận Đỗ Đức Thu (đoàn viên thực thụ) cùng với ba đoàn viên dự bị là Duy Lam, Tường Hùng và Nguyễn Thị Vinh.

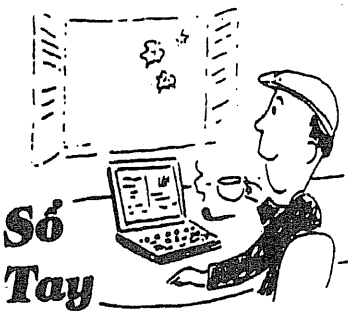

NGÔ NHÂN DỤNG

NỘI BỘ ĐẢNG CỘNG SẢN XẤU XÉ

Bộ Chính trị đảng Cộng Sản Việt Nam mới bắt ba "đảng ủy" và sáu cán bộ cao cấp phải "kiểm điểm." Người dân không hiểu hai chữ "kiểm điểm" có nghĩa ra sao, tức là đưa tới những hậu quả nào. Kiểm điểm có nghĩa là "bị khiển trách?" "Bị truy tố?" hay nghĩa là đã "bị kết tội"? Không ai biết. Ý nghĩa mấy chữ này còn tùy thuộc kết quả những trận thư hùng trong nội bộ đảng, coi phe nào thắng phe nào.

Ba đảng ủy bị "kiểm điểm" là đảng ủy Công an (nắm còng số tám để bắt người và giam người ta thoải mái), Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao (viết tắt VKSNDTC, tức công tố viện cao nhất nước, có quyền truy tố hay tha các nghi can) và Ban Thường vụ Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh, là căn cứ địa của các trùm công an bị "kiểm điểm."

Ba trùm công an bị tố toàn là cấp tướng, gồm hai thứ trưởng Bộ công an (Bùi Quốc Huy và Hoàng Ngọc Nhất) và một cục trưởng (Đỗ Năm). Lại thêm một cựu Viện trưởng VKSNDTC nay đứng thứ nhì ở ban Dân vận (Lê Thanh Đạo), một cựu Phó viện trưởng VKSNDTC (Phạm Sĩ Chiến) và một Tổng giám đốc Đài phát thanh lớn nhất của đảng (Trần Mai Hạnh). Hai người đang là ủy viên Trung ương Đảng là Hạnh và Huy.

Những người đó bị liên lụy đến chuyện gì? Đó là việc can thiệp để tha tội, phóng thích một trùm băng đảng đã bị bắt về những tội từ tổ chức cờ bạc, đĩ điếm, tới buôn ma túy, giết người, v.v... Chuyện xẩy ra từ những năm 1980 tới 1997 nhưng bây giờ mới bị khui ra. Chắc hẳn là hậu quả của những vụ trả đũa nhau trong nội bộ, phe này lật mặt phe kia. Mấy năm trước nổ ra những vụ tham nhũng, lạm quyền ở Hà Nội làm cho Phạm Thế Duyệt mất hy vọng làm Tổng bí thư, thì nay đến lượt Sài Gòn. Đó là một hình thức cảnh cáo cho Nguyễn Minh Triết, Trương Tấn Sang, và băng miền Nam - trước khi Phan Văn Khải về hưu.

Nhưng nếu chỉ kiểm điểm nội bộ thôi thì họ làm cái gì? Đó là một bí mật không ai biết được. Chủ nghĩa Cộng Sản được Stalin ủy thác cho Hồ Chí Minh đem truyền bá ở Á Đông. Ông Joseph Stalin vốn là một chủng sinh, đáng lẽ tu hành đến nơi đến chốn thì đã thành một linh mục Chính Thống giáo rồi. Cho nên, như triết gia Bertrand Russell nhận xét, các đảng Cộng Sản từ thời Stalin đã mô phỏng tổ chức như một giáo hội thần quyền. Thí dụ, họ bầy ra cho các đảng viên tự phê bình, tức là "kiểm điểm," bắt chước việc tín đồ các tôn giáo "xưng tội" - điều khác biệt là họ bắt đảng viên xưng tội chỗ công cộng.

Quý vị thử tưởng tượng ở xứ nào đó có một tôn giáo được coi là quốc giáo, những tín đồ bị tình nghi ăn trộm, ăn cắp, giết người, chỉ cần đến giáo đường "kiểm điểm" cho vị pháp sư nghe là đủ, sau đó không cần ai điều tra, xét xử gì cả. Coi như sạch tội rồi. Liệu chúng ta có muốn sống trong một quốc gia như vậy hay không? Dân Việt Nam đang sống trong một xã hội như vậy.

NAM HÀN VÀO VÒNG BÁN KẾT WORLD CUP

Năm nay đội banh Hàn quốc đã lập thành tích lớn, khi tôi viết bài này thì họ đã được vào vòng bán kết, đấu với Đức. Nếu họ lọt vào chung kết thì dân Hàn quốc sẽ sung sướng lắm, sướng nhất là họ đã đi xa hơn đội Nhật Bản, là nước cùng đứng đăng cai giải bóng đá thế giới 2002.

Nhân lúc đội túc cầu Hàn quốc thắng đội Italia nhiều người nhắc nhở nước này bắt đầu phát triển từ thời Tướng Phác Chánh Hy, mà nói đến ông tướng này là người ta dùng những chữ "độc tài quân phiệt." Tên gọi đó đúng, nhưng không phản ảnh đầy đủ tính chất của chế độ do ông dựng lên. Năm 1970 tôi được dự một cuộc tiếp tân do Tướng Phác Chánh Hy khoản đãi các nhà văn đến Hán Thành dự một hội nghị quốc tế. Nhìn ông thì phải thấy ông có dáng một người khắc kỷ; nghiêm khắc với chính mình, với gia đình, bạn bè của mình, cũng như với người khác. Tướng Phác Chánh Hy áp dụng một thứ kỷ luật sắt cho mọi người sống ở Đại Hàn Dân Quốc, giống như thứ kỷ luật trong quân đội Nam Hàn (Một sĩ quan có thể bị cấp trên đánh thẳng vào mặt giữa công chúng nếu phạm quân kỷ).

Một chế độ gọi là "quân phiệt" khi chủ trương các quân nhân nắm mọi quyền quyết định trong quốc gia, không chia sẻ với ai hết – cũng giống như "chuyên chính vô sản" chủ

trương chỉ có giai cấp vô sản mới có quyền quyết định cho cả xã hội loài người. Nhưng chế độ của Tướng Phác Chánh Hy chỉ dùng kỷ luật nhà binh như một phương tiện tạm thời, trong một giai đoạn, chứ không coi chính sách độc tài là bản chất của đời sống chính trị, hoặc coi đó là phương pháp duy nhất và đem áp dụng mãi mãi. Hai chục năm sau, Hàn quốc đã dân chủ hóa, và ngày nay dân Nam Hàn hãnh diện sống trong một nền dân chủ trưởng thành không thua gì các nước tây phương. Tuy gọi là độc tài, nhưng chế độ của các tướng lãnh ở Hàn quốc vẫn chấp nhận có những định chế độc lập nằm ngoài tầm kiểm soát của nhà nước. Vẫn có các công đoàn độc lập, các trường đại học tự trị, và dần dần chấp nhận có đảng đối lập, có báo chí tự do. Chính nhờ những nền tảng ban sơ của một xã hội công dân đó mà ở nước Đại Hàn đã có sẵn những hạt giống dân chủ, mấy năm gần đây đã phát triển rất nhanh chóng cả về kinh tế lẫn chính trị.

Vì vậy, ngày nay dù chế độ Phác Chánh Hy còn bị phê bình, chỉ trích về các chính sách độc tài, họ vẫn được dân Hàn quốc và người ngoài kính trọng.

NGÀY TÀN CỦA CHUYÊN CHẾ

Đảng Cộng Sản Việt Nam thì ngược lại. Hồ Chí Minh đã theo Stalin chủ trương chuyên chính vô sản ngay từ đầu, không coi chế độ độc tài là một phương tiện nhất thời mà là "bước tất yếu của lịch sử." Và cứ như thế, suốt nửa thế kỷ qua đưa đất nước ta tới cảnh nghèo đói nhất trong vùng, thua kém, hổ thẹn với tất cả các nước Á Đông cùng chung một truyền thống văn hóa.

Chủ trương chuyên chính vô sản đã được ghi nhận lại trong Đại hội Đảng vừa qua, lại mới được đề cao thêm lần nữa trong Tạp chí Cộng Sản số 16, tháng Năm năm 2002 trong một bài của Nguyễn Thế Kiệt, Phó Trưởng khoa Triết học trong trường Đảng mang tên Hồ Chí Minh. Nhấn mạnh vấn đề đấu tranh giai cấp ở Việt Nam vẫn tồn tại (nguyên văn: "Thực tế cho thấy cuộc đấu tranh giai cấp chưa bao giờ ngừng," trang 27 trong tạp chí nêu trên), ông Nguyễn Thế Kiệt nhắc tới "Phát minh của ông (Karl Marx) là ... đấu tranh giai cấp dẫn đến chuyên chính vô sản ... Ngày nay chúng ta xây dựng đất nước ... là đi theo tất yếu khách quan đó." (trang 24).

Có thể nói, hiện nay có một tập đoàn tham nhũng khổng lồ đứng đằng sau lý thuyết "chuyên chính" của ông Karl Marx. Không có người vô sản nào đang đóng vai chuyên chính ở nước ta, mà chính những tay tham nhũng đang chiếm quyền chuyên chính.

Vụ Năm Cam vừa nổ cho thấy bộ mặt thật của chế độ tham nhũng chuyên chế tại Việt Nam, liên hệ đến những cột trụ của chế độ. Đứng đầu băng đảng cờ bạc, đĩ điếm, buôn lậu, giết người là tay anh chị Năm Cam. Nhưng khi Năm Cam bị bắt, người đứng ra vận động xin tha là Trần Mai Hạnh, một ủy viên Trung ương Đảng, đứng đầu ngành truyền thanh và được đảng trao phó nhiệm vụ kiểm soát các nhà báo. Nay chúng ta thấy một cây cột trụ trong ngành đó đã được tay anh chị Năm Cam sử dụng. Lê Thanh Đạo là Phó trưởng ban Dân Vận Trung ương cũng đi làm mướn cho trùm xã hội đen Năm Cam. Có thể nói bộ óc và trái tim của Đảng Cộng Sản đã được xẻ ra đem bán lẻ.

Một chế độ tạo được những công tố viên có tinh thần chí công vô tư, thanh liêm cương trực thì không những được coi là lương thiện mà còn chứng tỏ guồng máy của chế độ đó chạy có hiệu quả, có thể tin được, nên sử dụng để cai trị quốc gia. Chế độ Phác Chánh Hy ở Hàn quốc được kính trọng vì lý do đó. Ngày nay họ vẫn còn giữ được truyền thống, đã đưa hai cựu Tổng thống ra tòa về tham nhũng, và các con trai ông Tổng thống Kim Đại Trung cũng bị truy tố khi tình nghi tham nhũng. Nhưng trong chế độ cộng sản ở Việt Nam hiện giờ, danh dự của các công tố viên tối cao, một ông Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao (Lê Thanh Đạo) cùng với một ông Phó Viện trưởng (Phạm Sĩ Chiến) đều được đem bán lẻ cho tay trùm anh chị sử dụng vào việc chạy chọt ra khỏi nhà tù! Cơ cấu nào đã sinh ra thứ hàng bán sôn đó? Chính là chủ trương chuyên chính của đảng Cộng Sản.

Và cột trụ lớn nhất của chế độ cộng sản phải kể là hệ thống công an. Nay thì ba viên tướng công an lộ mặt là những người được Năm Cam mua chuộc và sử dụng. Hai Thứ trưởng bộ Công an, trong đó có một ủy viên Trung ương Đảng. Một ông tướng trùm các trại giam. Ba vị chỉ huy cốt cán trong ngành công an phơi bộ mặt xấu xa ra, mà ông Bộ trưởng Công an không xin từ chức để nhận lỗi, cũng không nói một lời nào giải thích.

Chúng ta cần nhìn thấy toàn cảnh câu chuyện Năm Cam. Đó là chuyện một tay trùm anh chị địa phương có thể dùng tiền bạc mua chuộc, sai bảo những thứ cột trụ của chế độ như Trần Mai

Hạnh, như Lê Thanh Đạo, Hoàng Ngọc Nhất và Bùi Quốc Huy. Nhìn thấy như vậy, thì chúng ta phải tự hỏi cái chế độ đó hiện nay như thế nào?

Chế độ đó hiện nay trống rỗng. Rỗng tuếch từ bên trong. Không có niềm tin. Không đạo lý. Mà cũng không còn giữ được chút kỷ luật. Các băng đảng mafia thường mất kỷ luật, hàng ngũ tan rã vì chia chác quyền lợi không đồng đều. Khiến đàn em mất tin tưởng ở đàn anh. Có phải đảng Cộng Sản Việt Nam cũng đang rơi vào tình trạng đó hay chăng?

Như Mạnh Tử nói, "Thượng vô đạo quỹ, hạ vô pháp thủ, quốc chi tồn giả, hạnh dã." Trên không có niềm tin, dưới không theo kỷ luật, một chế độ như thế mà tồn tại thật là điều hiếm lắm.

WORLD CUP VÀ NỖI BUỒN CỦA UNA

Cô gái gốc Hàn quốc tên là Una, đọc theo tiếng Hán Việt là Vân Nhã. Una cùng học một trường với con trai út tôi, nên ở trong cùng một cư xá. Năm gặp tôi Una mới 21 tuổi, cháu đã nói tiếng Việt thành thạo, nói giỏi hơn con trai tôi nhiều. Đặc biệt, cháu có thể tiếp chuyện bằng tiếng Việt suốt mấy giờ liền, nói đủ chuyện thời sự, lịch sử, chính trị, kinh tế, v.v... Vì cháu đã đi học gần một năm ở Hà Nội, tập quen dùng cả các chữ thường in trên báo Nhân Dân. Una sinh ở Canada cho nên nói thông tiếng Anh, tiếng Pháp, ngoài tiếng mẹ đẻ; rồi cháu học thêm tiếng Nhật và tiếng Quảng Đông, Quan thoại, vì cháu chuyên về Á châu học. Lúc gặp tôi cháu đang học tiếng Thái. Trong thời gian ở Việt Nam cháu không ở cư xá mà nhà nước xếp đặt cho, cháu tự thuê nhà, học tiếng Việt bằng cách giao thiệp với đám trẻ bụi đời. Cháu đã đi Thanh Hóa, Tuyên Quang thăm gia đình mấy người bạn mới đó, nên biết cảnh nghèo khó ở nước Việt Nam. Cháu cho tôi coi hình ảnh những thiếu niên chỉ lớn bằng một đứa trẻ lên 10 nhưng tuổi thật là 16, 17. Một cô gái Việt Nam 15 tuổi, học giỏi nhưng nhà không có tiền đi học tính về quê, cháu đã giúp cô ở lại Hà Nội. Cháu kể đã về một làng quê Thanh Hóa thăm nhà một người bạn khác trong dịp Tết. Ở đó, trẻ em tóc mọc thưa thớt, mầu vàng ố như râu ngô vì thiếu dinh dưỡng. Bây giờ cháu đã bảo trợ một cô bạn người Việt sang du học ở Toronto, Canada, do cháu trả hết mọi phí tổn. Una nói rằng mộng ước của cháu là vận động cải thiện đời sống của phụ nữ và trẻ em ở Á châu. Đã gặp tôi nhiều lần nữa sau khi ra trường, đi làm, cháu không nói gì về Hàn quốc, mà chỉ nói đến phụ nữ và trẻ em ở Trung Quốc, Việt Nam, Thái Lan, v.v... Một lần tôi hỏi cháu về mối hiềm lịch sử giữa dân Hàn quốc và Nhật Bản, cháu chỉ nói một câu với vẻ mặt buồn bã: "Người Triều Tiên khổ lắm!" Nhưng cháu không nói gì về những nỗi hận thù giữa hai dân tộc.

Tôi chợt nhớ đến Vân Nhã, cháu thích được gọi tên là Una hơn, khi đọc báo, nhân dịp Giải Bóng đá Thế giới, người ta mới nhắc lại rằng tháng Mười Hai năm ngoái Thiên hoàng Akihito đã can đảm tuyên bố chính thức rằng tổ tiên ông vốn từ Hàn quốc thiên cư sang Nhật Bản. Lời tuyên bố đó được chính phủ và hoàng gia Nhật chuẩn bị kỹ khi đưa ra, cốt xóa bỏ mối hiềm thù giữa hai dân tộc trước khi Giải Túc cầu Thế giới 2002 bắt đầu.

Hàn quốc và Nhật Bản trước đây đều muốn đóng vai đăng cai giải bóng đá hoàn cầu đầu tiên ở Á châu, năm 1996 Tổ chức Fifa đi tới giải pháp thỏa hiệp cho hai nước cùng đứng ra tổ chức. Ông Kim Chính Nhất ở Bắc Hàn cũng muốn tranh giành tiếng tăm, đã tổ chức một đại hội trình diễn văn nghệ, *Arirang Festival* ở Bình Nhưỡng, lấy cớ kỷ niệm sinh nhật 90 năm của cố chủ tịch Kim Nhật Thành, ngay trong lúc ông Kim Đại Trung miền Nam khai mạc World cup.

Chính phủ Nhật Bản đã ngấm ngầm vận động để Thiên hoàng Akihito được mời sang thăm Hàn quốc nhưng nỗ lực đó vô hiệu. Mối hận thù giữa hai dân tộc quá sâu xa, khó lòng xóa bỏ sau một vài thế hệ.

Quân đội Nhật Bản đã xâm lăng Hàn quốc năm 1910, chiếm đóng hơn 35 năm cho tới khi thất trận Đại chiến thứ hai. Không đứa trẻ nào ở Hàn quốc không biết chính sách tàn bạo của quân phiệt Nhật trong những năm đô hộ đó. Người Hàn quốc căm thù người Nhật. Nhất là các phụ nữ bị bắt làm đồ chơi cho quân đội Thiên hoàng; nhiều bà còn sống sẽ đi biểu tình nếu nhà vua Akihito sang Hán Thành. Hàng chục ngàn thanh niên Hàn quốc bị bắt đi lao động giống như nô lệ ở Nhật; con cháu họ bây giờ đông đến 650 ngàn người, thế hệ thứ ba, thứ tư sống ở Nhật nhưng vẫn bị coi là công dân hạng nhì. Cho đến 15 năm gần đây họ mới được miễn không phải đi chụp hình, lăn tay, như các người Nhật đã phạm tội hình.

Mà cả nền văn minh Nhật Bản vốn do người Hàn quốc truyền cho sau khi hấp thụ từ Trung Quốc. Cả thế giới biết hình ảnh các đền chùa, lâu đài ở Nhật, nhưng người có học ở Nhật đều biết tất cả nghệ thuật kiến trúc họ đã học từ Hàn quốc. "Tại sao người Nhật không ăn cơm bằng nĩa?" Người Hàn quốc thường nói đùa. "Tại vì người Hàn quốc không dậy cho họ ăn bằng nĩa." Trước đây hơn 30 năm tôi gặp mấy nhà văn Nhật Bản trong một hội nghị văn

chương quốc tế ở Hán Thành và họ đều công nhận ảnh hưởng sâu xa của người Triều Tiên trên văn hóa Nhật. Những người trí thức đó đều tỏ nỗi ân hận về những điều quân đội Nhật đã làm ở Hàn quốc.

Nhân dịp sinh nhật thứ 68 của ông, cuối năm ngoái nhà vua Akihito đã nói rằng theo sử ký biên niên từ thế kỷ thứ tám thì dòng dõi hoàng gia Nhật là hậu duệ của triều đại Bạch Tề (Paeck Che), một vương quốc đời xưa ở bán đảo Triều Tiên. Đó là vào đời Đường bên Trung Quốc, Hàn quốc chia làm ba, sau cùng vương quốc Tân La (Shin La) thống nhất sơn hà, con cháu dòng vua Bạch Tề chạy sang Nhật Bản. Hoàng đế Akihito nói mình dòng dõi nước Bạch Tề thì cũng là chuyện lớn, giống như nếu ông Mao Trạch Đông tự nhận mình là dòng dõi nhà Trần ở Việt Nam (như câu chuyện đùa cợt của nhà văn Hồ Hữu Tường, ông bảo rằng khi Hồ Quý Ly thoán ngôi, con cháu nhà Trần chạy sang Tầu đổi sang họ Mao, ngụ ý người ở Trần thì thấy Mao.)

Còn người Hàn quốc họ không quên được nỗi đau đớn hằn sâu cả thế kỷ. Ngày nay đất nước họ còn đang bị chia cắt cũng vì hậu quả của Đại chiến Thứ hai; miền Nam tư bản phát triển phồn thịnh còn ở miền Bắc cộng sản dân vẫn lo đói. Kim Chính Nhất huy động hàng trăm ngàn công chức và học sinh đi dự Đại hội *Arirang* để dân không có thời giờ coi cảnh khai diễn Giải đá bóng ở Hán Thành trên truyền hình. Cũng giống năm 1988 Kim Nhật Thành đã tổ chức Giải thể thao Sinh viên Thế giới trong lúc Nam Hàn tổ chức Thế Vận hội. Bài dân ca sầu não *Arirang* kể một câu chuyện tình giống như chuyện *Thiếu phụ Nam xương* ở Việt Nam. Đó là nỗi tuyệt vọng của một thiếu phụ tự tử vì bị chồng bỏ, khi nghi ngờ nàng ngoại tình. Bài ca này lớp thanh niên chúng tôi ở Việt Nam ngày xưa cũng biết, hay hát trong những lửa trại. Và năm nay *Arirang* cũng được dùng làm giai điệu cho một bản nhạc chính thức của World Cup tại Nam Hàn.

Người ngoài không thể hiểu tại sao người Đại Hàn lại dùng một điệu ca buồn bã như vậy trong một dịp vui mừng này! Tất nhiên, ngay cả những giai điệu sầu não cũng có thể được hòa âm để trở thành những bản nhạc bi hùng thống thiết. Nhưng sự lựa chọn này cũng chứa đựng nỗi ám ảnh buồn rầu của một dân tộc mà lịch sử cũng chịu những đọa đầy không khác gì dân tộc Việt Nam. Họ cũng đang nghĩ đến một nửa dân tộc đang sống trong xa cách, tuyệt vọng. Có lẽ cô cháu Una của tôi đã được nghe mẹ ru bằng bài hát *Arirang* từ tấm bé. Cháu là một cô gái thông minh và đầy nghị lực, một con người quốc tế ôm giấc mộng giải thoát các phụ nữ và trẻ em Á châu. Nhưng trong đáy lòng cháu vẫn không thể quên: Người Triều Tiên khổ lắm.

Người Việt Nam cũng vậy, người Việt Nam cũng khổ, cũng nhục lắm cháu có biết không? Bốn mươi năm trước thì kinh tế Nam Hàn không hơn gì kinh tế Nam Việt Nam. Bây giờ ngồi coi những trận đá banh World cup ở xứ người ta tự thấy mình tủi hổ.

THÀNH TRIỆU PHÚ VÌ TIN TƯỞNG VÀO NGƯỜI NGHÈO

Đội cầu Brazil đầy hy vọng chiếm giải World Cup 2002. Bài này viết trước khi tới trận chung kết, tuy nói chuyện xứ Brazil nhưng sẽ không viết về túc cầu mà chỉ nói chuyện kinh doanh, *business*. Nhân vật chính là ông Samuel Klein, 78 tuổi, ông có triết lý: "Tài năng của tôi là tin tưởng những người nghèo, và phục vụ người nghèo cho đầy đủ." Mới nghe tưởng như ông Klein là một chính trị gia đang ba hoa về "xóa đói giảm nghèo" để nhờ thế leo lên cái ghế lãnh đạo. Nhưng ông Klein có mục tiêu khác khi phục vụ người nghèo: "Họ biến tôi thành triệu phú!"

Ông Klein chứng tỏ niềm tin tưởng vào người nghèo bằng hành động chứ không phải chỉ nói xuông: Cửa hàng Casas Bahia của ông bán chịu, cho khách hàng nghèo trả góp những món tiền hàng tháng vừa với túi tiền của họ. Và đó là chính sách kinh doanh biến ông thành triệu phú. Từ năm 1994 ông Klein bắt đầu khá lên nhờ nền kinh tế Brazil bớt bị lạm phát. Hiện nay ông có 310 cửa hàng trên toàn quốc, với 6,800 nhân viên, 1,040 cái xe tải giao hàng, từ đồ dùng chạy điện trong nhà đến bàn ghế, giường tủ. Từ năm 1991 đến nay trung bình mỗi năm ông mở thêm 20 cửa hàng mới. Bí quyết nào giúp cho ông Klein thành công như vậy?

Hãy coi một khách hàng của Casas Bahia. Bà Maria Pereira đến cửa hàng Casas Bahia để trả số tiền phải trả góp tháng này, khoảng 38 mỹ kim. Maria đã mua một hệ thống âm thanh điện tử trả góp từ năm ngoái. Sau khi trả tiền, Maria ra về, đang đi bỗng thấy có bộ nồi soong năm cái bán đại hạ giá chỉ có 25 đô la! Rẻ quá, Maria bắt lấy mua thêm. Tất nhiên mua trả góp, trong bốn tháng. Ông chồng của bà làm nghề giữ an ninh, bảo vệ, mỗi tháng lãnh lương khoảng 167 mỹ kim.

Ông Klein bán chịu cho những người nghèo như gia đình Pereira, ông tỏ ra tin tưởng họ, giúp họ mua được những món hàng mơ ước, và được họ trả ơn bằng cách mua thêm. Ông

không nhận đóng tiền trả góp bằng thư mà yêu cầu khách hàng trở lại cửa tiệm trả tại chỗ, cho nên bảo đảm mỗi tháng khách hàng cũ trở lại tiệm một lần. Đó cũng là một bí quyết nho nhỏ giúp cho các cửa hàng Casas Bahia bán được 1.5 tỷ mỹ kim trong năm qua. Trong đó Casas Bahia chiếm một phần ba thị trường máy vô tuyến truyền hình, 18% thị trường máy điện dùng trong nhà và những đồ dùng khác như giường ghế, bàn, tủ.

Trong một nước Brazil 170 triệu dân, lợi tức bình quân là 290 đô la một tháng, các khách hàng của ông Klein chỉ có lợi tức trung bình 190 đô la, phải coi họ là thuộc tầng lớp nghèo. Những người nghèo khó lòng đi mua chịu, vì các cửa hàng lớn đòi hỏi họ nhiều điều kiện, mà nhiều người nghèo lại không biết chữ nữa. Ông Klein chấp nhận bán chịu cho những khách hàng này. Trung bình, các khách hàng của ông trả góp mỗi tháng 14 đô la. Nếu không được mua trả góp họ sẽ chẳng bao giờ mó được tới những món hàng mà họ đã mua ở Casas Bahia.

Bà Yolanda Moises, 49 tuổi, làm mỗi tháng được 190 đô la, hiện nay một nửa số lương đó dùng để trả góp. Nhờ thế mà trong nhà bà có những món như tủ lạnh, bếp điện, máy VCR, hệ thống stereo, cả giường và tủ áo bà cũng đều mua ở Casas Bahia. Cửa hàng này không đòi hỏi khách mua chịu phải có giấy chứng nhận lương bổng nữa! Họ chỉ đòi giấy chứng nhận có một địa chỉ thường xuyên, thế là đủ cho cửa hàng tin tưởng và bán trả góp. Đối với những khách hàng như bà Yolanda thì không nơi nào cho bà mua chịu cả, trừ các cửa hàng Casas Bahia. Số tiền trả hàng tháng khá cao so với lương bổng của bà, khiến bà muốn mua đôi dép mới mà vẫn chưa mua được, cứ phải đi đôi dép cũ rách. Nhưng Yolanda chấp nhận, vì bốn đứa con bà không phải thèm khát những thứ tiện nghi, máy móc mà chúng chưa có.

Cho tới nay Casas Bahia đã từ chối không bán chịu cho 10% các khách hàng, vì họ có tên trong danh sách những người đã quịt nợ trước đây, chính phủ liên bang Brazil có danh sách này trong hệ thống tòa án. Hệ thống thông tin kinh tế chính xác và đầy đủ giúp cho những nhà kinh doanh như ông Klein làm ăn được. Ở nhiều nước chậm tiến ngay việc đi tìm các tin tức đó có khi cũng bị đảng và nhà nước nghi ngờ, làm khó dễ rồi! Nhưng Brazil khá hơn. Năm 1997 ông Klein đã tuyên bố tha nợ cho một triệu khách hàng không có thể trả được nợ. Đó cũng là một cách lôi kéo họ trở về với cửa tiệm của ông, và lại chính thức được trừ vào lợi tức để bớt thuế.

Nhiều người chỉ trích ông Klein là cách trả góp của ông tính lãi suất cao quá, lên tới 3% hoặc 5% mỗi tháng. Nhưng ở Brazil thì lãi suất của các hãng phát hành thẻ tín dụng lên đến 200% là thường. Cửa hàng Wall Mart ở Brazil bán chịu cũng đòi lãi suất tương tự như Casas Bahia.

"Người nghèo lo lắng nhất là có đủ tiền trả góp hay không, trong ngân sách hàng tháng của họ." Và ông Klein nhận xét, "Nhiều khách hàng nghèo của tôi có tư cách hơn những người giầu. Tôi biết, vì tôi trước cũng nghèo."

Sinh ở Ba Lan trong một gia đình Do Thái chín con, năm 1942 ông Samuel Klein 19 tuổi đã vào trại tập trung, bị đưa đến trại lao động của Đức quốc xã nhưng đã trốn thoát. Bà mẹ và năm đứa em bị chết trên đường tới trại Teblinka. Sau chiến tranh, năm 1952 Klein nhận được thư của một bà cô gọi sang Brazil sống, bèn mang vợ con sang. Từ một khu lao động ngoại ô Sao Paulo, thuộc tiểu bang Bahia, ông Klein khởi nghiệp bằng cách mua lại một con ngựa, cái xe ngựa và danh sách 100 thân chủ của một người bán dạo khác, cùng gốc Do Thái.

Ông chất những chăn mền, vải vóc, quần áo, khăn mặt lên xe, đi bán dạo trong khu lao động gồm những di dân tứ xứ. Khi khách hàng từ chối không mua một cái mền vì không đủ tiền, Klein bảo họ cứ suy nghĩ đi, ông để lại cái mền tháng sau sẽ tới lấy lại. Khi Klein trở lại thì lúc đó mùa đông đã tới rồi, và khách hàng cảm ơn ông rối rít vì nhờ cái chăn của ông mà họ đỡ bị lạnh. Họ chịu mua ngay. Không những thế, còn mua thêm thứ khác!

Năm 1958 Klein mở cửa hàng đồ đạc trong nhà đầu tiên, lấy tên là Casas Bahia. Bahia là tên tiểu bang của những khách hàng đầu tiên của ông. Casa là cái nhà. "Ngôi nhà Bahia" phát đạt là nhờ ông Klein tin tưởng rằng những người nghèo cũng giữ chữ Tín khi mua chịu. Ông giúp họ tự tin hơn. Đối với nhiều khách hàng thì cầm cái thẻ mua chịu mầu vàng của công ty Casas Bahia cũng là một niềm hãnh diện. Trụ sở trung ương của công ty có thương vụ hàng tỷ mỹ kim này cũng đơn sơ, giản dị như những ngôi nhà ở khu lao động chung quanh. Đây là một bài học cho nhiều nhà kinh doanh ở các nước còn nghèo như Việt Nam. Không những họ có thể trở thành triệu phú, họ còn giúp cho người nghèo mua được những thứ mà bình thường họ không dám với tới. Ngoài ra, khi thúc đẩy việc tiêu thụ, họ cũng giúp cho nền kinh tế quốc gia phát đạt thêm nhờ số tiêu thụ tăng lên./.

TIẾT KIỆM ĐỂ TRỞ THÀNH TRIỆU PHÚ

THANH THẢO

Tuần trước khi mang xe vào hãng để bảo trì định kỳ, Thanh Thảo đã khó tránh khỏi ngắm nhìn những chiếc xe mới toanh thật đẹp trong phòng trưng bày.

Thấy những người bạn đổi xe mới trong vòng vài tháng trở lại đây, người viết cũng hơi nôn nao, muốn bắt chước đổi xe. Tuy nhiên, xét thấy xe mình cũng còn tốt chán, và nghĩ tới khoản tiền khá lớn phải bỏ ra mua xe mới, người viết lại phân vân.

Liệu mình có nên đổi xe không? Dĩ nhiên, lập luận đầu tiên là mình làm nghề tài trợ địa ốc, cũng cần có xe mới chứ! Dù xe còn an toàn, nhưng trông không còn mới mẻ, sang trọng. Nhưng nhờ do dự Thanh Thảo mới còn cơ hội áp dụng một phương pháp đặc biệt nhằm trở thành Triệu Phú.

Theo quyển sách mới đang được kể là bán chạy nhất trên thị trường, phương pháp "mới" nhằm trở thành triệu phú là một phương pháp hầu như ai cũng biết, chỉ ít người chịu thực hành.

Đó là cách sống dưới mức lợi tức mình kiếm được, gọi nôm na là tiết kiệm.

Sách mang tên *The Millionaire Next Door,* tạm dịch "Người hàng xóm triệu phú" của hai tác giả Thomas Stanley và William Danko.

Sách nêu nhiều thí dụ có thể tóm lược thành vài điểm chính nhưng trọng tâm là sống một cách giản dị, hà tiện để có sự tự do về tài chính trong thời gian ngắn nhất.

Không những khẳng định đa số những triệu phú không phải là người thừa hưởng gia tài, hoặc làm việc nhiều lợi tức, hai tác giả Stanley và Danko còn nêu những ví dụ cụ thể về cách sống giản tiện của những người "triệu phú hàng xóm." Sau khi phỏng vấn 1,115 triệu phú khắp nước Mỹ, họ kết luận những người triệu phú hàng xóm là những người sống có kế hoạch. Họ không sinh sống trong các thành phố nổi tiếng sang trọng như Beverly Hills hay Park Avenue. Trái lại, phần lớn những người giàu thật ở Mỹ sống ngay trong khu xóm của đa số chúng ta.

Theo hai tác giả trên, những người trông rất bình thường, ăn mặc đơn giản, đi xe cũ (đi xe cũ đấy nhé!) và không mua sắm những máy móc điện tử tân thời, không tân trang nhà cửa, thường là những người triệu phú. Lý do, họ giữ kỷ luật trong việc dành dụm, sống dưới mức lương có được. Họ đánh giá sự tự do do khả năng tài chính mang lại cao hơn vẻ hào phóng bề ngoài mà đa số chúng ta cho là quan trọng.

Sách cho rằng đa số chúng ta thường "đem tiền dâng cho người khác xài giùm" bằng cách mua sắm nhà thật lớn (nhiều khi vượt quá khả năng của mình) cho khỏi thua kém chúng bạn. Tân trang nhà đều đặn. Đổi xe mới mỗi vài năm. Mua quần áo thật hợp thời trang. Uống cà phê ngoài tiệm hàng ngày. Mua sắm máy móc gia dụng hoặc dụng cụ điện tử ngay cả khi chưa cần thiết. Không có tiền, không sao! Chúng ta sẵn sàng đưa thẻ tín dụng ra trả. Nếu nợ thẻ tín dụng nhiều quá, có người còn mượn nợ nhì, nợ ba từ căn nhà ra để tiêu xài cho thỏa chí. Xã hội tư bản mà, ai cũng có quyền tự do làm theo ý thích của mình. Miễn là mình nhận trách nhiệm trả hết những món nợ.

Kết quả, bên cạnh nợ nhà, nợ xe, đa số chúng ta làm lương không đủ trả hết các hóa đơn hàng tháng đủ loại.

Trong khi đó, những người "hàng xóm triệu phú" thường làm chủ công ty kinh doanh hoặc dịch vụ tư nhân nhỏ. Họ sống trong căn nhà cùng xóm cả hàng chục năm. Họ là những người nhiều năm không thèm tân trang nhà, lái xe cũ, ăn mặc xuềnh xoàng. Tuy nhiên, những vị "hàng xóm triệu phú" của chúng ta vì không nợ nần gì ngoài nợ nhà (hoặc có khi trả dứt luôn nợ nhà rồi) thì cứ tha hồ để dành thêm tiền dư giả hàng tháng vào ngân quỹ hay các chương trình để dành theo kế hoạch vạch sẵn. Đã giàu lại càng mau giàu thêm.

Hai tác giả Stanley và Danko nêu lên bảy điểm chính cho thấy cách sống khiến những người bình thường có thể trở thành những triệu phú.

1. Chi phí sinh sống thấp hơn số lợi tức kiếm được rất nhiều.

2. Dùng thời giờ, sức lực và tiền bạc đúng chỗ, lúc nào cũng hướng đến mục tiêu làm tăng tiền trong trương mục ngân hàng. Để dành ít nhất 10% số tiền kiếm được.

3. Tin tưởng tự do tài chính

quan trọng hơn phô trương của cải, tài sản. Họ không mang nợ nần gì hết ngoại trừ nợ nhà là cùng.

4. Không được cha mẹ trợ giúp về tài chính. Họ phải tự lập

5. Con cái trưởng thành của những người triệu phú hàng xóm này cũng phải tự lập, không dựa vào cha mẹ về tài chính.

6. Không bỏ lỡ cơ hội đầu tư khôn ngoan

7. Chọn đúng nghề nghiệp.

Dĩ nhiên, không phải ai trong chúng ta cũng có thể áp dụng đúng theo bảy điểm chính nêu trên. Nhưng điều đáng chú ý là những người "triệu phú hàng xóm" này quả thật biết sống tỉnh thức nhắm vào một mục tiêu, tự do về tài chính.

Tuy thoạt nghe chúng ta có thể cho rằng mục tiêu này không có gì cao cả hết, nhưng suy nghĩ kỹ, chúng ta buộc phải tự hỏi phải chăng những người "triệu phú hàng xóm" này đã biết sống đúng cách? Họ không mang nợ. Họ dùng tiền dành dụm từ nhiều năm, tiền đầu tư trong những kế hoạch lâu dài để mua lấy sự tự do kiểm soát chính cuộc đời, và thời giờ của mình.

Trong khi đa số chúng ta buộc phải đi làm để trả nợ áo cơm và nợ hóa đơn đủ loại, thì những người "triệu phú hàng xóm," với sự tự do tài chính của mình, có thể chọn làm việc bán thời gian, hoặc làm những việc thiện nguyện mà mình thích. Họ cũng có thể chọn nghỉ dài hạn ở nhà để viết sách, làm thơ, vẽ tranh, sáng tác nhạc..., nói chung tất cả những việc mà họ hằng mong muốn. Hay họ cũng có thể nghỉ để đi du lịch nơi nào đó.

Bằng cách dành dụm tạo dựng một khoản tài sản tạm gọi là đáng kể, những "triệu phú hàng xóm" đã tự tạo ra đời sống theo ý thích của họ. Mấy ai trong chúng ta không mơ ước làm được điều này?

Tuy không phải ai trong chúng ta cũng cho việc làm giàu là mục tiêu trong đời, nhưng nếu chỉ dùng sự giàu có làm phương tiện cho chúng ta được chọn lối sống có ý nghĩa hơn thì thiết nghĩ làm giàu theo kiểu tiết kiệm của các người "hàng xóm triệu phú" cũng đáng bắt chước lắm chứ!

Xem nào, người viết chắc chắn sẽ hoãn việc đổi xe mới thêm nhiều năm nữa. Căn nhà đang ở cũng tạm được rồi, không cần sơn sửa lại làm gì. Trả dứt hết nợ thẻ tín dụng là điều cần làm gấp theo đúng thời hạn mình làm nổi. Mùa Hè năm nay thay vì mua thêm một số quần áo mới, mình có thể mua một hai thứ mới thôi. Còn vụ đi nghỉ Hè với con cái, một năm đi chơi một lần đủ rồi, vân vân... và vân vân...

Nếu phải nghĩ chắc chắn ai trong chúng ta cũng có thể liệt kê cả một danh sách dài những điều mình có thể tiết kiệm được. Hy vọng quí vị sẽ áp dụng được một vài điều bày trong sách trên đây nhằm có tự do tài chính để được sống theo ý thích riêng của mình trong tương lai.

GIẢM BỚT GIỜ ĐỌC THƯ ĐIỆN TOÁN (E-MAIL)

THANH THẢO

Đã từ lâu Thanh Thảo biết tật xấu ít khi đi đâu đúng giờ của mình. Tìm cách trị tật này, Thanh Thảo nhận ra mình làm nhiều thứ quá và lại phí rất nhiều thời giờ trong những việc có thể bỏ bớt được. Lên mạng điện toán tìm đọc thư (e-mails) trả lời thư, và xóa bỏ những thư quảng cáo vớ vẩn đủ loại là một điển hình.

Mỗi lần mở hộp thư, coi như mình mất hẳn một vài giờ đồng hồ như chơi. Vì lý do này, mình không còn đủ thời gian làm những việc khác, như chuẩn bị đến nơi nào đó thật đúng giờ. Nhưng bỏ không mở hộp thư là việc làm không dễ! May mà Thanh Thảo chưa đến nỗi bị "nghiện" thư điện toán như một người bạn thân.

Trong chuyến đi chơi chung tại một quốc gia vùng Địa Trung Hải đầu năm nay, hàng ngày Thanh Thảo phải đợi một cô bạn vì cô này buộc phải vào văn phòng của khách sạn để đọc và trả lời thư điện toán. Cô bạn cho biết khi đi chơi trên du thuyền gần Panama, cô đã phải mướn trực thăng tư nhân bay vào đất liền để mở hộp thư điện toán tại một quán Internet Café. Cho dù hộp thư chứa toàn những thư quảng cáo, cô bạn vẫn cho rằng mình làm đúng.

Trong xã hội điện tử tân tiến như nước Mỹ, dường như đa số chúng ta trông đợi mọi thứ phải xảy ra tức thời. Mong thư báo thừa hưởng gia tài hoặc trả lời ngay thư mời dự tiệc trong tòa Bạch Ốc là một chuyện hãn hữu. Còn những thư thông thường khác thiết nghĩ chúng ta ai cũng có thể đợi, ít nhất đợi đi chơi xong về nhà trả lời cũng đâu có muộn. Dĩ nhiên những người như cô bạn Thanh Thảo sẽ phản đối ngay.

Số người bị lệ thuộc nặng vào thư điện toán như bạn của Thanh Thảo không phải ít. Thật vậy, theo thống kê của nhóm Gartner Group, 42% người Mỹ chuyên sử dụng thư điện toán (con số mới nhất là trên 100 triệu người sử dụng hình thức liên lạc này)

mở hộp thư điện toán trong thời gian đi du lịch.

Cứ mỗi bốn người có một người mở hộp thư vào ngày nghỉ hàng tuần.

Bác sĩ David Greenfield, người sáng lập trung tâm Center for Internet Studies tại West Hartford, tiểu bang Connecticut, cho rằng ít nhất 6% người sử dụng thư điện toán là những người "nghiện" hình thức thông tin này. Theo ông Greenfield, bệnh nhân bị "ghiền" nặng trình bày họ cảm thấy bị những triệu chứng chán đời khi không thể mở hộp thư điện toán. Bác sĩ Greenfield cho rằng có thể thần kinh của những người bị "ghiền" thư điện toán nặng chịu cùng ảnh hưởng của triệu chứng "ghiền" bài bạc vậy.

Nếu quả thật hộp thư điện toán có thể làm người ta "nghiện" được, ắt phải có những phương pháp điều trị đâu đó. Quả nhiên, những địa điểm khác nhau trên mạng điện toán (lại mạng điện toán) có hàng trăm cách chữa chứng "ghiền" này.

Theo ký giả Chris Taylor thuộc tạp chí TIME, một địa điểm điện toán phải kể đến là của hai chuyên viên điều hành đại học Florida mở ra năm 1997. Trong phương pháp điều trị gồm 12 bước, hai ông Perry Crowell và Larry Conrad cho biết họ mở ra địa điểm điện toán này trước thời kỳ lãnh vực thư điện toán phát triển vượt bực. Nếu phải điều chỉnh lại một vài bước trong chương trình điều trị nhằm phù hợp với thời đại 2002 này, hai vị tác giả trên sẵn sàng chào thua vô điều kiện.

Cùng một số chuyên gia khác, ký giả Chris Taylor tìm ra một phương pháp 10 bước mới nhằm điều trị chứng "ghiền" thư điện toán. Dĩ nhiên chúng ta không buộc phải theo tất cả những bước này, nhưng đọc lướt qua Thanh Thảo thấy mình cũng cần làm theo một số đề nghị khá hữu lý này.

1. Nhận thức mình bị "ghiền" thư điện toán:

Tác giả Mark Ellwood quyển sách "Cut the Glut of E-Mail" cho rằng trung bình nhân viên làm việc trong văn phòng (white-collar workers) tốn mất ba giờ hàng tuần để mở hộp thư điện toán và soạn ra những thư vớ vẩn. Nếu bỏ nhiều hơn ba giờ hàng tuần (chứ không phải hàng ngày đâu nhé), quí vị thuộc loại "ghiền" thư điện toán.

2. Chú ý đến triệu chứng thể chất:

Nếu nhận thấy những triệu chứng như mất khô, đau lưng, cổ tay mỏi và đau ngón tay quí vị cần đặt nghi vấn có thể mình dành quá nhiều thời giờ gõ trên bàn máy điện toán để... trả lời và soạn thư .

3. Nhận trách nhiệm của mình:

Trước khi than phiền sao mình nhận được nhiều thư điện toán quá thế này, có lẽ chúng ta cũng nên thú nhận nếu mình không gửi nhiều thư thì đâu có nhận nhiều hồi âm như vậy.

4. Tập thói quen mới gọi là ba lần:

Nếu một lá thư điện toán được gửi đi, hồi âm và gửi lại đến lần thứ ba, chúng ta cần tập thói quen gọi điện thoại cho được việc. Đây cũng là cách chúng ta tập liên lạc với người khác bằng tiếng nói của loài người thay vì liên lạc hoàn toàn trong thinh lặng.

5. Đừng bắt chước người khác gửi thư hàng loạt:

Mỗi khi định gửi một thư cùng lúc cho một nhóm nào, chúng ta cần chọn lựa người nhận. Đừng vì lười mà dùng danh sách gửi thư hàng loạt có sẵn của người nào đó nếu không muốn nhận được những thư hồi âm từ những người mình không quen biết.

6. Tắt tín hiệu báo có thư điện toán:

Chúng ta chắc ai cũng biết thí nghiệm của bác học Pavlov về phản ứng có điều kiện. Vì thế hãy tắt hết tiếng chuông báo, hay tín hiệu chớp của máy điện toán mỗi khi hộp thư chúng ta nhận được thư mới. Có như vậy chúng ta mới không bị thôi thúc phải mở hộp thư ra xem thư mới do ai gửi (tỉ lệ may rủi về hưởng gia tài chắc không cao lắm đâu, đừng mất công phí thời giờ.)

7. Đừng trả lời thư ngay lập tức:

Thanh Thảo không dám đề nghị thái độ "làm bộ" của các cô gái mới lớn phải giữ kẽ với người ái mộ mình. Việc không trả lời thư ngay lập tức chỉ tránh cho người gửi thư sự trông đợi mình phải trả lời thư họ ngay (dù phải bỏ dở công việc khác, lại phí thêm thời gian). Giữ thái độ không trả lời thư điện toán ngay chúng ta tập cho người gửi thói quen phải gọi điện thoại nếu cần câu trả lời liền.

8. Đừng mở thư đến lần thứ nhì:

Các chuyên gia điều trị bệnh "ghiền" thư điện toán khuyên chúng ta chỉ nên mở mỗi thư một lần thôi. Nếu thư không có gì quan trọng, chúng ta đừng chậm trễ xóa ngay bằng cách bấm nút hủy (delete). Còn thư gửi từ người chúng ta biết mà sợ không có giờ trả lời, chúng ta hãy cất vào hộp thư, đợi tối về nhà hoặc lúc rảnh rỗi hãy mở ra đọc và trả lời vân vân...

9. Nhờ máy điện toán sắp xếp thư giùm:

Nếu có thể được chúng ta hãy dùng những cách lọc thư của máy điện toán, những thư nào cần thiết hoặc được cho phép mới được cất vào hộp thư (in-box). Phần còn lại, những thư quảng cáo vớ vẩn hãy đem ngay vào thùng junk mail để được tự động vất đi. Tuy nhiên, thỉnh thoảng quí vị cần mở hộp junk mail ra xem có thư mới từ người bạn nào bị vô tình xếp vào đây không. Thanh Thảo đã mất vài thư một cách vô tội kiểu này rồi.

10. Dành một ngày trong tuần không mở hộp thư điện toán:

Thoạt nghe điều này có vẻ khó thực hiện đối với những người "ghiền" nặng. Nhưng nếu nhất định buộc mình không mở hộp thư điện toán một ngày trong tuần như ngày Chủ Nhật chẳng hạn, quí vị sẽ thấy làm được không khó khăn gì. Đặc biệt nếu đi chơi trên du thuyền, quí vị cần tăng số ngày không mở thư lên hai ngày hoặc nhiều hơn. Người viết chỉ mở hộp thư có một lần mỗi tuần trong lúc đi du lịch thôi mà chẳng thấy nóng ruột. Có lẽ chưa đến nỗi "ghiền" nặng lắm.

Câu châm ngôn "càng dành nhiều thời giờ trên mạng điện toán càng còn ít giờ sống trong đời" đặc biệt đúng đối với những người không thể bỏ thói quen mở hộp thư nhiều hơn ba giờ hàng tuần.

Chúng ta ai cũng chỉ có cùng một số giờ nhất định hàng ngày gồm 24 tiếng. Ai cũng có quyền chọn dùng thời giờ sao cho khỏi phí phạm, theo quan điểm riêng của mỗi người.

Nhận thức mình có thể bị "nghiện" hình thức thông tin bằng thư điện toán là bước đầu giúp chúng ta tìm ra cách thức điều trị riêng để còn lại nhiều thời giờ sống thật hơn.

THẾ GIỚI Y HỌC

TRẦN QUÁN NIỆM

Sức người có hạn

Năm 1984, Libby Zion 18 tuổi, nhập viện khẩn cấp tại bệnh viện vùng Manhattan, Nữu Ước. Không may cho cô, y sĩ trực hôm đó lại là một ông mới ra trường, kinh nghiệm ít, không có y sĩ nhiều tuổi nghề hướng dẫn, lại quá mệt mỏi vì thức nhiều giờ, nên đã nhầm lẫn trong việc chẩn bệnh và cứu cấp khiến Libby bị chết oan.

Dư luận thời đó sôi nổi một dạo vì người dân ưu tư đến các y sĩ mới ra trường trong thời gian thường trú thực tập tại bệnh viện (residency) bị bắt buộc thức quá nhiều giờ liên tiếp gây mỏi mệt trầm trọng ảnh hưởng trực tiếp tới sự an nguy của bệnh nhân. Nhưng gần 20 năm qua, chẳng có gì thay đổi trong giới y khoa.

Làm việc quá độ đến mệt đuối không thể tránh khỏi đưa đến những nhầm lẫn chết người. Những y sĩ tập sự, nhất là ngành giải phẫu, thường xuyên làm việc 36 giờ liền không ngủ (hoặc ngủ rất ít, khoảng vài chục phút). Tổng cộng giờ làm việc hàng tuần lên đến trên 100 giờ (công hay tư chức chỉ làm việc 40 giờ một tuần). Y sĩ thường trú David Grande tại Bệnh Viện Đại học Pennsylvania cho hay "Chúng tôi biết có nhiều lầm lẫn tại bệnh viện. Mỏi mệt quá thì làm sao minh mẫn sáng suốt cho được. Chẳng cần phải suy nghĩ nhiều, ai cũng thừa biết việc này là hậu quả của việc kia."

Sở dĩ vấn đề y sĩ mỏi mệt vì mất ngủ lại được khơi dậy do nhiều nguyên nhân vừa xảy ra gần đây:

1- Một dự luật đang chờ Hạ Viện phê chuẩn đặt tiêu chuẩn các y sĩ thường trú tập sự chỉ phải làm việc 80 giờ một tuần.

2- Chương trình thực tập dành cho các y sĩ thực tập ngành giải phẫu của Trung Tâm y khoa uy tín Yale-New Haven vừa không được chấp thuận tín chỉ vì lý do giờ giấc quá nặng nề.

3- Trong tuần lễ giữa tháng sáu 2002, Ủy Ban Chấp Thuận Tín Chỉ Cho Các Y Sĩ Tốt Nghiệp sẽ đưa ra tiêu chuẩn về giờ thực tập của tân y sĩ.

4- Cách đây vài năm (thời Tổng Thống Clinton) một phúc trình đúc kết bởi Institude of Medecine cho hay hàng năm có chừng 98,000 bệnh nhân chết vì những nhầm lẫn của y sĩ.

Theo vết bánh xe

Tại miền Nam tiểu bang New Jersey và tiểu bang Delaware hàng năm có khoảng 4,000 y sĩ (không có con số trên toàn quốc) mới ra trường thực tập tại các bệnh viện. Họ vẫn tiếp tục phải theo thể chế làm việc đã tồn tại từ lâu đời. Giới chức cao cấp y khoa chẳng ai muốn thay đổi lề lối cũ, do đó Hội Sinh Viên Y Khoa tại Washington phải cầu cứu ngành lập pháp liên bang để ra luật chấn chỉnh hệ thống y khoa mà sinh viên cho là đã sai nhầm. Đó là ý kiến của sinh viên y khoa Makeba Williams.

Dân biểu Robert Borski (Dân Chủ, tiểu bang Pennsylvania) là người bảo trợ dự luật này. "Nếu một người phải làm việc 130 giờ một tuần, chắc chắn khả năng và phản ứng của anh ta phải suy kém. Ai cũng biết điều đó. Sức người có hạn. Lâu lâu thức một lần thì được, chứ tuần nào, tháng nào cũng quá mệt mỏi, mất ngủ thì sức voi cũng không chịu nổi."

Một y sĩ thực tập chuyên khoa giải phẫu tại bệnh viện ở Philadelphia cho hay anh thường xuyên thức luôn 40 giờ không ngủ, hoặc chỉ ngủ tổng cộng chừng một giờ.

Một anh khác cho hay "Nhiều khi tôi không có thì giờ ăn, ngủ và ngay cả đi phòng vệ sinh." Anh nói thêm: "Khi một bệnh nhân có biến chứng trầm trọng, cách nhanh nhất để người y sĩ biết cần phải giải phẫu hay không là nhìn vào đồ biểu CT (CT scan). Nhưng nếu anh ta mỏi mệt quá, chắc chắn thế nào cũng không tránh khỏi vội vàng sơ sót."

Và sơ sót ở đây ấn định ranh giới giữa sống và chết.

Trở ngại từ đâu?

Mới nghe qua, người ta tưởng chừng vấn đề thật dễ giải quyết: chỉ cần giảm giờ đi là xong. Nhưng trên thực tế sự việc không đơn giản như vậy. Có nhiều lý do ẩn chứa trong đó.

Thứ nhất là sở dĩ y sĩ thường trú phải làm nhiều giờ vì họ cần được huấn luyện càng nhiều càng tốt để chuẩn bị cho việc hành nghề sau này. Đồng thời, người y sĩ thực tập cần nếm mùi gian khổ để thử thách lòng tận tụy hy sinh của họ trong trách nhiệm săn sóc và chữa chạy bệnh nhân.

Thứ hai là lý do tài chánh. Tác giả bài này đặt câu hỏi cho đứa cháu học y khoa, cô ta cho hay: "Các y sĩ thực tập bị trả lương thấp và dù họ bị bắt buộc làm nhiều giờ và cực khổ họ cũng không dám than van. Do đó bệnh viện khai thác tối đa." Thoạt đầu tôi không tin cho lắm, vì chẳng lẽ sự sống chết của bệnh nhân lại bị đánh giá thấp như thế sao. Nhưng ngày 11 tháng 6, 2002 trong một phúc trình đăng trên nhật báo *The Inquirer* tại Philadelphia, giáo sư Nasca, khoa trưởng đại học y khoa The Jefferson College tại Philadelphia xác nhận: "Trên bình diện thuần túy tài chánh, nếu chúng tôi thay thế y sĩ thường trú trong nhiệm vụ săn sóc bệnh nhân bằng những người (y sĩ) kinh nghiệm thì rất tốn kém." (from the pure economic standpoint, if we remove residents from certain care situations, we have to replace them with other (skilled) employees... *and there is a cost.*"

Một y sĩ trẻ còn trong thời gian thực tập, cho hay "Thích nhất là được các ông bà y sĩ cỡ lớn thuê trực thế để họ ở nhà có việc riêng, hoặc dự tiệc tùng. Vừa có nhiều tiền, vừa được tự do quyết định trong các trường hợp bệnh nhân nhập viện khẩn cấp. Dù chưa đủ kinh nghiệm mình cũng phải giải quyết tại chỗ, vì chẳng lẽ họ thuê mình thế để họ đi chơi mà mỗi chút mình mỗi gọi, lần sau ai dám thuê nữa."

Từ Hippocrates (400 năm trước Tây Lịch) đến Tuệ Tĩnh Thiền Sư (đời Trần) cho đến y khoa ngày nay, người y sĩ tốt được ví như người mẹ hiền (lương y như từ mẫu) nhưng trong dân gian vẫn có câu ví von

"sống chết mặc bay, tiền thầy bỏ túi."

Những cải tổ nếu có (làm việc không quá 80 giờ một tuần và luân phiên để họ có thể nghỉ ngơi 10 giờ giữa hai phiên trực), chỉ được áp dụng vào tháng Bẩy năm 2003.

Từ bây giờ đến ngày đó, nếu quí vị phải vào nhà thương khẩn cấp, xin vái trời cho gặp một y sĩ không buồn ngủ.

Nếu chẳng may chết oan thì cũng là tại số trời không cho đợi.

Bắc thang lên hỏi ông trời
Kiện ông y sĩ biết đời nào xong

Đó là trường hợp của ông bà Kunou, người Nhật và câu chuyện xẩy ra ở xứ Phù Tang (đăng trên nhật báo *Wall Street Journal* ngày 10 tháng 6, 2002). Ông bà có bốn gái và một trai.

Năm 1992, cô con gái thứ ba 17 tuổi, chết sau khi được giải phẫu não bộ bởi một y sĩ nổi tiếng về não khoa. Bà Kunou thắc mắc là ông này định bệnh một đằng, khi giải phẫu xong lại ghi thành bệnh khác, và không biết nguyên nhân nào đã khiến con bà chết một tháng sau khi giải phẫu?

Tuyệt vọng, bà Kunou kiện Kokuta Memorial Hospital và viên y sĩ giải phẫu đòi bồi thường 580 ngàn đô la.

Chuyện nạn nhân kiện bệnh viện và y sĩ không lạ lùng và hiếm hoi ở xứ Mỹ, nhưng lại là chuyện động trời bên Nhật, vì tại đây, giới y sĩ được coi là tầng lớp trí thức cao quí, bất khả xâm phạm. Khác với Hoa Kỳ, y sĩ Nhật sau khi tốt nghiệp, được phép hành nghề suốt đời, không bị đòi hỏi tu nghiệp thêm. Một điều quan trọng là họ không cần cho bệnh nhân biết về hồ sơ bệnh lý.

Bà Kunou là y sĩ nhi đồng và chồng bà là y sĩ ngành giải phẫu (1). Điều này khiến giới y khoa Nhật lên án bà phản bội đồng nghiệp và nghề nghiệp khi đem nội vụ ra tòa.

Trong suốt 10 năm qua, bà Kunou 66 tuổi, chiến đấu không ngừng, dẫn đầu tổ chức bênh vực quyền lợi của bệnh nhân, viết ba cuốn sách về vụ kiện, chống lại định chế bảo vệ giới y sĩ Nhật, thuyết trình tại nhiều nơi và kêu gọi sự hỗ trợ của các y sĩ Hoa Kỳ và Anh quốc.

Nên biết rằng các vụ kiện y sĩ Nhật rất hiếm xẩy ra. Toàn quốc chỉ có 805 vụ trong năm 2001, so với 1,530 vụ riêng tại tiểu bang nhỏ bé New Jersey (dân số chỉ bằng 7% dân Nhật)

.Nguyên nhân khởi đầu

Cô Akiko, con gái bà Kunou, 17 tuổi nhưng không phát triển bình thường ở lứa tuổi dậy thì. Cô mập ú và không có kinh nguyệt. Y sĩ bệnh viện Kokura chẩn đoán là Akiko bị bướu trong óc gọi là craniopharyngioma khiến sự điều khiển chất kích thích tố hormone bị xáo trộn. Ông này cho hay cách chữa trị thông thường là bổ sọ để lấy cái bướu cứng ra.

Một y sĩ nổi tiếng về khoa não bộ là Hayashida thực hiện cuộc giải phẫu. Sau đó Akiko yếu dần và chết.

Bà Kunou không tin tưởng là y sĩ đã chẩn bệnh và trị liệu con bà đúng cách. Thoạt đầu Hayashida nói con bà có bướu cứng loại craniopharyngioma, nhưng sau khi giải phẫu ông lại bảo đó là loại bướu mềm prolactinoma. Loại sau này có thể chữa trị bằng thuốc và phương pháp giải phẫu đặc biệt tên Hardy, dùng ống luồn qua mũi vào óc và hút bướu ra, không cần phải bổ sọ.

Phủ bệnh phủ, huyện bệnh huyện

Nhiều y sĩ đồng ý với bà Kunou. Điển hình là y sĩ Akira Teramoto, giáo sư về não bộ tại đại học y khoa Nippon Medical School ở Đông Kinh. Ông chuyên nghiên cứu về bướu prolactinoma và cho rằng nên dùng thuốc để chữa.

Bà Kunou cố tìm một y sĩ Nhật nổi tiếng cho ý kiến về trường hợp của con bà, nhưng không ai muốn viết. Cuối cùng bà phải bắt buộc tìm sự hỗ trợ của y sĩ người Hoa Kỳ và Anh. Những ông này bằng lòng cho ý kiến. Y sĩ McKeel, giáo sư y khoa tại Washington University, hoàn toàn không đồng ý là bướu của cô Akiko quá lớn để chữa trị bằng thuốc và giải phẫu theo phương pháp Hardy. Ông viết "không có lý do để phải vội vàng giải phẫu." Hai y sĩ nổi tiếng khác người Hoa Kỳ và Anh quốc cũng đồng ý.

Nhưng tháng 3 năm 1999, vị y sĩ Nhật do toà án chỉ định trong vụ kiện của bà Kunou, khẳng định: "Phương pháp trị liệu của y sĩ Hayashida là đúng." (bổ sọ).

Con kiến mày kiện củ khoai

Bị thua đau sau 10 năm cố gắng tranh đấu với nhiều tốn kém, bà Kunou năm nay đã 66 tuổi, sức khoẻ yếu, muốn bỏ cuộc. Bà kháng án và hy vọng mong manh vào phiên xử trong năm tới.

Tin tưởng là mình chưa chắc còn sống để chứng kiến kết quả vụ kiện, tháng 5, 2002 bà sang Mỹ cốt cám ơn các y sĩ Hoa Kỳ và Anh quốc đã hỗ trợ bà.

Dù sao đi nữa bà Kunou cũng đã mở hé cánh cửa cho bệnh nhân khác đòi hỏi quyền lợi của mình và khiến dư luận Nhật suy nghĩ về sự độc tôn của giới y sĩ Nhật.

(1) Vì bà và chồng thuộc giới y sĩ, nên mới được đọc hồ sơ bệnh lý của cô Akiko. Bệnh nhân thường thì đành chịu, dễ gì biết những bí mật loại "thâm cung bí sử" đằng sau bức tường bệnh viện. Hơn nữa, nhờ kiến thức nghề nghiệp chuyên môn và khả năng tài chánh, bà mới có thể theo đuổi vụ kiện dai dẳng và tốn kém này.

NHẤT LINH NGƯỜI ĐỊNH NGHĨA *SỐNG* VÀ ĐỊNH NGHĨA *CHẾT*

LƯU VĂN VỊNH

Hè 1963, cả nước bàng hoàng nghe tin Nhất Linh Nguyễn Tường Tam tự tử, Vũ Hoàng Chương, một thi hữu trẻ của thời Tự Lực làm câu đối viếng người anh Cả của văn đoàn :

" *Nhất khả đoạn, nhị khả tuyệt, nhi tam bất hủ* " (1)

Ở nhà trường, ban giáo sư xúm quanh thi sĩ họ Vũ tán thưởng vế câu đối của ông, vừa hay, vừa thâm, vừa khéo... hai chữ *đoạn tuyệt* nổi rõ, *nhất nhị tam* rất chỉnh, che được mắt kiểm duyệt vì thâm ý nhà Nho đặt ngầm vào hai câu mang chữ *khả* như động từ, *nhất khả đoạn, nhị khả tuyệt*, nghe rờn rợn như lời chú lời rủa, đời cha thì đứt đoạn, đời con tuyệt nòi... Nhưng chẳng phải chỉ có thế hệ 1940 như Vũ Hoàng Chương mới căm phẫn hộ ông, liên tiếp mấy thế hệ quốc gia, 1950, 1960...đều ngưỡng mộ ông như một cây đại thụ, một người anh Cả... cho đến lớp trẻ con như người viết, từng trốn học nằm nhà đọc Anh Phải Sống, Gánh Hàng Hoa, Đoạn Tuyệt, Đôi Bạn... vào tuổi lên 10 ở trường Hàng Vôi Hà Nội, cũng mặc nhiên coi ông như một lãnh tụ tinh thần xứng đáng, một *gà nhà* mỗi lần phải mang ra so sánh với các ông ở hàng ngũ khác! một mẫu người kẻ sĩ đất Việt, *uy vũ bất năng khuất, bần tiện bất năng di*, không thành công thì ít ra cũng thành nhân, chẳng xoay chuyển được thời cuộc bão tố, nhưng ít ra cũng không gây họa cho đất nước, không dối giá dân tộc đồng bào, đánh bài thua nhưng không bịp để thắng... trong trường kỳ, mẫu người trọng Tâm hơn Thuật như Nguyễn Tường Tam sẽ cùng với hào kiệt Lạc Hùng, đứng cao trên bảng danh nhân bất hủ.

Cuộc đời Nhất Linh tỏa ra sức thu hút, cả một lớp người biết đọc biết viết biết nhìn, luôn luôn hãnh diện được mẫu người như ông trong đẳng cấp, một hình dáng đẹp, hùng, trên mảnh đất quê hương vương đạo Việt Nam. Tôi nghĩ đến Lý Đông A như một kỳ bí, đến Trương Tử Anh như một liệt sĩ, đến Huỳnh Phú Sổ như một lãnh tụ tôn giáo từ đồng cỏ *grass root* miền Nam dấy lên, đến cụ Nguyễn Hải Thần như một lãnh tụ của thời Đông Kinh Nghĩa Thục chứ không phải là của thời 1945... rút lại, vẫn thấy gần với Nhất Linh hơn, có lẽ vì quen ông qua tiểu thuyết, mến hình ảnh cách mạng lãng mạn của Dũng, một nhân vật trí thức dấn thân, bên cạnh Loan, một người nữ bạn đường... có khác chi sợi dây đồng chí tuyệt đẹp giữa Nguyễn Thái Học và Cô Giang? Ông đã sống trọn vẹn lý tưởng mà bất cứ kẻ sĩ nào cũng hoài bão, dùng chất xám, dùng sức lực, dùng bút, dùng lời... dâng hiến chút gì cho tổ quốc, cho mảnh đất đã nuôi dưỡng mình , cho đàn chim cùng bay trên một bầu trời quê hương... giá ông hay loại người như ông thành công làm chủ tịch, tổng thống... thì chắc người dân chẳng phải nghe những lời dối trá kệch cỡm "*chẳng gì quý hơn... ôi Stalin hỡi Stalin...thương ông thương mười...*" hoặc ngô nghê như Tầu nói tiếng Việt "*làm tốt...người người thi đua...*" hoặc vớ vẩn cầu ơn dưới ơn trên phò hộ! Ông thuộc thế hệ 1900, nhưng không già cỗi, ông có tinh thần khoa học, vượt trên loài ếch ngồi đáy giếng, đủ bản lĩnh để không đi vay mượn Tây Tầu Nga Mỹ về lòe bịp đồng bào, ông là chất men tinh lọc của giống nòi, bất khuất không cầu danh thủ lợi. Nước Văn Lang truyền thống văn hiến, không trọng kẻ sĩ, không lấy kẻ sĩ lãnh đạo thì lấy ai ? lấy "*con tôm đít lộn đầu*" (Học Lạc), lấy cấp sân hận đẩy người *lumpen proletariat* lên chăng ?

Sau khi lớp Yên Bái rơi đầu xuống, quốc gia Việt vương đạo rơi vào khoảng trống lớn... lớp người Nguyễn Thái Học dấy phát từ đồng cỏ, *grass root* của miền đất cổ Việt, tiếp nối mạch sống, mạch Lạc Hùng, luân lưu từ Vạn Hạnh, Công Uẩn, tới Hưng Đạo Nguyễn Trãi... lúc chìm, lúc nổi, nhưng chẳng bao giờ mất, vẫn *bất tử* trong dòng sinh mệnh đất nước... Lớp này, trạc tuổi Nhất Linh, còn giữ phong thái Việt Nho, vững vàng trong truyền thống đẹp quê hương làng mạc, tuy

bắt đầu thâu nhập văn hóa Tây phương, nhưng hai chân đứng rất vững trên đất Viêm Việt, như cổ thụ, chẳng có sức nào bứng lên được. Đấy là những cây Thiện còn lại của dân tộc, bảo vệ giống nòi, thăng hoa đất nước, thiếu những cây Thiện này, thì khu rừng Việt chỉ còn lại khỉ, cáo, rắn độc mà thôi! Đôi khi hậu thế ngậm ngùi cho cha anh, cũng như đã ngậm ngùi cho chí Thiện *sáng như sao Khuê* của Nguyễn Trãi, cha anh thất bại chẳng phải vì thua tài kém trí, mà chỉ tại ôm ấp căn cơ *bản thiện, giữ lòng thành với làng nước*... nên phải nuốt hận trên bàn cờ đa trá trước những tay cờ gian bạc lận quốc tế, mang mánh khóe ngụy biện từ xa về lòe bịp đồng bào... lòe bịp những Lý Toét Xã Xệ ngây thơ, bụng dạ thẳng như ruột ngựa, nên họ hèn hạ ác độc mà vẫn thắng! Nói yêu nước thương nòi thì dễ, nhưng yêu nước thương nòi mà không nhắm danh với lợi thì họa hiếm. Một Nguyễn Xuân Chữ từ chối trợ giúp của quân Nhật để tiêu diệt Việt Minh CS, một Nguyễn Tường Tam bỏ chức Bộ Trưởng Ngoại Giao... chẳng phải họ tìm tiếng thơm, cũng chẳng phải họ dại, mà chính vì bản chất "*toàn kỳ thiện vi trung*" (Trạng Trình) khiến họ không thể nhúng tay vào việc *độc*, dù là *dĩ độc trị độc* chăng nữa!

Trong cõi hỏa mù của Sử Việt, một cây cổ thụ như Nhất Linh vượt lên làm câm họng những ai phỉ báng "*phe quốc gia đi theo phong kiến thực dân Bảo Đại,*" bẻ gãy những lập luận chủ quan phiến diện "*những người chống họ Ngô đều do Mỹ giật dây cả*" ! Nhất Linh khởi đi cùng với lớp sĩ phu muốn canh tân xã hội, tiếp nối ý chí của Đề Thám, Phan Chu Trinh, Thái Học, cống hiến sức lực cho công tác Ánh Sáng, cống hiến tâm gan cho Phong Hóa Ngày Nay. Từ 1932 đến 1945, chỉ có hơn mươi năm mà ông và các thân hữu đã *tự lực* gây nên những phong trào văn hóa *glasnost* đổi mới, từ lối ăn mặc đến văn chương thơ phú, từ kẻ sĩ trói gà không chặt đến trí thức dấn thân xã hội, từ phong kiến quan liêu đến đòi hỏi dân chủ tự do... để cả một thế hệ thanh niên trí thức sinh viên học sinh hùa theo, *tự lực*, chẳng có viện trợ từ trung ương quốc tế nào, bám chắc trên đất Việt, thâu hóa Tây học mà không vong thân vọng niệm vào các chủ nghĩa từ Nga Hoa Do Thái truyền nhiễm sang. Đầu óc khoa học, cốt cách văn hào, phong cách phóng khoáng, nên ông không vướng víu mắc kẹt trong ngôn từ chủ thuyết của thời đại giáo điều ý hệ, tư cách ấy, tạo nên tiếng thơm lan tỏa rất xa, mọi phe phái nể ông vì không tìm ra được nét tiểu nhân nơi *kẻ cả* !

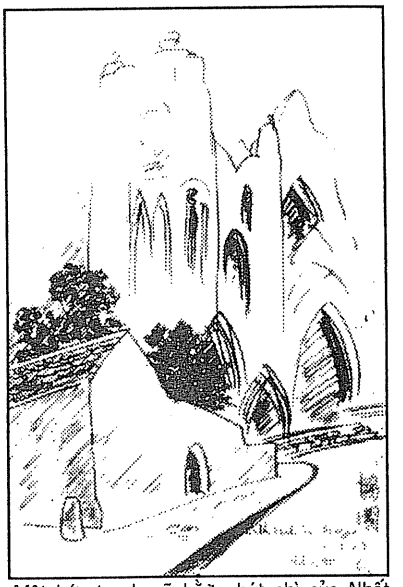
Một bức tranh vẽ bằng bút chì của Nhất Linh (năm 1954)

Nhất Linh đã *định nghĩa* đời sống: đam mê nhập thế cuộc, đóng một lúc nhiều vai trong cuộc hí trường theo đòi hỏi của đất nước xã hội, lúc dụng văn, lúc dụng võ, lúc ra báo, lúc bôn ba lo liệu cách mạng, lúc ngồi vào bàn hội nghị, lúc rũ áo chơi lan, lúc chống độc tài, lúc tìm kiếm gây dựng văn hữu, lúc là nhà khoa học, lúc thổi hắc tiêu, lúc vẽ tranh... ông đã sống nhiệt thành cho chính mình và cho người, ông, như Nguyễn Công Trứ, không phí phạm cuộc sống, không chịu "*nát với cỏ cây*", ông *tận kỳ tính* chứ không tiêu cực "*mọi cố gắng đều vô ích*" (*tous les efforts sont inutiles*) như chủ trương hiện sinh... Tôi nhớ tới lời khuyên đâu đó của ông: *rửa chén bát mà rửa một cách kỹ càng say sưa như nghệ thuật thì không thấy việc rửa bát là nặng nhọc nữa... đặt giấy bút sẵn sàng trên bàn, cứ ngồi vào viết, đừng chờ có hứng rồi mới chịu ngồi xuống, mỗi ngày viết một trang, một năm sẽ xong tác phẩm 365 trang... tiểu thuyết hay trên thế giới thường chẳng có xếp đặt tình tiết cốt truyện gò bó gì cả, mà lời văn thường giản dị như chẳng có bút pháp...*

Ông sống chưa đầy 60 tuổi (2), nhưng đời ông trải rộng và dài ra như cuộc sống nhân lên dăm bảy lần, bằng mấy cuộc đời cộng lại, ăm ắp tri hành, đúng như Shakespeare đã viết về loại người sống hết mình, sống đam mê, biết định nghĩa sống cho mình và cho người trên cõi "*nhân sinh thị bi kịch, càn khôn nhất hí trường*" này:

All the world's a stage
and all the men and women merely players:
and one man in his time plays many parts,
his acts being seven ages
Shakespeare - *As You Like It*

Thế gian sân khấu hí trường
vào ra bao kẻ đóng tuồng mà thôi
một người sống trọn cho đời
sắm vai đa dạng bằng mười kiếp ta...

Nhưng hơn thế, Nhất Linh không những đã chọn lựa lối sống mà còn chọn lựa cả lối chết, ông vào ra sân khấu như một thiền sư đạt đạo vô úy vô chấp, vượt trên sinh tử, ngồi ngay ngắn trên chiếu, *định, quán*, rồi xuất, rồi thăng... Thời 1951 trước khi vào Sài Gòn, Nhất Linh từng ngồi vẽ một bức chân dung lớn ghi dấu hình ảnh bà mẹ ông mặc áo nâu ngồi tụng kinh như bao bà mẹ hiền Việt Nam... Ông nói từ lâu "*tôi mà tự tử thì chẳng ai biết tôi dùng loại độc nào...*" và ông đã làm, đã chọn cách chết, đã chọn lúc chết... "*đời tôi để cho lịch sử xử...*", ông là loại "*hổ nhớ rừng*" chẳng thể để cho đàn kiến đen bọ hung bọ xít xúc phạm... Một ngọn lửa bi trí dũng vừa bùng lên thì một vì sao Bắc đẩu chọn giờ lặn xuống, ngọn lửa có tác dụng soi sáng vô minh, ngôi sao tắt có tác dụng dìm cung đường thành quách bất lương vào bóng tối... Cái chết của ông đã định nghĩa luôn cả cuộc sống, sống cho ra sống, chết cho ra chết, ông là một chiến sĩ, tới cùng, chọn da ngựa bọc thây.

Dòng sử Việt, quả thật lâu lâu mới phát ra một hào kiệt như vậy.

Chú thích:

(1) Chúng tôi chỉ nhớ được một vế, đăng trên báo Ngôn Luận, Sài Gòn, năm 1963- Độc giả nào nhớ được cả hai vế câu đối của Vũ Hoàng Chương xin bổ túc. Đa tạ.

(2)- Cứ theo tài liệu thì Nguyễn Tường Tam sinh năm 1905, Nguyễn Tường Long sinh năm 1906. Theo số Tử vi do cụ Thiên Lương ghi lại thì ông tuổi Bính Ngọ, sinh ngày 25 tháng 7 giờ Dần, mà tháng 7 ta thì thuộc năm 1906. Lá số cho thấy Mệnh đóng cung Ngọ có Thái tuế, đường đường chính nhân quân tử, sống có sứ mệnh sống, cốt yếu *văn khúc kình dương* hai sao chủ văn nghiệp, thêm *tấu thư* chiếu, nên ông là lãnh tụ văn hóa hơn là chính trị. Cung Ngọ thuộc Hỏa bị Thủy từ Tý cung Di chiếu lên áp đảo, nên quân tử thua tiểu nhân. Kình dương cũng có khi biến thể thành lưỡi gươm, hợp với bọn *Thiên khốc thiên hư đại hao*... đưa ông vào cửa tử. Năm 58 tuổi ta, 1963, tiểu hạn gặp *phục binh thiên hình*, ông phải lìa đời. Nhìn cung Phúc, dòng họ làm nên (Văn Xương, Khoa, Quyền, Lộc) phát khoa bảng, phá cách Đại Tiểu hao, Thiên mã, Tang môn, Cô thần, Khốc Hư: anh em ly tán, chết yểu... So với thực tế, lá số này có thể đúng là số Nguyễn Tường Tam.

TRONG DỊP KỶ NIỆM 39 NĂM NGÀY MẤT CỦA VĂN HÀO NHẤT LINH 7.7.1063 - 7.7.2002

Tìm đọc XÓM CẦU MỚI

Cuốn trường thiên tiểu thuyết đã được NHẤT LINH cưu mang lâu dài nhất, và viết đi viết lại cả thảy năm lần:

Lần đầu viết năm 1940 tại Hà Nội, lần thứ hai năm 1943 tại Quảng Châu (Trung Hoa), lần thứ ba năm 1949 tại Hương Cảng, lần thứ tư tại Hà Nội năm 1951, và sửa chữa lần sau cùng bên dòng suối Đa Mê (Đà Lạt) trước khi đăng trên tờ Văn Hóa Ngày Nay năm 1958.

Xóm Cầu Mới thể hiện quan niệm viết tiểu thuyết mới nhất của Nhất Linh, không giống như những tiểu thuyết trước đây của ông.

Trong lần tái bản này, toàn bộ tiểu thuyết Xóm Cầu Mới đã được đánh máy lại đúng với bản thảo viết tay của tác giả mà gia đình đã mang qua Mỹ được vào năm 1975.

Sách dày gần 600 trang. **Giá US$25**

Liên lạc: **Văn Mới**

1127 W. Gardena Blvd., Gardena, CA 90247 USA

Điện thoại: (310) 366-6867

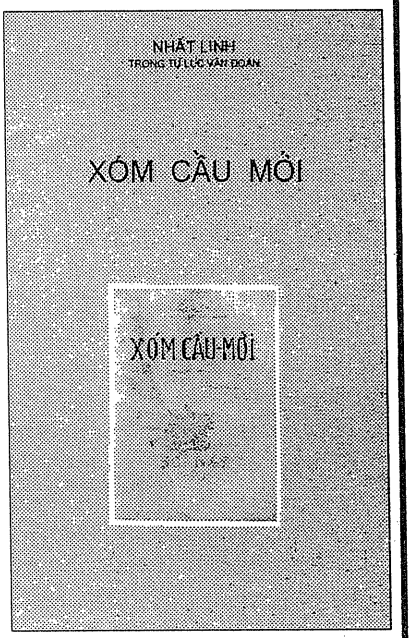

NẮM CỎ ĐƯA VỀ TẤC ĐẤT XƯA

PHẠM PHÚ MINH

Mộ của nhà văn Nhất Linh hiện nay ở đâu? Ngoài việc ai cũng biết là ông đã qua đời năm 1963 và được an táng tại chùa Giác Minh ở Gò Vấp, thời gian sau đó đất nước có nhiều biến đổi, nhất là sau 1975 đã xảy ra nhiều vụ di dời mồ mả, quả thật ít ai để ý mộ của nhà văn hào nổi tiếng vào bậc nhất của Việt Nam thật sự hiện có còn ở chỗ cũ không, hay đã bị thời cuộc xô giạt đi một nơi nào.

Quả là với sự xáo trộn chung của cả miền Nam sau chiến thắng của phe cộng sản, mộ của nhà văn Nhất Linh cũng đã không còn yên vị như trước. Theo anh Nguyễn Tường Thiết, con trai út của nhà văn cho biết thì ít năm sau 1975, chính quyền cộng sản giải tỏa nghĩa trang chùa Giác Minh ở Thông Tây Hội (Gia Định), anh Nguyễn Tường Thạch là con trai Nhất Linh đã hỏa thiêu di cốt của cha và gửi bình tro tại chùa Kim Cương đường Trần Quang Diệu quận Ba Sài Gòn. Trong khi đó, năm 1982 bà Nguyễn Tường Tam sang Pháp đoàn tụ với con, nhưng cũng trong năm này bà qua đời, được an táng tại một nghĩa trang ở Paris.

Năm ngoái, 2001, các người con của ông bà Nhất Linh đã quyết định dời mộ ông bà và của người con gái lớn là chị Thư về Quảng Nam, nguyên quán của gia tộc Nguyễn Tường. Hài cốt của bà đã được hỏa thiêu tại Orsay (Pháp), sau đó được hai người con là anh Việt và chị Thoa đưa về Sài Gòn vào tháng Tư 2001. Anh Nguyễn Tường Thiết từ Mỹ đã về Sài Gòn trước, đón di cốt bà đưa về chùa Kim Cương, nơi này di cốt của ông đã được gửi thờ từ khoảng hai chục năm nay. Ngày 27-4-2001 nhà chùa đã làm lễ cầu siêu trọng thể với sự có mặt của tất cả thân thích trong họ có mặt ở Sài Gòn. Ngay sau lễ, di cốt của ông bà Nguyễn Tường Tam và của chị Thư được đưa lên tàu hỏa đi Quảng Nam, miền Trung Việt Nam.

Ngày 28-4-01 cử hành lễ chôn cất các di cốt tại nghĩa trang riêng của họ Nguyễn Tường ở Hội An. Mộ của ông bà Nguyễn Tường Tam nằm gần mộ cụ tổ Nguyễn Tường Phổ, người đầu tiên của họ Nguyễn Tường ra làm quan và lập nghiệp ngoài Bắc, nhưng khi mất đãđược mang về an táng tại quê nhà.

Theo quy định của giòng họ, hình thức bia mộ phải theo một mẫu chung là lai lịch người trong mộ được viết bằng chữ Nho và chỉ đề tên hiệu. Đối với người không biết chữ Nho thì ngôi mộ được nhận ra là do tên tuổi của con cháu lập mộ được viết bằng chữ quốc ngữ. Ngoài ra mộ ông mộ bà phân biệt do mộ ông bên trái mộ bà bên phải – Nam Tả Nữ Hữu. Nội dung chữ Nho trên bia mộ của nhà văn Nhất Linh như sau:

Hàng trên cùng (đọc ngang, từ phải sang trái): CẨM GIÀNG (địa danh ngoài Bắc)

Hàng thứ hai (đọc ngang, từ phải sang trái): NGUYỄN TƯỜNG MÔN ĐỆ THẬP THẾ (nghĩa: Họ Nguyễn Tường, đời thứ 10)

Hàng dọc (đọc từ trên xuống): HIỂN KHẢO HIỆU NHẤT LINH NGUYỄN PHỦ QUÂN CHI GIAI VỰC (nghĩa: "hiển khảo" là tiếng chỉ người cha đã khuất; "phủ quân" tiếng tôn xưng một người đàn ông có danh vị; "giai vực" là khu vực đẹp, một mỹ từ để chỉ ngôi mộ. Hiểu một cách nôm na: Mộ của thân phụ chúng tôi hiệu là Nhất Linh).

Riêng chữ thứ chín từ trên xuống, có lẽ do thợ khắc sai, không có nghĩa, được đoán là chữ CHI.

Từ đường của họ Nguyễn Tường nằm trên đường Phan Đình Phùng, Hội An, ngay bên cạnh Khổng Miếu, và nghĩa trang của giòng họ cách Từ đường khoảng một cây số.

Đây có lẽ là lần đầu tiên những người con của giòng họ Nguyễn Tường ra lập nghiệp ngoài Bắc được an táng tại mảnh đất của tổ tiên đã bao đời ở miền Trung.

Nhánh của giòng họ Nguyễn Tường từ Quảng Nam ra lập nghiệp ngoài Bắc từ bao giờ, trong trường hợp nào? Trong cuốn *Hồi Ký Về Gia Đình Nguyễn Tường,* bà Nguyễn Thị Thế, em gái của nhà văn Nhất Linh, đã viết: "*... Nói là quê hương thì cũng không đúng, Cẩm Giàng chỉ là nơi sinh thời ông nội làm tri huyện. Còn chính quê ở làng Cẩm Phô, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (Hội An). Thời vua Tự Đức cụ tổ phải đổi ra làm quan ngoài Bắc, lúc mất nhà vua cho đưa linh cữu về chôn ở quê nhà. Ông ngoại người Huế làm quan*

vô nhưng lúc mất chôn ngay ở Bắc (Cẩm Giàng) vì ra đây đã ba đời rồi. Chính vì thế không ai ngờ chúng tôi là người Quảng Nam."

Đúng là không ai ngờ gia đình Nguyễn Tường ở ngoài Bắc có gốc Quảng Nam, ngay cả người trong gia đình cũng có khi không nhận ra điều ấy, như trường hợp Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long mà tác giả Nguyễn Thị Thế kể lại trong quyển sách nói trên: *"Sinh trưởng từ nhỏ ở Bắc nên từ giọng nói đến lối sống phong tục, nhất nhất đều theo Bắc hoàn toàn. Viết tới đây tôi lại nhớ hồi anh Tư* (tức Hoàng Đạo – PPM) *chưa lấy vợ, làm lục sự tòa án ở Đà Nẵng có người bạn cùng sở cũng tên là Long làm mối cho anh một cô gái Huế, con ông Hồng Lô tự Khanh chi đó. Cô ta cũng khá xinh đẹp, anh Tư lại không chịu, biên thơ về cho mẹ tôi nói là con không thích lấy vợ Huế đâu, thôi ta về tắm ao ta cho rồi.*

Đọc xong thơ, tôi và mẹ tôi nghĩ đến câu thơ cùng đều cười lăn. Mẹ tôi bảo họ mình, nội thì Quảng Nam, ngoại thì Huế chứ có tí gì là Bắc đâu mà đòi ta về ta tắm ao ta."

Trong gia đình còn vậy, huống hồ người ngoài.Thời còn đi học ở quê Quảng Nam, đọc văn chương của Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam tôi hoàn toàn không thấy một chút xíu tính chất Quảng Nam nào trong đó, mặc dù thời đó ở Hội An, ai mà chẳng biết các tác giả này là gốc người làng Cẩm Phô ngay bên kia sông, và nhà thờ họ Nguyễn Tường thì ở trong địa phận thành phố này. Ngược lại chính họ là những người mang miền Bắc đến cho tôi, một miền Bắc tinh tế trong ăn uống với Hà Nội Băm Sáu Phố Phường, miền Bắc với mùa thu mênh mông mà Nhất Linh đã tả trong Đôi Bạn, hoặc cảnh nghèo nàn, lạc hậu của người dân nơi thôn quê vùng châu thổ sông Hồng trong các tác phẩm của Hoàng Đạo, Thạch Lam. Cả cái văn đàn mà họ chủ xướng là sản phẩm của văn hóa Bắc Hà, không còn dấu vết nào của vùng quê hơi thô, hơi cứng là đất Quảng Nam từ đó người của giòng họ Nguyễn Tường đã ra đi.

Người "ra đi" đầu tiên phải kể ông Nguyễn Tường Vân (1774-1822) đã theo phò Nguyễn Ánh ở Đàng Trong, sau khi đất nước thống nhất đã làm đến chức Binh bộ Thượng thư dưới triều Gia Long. Trước kia họ của ông là Nguyễn Văn, chính vua Gia Long đã ban chữ lót Tường thay thế chữ Văn, từ đó thành họ Nguyễn Tường. Con ông Nguyễn Tường Vân là Nguyễn Tường Phổ đậu tiến sĩ, chắc đây là người mà tác giả Nguyễn Thị Thế đã đề cập *"Thời vua Tự Đức cụ tổ phải đổi ra làm quan ngoài Bắc, lúc mất nhà vua cho đưa linh cửu về chôn ở quê nhà"* mà bây giờ mộ Nhất Linh được chôn ngay bên cạnh. Ông nội của Nhất Linh là Nguyễn Tường Trấp (hay Tiếp) là con ông Nguyễn Tường Phổ, cũng đậu tiến sĩ và làm quan ở miền Bắc. Năm 2001, mộ thân phụ của Nhất Linh là Nguyễn Tường Nhu đã được con cháu tìm thấy lại ở Cẩm Giàng, sau đó đã được dựng bia và xây lại. Như vậy ta thấy việc định cư tại miền Bắc của một chi nhánh họ Nguyễn Tường xảy ra chưa lâu lắm, và cũng chưa bén rễ sâu, mồ mả các lớp người trước nằm lại trên đất Bắc không bao nhiêu, và đến thế hệ của Nhất Linh thì coi như cả gia đình ông, gồm mẹ và các anh chị em, trừ thân phụ mất sớm, đều rời đất Bắc mà đi về lại miền Nam. Việc ông bà Nhất Linh và người con lớn cuối cùng đều về an nghỉ tại Hội An là một việc rất tự nhiên và hợp tình hợp

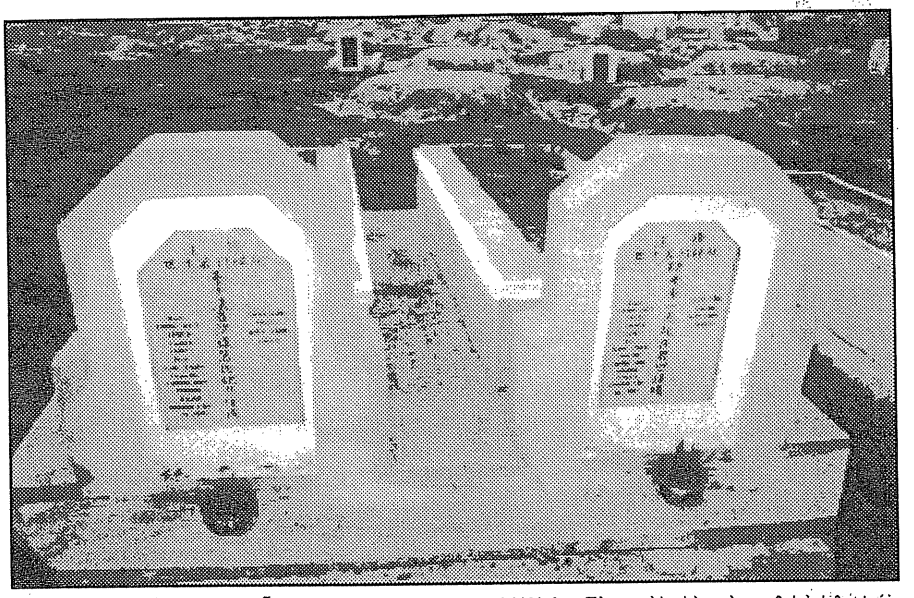

Mộ ông bà Nhất Linh Nguyễn Tường Tam hiện nay tại Hội An. Từ ngoài nhìn vào mộ bà bên trái, mộ ông bên phải.

cảnh, nhất là trong hoàn cảnh hiện tại.

Thời tôi còn trẻ tuổi, ngoài việc đọc hết những tác phẩm của Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam, tôi còn được biết một liên hệ trong gia tộc khiến tôi thấy những tác giả tài hoa của họ Nguyễn Tường một phần nào gần gụi với mình về phương diện quê hương bản quán. Ngày nhỏ, mỗi lần về thăm nhà thờ của họ tôi - họ Phạm Phú ở làng Đông Bàn, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam - tôi thường được các bậc chú bác đọc và dịch cho nghe những câu liễn, câu đối, hoành phi trong nhà thờ. Tôi nhớ có một đôi liễn rất dài, bằng gỗ màu nâu chữ mạ vàng, nói là của ông Nguyễn Tường Tiếp tặng ông Phạm Phú Thứ, nguyên văn như sau:

Huệ chánh kỳ huân, Lục đầu giang Đông hạ văn thiên lý

Hùng văn đại bút, Ngũ hành sơn Nam trung đệ nhất phong

(Công nghiệp cai trị đầy ơn huệ, từ sông Lục đầu xuôi về Đông còn nghe ngàn dặm *[câu này chỉ thời gian Phạm Phú Thứ làm tổng đốc Hải Dương đã khai khẩn nhiều vùng đất hoang cho dân định cư trồng trọt; ông Nguyễn Tường Tiếp người đồng hương với Phạm Phú Thứ, cũng làm quan ngoài Bắc, hẳn biết rõ sự việc này)*

Văn tài lớn lao, phong cách số một trong vùng Ngũ hành sơn cõi Nam *[Ngũ Hành Sơn là cụm núi có tiếng của Quảng Nam, ở gần Đà Nẵng])*

Đôi câu liễn này vẫn còn trong nhà thờ họ của tôi cho đến năm 1969, khi cả vùng Gò Nổi trong đó có làng tôi bị hủy diệt vì bom B 52, không một dấu tích nào của quá khứ và của sự sống con người còn tồn tại.

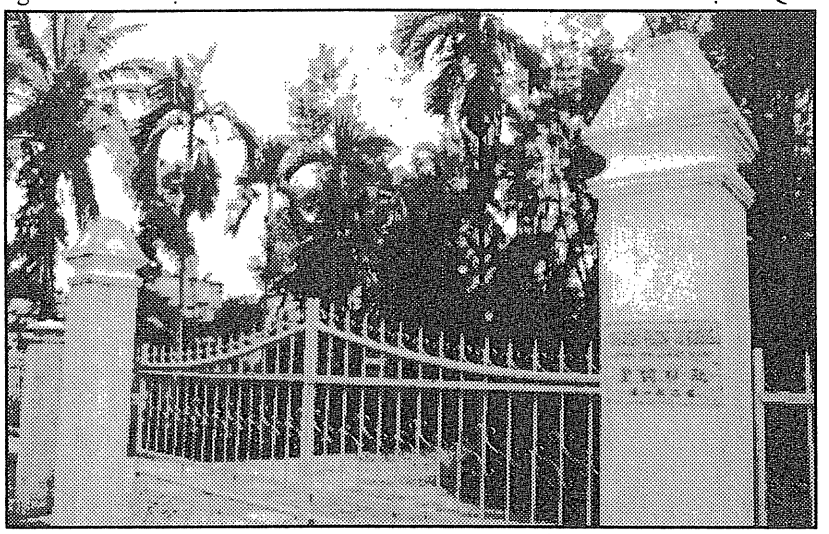

Cổng "Nguyễn Tường Từ Đường - Phái nhì Quảng Nam". Ông Nguyễn Tường Tam thuộc phái nhì.

Ông Nguyễn Tường Tiếp cùng làm quan triều Tự Đức với ông cố của tôi, và sự giao du của các vị khiến cho tôi cảm thấy như có một liên hệ tinh thần với họ Nguyễn Tường, mặc dù cho đến gần đây tôi chẳng mấy khi được có dịp giao du mật thiết giống như người xưa. Sự kiện di cốt của ông bà Nguyễn Tường Tam và trưởng nữ được đem về an táng tại nghĩa trang của họ Nguyễn Tường trên đất Quảng Nam tôi cho là một sự kiện văn hóa lớn, có khả năng nối liền quá khứ với hiện tại. Quyết định này thể hiện một tinh thần gia tộc rất mạnh. Tinh hoa của một gia đình, của một giòng họ đột nhiên nổi bật lên một cách độc đáo khi đi ngược ra định cư trở lại trên đất Bắc là nơi mọi giòng họ Việt Nam xuất phát trong cuộc Nam tiến, cho thấy hình như yếu tố cội nguồn đã đóng vai trò như một dưỡng chất cần thiết để làm nảy nở những bông hoa tài năng. Bia mộ Nhất Linh cho biết ông là đời thứ mười kể từ khi người của họ Nguyễn Tường đến định cư tại làng Cẩm Phô, nếu tính một thế hệ là 30 năm thì họ này đã sinh sống tại Quảng Nam khoảng ba trăm năm rồi. Thường những gia tộc miền Trung ít khi biết gốc gác ông bà mình thuộc địa phương nào của miền Bắc trước khi vào Nam, mà chỉ biết từ người đầu tiên đến định cư, coi như ông thủy tổ của giòng họ tại đất mới. Trường hợp di cư ngược ra phía Bắc tương đối hiếm, và như gia đình Nguyễn Tường thì chỉ mới ba đời lại Nam tiến, các liên hệ với gốc gác xưa ở miền Trung vẫn còn giữ nên sự "hội nhập" (dù chỉ là sau khi chết) trở lại với quê cũ cũng khá tự nhiên.

Riêng bà Nguyễn Tường Tam trước đây đã có nhiều liên hệ với Quảng Nam. Do công việc buôn bán cau của bà, từ đầu thập niên 1940 từ Hà Nội bà thường ra vào Hội An để giao dịch mua bán với các hiệu Phước Xuân (37 đường Cantonnais [Quảng Đông, sau đổi Nguyễn Thái Học]), Phước Hiên (10 Cantonnais) và vài nơi khác nữa. Sang thập niên 50, trước và sau hiệp định Genève bà vẫn còn tiếp tục giao dịch mua bán tuy là ít khi có dịp về tận Hội An như trước. Theo lời anh Nguyễn Ánh Anh,

con của ông bà Phước Hiên, thì vào đầu thập niên 40 khi anh còn là chú bé khoảng mười tuổi, mỗi lần bà Nguyễn Tường Tam đến Hội An bà ngụ tại hiệu Phước Xuân (bà Phước Xuân là cô ruột của anh), và thường gọi anh đi với bà biếu quà các nhà quen và bà con cùng thăm từ đường Nguyễn Tường ở phía trên Chùa Cầu. Bà là người nhỏ nhẹ ai cũng mến, chơi thân với hai gia đình Phước Xuân và Phước Hiên và muốn gia đình bà có liên hệ với Quảng Nam nhiều hơn. Sau này lớn lên đi học ở Sài Gòn, anh Nguyễn Ánh Anh vẫn thường lui tới thăm bà và gia đình ở hiệu Cẩm Lợi gần chợ An Đông. Cẩm Lợi là tên hiệu buôn của bà từ hồi còn ở Hà Nội, và một món hàng buôn chính của bà là cau khô.

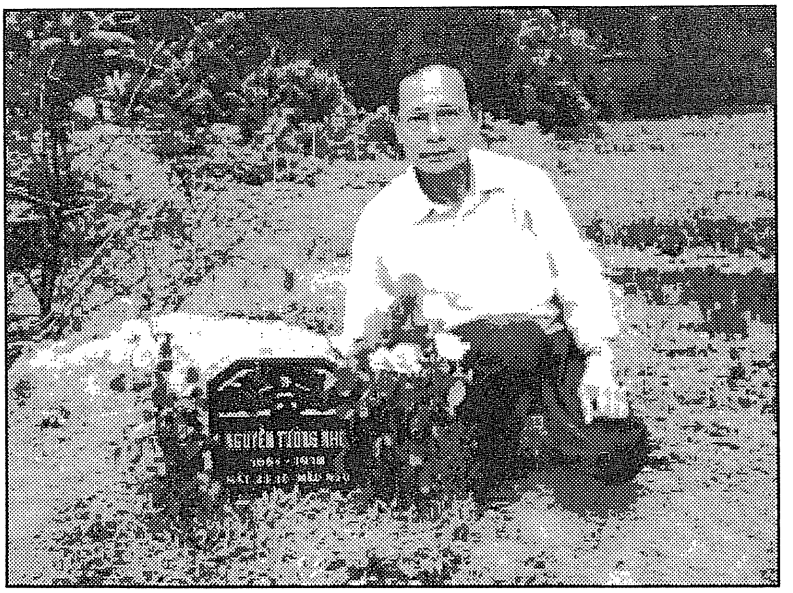

Tháng Năm 2001 anh Nguyễn Tường Thiết, con trai út của nhà văn Nhất Linh, đã về Cẩm Giang tìm được mộ ông nội của mình.

Cau là một thổ sản của tỉnh Quảng Nam, thôn quê nhà nào cũng trồng cau để ăn trầu, nhưng càng về miền núi thì càng nhiều, người ta trồng những vườn cau bát ngát, đến mùa hái trái bán đi xa như một loại sản phẩm công nông nghiệp. Hái cau là một cảnh tượng rất thú vị. Một vườn cau rộng với hàng mấy trăm cây cao vút, nếu leo lên cây này hái xong lại tụt xuống leo lên cây khác thì rất tốn thì giờ, người ta không làm như vậy. Người hái cau chuyên nghiệp dùng một sợi dây thừng rất dài, cột một đầu quanh bụng, còn đầu kia thả xuống đất, bắt đầu dùng nài (một vòng dây tròn lồng hai bàn chân vào) leo lên một cây ở đầu vườn. Lên tới ngọn anh ta dùng một con dao nhọn cắt rời buồng cau ra khỏi thân cây, rồi thả cho buồng cau chạy dài theo sợi dây thừng có một người cầm đầu bên kia kéo ra chênh chếch và sẵn sàng đón bắt để buồng cau được nguyên vẹn, trái khỏi rụng rơi tung tóe. Hái xong một cây, vẫn bám trên ngọn, anh ta bắt đầu ôm thân cây mà lắc qua lắc lại, cây cau hết uốn bên này lại ngả qua bên kia cho đến khi có trớn tối đa nghiêng gần vào một cây khác thì người hái cau nhoài người ôm lấy cây ấy, thả cho cây trước tung về vị trí cũ. Lại hái, lại thả xuống đất theo đường dây thừng, rồi lại lắc để chuyền sang một cây khác, cho tới khi hết cả vườn cau. Cứ giống như trò đu bay trong gánh xiếc, trông rất hồi hộp. Cau hái xong phải róc hết vỏ, bổ ra từng miếng và sấy khô trước khi bán cho các nhà buôn. Ở Quảng Nam hột cau khô thường được dân miền biển mua để nhuộm lưới cá, giúp cho sợi nhợ được bền bỉ (thời xưa chưa dùng lưới ny-lông). Còn trường hợp bà Cẩm Lợi mua cau khô thì tôi không được biết giới tiêu thụ của bà là ai, dùng cau làm gì, nhưng số lượng bà mua lớn như thế ắt có một thị trường rất vững chắc.

Trong gia đình Nguyễn Tường ngoài Bắc, bà Nguyễn Tường Tam là người có liên hệ với giòng họ của chồng tại quê Quảng Nam nhiều nhất. Các giao dịch làm ăn và bạn bè của bà tại Hội An cũng nhiều và khá lâu năm, và xem ra bà có nhiều cảm tình với vùng đất này. Điều này dường như chuẩn bị cho chuyến "về quê" cuối cùng của ông và bà. Nằm ở đây ông bà đều không cảm thấy xa lạ. Sinh ra và trưởng thành ở miền Bắc, ông Nguyễn Tường Tam đã có một cuộc đời lừng lẫy, cuối cùng vào đầu thế kỷ 21, di cốt của ông bà đã tìm về mảnh đất xưa, như một kết thúc có hậu cho bao cuộc sóng gió của thế kỷ thứ 20 mà đời ông cũng như bao người Việt Nam khác đã trải qua. Cách đây ba bốn thế hệ chuyến ra đi của một người con giòng họ Nguyễn Tường về phía Bắc có kết quả là con cháu đã đem lại một làn gió mới cho nền văn học cũng như cách mạng Việt Nam, thì nay chuyến "về lại" đầy ý nghĩa này biết đâu cũng mở ra một chân trời khác, cho giòng họ cũng như cho quê hương cũ?

NỮ THI SĨ ANH THƠ VIẾT VỀ NHẤT LINH

TK 21

Lời Tòa soạn Thế Kỷ 21:

Trong cuốn hồi ký Từ Bến Sông Thương, thi sĩ Anh Thơ kể lại nhiều lần gặp gỡ nhà văn Nhất Linh, sau khi bà Anh Thơ được tặng giải thưởng Thơ của Tự Lực văn Đoàn. Ngoài ra, Anh Thơ còn có dịp đến phỏng vấn bà Nhất Linh và ghi lại những hình ảnh đặc biệt về vợ của một nhà văn nổi tiếng tại Hà Nội trong những năm đầu thập niên 1940.

Năm 1939, TỰ LỰC VĂN ĐOÀN tổ chức cuộc thi văn chương trong lúc nữ sĩ Anh Thơ mới chỉ là một cô thi sĩ tỉnh lẻ ở bên dòng Sông Thương. Lúc đó Anh Thơ đã có một số bài thơ đăng báo, nhưng phụ thân cô vốn là một ông tú thời Nho học, không chấp nhận con gái làm thơ. Khi biết được con gái mình đăng thơ trên báo thì ông Tú thắp hương trên bàn thờ vợ, khấn vái xin linh hồn bà mẹ Anh Thơ và cấm không cho cô làm thơ nữa. Nhưng Anh Thơ vẫn lén lút viết, để thành một tập thơ gửi dự thi. Cô phải viết lén lút vào những lúc thân phụ ngủ trưa, có chị Hai, nàng hầu của bố canh gác để báo động khi ông Tú thức dậy.

"Hạn dự thi còn một tháng, tôi cứ chia ra mỗi buổi trưa làm một bài. Làm tả cảnh bốn mùa, cảnh mưa nắng, cảnh lụt cảnh hạn, tả phiên chợ, đám cưới, đám ma, ngày hội, ngày tết... Cứ nghĩ đến đâu, thích cảnh gì, làm một bài thơ cảnh ấy. Làm rất nhanh. Từ mười hai giờ đến một rưỡi chiều, hễ nghe chị Hai ho trên gác các em đằng hắng một loạt, tôi vội vàng giấu biến giấy bút, ngồi nghiêm bên hộp khâu. Bố tôi xuống gác, mắt nhắm mắt mở không thể ngờ tôi lại dám làm thơ ngay lúc bố tôi còn ở nhà."

Kết quả là tập thơ của Anh Thơ đã được giải.

"Giữa lúc ấy có giấy của tòa báo Ngày Nay báo tin tôi được giải thưởng khuyến khích về thơ. Tiếp theo đó tờ báo đăng các giải thưởng thơ, văn. Về văn, năm đó (1939) có Kim Hà và Mạnh Phú Tư được giải tiểu thuyết. Thơ không có giải nhất, giải nhì mà chỉ có giải khuyến khích cho tôi và Tế Hanh. Trong bài nhận xét của ban chấm thưởng, họ đánh giá hai tập thơ ngang nhau, nhưng để khuyến khích phụ nữ, tôi được mời lên tòa báo dự tiệc trà và lĩnh thưởng."

Anh Thơ lên Hà Nội, ở nhà người em gái đã có chồng ở phố Hàng Bún, gần tòa báo Ngày Nay, và đi lãnh thưởng:

"Đúng bảy giờ tối, nó bắt thằng cháu đưa tôi tới cổng tòa báo. Một ông kính đen ra đón. Ông lịch sự cúi chào tôi và nhường tôi đi trước, vào một phòng rộng trên gác. Lúc đó lòng tự tin bỗng dậy trong tôi, tôi không lúng túng, tôi đi đường hoàng, tự nhiên. Một bàn đầy cốc chén, bánh quả bày giữa phòng. Ông kính đen đưa tôi đến ngồi trước lò sưởi, trước mắt có đĩa bánh nổi hàng chữ bằng kem xanh: "Nữ sĩ Anh Thơ". Ông kính đen ngồi bên phải, tôi ngồi giữa, bên trái có ông gầy gầy.

Khi giới thiệu, tôi biết ông kính đen là Thế Lữ, ông gầy gầy là Tú Mỡ. Thế Lữ có vẻ như là một nhà trinh thám. Sau cặp kính đen, anh nhìn tôi nhiều hơn nói. Chỉ có Tú Mỡ là hay pha trò. Ông chúc tôi sẽ là Đoàn Thị Điểm, là bà Huyện Thanh Quan, ngày nay. Tôi cúi đầu sung sướng và xấu hổ.

Tuyên bố giải thưởng rồi, ông Tú Mỡ đưa tôi một cái phong bì. Mạnh Phú Tư đứng lên cám ơn ban tổ chức. Đến lượt tôi vừa đứng lên, mọi người vỗ tay ran như pháo nổ. Tôi đỏ mặt, trống ngực đập thình thình, nói ấp úng được mấy câu cám ơn, rồi tự nhiên muốn khóc. Tôi nghĩ đến mẹ tôi, đến chị Hai và các em tôi, đến kết quả hôm nay và bước tiến ngày mai của tôi. Nhưng tôi cứ lặng đi, không nói được. Mọi người nhìn tôi, rồi họ vỗ tay để tôi ngồi xuống."

Mãi đến số báo ngày 25 tháng Năm, năm 1941 bào Ngày Nay mới có những bài nhận xét của ban giám khảo về hai tập thơ được giải TỰ LỰC VĂN ĐOÀN.

Về tập thơ của Anh Thơ, Nhất Linh viết:

"Bức tranh quê của cô Anh Thơ là một tập ba mươi bài thơ. Bài nào cũng mười hai câu. Tác giả tả cảnh thôn quê từ đầu năm cho đến Tết. Mùa nọ sang mùa kia. Tác giả nhất định tả cảnh theo thời tiết, nhất định dùng một thể thơ giống nhau. Tự đặt mình vào con đường khó khăn, hình như để cốt tỏ rõ sự tài tình và khéo léo của mình. Lối ấy chỉ làm cho tập thơ kém vẻ linh hoạt, thành ra nặng nề, uể oải, từ đầu đến cuối cứ đều đều một giọng."

... "Bức Tranh Quê có một vẻ mới trong thi ca Việt Nam: là tác giả đứng về mặt khách quan, suốt tập không bao giờ nói đến mình, không dùng một chữ 'tôi' nào."

Và Nhất Linh viết thêm:

"Tác giả đứng ngoài nhận xét, rồi từ từ ghi lên giấy, hình như không chút cảm động nào."

"Mới đầu tôi nghĩ nhận xét này không đúng. Là vì, nếu chỉ đứng ngoài mà nhận xét, rồi từ từ ghi lên giấy mà không ghi bằng cả sự yêu mến của tâm hồn, thì những người, những cảnh làm sao có được sự sống? Tuy vậy, tôi lại nghĩ nhược điểm này chính là do khách quan đã nhiều khi lấn cái chủ quan của tôi."

Rồi Nhất Linh khen:

Những nhận xét của cô Anh Thơ rất đúng. Có khi đúng đến nỗi làm người ta phải ngạc nhiên và chịu phục. Tả cảnh mưa, cô viết:

Tre lả lướt nghiêng đầu chọ nước gội.
Cau thẳng mình dang lá đón mưa rơi.
Đồng chìm xuống bông lúa vàng rũ rợi.
Ao dềnh lên bè rau muống xanh tươi.

Trong bài "Chợ mùa hè" có hai câu tỏ rõ tài nhận xét của cô Anh Thơ đến cực điểm:

Chó le lưỡi ngồi thừ nhìn cũi đóng.
Lợn trói nằm hồng hộc thở căng giây.

trong bài "Sáng hè":

Gió man mác bờ tre rung tiếng sẻ.
Trời hồng hồng đáy nước lắng son mây
Làn khói xám từ nóc nhà lặng lẽ
Vươn mình lên như tỉnh giấc mơ say.

Cũng cảnh khói ở nóc nhà bay lên, nhưng về mùa thu, sau khi mưa, cô lại tả khác và rất đúng:

Khói nặng nề tìm gió, vẩn vơ ra.

Tả cảnh sang thu:

Hoa mướp rụng từng đóa vàng rải rác
Lũ chuồn chuồn nhớ nắng ngẩn ngơ bay.

Và còn bao nhiêu cảnh khác, khi cần đến sự nhận xét thì mắt cô không lầm bao giờ, lại thấy cả cái rất tinh vi, người khác không thấy:

... Mưa lao mình qua những cánh buồm căng
... Trong sương mù chèo động sóng lung linh.

Tả mấy ông thầy bói đi trong chợ ồn ào:

Lặng lẽ nhất có vài người thầy bói
Bước gậy lần như những bước chiêm bao.

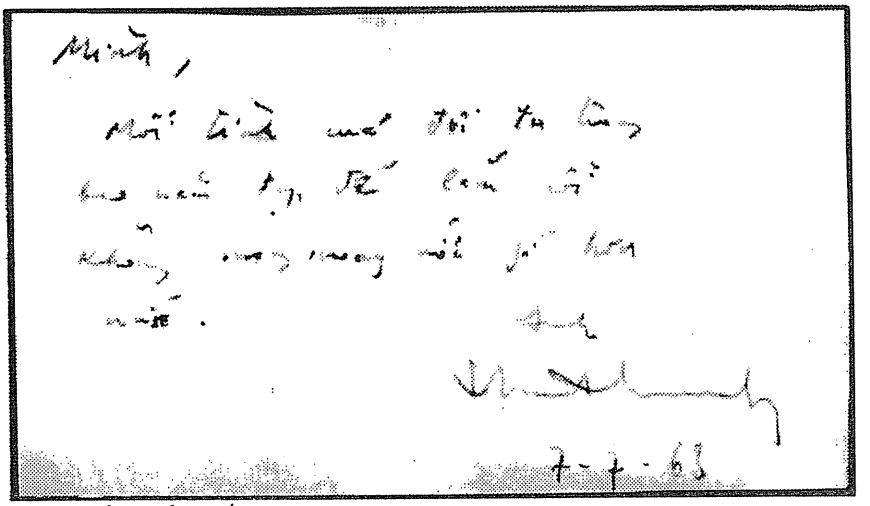

Di chúc gởi vợ của Nhất Linh

Cả đến "Bến đò ngày phiên chợ," cô cũng nhìn bằng con mắt Tây phương:

Thuyền ghé bến, người người chen chúc, xuống
Tiếng chó kêu, lợn hét, nổi vang lừng
Với tiếng người ồn lên, trong luống cuống
Đặt gánh gồng bồ bịch đổ lung tung.

Tôi đọc đi đọc lại đoạn khen này đến thuộc lòng."

Anh Thơ đã giúp chúng ta hiểu cách đọc thơ và phê bình, nhận xét về thơ của Nhất Linh, vì bà đã trích dẫn nhiều đoạn do Nhất Linh viết về thơ của bà.

'Vừa thích thú, vừa tự hào, tôi lại đọc tiếp bài nhận xét của Nhất Linh:

"... Nhưng cô Anh Thơ thiếu một cái rất cần với thi sĩ. Thơ cô tả cái gì thì chỉ có cái ấy thôi, không gợi được cho người đọc cái mung lung. ***Một câu thơ không phải chỉ là cái định tả trong thơ, nhưng ở trong thơ còn có cả một thế giới khác không có liên can gì đến câu thơ. Đọc thơ mỗi người lại cảm thấy khác nhau.*** (tòa soạn

nhấn mạnh)

Cái tiếng vang ở cảnh núi, nó làm ta nghĩ đến cái rộng rãi của không gian, thơ cô Anh Thơ thiếu hẳn tiếng vang đó. Tiếng vang thơ đó một phần tại thơ cô rõ ràng, minh bạch quá. Chữ dùng quá ư mộc mạc, nhiều khi không cân nhắc, lựa chọn gì cả. Chung quanh thơ cô không có chút mây mù bao phủ, để dấu diếm một chút huyền bí, người đọc chỉ đoán thấy, chứ không trông rõ. Phải làm thế nào cho thơ của cô, tuy là thơ khách quan đối với người đọc, cũng như cái cảnh sáng sớm cô tả trong thơ:

... Trong sương mù chèo động sóng lung linh...

Nếu cô lưu ý đến việc chọn chữ, lựa câu hơn một chút và nếu cô lại đem cái tài nhận xét lạ lùng của cô đặt vào cảnh khác, và không bó buộc như trong 'Bức tranh quê' (1) chúng tôi tin rằng cô sẽ đem lại cho nền thi ca Việt Nam những tác phẩm hay hơn thế nữa."

Tôi đọc tiếp câu chú thích bên dưới bài:

"(1) Trong 'Bức tranh quê,' vì sự bó buộc của toàn thể cô phải viết nhiều câu tầm thường, nhiều chữ độn cho câu thơ đủ tám chữ. Thế mà không ai bắt cô phải viết đủ mười hai câu."

Một cơ hội để Anh Thơ gặp lại Nhất Linh là khi nhà xuất bản Đời Nay in tập thơ của cô và mời cô lên nhận tiền nhuận bút, đồng thời ký tên trên những bản in đặc biệt. Ngày 25 tháng Tư năm 1941 Anh Thơ đi xe lửa về Hà Nội, được em gái đón ở ga Hàng Cỏ rồi đưa thẳng tới số 80 đường Quan Thánh:

Nhìn cánh cổng Nhà xuất bản Đời Nay mở rộng, tôi bỗng thấy lòng mình xôn xao, hồi hộp. Tôi phải cố làm ra một dáng điệu thật ung dung đi vào. Tôi đưa giấy mời cho người thường trực, anh ta gọi người thư ký Nhà xuất bản, bảo đưa tôi lên gác. Mới bước lên một bậc thang, chân tôi bỗng run run. Tuy vậy, khi người thư ký giới thiệu tôi với ông Giám đốc, đang đứng đón ở đầu cầu thang, với dáng người cao, khỏe, lịch sự. Tôi bỗng thấy mình tự nhiên hơn. Ông giám đốc đẩy rộng cửa phòng làm việc, mời tôi vào. Tôi chú ý nhìn ngay chiếc bàn gỗ rộng, trên trải dạ xanh chỉ có một lọ pha lê cắm toàn hoa hồng trắng. Ông giám đốc mời tôi ngồi, rồi ông bắt đầu hỏi thăm sức khỏe tôi, về sáng tác mới của tôi. Tôi vừa trả lời ông, vừa lơ đãng nhìn quanh, rồi nóng ruột quá, tôi buột miệng:

- Thưa ông!

Bỗng tôi gặp ngay ánh mắt tò mò như dò xét của ông giám đốc, khiến tôi thấy ngượng nghịu vì cái tính hấp tấp của mình, nên tôi ngừng ngay được câu hỏi. Nhất Linh mỉm cười:

- Họ mang ngay lên bây giờ.

Tôi chợt lặng cả người. Từ dưới thang gác đi lên, người thư ký dẫn đầu mấy người làm trong Nhà xuất bản. Người nào cũng bưng một chồng sách cao và nặng. Tác phẩm của tôi! Tôi muốn reo to và đứng ngay lên để đón nó. Nhưng lại sợ ông giám đốc nhà xuất bản cười, nên đành ngồi yên. Tuy vậy mắt tôi vẫn nhìn theo từng chồng sách đặt đầy bàn. Người thư ký quay lại phía tôi:

- Xin mời cô sang đây.

Như một cái máy, tôi đặt xắc, và đứng lên. Ông giám đốc nhắc người thư ký đem bút cho tôi. Nhưng tôi đã cầm sẵn chiếc bút máy nhỏ của mình. Ông giám đốc mỉm cười, tinh quái:

- Nào xem tác giả ký tác phẩm đầu tiên của mình!

Tôi không còn để ý đến ông nữa. Tay tôi run run, mở gượng nhẹ từng trang thơ mịn màng như lụa. Mùi thơm của giấy mới, lẫn mùi mực in như vừa khô khiến tôi ngây ngất. Đây là loại sách đặc biệt đắt tiền, nhưng tôi không nhận xét được gì cả. Tay run run, tôi làm nguệch một vệt dài xuống bìa một tập, khiến ông giám đốc nhìn tôi, hốt hoảng:

- Ấy chết, cô phải cẩn thận một chút.

Đôi mắt to của ông giám đốc bỗng ánh lên một nét thông cảm. Ông lại phía tủ sách, lấy đưa tôi xem một số chữ ký trên các tập thơ của các thi sĩ Tự Lực Văn Đoàn, tôi nhìn chữ ký của Xuân Diệu. Đặc biệt chữ *d* kéo dài như sợi khói uốn mềm và vươn cao. Tôi tự giận mình, hàng ngày chả tập ký tên mình cho thật đẹp, để rồi hôm nay... Ông giám đốc lại tự tay mở sẵn một tập thơ in trên giấy dó thượng hạng, giọng ông bỗng dịu dàng, nhưng không kém phần long trọng:

- Xin mời tác giả.

Tôi cố trấn tĩnh nhớ ra loại sách bằng giấy này là phải đánh số La Mã, tôi đánh số rồi ký vào trang đầu tiên. Chữ ký lôi thôi, bối rối, (thế mà tôi quên bẵng mất lối ký đã tập cả đêm). Con số La Mã cũng suýt nữa tôi lầm theo đánh số thường. Nhưng rồi tôi cũng dần dần bình tĩnh lại được, tập I rồi tập II đến tập III, IV và V... xong cả năm tập giấy dó thượng hạng. Ông giám đốc chạy sang phòng bên, tự tay bưng cho tôi một chén trà sen thơm ngát. Đôi mắt to sáng của ông không dấu nổi vẻ thích thú. Chắc hẳn ông thích thú vì đã được chứng kiến nỗi xúc động của một nữ tác giả non trẻ, ký tên vào tác phẩm đầu tiên trong đời,

ông bỗng nói:

- Cô xơi chén trà. Nhà xuất bản xin trân trọng tặng cô tập số hai, trong năm tập giấy dó thượng hạng này.

Tôi ngẩn cả người, nhìn tập số I ở tay người giám đốc Nhà xuất bản, nó đã mang cả niềm hân hoan mạnh mẽ trong chữ ký đầu tiên của tôi. Nhưng biết nói sao? Chắc đã thành lệ, nhà xuất bản bao giờ cũng giữ quyển số I, vì người ta đã phải bỏ tiền ra in sách cho mình mà?

Tôi nhấp ngụm trà sen, để nuốt đi cả niềm tiếc hận của mình, rồi lại tiếp tục ký sang mười tập in giấy anh-pê-ri-an loại giấy này cũng rất đẹp. Tôi đánh số sai, người thư ký nhắc tôi nhớ đánh theo số La Mã, rồi tôi ký sang loại giấy dó lụa thường. Loại giấy này dầy hơn loại bán đồng loạt nhưng cũng là loại giấy đẹp. Ông giám đốc lại đến bên bàn, nhìn tôi:

- Tác giả đã mỏi tay chưa?

Tôi trả lời ông một nét cười nhẹ. (Ký thế chứ có ký nữa, tôi cũng chả mỏi tay) ông lại nói như để an ủi:

- Thôi cũng là một cách tập thể thao.

Nhưng thấy tôi vừa ký, lại vừa giở sách, ông sốt ruột, đến trước bàn mở giúp tôi từng tập, vui vẻ nói:

- "Cô để tôi mở giúp và tập ký nhanh tay cho quen." Mắt nhà văn, vẫn để lộ vẻ hóm hỉnh thích thú theo rõi tôi ký. Giờ phút này sao thiêng liêng thế, tôi cứ muốn nó kéo dài, tôi cứ muốn chữ ký của tôi không bao giờ dừng trên những trang thơ yêu quý. Cái tên ký một biệt danh đã mang nhiều kỳ vọng cho thơ của mình là phải đẹp và đọng chất tinh anh cho những cây đời. Cái tên Anh Thơ ấy, tuy không phải bố mẹ đặt cho, nhưng nó cũng mang được truyền thống hay thơ của ông ngoại tôi, truyền thống văn học của bố tôi, một gia đình khoa bảng. Cái tên này sẽ theo cùng tập thơ bay khắp đất nước, bay cả Đông Dương, bay thẳng vào những trái tim bè bạn. Chắc chắn nó sẽ mang về cho tôi những tình cảm liên tài (ba mươi chín năm sau [1980] tôi lại bắt gặp chữ ký trong tác phẩm đầu tiên của tôi ở nhà một đồng chí kỹ sư lâm nghiệp kiêm chủ tịch mặt trận Tổ quốc Bình Trị Thiên, ở giữa cố đô Huế. Tập thơ trong loại giấy dó lụa, đánh số 47. Người bạn đọc ấy đã giữ gìn nó qua hai cuộc chiến tranh mà tập thơ còn nguyên vẹn, tất cả từ bìa cho đến phụ bản. Tôi lại trở lại nỗi xúc động ban đầu khi người bạn đọc ấy, đề tặng lại tôi mấy chữ: "Châu về hợp phố" vì ông biết tôi không còn giữ được bản thảo nào).

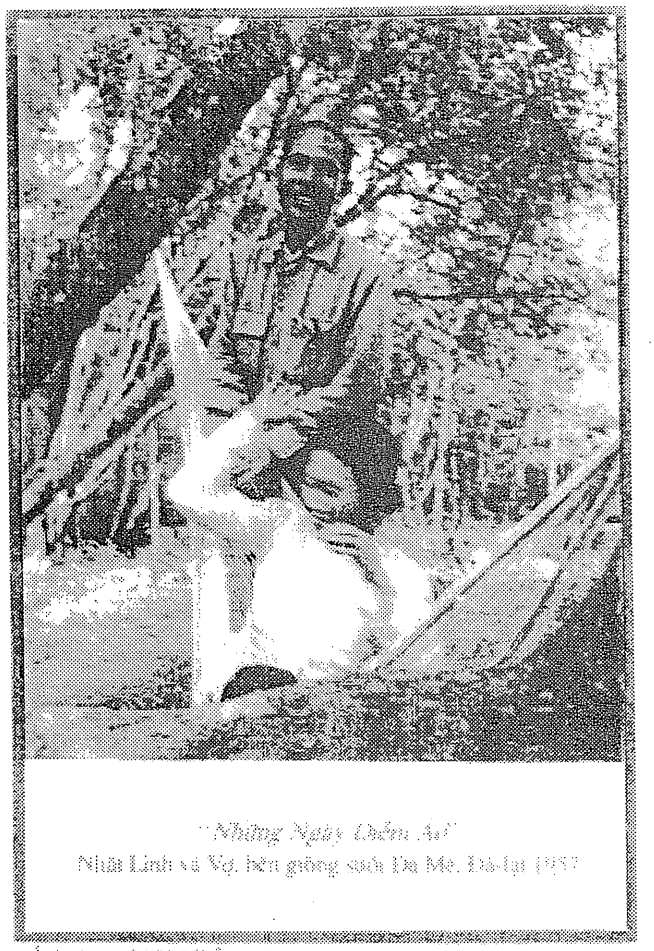

"Những Ngày Dấu Ái"
Nhật Linh và Vợ, bên giòng suối Đa Mê, Đà-lạt 1957

Ảnh chụp - Lê Văn Kiểu

Tôi cứ vừa ký vừa nghĩ, đến quyển cuối cùng (thứ 50) của loại giấy dó lụa, tôi vừa buông bút, thì được ông giám đốc Nhà xuất bản tặng cho loại một một quyển, loại hai ba quyển, loại ba mười quyển. Lúc ấy tôi mới bình tĩnh giở xem từ đầu đến cuối tập thơ. So sánh với các tập thơ khác của nhà xuất bản Đời Nay, tôi tự hào tập thơ của tôi in rất gọn, cứ mỗi trang một bài, chỉ dùng hai màu đen và đỏ. Đặc biệt hơn các tập khác là có bốn bức tranh minh họa của giáo sư họa sĩ Tô Ngọc Vân. Tôi thích cả bốn bức, mỗi bức một vẻ. Nhưng tôi chú ý đặc biệt một bức vẽ hai cô gái quê khỏe mạnh, đầu đội khăn vàng hương, tay ôm váy, nếp váy hình

lưỡi trai mềm mại bay theo hướng những dải lụa phấp phới niềm vui của các cô. Nét vẽ bay bướm và rất nghịch ngợm, minh họa hai câu thơ của tôi:

Các cô gái đội vàng hương, ôm váy!
Miệng tươi cười mừng tuổi những người qua

Rồi cái băng đỏ quấn ngang tập sách, có in ảnh tôi, cái ảnh đầu nghiêng nghiêng, mắt mở rộng, miệng hơi hé cười, nét trẻ tươi mà vẫn phảng phất vẻ suy tư. Bức ảnh thật tự nhiên, tôi chụp nó khi được nhà xuất bản Đời Nay yêu cầu gửi ảnh. Tôi thích nhất cái ảnh này trong tập ảnh tôi đã chụp.

Ngắm xong cả bốn bức minh họa, cả bức ảnh rồi, tôi nghĩ đến việc đề tặng sách cho những người thân. Lúc này là lúc tôi cảm động nhất. Chọn một cuốn trong ba cuốn bằng giấy Anh-pê-ri-an, tôi nhìn ông giám đốc nghĩ đến những tri âm đầu tiên của tập thơ mà ông là đại diện. Tôi viết trên trang giấy mấy lời chân thành đề tặng với lòng cảm ơn những người đã hiểu thơ tôi. Nhưng tự nhiên tôi thoáng buồn, khi nghĩ đến bạn riêng của lòng mình thì chẳng có ai. Tập giấy dó thượng hạng mang số La Mã thứ hai (I) đành khép lại như khép cả tâm tình dành đợi người yêu.

Rồi tôi nhớ đến bố tôi, tôi lấy tập in giấy Anh-pê-ri-an số II để tặng bố và chị Hai, tôi muốn đề một câu thật biết ơn cả bố và chị Hai, đồng thời nói lên sự cố gắng để đi đến thành công của mình. Nhưng không biết nói thế nào, tôi chỉ đề gọn lại "Tặng thầy và chị". Rồi đến Thanh Ngà, Đào Dương, Lệ Hoa, Mộng Lan, Bàng Bá Lân và tất cả các em tôi, cùng một số nhà phê bình có tiếng. Vừa đề tặng, tôi vừa hình dung những nét mặt vui sướng, ngạc nhiên, âu yếm của những người thân mừng cho tôi.

Người làm nhà xuất bản đã về gần hết, Nhất Linh tặng tôi một cuốn tiểu thuyết vừa xuất bản, ông cười nói đùa:

- Ăn miếng, trả miếng!

Đã đến lúc phải ra về, tôi còn tiếc những phút hồi hộp, sung sướng vừa qua. Nhớ lại bài Nhất Linh phê bình tập "Bức tranh quê." Tôi muốn nói cảm ơn ông đồng thời trình bày để ông rõ còn vài điều ông chưa hiểu tôi. Nhưng chưa quen trao đổi ý kiến với các nhà văn, nên tôi lúng túng chưa biết bắt đầu thế nào? Rồi tôi lại thấy không cần thiết phải nói, tôi liền đẩy ghế đứng lên, cố ý làm như thoát được một việc nặng nề, khó nhọc:

- Thế là xong!

Nhưng cặp mắt tinh quái của ông Giám đốc đã nhìn tôi như chế riễu tôi giả vờ không được khéo."

Anh Thơ đi phỏng vấn bà Nhất Linh

Anh Thơ bước vào nghề báo khi ra Hà Nội làm cho báo Đông Tây do thi sĩ Quỳnh Dao làm chủ bút và một nhà giầu ở Hải Phòng bỏ tiền ra, đóng vai chủ nhiệm. Công việc của thi sĩ vừa phải đi mời mua báo dài hạn, đi lấy quảng cáo, vừa lo viết đủ mọi loại bài. Cô đã làm một loạt bài phỏng vấn vợ của các nhà văn, nhà thơ như bà Tản Đà, bà Vũ Trọng Phụng, bà Song Kim vợ Thế Lữ, bà Khái Hưng. Và sau đây là đoạn viết về bà Nhất Linh:

"Tôi thấy anh nói đúng, liền đến nhà bà Nhất Linh. (Cũng như đa số thanh niên ngày ấy, tôi rất thích tiểu thuyết "Đôi bạn" của Nhất Linh. Tôi cho rằng chuyện ấy vượt xa những chuyện tả tình yêu tầm thường của các nhà văn khác. Vì không những Loan yêu Dũng trong trắng và rất ngây thơ, Dũng yêu Loan nhưng lại yêu cuộc đời hoạt động hơn là say mê lạc thú gia đình. Sau này theo cách mạng tôi mới nhận thức được rằng tiểu thuyết "Đôi bạn" chỉ là tiểu thuyết lãng mạn của một nhà văn tiểu tư sản, vì những hành động của Dũng thời ấy, chỉ là một thứ cách mạng cải lương).

Hôm đến nhà Nhất Linh, tôi tưởng tượng vợ ông là cô Loan, một cô Loan ngây thơ, xinh đẹp. Nhà của nhà văn phải là một khu vườn rộng, mang đầy hương sắc thôn quê; và cô Loan áo trắng đang hái rau ngót dưới trời mưa. Nhưng ngược lại, nhà Nhất Linh lại là một cửa hàng buôn bán đủ cả cau khô, cau tươi, và cô Loan lại là một bà tuổi đã nạ dòng, răng vẩu, mặc quần đen áo đen, dáng tất bật của một người đàn bà vất vả, phải tự lo lắng cho gia đình nhiều. Thấy vẻ mặt ngạc nhiên đến sững sờ của tôi, bà cười, hàm răng trên như một cái mái hiên che khuất cả hàm răng dưới. Một miệng cười tươi, đen lánh, đượm vẻ dịu dàng, cởi mở và dễ thân:

- Xin lỗi cô, tôi vừa phải bán hàng, vừa tiếp khách; vì hôm nay tuy chủ nhật, nhưng nhà tôi và các cháu đều bận đi thăm khu nhà "Ánh sáng" ở bên Phúc Xá, nên chả ai trông hàng, cô ạ.

Ngày ấy nhóm "Tự Lực Văn Đoàn" đang cùng với hai kiến trúc sư Luyện và Tiếp, lo làm khu nhà "Ánh sáng" thay cho các nhà "ổ chuột" cho dân nghèo. Một cuộc cách mạng cải lương, nhưng tôi chưa hiểu, nên rất phục họ. Tôi hỏi bà Nhất Linh:

- Vậy thế ông vắng nhà luôn?

- Vâng, nếu nhà tôi không đi viết ở phòng văn

số 80 đường Quan Thánh, thì lại đi làm việc xã hội, nhưng ngày hai bữa cũng về nhà ăn cơm.

Rồi bà đặt trước tôi một chén chè, vui vẻ nói:

- Cô có gửi cho tôi mấy câu hỏi, nhưng tôi chưa suy nghĩ gì đến được, vì bận quá cô ạ. Nào phải lo làm ăn buôn bán để có tiền nuôi bảy đứa con (Nhất Linh mà đã có bảy con?). Lại thỉnh thoảng lo tiền cho nhà tôi tiêu, mà nhà văn thì tiêu nhiều lắm cô ạ! Nào anh ấy tiếp đãi bạn bè, nào lo góp vốn ra báo, in sách. Lại còn lo cả việc dựng khu nhà "Ánh sáng" cho dân nghèo.

Tôi ngắt lời bà Nhất Linh:

- Thưa bà, tôi tưởng in sách, ra báo đều có nhuận bút, và lãi bán ra. Còn lo nhà cho dân nghèo thì có cuộc lạc quyên, và...

Bà vẫn cười hay tại hàm răng vẩu của bà cứ chìa ra như cười:

- Lãi in sách, bán báo thì lại đập vào vốn, để mở mang thêm. Còn các cuộc lạc quyên lo nhà cho dân nghèo, thì bây giờ mới bắt đầu. Mà mình đứng lên hô hào người ta, thì mình phải bỏ vốn trước đã. May mà nghề buôn cau của tôi cũng dễ kiếm lãi, mới giúp được nhà tôi có tiền mà lo các thứ.

- Vậy bà có hưởng vinh quang với một người chồng là nhà văn nổi tiếng không ạ? Bà có đóng góp gì cho văn nghiệp của ông không ạ? Bà thích cuốn tiểu thuyết nào của ông viết nhất? Bà được ông đề tặng tập truyện nào? Bà lấy ông có phải vì yêu văn của ông không?

Một tràng câu hỏi dồn dập của tôi, làm bà Nhất Linh như bối rối. Tuy vậy, bà cũng bình tĩnh, thong thả trả lời từng câu:

- Tôi lấy nhà tôi là do hai bên cha mẹ có mối manh, dạm hỏi và cưới xin linh đình. Khi tôi về nhà chồng rồi, thì chỉ biết lo buôn bán để gánh vác giang sơn nhà chồng; làm gì có thì giờ đọc sách, đọc báo ạ? Với lại sách báo là việc của đàn ông, đàn bà mình ngó vào làm gì?

Sự thật là như vậy! Vợ nhà văn cũng chỉ là một người đàn bà Việt Nam, tần tảo như bao nhiêu người đàn bà Việt Nam khác. Tôi thất vọng vì sự tưởng tượng của mình. Có tiếng còi ô-tô, rồi một chiếc ô-tô rất lịch sự chạy đến đỗ trước cửa hàng. Một bày thiếu nữ, mặc quần áo kiểu lơ-muya, màu sắc rực rỡ như đàn bướm, phất phới, ùa vào cửa hàng, tiếng gọi ríu rít:

- Anh Nhất Linh ơi, đi thôi.

Bà Nhất Linh nhìn họ, một cái nhìn "kẻ cả", miệng vẫn cười:

- Anh ấy đi từ sáng sớm rồi. Các cô xuống ngay khu nhà "Ánh sáng" thì sẽ gặp.

- Thế ạ! Thôi chúng cháu đi!

Họ gọi chồng là anh, mà lại xưng cháu với vợ? Tôi đang bỡ ngỡ thì bà Nhất Linh nói như phân trần:

- Đó là các cô trong ban quyên tiền của hội "Ánh sáng". Các cô ấy thường xuyên đi làm việc với nhà tôi.

Bà lại cười, một cái cười khó hiểu. Không biết bà cười vì tự hào có một người chồng mà nhiều cô trẻ săn đón, hay khó chịu vì sự suồng sã quá thân của các cô đối với nhà văn? Một thoáng nghi ngờ qua óc tôi! Ông Nhất Linh có nhiều cô bạn trẻ đẹp thế này thì ông có còn yêu bà không? Hay bà chỉ được ông coi là một cái "kho tiền" để ông lấy của mà làm việc? Và có phải bà đã "góp tiền" làm nên sự nghiệp văn học và xã hội cho ông không? Thế thì ông phải "quý" bà lắm chứ?

Sực nhớ đến chuyện bà Khái Hưng xin con bà Nhất Linh về nuôi, do Quỳnh Dao kể, tôi hỏi bà:

- Tôi có nghe ông bà đem cho bạn nuôi một con trai. Vậy bà có vui lòng về việc ấy không?

Như bị chạm đến niềm tâm sự sâu kín nhất của mình, bà Nhất Linh bỗng nắm chặt tay tôi, vẻ xúc động:

- Tôi phải chiều theo ý tốt của nhà tôi, vì anh Khái Hưng là bạn thân nhất của nhà tôi, mà lại không có con, trong khi chúng tôi có những bảy cháu. Nhà tôi xưa nay không bị phật ý bao giờ, cho nên tôi để cho nhà tôi toàn quyền.

Rồi bà nói như tự an ủi:

- Được cái hai nhà như một, và chị Khái Hưng rất nâng niu yêu quý cháu.

Đôi mắt bà chớp chớp. Tôi chợt thấy đôi mắt bà đẹp quá! Một đôi mắt to mênh mông, có hàng mi dài óng ả. Ánh sáng vừa dịu, vừa có một cái gì như sẵn sàng vì mọi người.

- Triệu (tên thằng cháu) là đứa con cưng nhất của tôi. Vì cháu thông minh, mặt mũi lại rất giống bố cháu. Phải xa con, tôi nhớ cháu lắm. Được cái cháu cũng về nhà luôn, vì cháu rất yêu quý mẹ.

Đôi mi dài óng ả của bà rung động trước cặp mắt to long lanh. Tôi nhớ mãi mãi đôi mắt ấy. Cặp mắt có vẻ chịu đựng mọi hy sinh, vì người thân yêu của mình. Cặp mắt của một người đàn bà Việt Nam cũ kỹ, tảo tần, không ý thức được rằng những việc mình làm đã đóng góp cho sự nghiệp của chồng không nhỏ."

(Các đoạn Anh Thơ viết trên đây trích từ cuốn *Từ bến sông Thương*, hồi ký xuất bản năm 1986 ở Hà Nội.)

GIỜ TRÀ

THƠ THƠ *

Mùa hè năm đó tôi bắt đầu đọc cuốn truyện về bà hầu tước xứ Bedford.

Đó là một cuốn sách rất đẹp, nét chữ như viết bằng tay, ngoài bìa gắn một đóa trà hồng nằm giữa những chiếc lá khô ép dính vào nhau. Nội dung của nó rất lạ, vừa như tiểu thuyết, vừa như hồi ký với những đoạn do chính bà viết – toàn chuyện liên quan đến trà, từ các loại trà tự cổ chí kim đến nghệ thuật pha trà, thức ăn nhẹ đi với trà... Có một chương sách nói riêng về loại nhạc nghe lúc uống trà, những kiểu hoa nên cắm trên bàn trà, tất cả những thứ tạo không khí hoặc chủ đề đàm đạo cho một buổi tiệc trà.

Buổi chiều hôm đó mẹ đang dọn trà dưới giàn hoa tím ngoài hiên, và tôi mở cuốn sách vào đúng trang vẽ những người đàn bà đang ngồi uống trà dưới một giàn nho xanh mướt. Thường thường là ba người đàn bà quí phái, phục sức nhã nhặn và sang trọng, tóc bới theo kiểu xưa. Vẻ mặt họ luôn luôn mơ màng, như nhìn xuyên qua những tấm màn voan trong. Ánh sáng dưới giàn lá phủ lên họ một dáng vẻ trầm tư, như thể họ đang mang một tâm trạng nào đó.

Mẹ nhìn vào trang sách, giọng thán phục:

"Chữ đẹp quá. Bay bướm, sắc sảo, đầy cá tính."

"Có phải chữ của bà hầu tước không mẹ?"

Tôi chăm chú nhìn bà hầu tước trong tranh. Bà mặc một thứ hàng nhẹ óng ánh, nơi cổ và tay áo chạy những lớp nhún mỏng, chúng phất phơ theo mỗi cử động của bà. Bà đang nghiêng nghiêng cái bình trên tay như sắp sửa rót nước, nhưng mắt lại đọng ở một điểm bên ngoài cái bình. Chính cái nhìn đó đã lôi cuốn tôi ngay lập tức. Không riêng gì bà, những người quanh bàn đều có cái nhìn như thế, cái nhìn đi xuống mông lung, như họ đang ngắm khói trà bốc lên từ những cái tách đẹp đẽ trước mặt.

Mẹ đã đọc cả chục năm về trước, nên trả lời rất khẳng định:

"Chính là chữ bà hầu tước. Khi bà viết cuốn sách này, bà đã nổi tiếng rồi."

Ngón tay mẹ vẽ vời lên xuống theo những hàng chữ nắn nót lả lướt:

"*...Tiệc trà buổi chiều là sáng kiến của Bà Hầu Tước xứ Bedford. Vào cuối thế kỷ mười chín, người ta dùng bữa tối rất trễ. Buổi chiều vì thế trở nên trống trải và dài lê thê. Một buổi chiều kia, Bà Hầu Tước pha một bình trà, làm một ít bánh ngọt, rồi mời vài người bạn thân đến dự tiệc trà. Buổi trà đầu tiên tạo một không khí ấm cúng, vui tươi, và rất đỗi êm đềm. Từ đó trở đi, người ta bắt đầu uống trà vào buổi chiều. Giờ trà trở thành khoảng thời gian thanh thản nhất trong ngày. Người ta thưởng thức trà và bánh – người ta nghe nhạc, ngắm hoa và thoát khỏi sự phiền muộn của tâm hồn - người ta trò chuyện, bàn luận, im lặng, và hồi tưởng...*"

Mẹ đẩy đĩa bánh về phía tôi:

"Ăn thử đi con, mẹ làm theo công thức của bà hầu tước đấy. Cả trà đào nữa, vẫn thế, chẳng có gì thay đổi cả. Hơn trăm năm rồi mà người ta vẫn ướp theo cùng một cách."

Mùi trà đào làm không khí phảng phất một vị ngọt ngào - ngay cả bánh và mứt trên đĩa, ngửi thật gần, cũng không ngọt thơm đến thế. Tôi nâng tách lên, nhấp một ngụm. Trà nóng, thơm ngát mùi đào chín trên cây. Nó làm tôi nhìn thấy mùa xuân đang trôi trên những cánh hoa mỏng manh màu hồng phấn. Chất nước loãng và thanh khiết có thể rửa sạch tất cả bụi bậm bám quanh mình. Nước trôi vào người, vị ngọt đọng lại trên đầu lưỡi - và một luồng hơi sảng khoái kỳ lạ bốc thẳng lên đầu, ngấm đậm đặc vào ý thức.

Bây giờ không cần nhìn, tôi vẫn cảm được những nét vẽ mong manh trên men sứ đang toát ra dưới đầu ngón tay mình. Cả những sớ vải trên khăn trải bàn cũng nổi bật những đường thêu tỉ mỉ. Đó cũng là lúc hương thơm bắt đầu phảng phất từ những dòng chữ nghiêng nghiêng trước mắt tôi: "*...Đã đến giờ uống trà của bà hầu tước, những người phụ nữ quí tộc đã trang điểm xong.Họ ngồi vào bàn- và mọi thứ diễn ra êm ả như trong một dạo khúc buổi chiều...*"

Tất cả trở nên bén nhạy hẳn, như đã mở tung hết cảm quan ra.

Tôi nghe được những tiếng chân còn khuất ở một khúc quanh cuối căn phòng rộng. Tiếng chân vẽ ra những dáng đi quí phái và tha thướt, rồi

tiếng váy áo sột soạt, và cả hơi thở của những người đàn bà khi họ rảo bước qua những hành lang vắng.

Tôi biết mình sắp nhìn thấy bà hầu tước.

Tôi nhìn vào nhà, tiếng những chiếc thìa kim khí kêu lanh canh giữa bộ đồ trà. Họ đã đến thật, đang ngồi quanh bàn ăn của mẹ. Họ đang lấy thêm đường, thêm sữa, khuấy trà và nói chuyện. Bà hầu tước nói thì thầm với hai người kia:

"Đói lắm rồi. Chờ đến bữa tối thì chết mất. Chúng mình dùng bánh dâu với trà đen cho tỉnh người. Trà này có mùi khói nhẹ, thơm lắm..."

Rồi những giọng nói vang lên sau lưng tôi:

"Cho em mấy miếng bánh đi"

"Uống trà buổi chiều, thích quá nhỉ."

Nắng ngoài vườn yếu hẳn vào lúc có tiếng nói vang lên.

Và những người đang dự tiệc trong nhà chợt nhòa đi như bóng.

Cô Y Ka và cô Ty Lê mới từ trên lầu xuống. Họ trang điểm rất đẹp, Cô Y Ka mặc áo đầm trắng hàng sô mỏng, như một thiên thần. Cô Ty Lê trông ngổ ngáo với quần bó lửng ngang đầu gối và áo cắt thật cao chỉ đủ che ngực. Mẹ bảo:

"Ngồi uống trà với chị."

Họ không chịu ngồi xuống trước hai tách trà thơm mẹ vừa mới rót. Cô Ty Lê nói liến thoắng:

"Chúng em phải đi ngay. Chị cho em mấy miếng bánh mang lên xe được rồi."

"Thì uống tách trà đã."

Cô Y Ka nâng tách lên rồi lại đặt xuống:

"Trà nóng quá, chờ nguội thì trễ mất. Thôi cho em *to go* đi."

Rồi họ đi bằng chiếc xe thể thao mui trần màu đỏ. Hầu như chẳng bao giờ các cô ở nhà cả. Họ đi làm về, vội vã sửa soạn đi học, hoặc trang điểm đi chơi. Họ chỉ về nhà để ngủ. Rồi sáng sớm mai lại bay vù ra khỏi nhà.

Khi chỉ còn mẹ và tôi, thì những người đàn bà quay trở lại phòng. Trên đầu họ là những chiếc nón kiểu, đính hoa và ren, lông chim và ruy-băng; chỉ có thế là khác so với lúc họ rời phòng. Bà hầu tước ngồi vào chiếc ghế mây lớn, khoan thai nâng bình trà rót vào những cái tách cùng màu với chiếc áo bà đang mặc.

Mẹ không nhận ra bà hầu tước. Ánh mắt mẹ không chiếu tới chỗ bà ngồi được, tựa như mẹ quá trầm tư, đang muốn khép cửa lại để nghỉ ngơi một chút.

Những người đàn bà trao đổi với nhau bằng mắt nhìn và động tác. Họ nâng tách nhẹ nhàng, cử chỉ quí phái và chuẩn mực. Họ uống trà vừa tự nhiên, vừa trang trọng. Bà hầu tước chăm chú vào công việc rót trà. Đó là một hành động có thể kéo dài vô tận, như thể những cái tách không bao giờ đầy. Và thời gian kéo dài từ xế trưa - qua chiều - đến tối, những người đàn bà cứ ngồi uống trà và nói.

Vào giữa mùa hè thì tôi đã đi được nửa cuốn sách, và dễ dàng chìm vào thế giới của họ. Suốt ngày, tôi ở trong khung cảnh tòa lâu đài, gặp gỡ những người quí tộc - cả những nhạc sĩ tài danh đã nổi tiếng từ thời cổ điển qua thời lãng mạn. Tôi theo cách sống của họ, dùng thời gian của họ. Đó là thứ thời gian rất rộng, hầu như vô cùng tận. Tất cả những trò chơi thú vị đều làm được. Tất cả mọi giấc mơ đều kéo dài. Tôi ăn trưa cùng với họ, những món ăn cầu kỳ hơn trong tưởng tượng mà bây giờ không ai còn nấu được. Rồi bà hầu tước bắt tất cả các tiểu thư bé nhỏ lên giường nằm. Tôi ngủ thiếp đi với cuốn sách cho đến tận giờ uống trà buổi chiều.

Lúc đó mẹ về đến nhà, và đánh thức tôi dậy. Trên bàn những cái tách đẹp đẽ đang chờ đợi, ấm nước sôi vòi cong vút, và bình trà có tay cầm như dấu hỏi lơ lửng giữa phòng. Những nét vẽ

thanh thoát trên nền men sứ là một cổ vật hiếm có, hơn trăm năm tuổi không chừng. Trà trong bình vẫn ướp theo cách thức của những thế kỷ xưa.

Khi uống xong tách trà đầu tiên của buổi chiều, thì mệt nhọc của giấc ngủ trưa đã không còn (những đứa trẻ hoặc công chúa nhỏ không thích ngủ trưa vì thế, chúng cảm thấy nặng đầu lúc thức dậy). Tôi ngồi uống cạn tách trà, cho đến khi chỉ còn chút cặn, và ngửi được mùi lá, mùi vỏ cây, mùi mộc thoảng nhẹ lên lên từ đáy.

Vào giờ đó mẹ trông mệt mỏi và buồn ngủ. Mẹ ngồi vào bàn, tay chống cằm, tay buông thõng trên tấm khăn mới trải. Cơn mệt nhọc nhấn mẹ chìm lỉm vào ghế. Rồi mệt nhọc thoát đi. Đó là lúc mẹ buông xuôi tất cả. Đó là lúc mẹ rơi vào một trạng thái hoàn toàn tách rời. Toàn bộ ý thức mẹ chỉ còn tập trung vào việc uống trà. Mẹ uống bằng tất cả giác quan. Mẹ uống bằng thân thể và linh hồn. Cái chất nước chát có mùi lá cây khô ấy từ từ làm mẹ tươi tỉnh lại. Khói trà thoảng qua khuôn mặt mẹ mơ màng. Tôi nhận ra một sự liên lạc giữa tách trà mẹ cầm và những cái tách trong cuốn sách. Khuôn mặt những người đàn bà trong đó cũng trầm ngâm, như thể họ đang cùng uống một thứ trà như mẹ.

Nhưng mẹ không hề nhìn thấy họ. Có lúc mẹ đã gần nhìn ra, thì họ lại bỏ đi. Đó là lúc cô Y Ka và cô Ty Lê xuất hiện. Họ đi từ trên lầu xuống, tiếng gót giầy gõ hấp tấp trên sàn nhà, lúc nào cũng vội vã cả.

Cô Y Ka vuốt tóc tôi:

"Con bé này cũng biết uống trà à?"

Cô Ty Lê thắc mắc:

"Trẻ con uống trà có sợ hại óc không nhỉ?"

Tôi bảo:

"Trong truyện của bà hầu tước ai cũng uống trà được cả. Không hại óc đâu."

Rồi tôi nói thêm:

"Con đang đọc cuốn "Trà" của của bà hầu tước. Cô cũng nên đọc, hay lắm!"

Cô Ty Lê nhìn mẹ, kêu ầm lên:

"Khiếp! Sao có mỗi quyển này mà nó đọc mãi không xong thế? Lúc nào em cũng thấy nó ôm cuốn này cả!"

Cô Y Ka cầm cuốn sách lên, đọc lướt:

"Thế kỷ 19? Lúc đó người ta quá rảnh rỗi nên mới ngồi uống trà. Mình bây giờ ở thế kỷ 21 rồi, vốn thời gian càng ngày càng cạn kiệt dần. Ngồi uống trà suông là phí phạm thời gian."

Mẹ lúc này đã qua hẳn cơn mệt mỏi sau một ngày làm việc. Khuôn mặt mẹ linh động tươi tắn, và giọng nói có hơi một chút phấn khích:

"Ngồi uống trà để cho tinh thần được nghỉ ngơi một chút, thế không thể gọi là phí phạm thời gian được. Còn công việc à, tất cả mọi việc đều sẽ tự giải quyết, khi em ngồi xuống."

Các cô cười khúc khích, họ nhìn nhau vừa hồn nhiên vừa diễu cợt:

"Làm sao được! Công việc chỉ càng thêm chồng chất trong khi mình trễ nải."

"Thôi chị cho em lấy trà *to go* đi. Vừa được việc mà tinh thần vẫn được nghỉ ngơi."

Rồi các cô lại hấp tấp bỏ đi. Những cái tách mẹ rót cho các cô nguội dần. Họ không bao giờ chịu ngồi xuống cả.

Rồi bà hầu tước và các bạn lại đến ở một chỗ nào trong tầm mắt của tôi, họ ngồi ở một vị trí khác. Nếu chúng tôi ngồi trong nhà thì họ ở ngoài hiên, và ngược lại... Họ khẽ nghiêng tách - nhấp từng hớp trà, cắn nhẹ từng miếng bánh - nhẹ nhàng, quí phái, uể oải. Như thể đầu óc đang bận rộn với những ý tưởng dịu dàng, họ vừa hồi tưởng vừa trò chuyện. Một người đàn bà mảnh khảnh khẽ chúm môi thổi cho khói bay đi. Một người khác nước da trắng xanh, nghẹo đầu trong dáng tư lự, đăm đăm nhìn vào khoảng không trước mặt.

Một lúc nào đó họ chợt như đang lắng nghe. Họ có thể đang nghe chúng tôi nói chuyện. Họ như đang chờ đợi một điều gì. Một điều gì về phía chúng tôi. Một điều gì của thời gian. Tôi nhìn thấy hình ảnh chiếu ra từ những đôi mắt quanh bàn trà. Cái nhìn của họ trôi đi, rồi hút mất vào vùng không gian trên bàn. Dưới cái nhìn đó bình tách và mọi thứ, kể cả nếp khăn, đều ở một vị trí tuyệt đối - như chúng nằm ở một vùng bên ngoài mọi thứ đang có thật ,và cứ sẽ mãi mãi như vậy - không thể nào thay đổi.

Vào cuối mùa hè thì tôi đọc gần xong cuốn sách. Cô Ty Lê mỗi lần gặp tôi vẫn kêu ầm lên: "Khiếp, sao nó cứ đọc mãi cuốn sách này thế! Bao giờ mới xong đây?"

Hôm đó trời đổ mưa rất lạ. Vùng tôi ở vốn không bao giờ mưa vào mùa hạ. Vậy mà hôm đó trời nặng chĩu mây, mây thì như những cái túi đen khổng lồ bị thủng, và nước từ đó tuôn ra xối xả. Mưa bắt đầu lúc bốn giờ, càng lúc càng nặng hột, đến năm giờ chiều thì khu vườn sau nhà đã trở thành một hồ nước mênh mông.

Các cô diện lắm vì họ dự tính đi coi trình diễn thời trang. Áo đầm đen và những viên đá lấp lánh quanh bộ ngực trần của cô Y Ka. Bộ đồ da bóng

lưỡng bó sát thân hình gọn ghẽ trẻ trung của cô Ty Lê. Họ bồn chồn chờ cơn mưa qua. Không thể lái xe mui trần đi giữa một cơn mưa như thế được. Cái mui vải không thể kéo lên được đã lâu, nhưng họ nghĩ chưa cần sửa vội, vì có ai ngờ mùa này mà lại mưa đâu.

Các cô thở dài tựa cửa nhìn trời. Họ làm như nếu nhìn mãi thì mưa sẽ phải tạnh ngay theo ý họ.

"Sốt ruột quá đi mất. Đến trễ thì tiếc lắm." Cô Y Ka than thở.

"Hay gọi ai đến đón chúng mình vậy."

" Ừ nhỉ, thế mà không nghĩ ra!" Cô Ty Lê hớn hở.

Họ gọi hết số này sang số khác. Không người nào bắt máy.

"Sao gọi điện thoại cầm tay cũng không được?"

"Cô Y Ka nhìn đồng hồ:

"Sắp đến giờ trình diễn, phải tắt điện thoại đi chứ. Chúng nó chắc đến nơi cả rồi. Chán thật."

Mẹ dọn trà trong bếp cho ấm cúng. Tôi mang bộ ấm tách đẹp nhất ra bàn. Đường, sữa, kem, mật ong tươm tất trong bình bạc. Muỗng nĩa gọn gàng trên những chiếc khăn ren màu ngà. Trà có mùi hoa trái. Lò nướng thơm lừng mùi bánh ngọt. Tiếng nước sôi réo lẫn vào tiếng mưa quất mạnh trên cửa kính. Chỉ thiếu mỗi tiếng củi nổ lách tách trong lò sưởi, tôi nghĩ, nhưng bây giờ vẫn đang mùa hè mà. Thật lạ, cơn mưa chiều nay!

Mẹ ngồi vào bàn, cắt bánh, rót trà vào những cái tách mỏng manh vẽ hoa:

"Thôi ngồi xuống đây đi. Uống trà với chị xong là tạnh mưa ngay."

Các cô ngồi vào bàn. Tay chống cằm, buồn bã. Đây là lần đầu tiên họ cùng ngồi xuống với chúng tôi. Họ yên lặng ăn bánh, lơ đãng nhìn khói xanh phảng qua mặt, nhấp từng ngụm trà trong điệu bộ chậm rãi hiếm thấy.

"Trà gì thế chị?"

"Trà xanh em ạ."

Tôi bảo cô:

"Nó có mùi đào chín cô ngửi đi. Mẹ có trà táo, trà sen, trà nhài. Mẹ có trà hồng, trà cúc, trà mạn. Nhiều lắm! Có cả trà Nhật, trà tuyết, trà lá trúc nữa."

Các cô cười ầm lên, vui thích:

"Eo ôi, con bé này có nhiều tên trà hay quá nhỉ."

"Con của chị có khác." Cô Y Ka vừa nói vừa nhìn mẹ.

"Thế trà nào ngon nhất hả bé?"

Tiếng cười của các cô trong trẻo hẳn khi những tách trà vơi dần. Họ đã quên hẳn cơn mưa chiều tầm tã bên ngoài. Mẹ bắt đầu nói về từng loại trà. Tôi đưa cuốn sách cho cô Ty Lê coi. Cô chăm chú nhìn bức chân dung bà hầu tước. Bà đang mặc bộ áo sang trọng nhất: hàng sa tanh lấp lánh màu tím biếc với những giải lụa bạc vắt chéo ngang mình, nón nhung đen trang trí bằng những chùm hoa cùng hàng áo, một cái lông chim xanh

NGUYỄN TƯỜNG GIANG

Tìm 45

Chiều bạc, đầu trăng, nắng phơ phơ
Tôi đi đất nhỏ, cỏ bến bờ
Giữa rừng lau trắng gió xào xạc
Bật nẩy trong tim trí nhớ thừa

Trí nhớ như cung tên hiểm ác
Bắn giữa hồng tâm, dĩ vãng tim
Lá vàng lả tả thu âm nắng
Kẻ ở người đi, đường phố im

Người đi, về núi rừng xa vắng
Ngược xuôi sông lạnh áo sờn vai
Cơm nứa, gạo rang, lòng đất ẩm
Đàn ai, đêm khuya vọng tháng ngày

Kẻ ở, phất phơ đời chật hẹp
Tường vôi, phố cũ, gác thân quen
Ngơ ngác nhìn qua khung cửa sổ
Lá bàng rơi mấy độ thu qua

Nửa đêm, đầy bóng trăng ngoài cửa
Gió lạnh lùa, gai nhọn thịt da
Ta có bao giờ quên ngày cũ
45, 45 giờ đã xa.

11/20/95 – 1/17/96

ngọc cài nghiêng bên nón, và đầu bà cũng hơi nghiêng về phía có lông chim.

Cô để ý đến bàn tay của bà ta:

"Bàn tay mũm mĩm nuột nà như không có xương, đó là tay của những người sung sướng. Mà họ sung sướng thật đấy, chỉ có việc ngồi uống trà chờ đến giờ ăn cơm tối. Trong khi chúng mình lúc nào cũng vội vã, không có giờ ăn, không có giờ ngủ."

"Có ai cấm em không ăn, không ngủ đâu?"

"Nhưng mà công việc không cho phép, chị ơi!"

"Chẳng bao giờ rảnh cả."

Mẹ ngả người ra sau, hai tay buông thõng ngoài thành ghế:

"Thì bây giờ các em đang rảnh đấy."

Cô Y Ka khẽ lắc đầu:

"Thời gian bỏ trống là thời gian vứt đi. Coi như là mất. Không có ai cho mình thời gian cả."

Mẹ bảo:

"Cứ ngồi xuống đây với một tách trà, em sẽ có thời gian. Chị muốn nói, ngồi xuống cạnh một cái bàn có trà, có mùi thơm của trà và bánh, của mứt và kem, cạnh một bình hoa, cạnh tất cả những thứ ngọt ngào nhất làm cho em vui sướng. Đó là một thứ thời gian em có thể vừa ngửi, vừa uống, vừa ăn, vừa nhìn thấy được."

Cô Y Ka thở dài:

"Em sẽ làm thế, giá như em có thêm một ngày nữa trong tuần, hay một giờ nữa trong ngày."

"Dù em có thêm giờ mà em không ngồi xuống, thì tất cả cũng sẽ trôi đi rất nhanh. Cứ ngồi xuống thì tất cả sẽ đâu vào đó"

Mẹ nói bằng một giọng nhẹ nhàng khẳng định. Mẹ là một người dè dặt và chỉ lên tiếng khi biết chắc rằng mình đúng:

"Mọi sự bận rộn sẽ ngồi xuống đây, và chấm dứt. Thời gian sẽ rộng rãi vô cùng, em không thể nào ngờ được."

Khói từ tách trà phủ lên không khí một vẻ mơ màng, và những người ngồi quanh bàn chìm vào một dáng điệu chùng lắng thư thả hẳn. Những đôi mắt của các cô khép lại một nửa, nhìn xuống. Bây giờ họ ngồi như dính vào ghế, một cách hoàn toàn thoải mái. Không ai nói gì nữa cả.

Buổi chiều trôi qua rất chậm. Mưa đều đều đổ xuống khu vườn bên ngoài. Mưa nhìn qua khung cửa trông xanh mướt. Màu xanh của sương mù đang tỏa ra từ những bụi cây và những vòm lá rũ rượi. Những khoảng cỏ mờ mịt hơi nước cũng xanh lướt thướt như mưa.

Đó chính là cơn mưa xứ Bedford. Mưa như một giấc ngủ ban chiều, rất đỗi êm đềm. Những cơn mưa như vậy đầy dẫy trong cuốn sách của bà hầu tước.

Chiều hôm đó thế là tôi đọc xong cuốn sách. Phần kết như thế này:

"Chỉ vẫn là một không gian duy nhất, với những cái tách mãi mãi thuộc về bà hầu tước của chúng ta - những tách trà kéo dài nhiều thế kỷ, dù trăm năm rất ngắn sẽ vụt lướt qua. Những cái tách biết nói.và sẽ nói lên điều ấy: tách màu cam nhắc nhở những câu chuyện nồng ấm, tách màu xanh êm như một tiếng cười trẻ trung, và tách màu tím là hồi tưởng của buổi chiều khi chúng ta ngồi xuống – khi thời gian tràn đến bằng nhiều ngả không ngờ... Giờ trà lúc nào cũng chờ đón chúng ta bằng tất cả nồng ấm và thiện cảm. Đó là nơi chúng ta hẹn gặp với chính mình, và hẹn với những điều thân thiết nhất."

Trong hình vẽ cuối cùng, những người đàn bà trở nên linh động cực kỳ. Người rót trà cứ rót mãi không ngừng, bởi đó là hành động sẽ kéo dài vô tận. Người đang đứng tựa cửa sổ sẽ từ từ ngồi xuống. Người ngồi chìm trong suy nghĩ sẽ ngồi mãi với những ý tưởng quanh mình, những ý tưởng đã buộc dính họ vào cái ghế.

Và tôi chợt rùng mình:

Thơ Thơ

Họ đã đến rất gần. Họ đang ngồi cùng bàn với tôi. Vẫn trong một không gian duy nhất: Mẹ - cô Ty Lê – cô Y Ka đang nhìn khói bốc lên từ những cái tách đẹp đẽ trước mặt. Cái nhìn trôi đi, và tôi thấy hình ảnh chiếu ra từ những đôi mắt ấy. Họ ngồi hai vai buông xuôi, họ đang chìm vào một nửa tối của buổi chiều trong nhà. Góc họ ngồi bây giờ đã tan vào trong một bình trà pha loãng.

* Tác giả Thơ Thơ là cháu ngoại của nhà văn Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long.

CẬU ẤM ĐI BẮN VỊT TRỜI

NHẤT LINH

Tranh Nhất Linh

Ấp cụ Án ở cách xóm Cầu Mới vài trăm thước. Cụ Án ông đã mất hơn hai mươi năm trước nên người trong xóm không ai biết mặt. Cụ Án bà thì vì liệt một bàn chân, đi lại rất khó khăn và phải chống nạng nên không ra khỏi cửa, vì thế cũng rất ít người biết mặt. Chung quanh ấp lũy tre bao vây dầy đặc, "con gà chui không lọt"; vào ấp chỉ có một lối đi nhưng có đến ba cái cổng: ở ngoài cùng là một cái cổng gạch, ô-tô đi lọt, cái cổng thứ hai và thứ ba trước kia bằng gỗ nhưng bây giờ vì đổ nên thay bằng hai cái cổng tre trống. Trước kia vì cụ Án còn ruộng ở chung quanh nên người ra vào tấp nập; gần đây cụ bán dần hết nên không mấy người vào ấp nữa; mọi người đều ngại gọi cổng, phải đợi người nhà ra mở ba cái cửa, lại đợi người nhà đóng hết ba cái cửa, rồi vào đến sân lại gặp một đàn chó dữ. Vả lại cũng không ai có công việc gì cần vào ấp. Dân xóm ngày ngày nhìn thấy cái lũy tre cao trước mặt nhưng còn ở trong lũy tre ấy cái nhà cụ Án ở và cả cụ Án nữa mà họ vẫn nhắc đến tên luôn thì đối với họ như là ở một thế giới xa xôi, bí mật. Mỗi ngày hai lần người nhà ra phố mua thức ăn nhưng anh người nhà lại rất ít nói và hình như có lệnh cấm không được nói chuyện với ai về công việc ở trong ấp.

Mợ Ấm Hải con dâu cụ Án thỉnh thoảng lắm mới ra phố và mỗi lần nàng ra phố là cả dân phố ngừng công việc để ngắm. Họ tưởng mợ như vừa ở trên trời rơi xuống, mới ở một cảnh tiên nào hiện ra. Mợ ăn mặc rất sang, người mợ đẹp, mắt đen và sáng và nhất là nước da của mợ được họ chú ý đến nhất. Mợ đi đến cửa nhà lão Nhai thì Hai Diên ở cách đấy một nhà thì thầm bảo chồng:

- Người đâu trắng như bột.

Mợ đi qua nhà Hai Diên thì cả nhà Hai Diên lại đứng yên tắp để ngắm và lại đến lượt mẹ Liễn ở bên cạnh khen:

- Hai má như hai quả trứng gà bóc.

Hai bà cụ Huế vì ở Kinh Đô nên thường tấm tắc:

- Trắng hơn cả bà Hoàng Hậu.

Chỉ có cậu Ấm Hải là hay ra phố luôn hoặc đi chơi hay đi bắn chim nên ai cũng thấy cậu tầm thường, không có gì đặc biệt hơn người. Cũng vì thế nên Hải thấy mình tự do, đi đâu không ai chú ý, không như vợ chàng mỗi lần ra phố về lại than phiền:

- Họ cứ nhìn trông trọc vào mình như nhìn một con vật lạ.

Có lần Hải bảo vợ:

- Thì tại em là một con vật lạ thật. Ai bảo lại ăn mặc sang thế kia.

- Thì chỉ có mỗi một bộ áo, không mặc nó thì mặc áo cánh ra phố à?

- Thế tại làm sao da lại trắng thế?

- Giời sinh ra, làm thế nào?

- Thế tại sao mắt Duyên lại đẹp thế, má Duyên lại hồng thế, môi duyên lại tươi thế?

Thế là Hải kéo vợ vào lòng, hôn luôn mấy cái:

- Mình ăn mặc thế này hôn mình tưởng như là hôm mới cưới nhau. Sao mình không mặc luôn?

- Mặc luôn thì rách.

Bỗng Duyên đẩy chồng ra:

- Cái áo gần mười năm, ôm chặt lấy người ta rách tung cả ra rồi.

Hai vợ chồng cùng cười rồi lại ôm chặt lấy nhau hơn trước và sung sướng. Hôm ấy Duyên phải ngồi cả buổi chiều mạng lại chỗ bục ở vai. Nàng sung sướng nghĩ đến tình vợ chồng yêu nhau cứ mỗi ngày một tăng. Tuy nhà bắt đầu sa sút, không có nhiều tiền để sắm sửa thêm, nhưng tiền riêng của nàng vẫn còn một ít và đồ tư trang của nàng vẫn còn nguyên, nếu tần tiện thì cũng không phải tiêu đến nó. Hai đứa con nàng còn nhỏ, chưa phải đi học nên cũng không mấy tốn kém. Họa chăng tốn tiền nhất là những hôm Hải đi Hà Nội mua đạn:

- Mua đạn để toàn bắn những cò là cò.

Hải hay bắn cò vì cò dễ bắn trúng và lúc nào muốn bắn cũng có sẵn cò, không phải đi xa tìm kiếm.

Tuy là tốn tiền mà chỉ được ăn thịt cò, ăn nhiều đến nỗi bây giờ nuốt không trôi nữa phải đem cho, nhưng mỗi lần chồng hỏi tiền để đi Hà-Nội mua đạn thì nàng vẫn đưa một cách vui vẻ vì thấy chồng chỉ có mỗi cái thú bắn cò ấy. Độ này Duyên lại thấy Hải hay đi bắn luôn và tuy không được con cò nào(hay được nhiều quá nhưng không dám đem về sợ vợ buồn nôn chăng(nhưng đạn thì chóng hết và hay đi Hà-Nội luôn.

*

- Cậu lại sắp đi bắn à? Bắn luôn thế tốn đạn chết?

Ăn cơm sáng xong, thấy chồng đem súng tháo ra lau dầu, Duyên đến gần xem. Hải nói:

- Có lau hộ người ta không nào?

- Bẩn tay chết.

Hải cầm cái giẻ đầy dầu quệt mạnh một cái lên bàn tay trắng nõn của vợ:

- Bây giờ lau đi, lau súng chứ không phải lau tay, đằng nào cũng bẩn rồi; nói léo nhéo cái gì.

Duyên dí ngay bàn tay bẩn vào mũi Hải; xoa xoa mấy cái cho mũi Hải thật đen bóng. Hải cứ để yên mặc vợ xoa không nói gì.

Duyên cười:

- Người ta mới nói có thế mà đã tìm cách báo thù. Hay là chỉ cốt bắn phung phí cho chóng hết đạn để lên Hà-Nội với con ranh nào...

Đương lau súng, Duyên như chợt nghĩ ra một điều gì, bảo chồng:

- Bắn, sao độ này không nghe thấy tiếng súng?

Hải trả lời ngay vì câu trả lời đã nằm sẵn ở trong óc chàng từ lâu:

- Người ta đi bắn vịt giời, ở mãi tận cánh đồng Nậu.

Duyên ngơ ngác, lấy làm phục:

- Cậu mà cũng bắn được vịt giời cơ à?

Hải nhấc cái nòng súng đưa ra ánh sáng, nhắm một bên mắt và nhìn vào vợ chứ không nhìn vào lòng súng rồi nói:

- Bắn được.

Yên lặng một lúc Duyên lại hỏi:

- Thế có trúng không?

- Không trúng.

Duyên gật gù đầu:

- Tài nhỉ.

- Tôi tài hay vịt giời tài?

Hải nhìn ra sân không có ai, vội đưa đầu ra đằng trước và hôn vào môi vợ một cái.

Duyên nghiệm ra rằng độ này chồng hay có những lúc vui vẻ đột ngột, nói đùa luôn miệng và có khi đương đêm cũng đánh thức nàng dậy:

- Người ta đương thấy thinh thích trong người, dậy đi nói chuyện với nhau cho vui đi em.

Hôm nay, thấy tự nhiên đang lau súng Hải lại hôn mình, nàng nhìn chàng nói:

- Lại lên cơn điên vui có phải không?

Bỗng nàng ngơ ngác, nét mặt yên tắp. Nàng vừa để ý đến vết dầu đen ở mũi chồng và chợt hiểu tại sao chồng lại hôn mình. Hải nhìn vào mũi Duyên rồi cất tiếng cười to.

Duyên nói:

- Đồ tiểu nhân báo thù.

Hải đáp:

- Khổng-Tử đã dậy: Không nên làm cho người khác cái gì mà mình không muốn người khác làm cho mình.

- Thế sao cậu lại làm mũi em đen?

- Câu ấy ám chỉ vào một mình mợ thôi, còn tôi hôn tức là tôi theo đúng lời thánh dậy: làm cho

người khác cái gì mà mình thấy thinh thích muốn người khác làm cho mình. Mợ hiểu ý chưa?

Chàng đưa đầu ra đằng trước, chờ Duyên hôn lại, Duyên cười:

- Thánh đâu lại dậy cái câu buồn cười thế. Thánh đâu lại nói thấy thinh thích...

Duyên hôn lại chồng, vừa hôn vừa nói:

- Đằng nào mũi cũng đen rồi.

Hải cười, nói:

- Ồ, mợ làm thơ. "Đằng nào mũi cũng đen rồi," nhưng câu thơ ấy buồn lắm.

Một lúc sau, bác người nhà lên đưa Hải đôi giầy. Bác nhìn vào mũi cậu Ấm rồi lại nhìn vào mũi mợ ấm, nhưng bác không dám cười, vội vàng đi ngay xuống nhà dưới.

Hải đi giầy, đeo súng, với cái mũ đi săn đội lên đầu, nhìn cái đầu súng rồi lại nhìn vợ. Duyên cũng nhìn đầu súng rồi nhìn chồng gật đầu mấy cái, tỏ vẻ hiểu ý chồng. Hải ra tủ lén vợ lấy cuốn tiểu thuyết đút vào túi. Rồi chàng cho tay vào ngực xem đã có gói chè tàu ngon trong ấy chưa.

Tranh Nhất Linh

Duyên đứng nhìn theo chồng đi ra sân, nghĩ thầm:

- Độ này anh Hải lại dám bắn cả vịt giời. Nhưng chưa khoe với mình vì chưa bắn trúng con nào.

Nàng nuốt nước bọt vì nàng nghĩ bắn mãi thì rồi cũng có ngày trúng một con và thịt vịt trời chắc hẳn phải ngon, không như thịt cò tanh chết, cho bao nhiêu xả cũng không hết tanh, mà ăn mãi lại sợ mùi xả hơn cả mùi tanh của cò.

*

- Cậu Ấm đi bắn vịt giời.

- Cậu Ấm đi sang cánh đồng Nậu.

Đó là những lời trẻ con ở xóm nói với Hải mỗi lần chàng vác súng đi qua. Trước kia còn đi bắn cò, bắn chim gáy, bao giờ theo sau Hải cũng có hai ba đứa trẻ; chúng lội xuống ruộng, chui vào bụi rậm để nhặt chim cho chàng. Hải đuổi chúng đi, chúng cũng không đi. Thành thử rất khó khăn cho việc riêng của chàng bây giờ. Vì vậy chàng nghĩ ra kế đi bắn vịt trời ở tận cánh đồng Nậu, xa quá chúng không theo được. Chúng đợi mãi chưa thấy lần nào Hải xách vịt về nên chúng thất vọng và có đứa bảo Hải:

- Cậu Ấm không đi bắn cò để cháu xách nữa à? Vịt giời thì cậu bắn thế nào được?

Nghe câu ấy, Hải nghĩ bắn vịt trời dễ hơn bắn cò vì vịt trời to hơn nhưng cái khó là làm thế nào đến được gần sát nó như là đến gần cò. Cái súng cổ của chàng không thể bắn xa mà chết vịt được, chỉ trừ may ra trúng ngay đầu vịt, chứ thực ra tài bắn của chàng không đến nỗi để đến cả trẻ con cũng khinh. Súng chàng không bắn được vịt trời, biết thế nhưng chàng không nói ra cho vợ rõ và tuy những đứa bé tỏ lời khinh thị chàng cũng không nói ra để chống chế. Súng không bắn được vịt trời mà cứ đi bắn vịt trời là một sự vô lý.

Hải đi qua Xóm Cầu Mới, đi qua phố Phủ rồi đến nửa đường sang làng Nậu, tới chỗ cái quán làng Cầu có cây đa con gà, chàng ngồi xuống lấy thuốc lá hút. Hút xong chàng ngồi nghỉ, giở tiểu thuyết ra đọc và khi đã đến giờ, chàng đứng lên. Đưa mắt tìm không có con chim nào, chàng bắn chỉ thiên một phát để có chứng cớ là súng có bắn đạn. Lúc đầu chàng còn chịu khó đi đến tận cánh đồng làng Nậu vì chàng nghĩ nếu gặp vịt dẫu xa đến đâu thì xa cũng cứ bắn bừa một phát may ra trúng đầu vịt hay mắt vịt chăng. Về sau chàng thấy vô ích và đi xa quá mỏi chân, cứ đến quán

làng Cầu là chàng ngừng lại. Chỗ ấy vắng, không ai biết chàng ra đấy và nếu có ai quen đi qua cũng chỉ cho là chàng đi săn mệt, ngồi nghỉ chân một lát.

Lúc trở về, Hải không đi qua Xóm Cầu Mới. Trước khi đến cầu, chàng rẽ sang con đường đi về làng Trò vì từ ở Phủ về ấp của chàng có hai con đường: con đường đi qua Xóm Cầu Mới thì có cầu và con đường đi qua làng Trò gần hơn một ít nhưng lại phải qua đò. Đi trên con đường vào làng Trò có thể trông thấy lũy tre ấp và tuy biết là đứng ở hiên nhà nhìn ra không thấy được con đường (chàng đã xem xét cẩn thận rồi) và Duyên ít khi đem con ra cổng đứng chơi, nhưng chàng cũng để súng sát vào cạnh sườn bên trái ngộ nhỡ Duyên có ra cổng ngoài nhìn về phía ấy thì ở xa không có súng không thể nhận ra chàng được. Vào làng, Hải chọn những con đường vắng nhất và tuy vác súng đi vào làng Trò để kiếm chim là một sự tự nhiên mà thấy có người tò mò nhìn, chàng cũng ngường ngượng như là người ta đã biết chàng vào đấy không phải là để bắn chim. Nhất là lúc chàng đi khỏi, nếu họ nói với nhau câu gì chàng nghe không rõ thì chàng lo sợ tưởng họ nói cạnh đến mình. Tới chỗ đường rẽ ra bến Trò, Hải cũng cứ đi thẳng. Đến tận cuối làng, chỗ có cái cổng gạch làng mở ra cánh đồng, quay lại nhìn phía sau không có ai chàng đi rẽ sang bên phải lần theo hàng dậu ruối đi thật nhanh và khi đến cổng một cái nhà tranh, chàng dừng lại, đứng sát vào cửa cho người đi ở ngoài đường cái làng không trông thấy.

Hải nhìn qua những cành tre ở cạnh cổng. Một cơn gió thoảng qua; bóng lá tre và bóng nắng chạy loang loáng trên sân đất nhẵn bóng và quét sạch. Tuy trời giá rét nhưng chàng thấy cái cảnh bóng lá tre rung động là mát và cả gió cũng mát nữa. Có hai con gà đứng sưởi nắng ở cạnh gốc đậu ván, lấm tấm hoa tím. Cả những cảnh nhỏ nhặt ấy chàng cũng để ý đến và thấy đẹp như trong một thế giới bồng lai nào.

Chàng cất tiếng gọi:

- Bác Hiên ơi!

Có tiếng kẹt cửa rồi bác Hiên gái bước ra, mỉm cười nói:

- Bẩm cậu đến.

Bác ra chống cửa tre, đợi Hải đi qua, lại hạ xuống ngay, cài chốt rồi đi vào nhà và cũng đóng ngay cửa nhà lại. Hải nhìn thấy cái giường không, thất vọng:

- Bác giai đi vắng?

- Vâng thưa cậu, thầy cháu có việc phải sang Yên Ninh.

- Thế độ bao giờ thì về.

- Bẩm cậu không biết có lẽ tối xẩm mới về.

- Phiền nhỉ, bây giờ mới độ ba giờ chiều mà đợi đến tối thì tôi không thể đợi được.

Nói thế nhưng chàng cũng cứ bỏ mũ, đặt súng, lại giường ngồi, nói với bác Hiên gái:

- Làm thế nào bây giờ?

Bác Hiên gái không trả lời câu Hải hỏi, nàng nói:

- Để cháu đi đun nước.

Hải móc ở túi ra gói chè đưa cho bác Hiên và hỏi:

- Nhà còn thuốc không?

Nhà còn thuốc nhưng bác Hiên gái đáp:

- Thưa cậu không, để cháu chạy đi mua, chỉ một lát thôi.

Hải nhìn bác Hiên một lúc rồi ngượng ngập nói:

- Nhưng tôi không biết tiêm.

- Cháu biết tiêm. Nếu cậu không chê là tiêm vụng thì để hôm nay cháu tiêm hầu cậu.

- Thôi cũng được.

Biết là sức mình chỉ hút hết hai hào chàng cũng đưa cả cho bác Hiên ba hào để bác đi mua, ăn bớt thì vừa đúng ngữ say của chàng.

Bác Hiên đi khỏi, Hải kéo gối nằm ngửa trên giường, nhìn trần nhà.

*

Lần đầu tiên chàng đến đây đã trên tám tháng. Hôm ấy chàng bắn chết một con chim gáy và chim lại rơi vào phía sau nhà bác Hiên. Trẻ con không có đứa nào theo nên chàng phải vào nhặt và vì tay rấy máu chim chàng phải lại cái cóng nước gần chỗ bác Hiên trai nằm hút thuốc để rửa tay. Bác Hiên ngồi dậy rồi chào mời chàng vào uống nước và sơi điếu thuốc cho đỡ mệt. Thế là sự tình cờ đã xui chàng hút điếu thuốc phiện đầu tiên trong đời. Chàng hút luôn hai điếu nữa chỉ cốt hút nhiều một tí để có cớ trả tiền, bác Hiên khỏi từ chối. Lại vì sự tình cờ hút ba điếu là vừa đúng ngữ say (về sau chàng mới biết rõ là đúng ngữ) nên hôm ấy chàng thấy chưa bao giờ trong người sung sướng dễ chịu như thế.

Ở nhà bác Hiên đi ra, chàng đứng lại ở sân nhìn và không bao giờ chàng quên được lúc đó. Gió rét nhưng trong người chàng ấm áp; chàng ngạt mũi thấy nóng và hơi ngứa ở hai lỗ mũi phải thở mạnh luôn nhưng cả đến cái ngạt mũi cũng

dễ chịu lắm. Người chàng hơi lảo đảo, lơ mơ nhưng không lúc nào trí chàng sáng suốt đến thế, óc chàng như trong hẳn ra. Cái sung sướng của chàng không phải là cái sung sướng mê man của những người đương yêu hay say rượu; từng thớ thịt, từng thớ xương, khắp người chàng thì sung sướng bàng hoàng nhưng trí chàng thì lại tỉnh táo để nhận thấy rõ hơn cái sung sướng của thân thể.

Gió lạnh rào rào trong lũy tre, lá tre rung rung, và các đầu ngọn tre ngả nghiêng trước gió, mọi cái chàng nhìn thấy rõ ràng trước mắt nhưng hình như lại ở tận đâu đâu, ở một thế giới nào khác và thế giới ấy là một thế giới sung sướng, vui vẻ.

Tối về nằm, gối đầu vào cánh tay vợ, lúc đó thuốc đã ngấm cái thú của chàng lại hơi khác. Chàng có cái khoan khoái của người đương thiu thiu buồn ngủ sau mấy đêm không được ngủ và cái thú thiu thiu buồn ngủ ấy lại kéo dài đến mấy giờ đồng hồ. Thỉnh thoảng chàng lại cựa quậy mấy cái, sợ mình ngủ thật đi mất; ngay những lúc mà chàng thiêm thiếp tưởng mình ngủ rồi thì lạ lắm, óc ngủ nhưng riêng thân thể chàng vẫn thức để cảm thấy sung sướng; cái sung sướng ấy nó cũng ngủ như thân thể chàng; đến khi chàng cựa tay, lắc đầu cho tỉnh giấc thì cái sung sướng ấy cũng thức dậy.

Thế rồi nửa tháng sau chàng lại đến nhà bác Hiên và cứ đến đều đều như thế trong ba tháng. Rồi cái hạn rút ngắn xuống mười ngày, một tuần lễ; bây giờ thì cứ năm ngày chàng đến một lần và chàng cố giữ như vậy đã được hai tháng rồi. Chàng đã bắt đầu phải để ý đến tiền hút nhưng đối với bác Hiên chàng vẫn chi tiền rộng rãi vì chàng nghĩ một tháng hút sáu bẩy lần không tốn bao nhiêu; hai giờ đồng hồ chàng nằm ở nhà bác là hai giờ sống thần tiên, chàng muốn hai bác Hiên lúc nào cũng vui vẻ tiếp đãi chàng. Tiền Duyên đưa chàng đi Hà Nội và tiền mua đạn chàng đã để dành được một số; đã lâu chàng không đi Hà Nội nữa, đi chơi vơ vẩn ở các làng xa đến giờ xe lửa đêm ở Hà Nội về thì chàng cũng về nhà ga như mình ở xe lửa xuống. Đạn thì mỗi lần chỉ bắn một viên; sợ trẻ con theo đông không tiện và sợ mọi người không nghe thấy tiếng súng nên chàng bỏ bắn cò và vì thế chàng đi bắn vịt trời.

*

Bác Hiên gái đã đi mua thuốc về. Bác đặt lên giường cái khay thuốc và thắp đèn. Bác đi xuống nhà bếp lấy ấm nước sôi pha chè rót vào một cái chén riêng mời Hải uống.

- Xin phép cậu.

Nàng vén áo ngồi lên giường và bắt đầu hơ nướng thuốc. Hải lấy ở túi ra một cái bánh khảo nhân đỗ đen và một quả quýt mới mua ở phố phủ. Bao giờ chàng cũng phải mua quýt, cam hay bưởi để khi về đến cổng thì cấu một ít vỏ lấy nước thơm soa lên môi cho vợ khỏi ngửi thấy mùi thuốc phiện. Cứ thế bao lần rồi mà Duyên không để ý.

- Đàn bà tinh ranh lắm nhưng vợ mình thì ngớ ngẩn.

Hải ngồi dậy, cởi giầy rồi kéo cái chăn đắp lên chân. Chàng nằm nhìn bác Hiên gái nướng thuốc. Không biết vì thuốc có pha hay vì vụng tay mà điếu thuốc cứ thỉnh thoảng lại rớt xuống đèn. Mỗi lần có một giọt sắp rớt xuống thì môi bác Hiên lại trễ xuống một cái. Rồi nàng lại mỉm cười nhìn Hải.

Hải vẫn thấy bác Hiên đẹp nhưng lần đầu tiên chàng được nhìn kỹ nét mặt. Nằm đợi bác tiêm, Hải tha hồ ngắm: đôi mắt bác, chàng thấy có vẻ thơ ngây vì có hàng lông mi dài và cong lên; đôi môi bác có duyên ở chỗ hai bên mép lại cong xuống một tí, hai cái lúm đồng tiền thì một cái cao một cái thấp và vì thế miệng lại có vẻ tinh nghịch. Chàng giơ bàn tay như để che ánh đèn chói nhưng thực ra chỉ cốt để che nửa mặt dưới chỉ nhìn hai con mắt, rồi lại che hai con mắt chỉ nhìn nửa mặt dưới. Chàng thấy như là nhìn hai người đàn bà và bất giác bật cười làm bác Hiên lại nhìn chàng nhanh một cái tưởng như Hải chê mình tiêm vụng.

Hải nghĩ nếu lần nào cũng được bác Hiên gái tiêm thì thật hoàn toàn. Căn nhà này ở chỗ cuối làng, đi ra đi vào không ai nhìn thấy; nhà lại chỉ có hai vợ chồng tính nết kín đáo, và không có con, không có khách, chàng nằm hút hàng giờ được yên tâm. Hai vợ chồng vì thỉnh thoảng chàng đến hút kiếm thêm được ít nhiều, nên chiều chuộng chàng hết sức. Mỗi lần chàng đến, chàng có cái ý nghĩ đã làm cho người khác được nhờ mình và cái ý nghĩ làm cho người khác vui vẻ ấy cũng cần cho cái thú hút thuốc phiện của chàng như nước chè ngon và bánh khảo.

Chàng thích nhất - và cái thích ấy hơi khác cái tính thích thông thường của những người hút thuốc - là căn nhà chàng nằm không tối hẳn và cũng không sáng quá. Tiếng gió trong lá tre, hoa nắng và bóng lá tre lấp loáng trong buồng, qua các cửa chấn song hé mở, ánh phản chiếu của nước sông

phía sau chạy lăn tăn vàng trên mái nhà, tất cả những cái đó - trong khi chàng say thuốc lơ mơ nằm yên - thì hoạt động quanh người chàng, tiếng gió rào rào lúc to lúc bé, ánh nắng vàng lúc sáng lúc nhạt, tất cả những cái rung rinh của thế giới ở ngoài làm tăng thêm rất nhiều cái thú yên tĩnh và thâm trầm ở trong thân thể chàng.

Hải đã hút đến điếu thứ năm và đã bắt đầu say. Trong khi cái hạn đến hút của chàng thu ngắn lại thì số điếu thuốc đúng ngữ say của chàng tăng lên. Bây giờ chàng phải hút tám điếu mới đủ.

Bỗng Hải ngạc nhiên thấy bác Hiên đặt dọc tẩu và tiêm xuống, tay ôm bụng, đôi lông mày cau lại, thở mạnh.

- Bác sao thế?

- Bẩm cậu cháu đau bụng.

- Bác đau bụng à, hút một điếu thì khỏi ngay.

Hải giơ tay đỡ dọc tẩu để bác Hiên hút; nhìn thấy nàng hút có vẻ thạo, chàng hỏi:

- Bác đã hút bao giờ chưa?

Bác Hiên nằm ngửa, đưa tay ấn vào bụng; một lúc sau bác nói một mình:

- Kiến hiệu thật, hết hẳn đau.

Rồi nàng nói to với Hải:

- Bẩm cậu, khi nào đau thì phải hút. Lúc thường thầy cháu không cho.

Nàng vẫn nằm yên ngửa mặt, hai hàng lông mi đưa lên đưa xuống, và đôi môi mở rộng để thở. Hải thấy nàng nằm yên lâu lắm; chàng nóng ruột.

- Bác khỏi đau rồi thì lại tiêm đi chứ.

Bác Hiên ngồi thẳng dậy nói:

- Chết chửa.

- Bác cứ nằm tiêm cũng được chứ sao.

- Bẩm cậu, cháu không quen nằm tiêm. Bây giờ hết đau rồi, ngồi cũng không sao.

Hải thấy nét mặt bác Hiên biến đổi hẳn: hai con mắt sáng long lanh, đôi gò má ửng hồng và đôi môi đỏ thắm lại trông như mới nở mọng ra một ít và hơi khô khô; cả mặt như bừng bừng nóng, lông mi và đôi môi rung rung vì sung sướng.

Bác Hiên đưa mắt nhìn Hải và thấy hai con mắt Hải nhìn mình có vẻ khác. Hải nói:

- Cổng trống, bác cài then rồi chứ?

- Bẩm cậu cài rồi, cả cửa nhà nữa ạ.

Câu hỏi ấy rất thường vì lần nào Hải đến cũng dặn dò đóng cổng ngoài cẩn thận, nhưng hôm nay nàng thấy mang máng câu hỏi ấy có vẻ gì khác lạ. Vừa tiêm xong điếu thuốc, nàng đưa cho Hải. Hải ngồi dậy:

- Bác hút thêm một điếu nữa.

- Thưa cậu cháu khỏi đau rồi.

- Khỏi đau cũng cứ hút cho đủ say.

Hải đặt dọc tẩu vào bàn tay nàng; Hiên đẩy ra, và trong lúc giằng co tay Hải nhiều lần chạm vào tay nàng. Sau cùng Hải nắm hẳn lấy bàn tay Hiên, kéo nàng nằm xuống và bắt hút; Hải cũng giơ tay đỡ dọc tẩu và như vô tình bàn tay chàng đặt lên bàn tay Hiên. Tuy chàng đã hơn ba mươi tuổi nhưng lần này là lần đầu tiên trong đời chàng dám tình tứ cầm lấy tay một người đàn bà không phải vợ mình. Quả tim chàng đập mạnh, mặc dầu lúc đó vì say thuốc chàng đã trở nên bạo dạn gấp mười lúc thường.

Bác Hiên hút xong đặt dọc tẩu xuống, hai mắt nhắm lại và hai môi mở rộng ra thở mạnh.

- Cậu làm cháu say quá!

Tiếng nàng nói Hải nghe ấm áp và đầy lẳng lơ. Chàng cũng cố lấy giọng âu yếm nói tiếp theo:

-Say thế mới thú chứ!

Hải nhắm mắt lại: chàng nghĩ nếu được hôn vào đôi môi một người đàn bà đương say thuốc chắc là một cái thú mê hồn nhưng tuy thèm muốn, chàng cũng không dám đi xa hơn nữa. Không phải chàng sợ; bác Hiên trai có đột ngột trở về cũng phải gọi cổng, bác Hiên gái nếu không thuận cũng không dám làm rầm. Chàng chỉ sợ nếu bác Hiên không thuận thì chàng sẽ ngượng lắm, ngượng riêng với bác ta thôi và cái ngượng ấy sẽ làm vẩn đục cả cái vui của chàng mỗi khi đến đây hút thuốc. Thà bỏ qua một cái thú trong chốc lát về nhục dục còn hơn mất một chỗ hút thuận tiện và thú vị lâu bền. Hải cất tiếng nói với bác Hiên, giọng chàng trở lại bình thường:

- Bây giờ lại tiêm cho tôi hút chứ. Tôi thì tôi chưa đủ say như bác.

Hiên cười rồi ngồi dậy. Nàng cũng thấy nóng ran cả người vì thèm muốn chứ không phải vì say thuốc. Lấy một người chồng xấu xí nghiện ngập, lại không có đứa con nào, đời nàng thiếu thốn. Tuy vậy chưa một lần nào, nàng dám có ý nghĩ bất chính với chồng; nhưng hôm nay ngồi cùng một giường với một người đàn ông đẹp trai, và con nhà giòng dõi trong một căn nhà vắng, các cửa đóng hết, không sợ ai nghi ngờ, nàng đã thấy trong lòng hồi hộp và khổ sở vì thèm muốn. "Biết đâu không có đứa con" nàng nghĩ thế để che đậy sự rạo rực về nhục dục. Chính nàng đã giả vờ đau bụng để Hải mời hút thuốc và như thế nàng sẽ bạo dạn hơn.

Hiên với dọc tẩu, bắt đầu tiêm. Nhìn Hải, nàng biết thế là hết. Nàng thất vọng nhưng cũng thấy nhẹ người vì đã giữ được trong sạch với chồng./.

BÁC HÒA HÀNG CƠM

NHẤT LINH

Bến Cháy có độ mươi nóc nhà và trong đó có hàng cơm của bác Hòa. Mỗi lần Nhỡ kéo xe đến vùng lân cận đấy, vì xa Xóm Cầu Mới đêm tối không về được nên thường phải ngủ trọ ở hàng cơm bác Hòa, sáng hôm sau đón khách mới để khỏi phải kéo xe không về. Vì bến Cháy xa, nên họa hoằn lắm mới có khách đi từ Xóm Cầu Mới về; lần này sở dĩ có khách vì con đường từ các ga gần bến Cháy bị ngập nước.

Lúc kéo xe qua, thấy bác Hòa ở trong ngửng mặt nhìn ra, tự nhiên Nhỡ thấy vui vẻ như là vẫn mong đợi được gặp mặt nàng từ lâu, tuy những lúc thường Nhỡ không bao giờ nghĩ đến bác ta cả. Chàng cũng thấy thích là đến gần nửa năm không gặp mà bác ta nhận ngay được mình, nét mặt bác tươi hẳn lên tỏ vẻ vui mừng:

- Bác Nhỡ lát nữa ra đây nhé!

Rồi bác Hòa chào người khách ngồi trên xe:

- Ông Chánh đi Hải Phòng về.

Nhỡ để ý đến chỗ Hòa hỏi mình trước rồi mới chào ông Chánh sau. "Khách nhớ nhà hàng, nhà hàng không nhớ khách." Thế mà bác Hòa lại nhớ cả tên mình và gọi mình không chút lưỡng lự như quen thuộc từ đã lâu lắm.

Hòa ngồi nhìn theo cho đến khi cái xe khuất sau bụi tre đầu con đường rẽ vào làng Me. Bây giờ đã chiều, mà con đường ra ga ngập nước, rất có thể không có khách nào đêm nay. Hòa bế đứa con lên bốn của mình, đặt ngồi trên cái ghế đẩu rồi đi thổi cơm chiều.

Hòa góa chồng đã gần bốn năm nay từ trước khi đẻ đứa con đầu lòng. Lần đầu tiên gặp Nhỡ bác đã thấy mình mê ngay không để ý gì đến chỗ nàng hơn Nhỡ đến sáu bẩy tuổi. Vừa làm cơm Hòa vừa loay hoay xếp đặt cách thức tiếp đãi Nhỡ. Nàng nghĩ:

- Kéo ông Chánh đến tận làng Me, ra đến đây chắc vừa tối.

Thổi cơm xong, trời đã tối, nàng lên đèn mà cũng chưa thấy Nhỡ ra.

- Ngộ có việc gì ngăn cản không ra được chăng?

Nàng nhìn về phía bụi tre, ngồi yên đợi. Một người khách vác một cái tay nải vào ngồi ở ghế, lật bát nước chè. Hòa rót nước xong mới nhận thấy mình không đon đả chào hỏi gì người khách như lúc thường. Nàng nhìn người khách ngẫm nghĩ, cố nhớ xem người này đã có lần nào đến ngủ trọ chưa. Đã nhiều đêm nhà chỉ có mình nàng với một người khách đàn ông, nên nàng đã quen rồi và tuy có một vài người khách sàm sỡ song nàng không bị sa ngã bao giờ; nhưng nàng vẫn không ưa những đêm như thế vì sáng hôm sau nàng không khỏi thấy ngường ngượng với những người bên hàng xóm. Nàng cũng biết là họ cho nàng làm cái nghề cơm này không hợp với cảnh một người đàn bà góa, nhưng không làm thì không có cách gì nuôi thân nàng và nuôi con. Nhưng lần này thì nàng lại chỉ mong cho ông khách này không ngủ trọ ở đây.

Hòa nghĩ nếu hỏi ông ta thì biết ngay nhưng nàng không hỏi. Nàng thấy người khách nhìn vào trong nhà, rồi lại nhìn cái tay nải. Uống xong bát nước người ấy một tay cầm lấy đầu tay nải một tay móc túi lấy tiền. Lúc giơ tay nhận tiền nàng thấy bàn tay mình hơi run run. Bỗng nàng thấy người khách đến đường cái đứng dừng lại một lúc, lưỡng lự rồi quay trở vào.

- Bác bán cho một bao diêm.

Hòa thở nhẹ một cái. Lần này thì người khách đi thẳng. Cái sợ có người khách ngủ trọ và cái vui thoát được người khách lại làm cho nàng hồi hộp hơn. Tuy đã quá giờ đóng cửa, nàng cũng đợi một lúc lâu mới dám đóng. Nàng trải cái chiếu mới lên giường, bưng mâm cơm đặt ở giữa, rồi lấy một chai rượu con và hai cái chén đặt ở cạnh mâm. Nàng ra sau nhà múc một chậu nước đặt trên ghế, cạnh chậu vắt sẵn cái khăn mặt mới. Nàng đưa mắt nhìn mâm cơm và cái chậu thau. Tuy thường thường nàng vẫn bưng mâm, thau hầu khách như thế nhưng chỉ đêm nay nàng mới thấy là nàng nghĩ đến công việc mình làm, đến từng cử chỉ một. Mâm cơm sang bằng mâm cơm dọn cho người khách sang nhất.

Dọn cơm xong, nàng vào buồng, lục rương lấy ra cái váy sồi và cái áo the hoa mà nàng đã mặc

hôm cưới, rồi nàng thay quần áo và lấy gương ra soi ngắm nghía mặt mình. Nàng thấy nàng đẹp và mím môi ngắm nghía mình một lúc lâu. Rồi nàng đi ra ngoài nhà, ngồi đợi và nghe ngóng tiếng bên ngoài. Thằng Lương con nàng vẫn ngồi yên trên cái ghế đẩu. Nó gọi mẹ đòi ăn nhưng nàng bảo nó đợi; con nàng còn thức thì nàng ăn cùng mâm và uống rượu với Nhỡ tự nhiên hơn. Bỗng Hòa đứng dậy cầm một cái chén ở mâm cơm đem cất đi; nàng thấy để đến hai cái chén có vẻ lộ quá.

Có tiếng xe lăn lạch cạch ở đầu phố, Hòa ngồi thẳng người lắng tai nghe. Nàng cũng có cái cảm tưởng như là ngày trước lúc nàng ngồi đợi chồng về ăn cơm. Rồi nàng mỉm cười ngẫm nghĩ:

- Nhưng mà chồng trước ngồi trên xe cơ!

Cái xe mỗi lúc một gần và đỗ lại ở sân rồi có tiếng nón quạt. Hòa cất tiếng hỏi:

- Sao về muộn thế?

Tiếng nàng có nhiễm vẻ trách móc một cách thân yêu và nàng vừa nói vừa lắng tai nghe tiếng của mình. Hòa đứng lên mở cửa, đợi Nhỡ vào rồi thong thả cài then. Nhỡ đưa mắt nhìn mâm cơm sang và cái chậu thau với chiếc khăn trắng còn mới nguyên, không phải để dành cho hạng khách phu xe ăn cơm dưa cà như chàng.

- Hôm nay có khách nào thế?

- Không có khách nào cả.

- Thế mâm cơm?

Hòa yên lặng và lấy tay chỉ vào Nhỡ rồi lại chỉ vào mình như người câm làm hiệu. Nhỡ thấy là lạ cũng không nói, chỉ gật nhanh một cái và mở to mắt để tỏ vẻ ngạc nhiên. Chàng cũng thấy thích bắt chước Hòa làm người câm. Hòa gật gật đầu một lúc mấy cái. Nhỡ mỉm cười nhìn nàng một lúc và nàng cũng mỉm cười lại, rồi nàng cất tiếng nói nhưng rất khẽ:

- Hôm nay nhà tôi có giỗ.

Nhỡ nhìn vào mâm cơm:

- Thảo nào, thảo nào cơm sang thế này.

Lúc đó chàng mới để ý đến bộ quần áo khá sang của Hòa, không phải quần áo để mặc lúc thường nhật. Hòa nói:

- Bác đến vừa may.

Nàng chỉ cái thau nước, bảo Nhỡ:

- Mời bác đi rửa mặt cho mát.

Thấy vẻ mặt ngơ ngác của Nhỡ nàng tiếp theo:

- Hôm nay bác là khách đến ăn cỗ cơ mà. Phải thịnh soạn một tí chứ.

Nhỡ lau mặt thong thả, rồi cầm chậu thau định đem đổ. Hòa đã chạy ngay lại đỡ lấy chậu thau. Nhỡ giằng lại:

- Bác để tôi rửa chân. Hôm nay ăn cỗ cơ mà.

Không có guốc đàn ông, Hòa đưa cho Nhỡ đôi guốc của mình. Nhỡ rửa xong chân đi vào, vừa đi vừa gõ guốc xuống nền đất cho kêu coong coong; chàng thấy hơi là lạ ở hai bàn chân sạch và hơi man mát, đã lâu lắm mới lại đặt chân lên guốc. Trước mặt chàng dưới ánh đèn lại có mâm cỗ sang, lại có cả rượu nữa. Nét mặt Hòa dưới ánh đèn đương nhìn chàng đi lại, chàng thấy có vẻ êm dịu và vui lắm. Lúc nãy mới trông mặt Hòa chàng vui vui trong lòng không phải vì chàng coi Hòa như một người đàn bà mà chàng thấy muốn yêu: ngay từ lần đầu tiên gặp Hòa, Nhỡ để ý đến nàng không phải vì nhan sắc, Hòa không đẹp lại hơn tuổi nhiều quá. Nhưng nét mặt người bán hàng cơm ấy có cái gì hợp với chàng lắm; chàng mới nhìn đã thấy thân ngay như một người chị cả hiền từ và tốt bụng.

Nhỡ cười lên một tiếng rồi nói:

- Nào bây giờ ăn cỗ của bà chị.

Chàng ngồi lên trên giường, xếp bằng tròn rồi chống tay vào đùi, cúi mặt nhìn mâm đồ ăn, cười xòa một tiếng. Hòa lấy hai tay bưng bát đũa cho chàng rồi rót rượu vào chén trước mặt Nhỡ.

- Mời bác xơi tí rượu. Cả ngày đi chắc mệt.

Nhỡ mỉm cười vì lần đầu được người hầu hạ mình cung kính như thế, và chàng thấy hơi có cái gì lạ trong những cử chỉ hơi quá lễ phép của bà hàng cơm.

- Bà cũng xơi một chén chứ?

- Tôi không biết uống.

- Uống một tí thôi không sao.

Nhỡ bước vội xuống giường với cái chén rồi rót rượu đưa cho Hòa:

- Mời bà.

Hòa cầm lấy chén,tay run run.

- Nể bác quá.

Bỗng Nhỡ cảm thấy có cái gì khang khác ở trong nhà.

Hòa hỏi:

- Cái gì thế bác?

Nhỡ quay nhìn đứa bé ngồi trên ghế đẩu; đứa bé ngồi xếp bằng tròn trên cái ghế, yên lặng, hai mắt mở to. Bấy giờ chàng mới nhận ra là từ lúc chàng mới vào nhà nó cũng ngồi yên như thế. Đầu nó lại cạo trọc nên trông như một nhà sư đương ngồi tụng kinh. Hòa hiểu ý Nhỡ, vội nói:

- À thằng Lương.

Rồi Hòa nói cho Nhỡ biết là tìm được cách ấy tiện cho nàng lắm; những lúc bận tay nàng cứ đặt

nó ngồi trên cái ghế đẩu và nó cứ ngồi yên thế hàng giờ đồng hồ. Hễ nó xuống đất là vớ được cái gì nó đập cái ấy ngay. Cả vùng này ai cũng gọi nó là "sư cụ."

Nhỡ cười đứng lên bế nó:

- Mời sư cụ lại xơi cơm với chúng cháu.

Rồi Nhỡ đặt nó ngồi cạnh mình. Hòa vui mừng vì thấy Nhỡ có vẻ thích đứa bé lắm, Nhỡ vừa ăn vừa gắp cho đứa bé ăn. Chàng đã uống đến chén thứ hai nên cười đùa với đứa bé vang cả nhà. Hòa vẫn chưa nhấp một hụm rượu nào. Nàng không dám tự mình uống, còn Nhỡ thì mải chơi với đứa bé nên không nghĩ tới mời nàng.

- Thôi bác đưa cháu đây, tôi cho nó ăn rồi cho nó đi ngủ.

Nàng thấy con nàng như cướp mất cả Nhỡ. Lúc đặt xong đứa con đi ngủ, ở trong buồng bước ra, Hòa đứng dừng lại: Nhỡ ngồi che lấp ánh đèn xoay lưng về phía nàng, một bên má và một bên cổ hơi hồng hồng; nàng đứng lại nhìn trộm Nhỡ lâu lắm và có cái cảm tưởng như người ngồi ở mâm là chồng nàng đương ngồi đợi nàng ra ăn cơm. Nàng thong thả đi ra phía giường, đi thong thả lắm, và vén áo nhẹ nhàng ngồi xuống cạnh mâm, mặt cúi xuống. Không phải nàng ngượng nên có những dáng dấp ấy, nàng làm thế chỉ vì nàng thấy thích làm thế. Nàng nhớ lại độ mới lấy chồng, có một đêm ở trong buồng ra, chồng nàng cũng ngồi ăn cơm xoay lưng vào nàng che lấp ánh đèn như Nhỡ hôm nay.

- Mời bà xơi rượu đi chứ. Chén còn đầy nguyên thế kia?

Hòa cầm lấy chén rượu rồi ngửng nhìn Nhỡ: - Mời bác.

Nàng nhắc chén uống một hụm to rồi ngừng lại. Nàng thoáng vẳng nghe lời của chồng nàng một hôm nào nói với một người bạn trong khi hai người bàn về một chuyện trai gái gì đó:

- Cố nhiên, đàn ông thì bao giờ họ từ chối.

Rồi nàng dốc chén uống một hơi cạn, khiến Nhỡ mở to mắt nhìn một cách kinh hãi:

- Bà uống rượu giỏi nhỉ.

Hòa thở hà một tiếng mạnh, giơ tay vuốt ngực, mỉm cười:

TRẦN DOÃN NHO

NGỒI XEM BÓNG ĐÁ LÀM THƠ

đôi khi tôi ghét tôi
vì cứ tưởng mình là kẻ thù
dịu dàng

đôi khi tôi tưởng
bên phía đó
là tôi
bèn níu lại

đôi khi tôi tưởng
mình nhọn
và cứ thế
lao lao lao lao lao
lao theo
trái phiêu bồng

đôi khi tôi thấy
mình lạ hoắc
trong bóng tối
ngọt lịm

đôi khi tôi thấy mình nặng
thật nặng
nặng trĩu
sương tươi

đôi khi tôi tưởng
buổi sáng
là buổi chiều

đôi khi tôi tưởng
buổi chiều là buổi sáng

tôi cứ tưởng...
tôi cứ tưởng...
hoài hoài cứ tưởng

tôi đá đá tôi tôi đá
tôi đá đá tôi tôi đá đá tôi
đđđđđđđááááááá
đá thủng cái thăng trầm

(Mùa World Cup 2002)

- Tôi sợ uống rượu lắm nên phải uống thế cho chóng xong đi.

Nàng đã say bàng hoàng nên mạnh bạo hơn, mời Nhỡ và giục Nhỡ ăn luôn miệng. Có lần tìm được một miếng ngon, nàng gắp bỏ vào bát Nhỡ, dịu giọng nói:

- Bác xơi.

Rồi nàng hỏi về Nhỡ, về gia đình Nhỡ:

- Sao lâu lắm bác không kéo xe về vùng này?

Nhỡ mỉm cười nói:

- Nếu cứ đến đây có cỗ ăn như thế này thì tôi muốn đến luôn, nhưng ít khách về vùng này lắm.

Thấy Hòa hỏi về nhà mình, chàng sực nghĩ đến chồng bà hàng cơm, và hơi lấy làm lạ là nhà có giỗ mà ông ta lại đi vắng:

-Ông nhà đi đâu giờ chưa về?

Hòa hơi khó chịu vì câu hỏi ấy đã cho nàng biết là Nhỡ không để ý gì đến nàng; tuy mấy lần trước Nhỡ đến ngủ trọ nhà có đông khách nhưng nếu Nhỡ để ý một tí tất phải nhận ra là nàng đã góa chồng.

- Thầy cháu mất đã lâu, ngay từ khi chưa sinh cháu Lương.

- Thế à?

Tuy không nhìn thẳng nhưng Hòa nhận thấy có vẻ gì khác trên nét mặt Nhỡ. Nhỡ đưa mắt nhìn chung quanh nhà rồi lại nhìn ra cửa. Nàng biết là Nhỡ đã để ý đến sự nàng góa chồng và cả nhà hôm nay chỉ có mình nàng với chàng.

Nhỡ cũng để ý đến chỗ đó; thấy một đêm ngủ chung nhà mà chỉ có mình với một người đàn bà góa, Nhỡ cũng thấy hơi bất thường và thấy hồi hộp trong lòng. Hai người lại ngồi ăn cùng một mâm và uống rượu với nhau nữa. Nhỡ nhắc chén để lên môi nhìn trộm nét mặt Hòa một lúc, lần này chàng uống một hụm khá to hơn mọi lần.

Nhỡ cũng không hỏi thêm về cái chết của chồng Hòa. Chàng mong bữa cỗ giỗ hôm nay không phải là bữa cỗ giỗ chồng bà ta và vì nghĩ thế chàng mới để ý nhìn lên bàn thờ. Nhìn kỹ bàn thờ, Nhỡ cúi đầu vờ gắp đồ ăn để tránh cái nhìn của Hòa và để chàng có thể mỉm cười được một cái cho tự nhiên. Nhỡ muốn uống cho thật say.

Ăn xong, Nhỡ đứng lên giúp Hòa dọn mâm. Chàng lại rửa bát nhưng Hòa nhất định từ chối và sau cùng vì Nhỡ cứ nhất quyết, nàng phải để Nhỡ cùng rửa bát đĩa với mình. Tay hai người hễ có dịp là đụng vào nhau và nhiều lúc đụng vào nhau lâu hơn là sự cần bắt buộc; như là lúc cất bát đĩa vào chạn, việc ấy đáng lẽ chỉ một người làm tiện hơn, nhưng Nhỡ cứ đứng cạnh rổ bát cầm từng chiếc một đặt vào tay Hòa để nàng cất, cất từng cái một, vào trong chạn bát.

- Ăn cỗ có khác. Lắm bát đĩa quá. Tôi mỏi cả tay.

Nhưng Hòa cứ yên lặng giơ tay đón, không cản Nhỡ. Nhỡ nói tiếp:

- Bà bảo không biết uống rượu, thế mà vẫn không đánh vỡ một đĩa nào. Tài thật.

Cất xong bát đĩa, Hòa cầm đèn đưa Nhỡ lên nhà rồi nàng ra đóng nốt cái cửa sau xuống bếp. Căn nhà như chật hẳn lại.

- Bây giờ mời bác đi nghỉ.

Hòa lắng tai nghe bên ngoài. Cả phố chắc nhà nào cũng đã ngủ; không có tiếng trẻ con chơi đùa nữa. Nàng ra lấy chổi phất trần quét giường, đặt cái gối ngay ngắn ở giữa rồi đứng lên giường mắc màn. Chiếc màn nâu dầy, nên ngồi ở ngoài Nhỡ chỉ nhìn thấp thoáng bóng nàng. Chàng chăm chú để ý đến từng cử chỉ một của Hòa trên giường. Sao nàng lại giặt màn lâu thế. Chiếc màn vá rất nhiều mảnh nhưng vẫn còn nhiều chỗ hở. Nàng không cần phải giặt một cách quá cẩn thận như thế. Như lúc khác thì Nhỡ đã cất tiếng nói đùa một câu về chỗ đó, nhưng chàng chỉ ngồi yên và chàng lại cố giữ mình không cất một tiếng nói nào. Sau cùng một bàn tay Hòa lộ ra ở cửa màn:

- Thôi mời bác đi nghỉ. Đêm đã khuya rồi.

Nghe tiếng Hòa nói một cách thong thả và ấm cúng, từ trong màn đưa ra, Nhỡ biết là nếu chàng đi vội một tí để đến lúc đến cửa màn vừa gặp Hòa ở trong màn bước ra thì hai người tất sẽ cầm lấy tay nhau tự nhiên. Nhưng Nhỡ vẫn ngồi yên ở giường không nhúc nhích.

Hòa bước xuống đất đi về phía Nhỡ ngồi và nhắc lại:

- Mời bác đi nghỉ.

Rồi nàng ra chỗ chõng nước, cúi xuống loay hoay xếp dọn các thứ, yên lặng không nói gì với Nhỡ nữa. Nhỡ vào giường đặt mình nằm, cầm cái quạt phe phẩy. Chàng tự trách mình sao đối với Hòa chàng lại nhút nhát thế. Chàng biết là nếu cứ nói đùa luôn với Hòa chắc rất dễ dàng có dịp cầm tay nàng nhưng tự nhiên chàng lại sợ không dám nói đùa với Hòa nữa. Như những lúc hút thuốc lào, chàng rất có thể nhân cái cớ hút vào thì mê man bất tỉnh để đùa Hòa và thử ý nàng, nhưng bao nhiêu cơ hội chàng đều bỏ qua. Lại còn lúc Hòa bỏ màn nữa, sao chàng không chạy đến tranh bỏ màn, để đến nỗi bây giờ phải nằm suông thế này. Thật là bực mình.

Xếp dọn xong, Hòa cầm cây đèn rồi rón rén đi về phía giường Nhỡ, đi thật nhẹ bước như sợ Nhỡ đã thiêm thiếp ngủ. Nàng đặt đèn ở cái ghế cạnh đầu giường Nhỡ. Nhỡ liếc nhìn tự hỏi:

- Tại sao lại phải để đèn ở đây?

Chàng thấy Hòa nhìn nhanh về phía giường rồi cúi xuống. Chắc nàng định tắt đèn, chàng nghĩ thế và toan ngồi thẳng dậy. Nhưng Hòa không tắt đèn và vì thế Nhỡ cứ nằm yên; nàng thong thả vặn cho thấp ngọn đèn, nhưng nàng không vặn bé quá đợi cho ngọn lửa đứng yên rồi đi về phía buồng. Nhỡ lắng tai nghe nhưng không thấy nàng đóng hay khép cửa buồng lại. Nhỡ lại nhìn ngọn đèn và ngẫm nghĩ:

- Nhà không có giỗ lại nói dối là có giỗ để ngồi uống rượu với mình, nhưng sao một người đàn bà góa đêm hôm nhà không có ai, rất có thể vờ say rượu, nhưng sao uống nhiều mà vẫn tỉnh và cố giữ cho tỉnh rượu. Lại còn cái ngọn đèn!

Ngọn đèn tuy vặn nhỏ thật nhưng nếu Hòa có ý gì thì không đời nào lại để đèn như muốn ngầm bào chàng cứ ngủ yên đi đừng có nghĩ ngợi lôi thôi. Nhưng tại sao nàng lại không đóng cửa buồng riêng lại, như thế chắc chắn hơn là để đèn sáng.

- Hay là buồng không có cửa?

Nhỡ ngồi thẳng lên và nhìn về phía cửa buồng. Rõ ràng có cánh cửa. Nhỡ ngồi lâu lắm nhìn vào chỗ bóng tối trong buồng ở sau cái cánh cửa mở rộng như muốn mời chàng vào. Chỉ đứng lên đi một vài bước rồi đứng lại ở cửa gọi bác ta, và tùy theo tiếng bác ta trả lời lại là có thể biết chắc được. Không có gì nguy hiểm cả. Nếu bác ta trả lời lại tỏ vẻ ngạc nhiên về cử chỉ của mình thì có thể nói là...

Nhỡ loay hoay nghĩ xem viện cớ gì cho tự nhiên nhưng loay hoay nghĩ mãi mà không tìm ra được cớ gì cả; chẳng lẽ đêm hôm lại đến gọi một người đàn bà góa dậy chỉ để than phiền là màn thủng nhiều chỗ mà trí Nhỡ lúc đó lại chỉ nghĩ ra được có cái cớ màn thủng. Nhỡ mỉm cười một cái rồi lại nằm xuống và đành tự an ủi mình bằng cái thú đợi Hòa ra; không có hy vọng gì lắm nhưng chỉ còn cách ấy thôi; như thế chàng lại có thể nếu giấc ngủ đến thì cứ ngủ đi không tai hại gì. May ra được một giấc mơ mà nếu ban đêm giấc mơ không đến thì lúc biết trời đã sáng rồi không phải băn khoăn nữa.

-Hay là mình tắt đèn đi.

Nhỡ thấy việc tắt một cái đèn mà nàng cứ muốn để cho sáng một cách vô lý cũng đủ khiến cho nàng nghĩ ngợi chú ý mà không có gì nguy hiểm cho chàng cả. Nhỡ đưa mắt nhìn ngọn đèn toan ngồi dậy. Bỗng chàng thấy thoáng có bóng Hòa ở cửa buồng, rồi Hoà đi về phía giường chàng. Nhỡ vội vắt tay lên che ngang mắt để có thể nhìn nàng mà nàng không biết. Quả tim chàng đập mạnh.

Hòa từ lúc vào buồng vẫn không nằm xuống; nàng ngồi yên ở cạnh giường, người hơi nghiêng về một bên vì như thế nàng có thể trông qua cửa buồng nhìn ra chỗ Nhỡ nằm. Ánh ngọn đèn mà nàng định tâm đặt ở phía bên kia chiếc màn khiến nàng nhìn thấy Nhỡ rất rõ ràng. Lâu lắm Nhỡ không phe phẩy quạt nữa, có lẽ Nhỡ đã ngủ rồi chăng. Nhưng không Nhỡ chưa ngủ vì nàng thấy Nhỡ hơi quay đầu như ngước nhìn ngọn đèn. Câu nói của chồng vẳng bên tai nàng; nhưng từ tối đến giờ nàng thấy Nhỡ say rượu mà vẫn nghiêm trang quá. Nếu Nhỡ có gì thì sao lúc nàng đến cạnh giường vặn nhỏ đèn, Nhỡ không cất tiếng hỏi một vài câu để nàng có thể đứng lại lâu hơn. Nhỡ có thể vờ say rượu nhưng Nhỡ vẫn cố giữ đứng đắn. Dẫu sao Hòa cũng biết chắc là nếu bây giờ nàng lại bước ra tìm cớ lấy một vật gì để đến gần chỗ giường Nhỡ nằm và hỏi Nhỡ một vài câu chuyện thì chắc Nhỡ sẽ biết ý nàng. Nhưng Hòa vẫn ngồi yên và đợi.

Bỗng nàng thấy Nhỡ ngồi dậy nhìn về buồng mình. Hòa vội ngồi thẳng lên để che mặt khuất sau cánh cửa, tưởng như Nhỡ có thể nhìn thấy mình được, quả tim nàng đập mạnh và Hòa lặng người đi, nhắm mắt lại, lấy tay sờ xuống chiếu rồi đặt mình nằm xuống cố tránh để không có một tiếng động nhỏ nào. Một lúc lâu, Hòa lại hơi mở mắt nhìn ra phía cửa buồng nhưng vẫn không thấy Nhỡ vào. Nàng ngồi dậy nghiêng người nhìn và vừa lúc đó thấy Nhỡ lại nằm xuống. Nàng đứng thẳng lên rồi đi ra phía cửa buồng như người đi trong một giấc mơ; nàng dừng lại một lúc trước ánh sáng ở nhà ngoài rồi đi về phía giường Nhỡ. Nàng dừng lại ở cạnh giường rồi giơ tay mở một bên mép màn nhìn vào trong. Nhỡ lúc đó đương nằm vắt tay ngang trán nên nàng không biết rõ Nhỡ nhắm mắt hay đương nhìn mình. Không thấy Nhỡ động đậy, Hòa ngồi xuống cạnh giường, ngồi rất nhẹ; nàng thả tay bỏ rơi cửa màn, hất nhẹ một cái cho hai mép cửa màn khép lại rồi nàng nhắm mắt và đặt mình nằm xuống cạnh Nhỡ. Nàng thấy một bàn tay Nhỡ đương đặt lên vai nàng. Nàng mở mắt ra thấy Nhỡ đương nhìn mình hơi mỉm cười; nàng giơ tay nắm lấy bàn tay Nhỡ đương đặt trên vai mình và mỉm cười với Nhỡ. Lúc đó

nàng không còn thấy ngượng gì nữa. Nhỡ cũng vậy, và cả hai người đều cảm thấy như là thân nhau đã từ lâu rồi.

Nhỡ cất tiếng nói trước:

- Nằm sát vào đây.

Rồi chàng cho tay xuống đặt lên đùi nàng, nhưng chàng ngạc nhiên thấy nàng bẻ gập tay chàng lên, có vẻ giận. Tuy thế Nhỡ lại thấy chính nàng tự ý nằm sát vào Nhỡ và đặt tay lên người chàng, rồi nàng lại gục đầu vào ngực chàng, cựa quậy đầu mấy cái như đứa bé nằm trong lòng mẹ. Rồi nàng lại ngửa mặt nhìn Nhỡ nói:

- Này.

Mắt nàng mở to và Nhỡ thấy nàng không nói thêm gì nữa.

Chàng hỏi:

- Này... cái gì?

- Lạ lắm cơ, nhưng mà thẹn lắm không nói được.

Nhỡ đặt tay lên người nàng nhưng lần này cũng bị nàng bẻ tay gập lên. Nhỡ nói:

- Thẹn gì, nằm với nhau như thế này còn thẹn gì.

Chàng thấy Hòa nắm mạnh một cái vào người mình rồi nói:

- Thế này nhé, đằng ấy phải thề làm theo thế nhé. Thề đi đã.

Nhỡ mỉm cười thấy hơi là lạ:

- Tôi xin thề. Nhưng thề cái gì mới được chứ!

Tay Hòa đưa lên vuốt má Nhỡ:

- Nào thì nói, thế này nhớ. Tôi với đằng ấy bây giờ coi nhau như hai người bạn, ở với nhau cả đời. Nhưng không bao giờ...

Nàng ngừng lại, tìm lời nói. Nhỡ hỏi:

- Không bao giờ cái gì?

- Thôi không cần nói, đằng ấy hiểu rồi... Thỉnh thoảng đằng ấy lại đến đây, tôi làm cơm cho mà ăn, xong rồi đến đêm lại nằm với nhau nói chuyện suông như thế này và thề không bao giờ... Đằng ấy hiểu rồi chứ?

Nhỡ lại thấy người nàng đè mạnh vào người chàng. Nhỡ mỉm cười một mình, rồi nhìn Hòa gật gật.

- Tôi hiểu rồi! Tôi thề không bao giờ...

- Đằng ấy thề rồi cơ mà; đã thề rồi mà thề lại thì hỏng. Đằng ấy có thích thế không?

- Thích hay không thích nhưng đã thề rồi cơ mà.

- Thế thì được. Bây giờ tôi nói cho mà nghe.

Nhỡ cảm thấy có cái gì là lạ trong người đàn bà goá này nó như kích thích chàng bằng một cái thú khác thường và mới mẻ. Hòa ngỏ cho Nhỡ biết là nàng đã mê ngay Nhỡ từ lần đầu tiên gặp, nàng tả những nỗi buồn vui của nàng khi Nhỡ đến và đi. Nhỡ ngạc nhiên thấy khác hẳn lúc thường, nàng nói chuyện khéo lắm, nói về những chuyện yêu thương và nàng nói có duyên tệ khiến Nhỡ lúc nghe thì không nhịn cười được lúc thì cảm động phiêu phiêu cả người. Chàng thấy mình mê Hòa nói chuyện, mê cả cái giọng nói của nàng nữa, lúc thủ thỉ chuyện trò có một thứ duyên đằm ấm. Như về hôm đầu tiên chàng đến hàng cơm, nàng nói:

- Con mắt đằng ấy cứ mỗi lần nhìn người ta thì lại khiến người ta hết cả hồn cả vía, rủn cả người đi như là cua gặp ếch hay là ếch gặp rắn. Đổ cả nước sôi lên ngón tay mà hôm sau mới biết là bỏng. Bỏng đến mấy hôm mới khỏi, đau chết người nhưng mà thích đáo để. Đến hôm khỏi là thấy tiếng tiếc và nhớ đằng ấy hơn. Một tháng sau, đúng ra là ba mươi ba ngày, đằng ấy lại đến. Lại muốn rót nước sôi vào ngón tay một lần nữa, nhưng không dám, sợ đau. Nhưng lần này thì mê đặc rồi. Sao lần thứ hai đến lại cứ hay nhìn người ta luôn thế, nhìn chừng chừng như là chính đằng ấy mê tớ chứ không phải tớ mê đằng ấy. Hỏi thực đằng ấy chắc cũng mê đằng này?

Nàng lay lay vai Nhỡ giục trả lời; chàng mỉm cười, gật:

- Ừ, cũng phải nói là mê đặc.

- Thế sao không đến luôn.

- Không có khách thì đến thế nào được.

- Đằng ấy nói dối rồi, nếu cũng mê đặc thì trời long đất lở cũng đến được. Mình đi rồi, mình là mình ấy chứ không phải là mình này, mình này đêm ngày ốm tương tư buồn thờ thẫn đến nửa tháng, cơm chẳng buồn ăn, đầu tóc bơ phờ, mặt xanh xao làm hàng xóm người nào hễ nhìn mình là có vẻ nghĩ ngợi, có vẻ lo lắng; nhưng không phải họ lo đằng này chết đâu, họ muốn đằng này chết lắm, hạng đàn bà góa mà cứ ngủ chung với khách trọ đàn ông, chung nhà này, rồi chỉ ông vua bếp là biết rõ, biết đâu không chung giường chung chăn, chung một trăm thứ bà dằn nữa. Họ có vẻ lo lắng là vì họ lo mình có thai, đẻ ra một lũ "sư cụ" nữa, mỗi "sư cụ" ngồi ở một ghế đẩu, để tụng kinh sám hối cho bà mẹ hư thân.

Nói đến đây nàng gác chân lên đùi Nhỡ:

- Nói chứng minh có ông vua bếp, đêm nay là đêm đầu tiên ngủ với khách trọ. Bây giờ thì họ nghi không oan nữa.

Thấy tay Nhỡ đặt lên đùi mình, Hòa cầm lấy

bẻ gập cánh tay đưa lên đặt trên vai. Nhỡ nhận thấy nàng có sức khỏe lạ thường những lúc nàng cầm tay chàng bẻ gập lên.

- Này nếu đằng ấy cứ nhất định muốn có sư cụ thì tuyệt tình nhân nghĩa ngay bây giờ cho mà xem. Tôi sẽ hô hoán đánh thức cả xóm dậy. Họ sẽ chạy đến và từ giờ trở đi cả xóm ai cũng phục góa này đoan chính; xưa nay họ vẫn lấy làm lạ là bao nhiêu lần ngủ chung với khách trọ mà không xảy ra một chuyện lung tung to tiếng nào, vì thế họ chắc chỉ toàn xảy ra những chuyện lung tung lặng tiếng, chết điếng người đi.

Nhỡ véo vào tai Hòa một cái:

- Con khỉ. Cứ nói chuyện thế thì ai chịu nổi.

- Đã thề rồi cơ mà?

Nói thế Hòa lại ôm người Nhỡ chặt hơn.

- Bây giờ đằng này kể cho đằng ấy nghe về chuyện các bác khách trọ định tán tỉnh đằng này. Nhiều chuyện hay lắm cơ. Nhưng thôi để hôm khác. Bây giờ nói chuyện riêng chúng mình đã. Này mình không biết góa chồng khó chịu lắm cơ. Nhất là mỗi buổi chiều đến, trời tranh tối tranh sáng, lên đèn ngồi ăn cơm một mình nó lạnh lẽo thế nào ấy. Thành thử chiều nào tôi cũng nhớ mình.

Rồi nàng cất tiếng hát rất khẽ. Nhỡ thấy giọng nàng hát hay quá:

- Sao đằng ấy hát hay thế. Hát nữa đi.

- Chuyện! Lúc còn con gái, đằng này có đi hát đám mấy năm. Lấy chồng thì thôi.

Nhỡ nói:

- Tôi cũng biết hát.

Rồi chàng cũng cất tiếng hát theo giọng "gửi thư".

- Ô đằng ấy hát lại hay hơn tôi nhiều. Tối nào chúng mình cũng hát cho nhau nghe. Thích quá nhỉ.

Nhỡ mỉm cười:

- Tối nào cũng hát? Mai tôi phải về cơ mà. Đằng ấy làm như chúng mình là vợ chồng rồi.

- Thế này không là vợ chồng à. Lại thích hơn là vợ chồng nữa.

- Chết chửa hát thế này ai nghe thấy thì chết.

- Không sợ ai nghe thấy đâu. Đầu nhà này thì cách vườn rau, đầu nhà kia thì cách cái ao. Chúng mình tha hồ tự nhiên. À nhân nói đến chuyện vợ chồng tôi lại nghĩ đến độ ấy, cứ chiều chiều nhớ mình, tôi lại ngồi nhìn về cuối phố, nhìn con đường đi Phủ Lệ. Hễ thấy cái xe tay nào từ phía ấy đi

KHÁNH HÀ

MỖI NGÀY MỘT BÀI THƠ

Người đàn bà tóc đen mắt nâu
tất tả tay xách tay mang
trong buổi chiều tuyết rơi gió lạnh
tất tả trên lối về
giữa dòng người dòng xe lạ lẫm

Bàn tay bà
mở cửa ngôi nhà tối tăm
sưởi ấm lại căn phòng lạnh lẽo
thắp sáng lại căn bếp chiều
làm thức dậy những mùi hương quen thuộc
Mỗi ngày bà làm một bài thơ
có bát cơm thơm tho gió nội hương đồng
có tô canh ngọt lịm dòng sông thơ ấu
có đĩa rau xanh mướt bên thềm nhà cũ
Từng câu thơ nồng nàn
từ trái tim dịu ngọt
Từng bài thơ thơm tho
thấm vào xương vào thịt

Những người đàn bà tóc đen mắt nâu
tất tả tay xách tay mang
trong buổi chiều tuyết rơi gió lạnh
ở Paris, London, Amsterdam
và ở những nơi nào khác
không phải là quê hương mình
ngày ngày vẫn tất tả đi về
sưởi ấm lại những ngôi nhà lạnh lẽo
thắp sáng lại những căn phòng tối tăm
giữ cho căn bếp mỗi chiều
còn ấm mãi

Khánh Hà

đến là lại chết lặng người đi một lúc. Sao gặp bao nhiêu khách trọ mà tôi không thấy một người nào nhìn vừa mắt cả. Nhìn mình đầu tiên tôi muốn mình là chồng tôi ngay.

Giọng nàng Nhỡ thấy trở nên nghiêm trang:

- Nhưng tôi nghĩ, này đằng ấy đừng cãi vội, tôi nghĩ tôi già rồi năm nay đã hai mươi sáu (nàng nói bớt đi hai tuổi) nên cứ tương tư muốn lấy mình thì tương tư đến chết mất. Thấy độ ấy mình nhìn tôi hình như có vẻ yêu, nhưng tôi không dám mong hão. Thế rồi một hôm tôi nghĩ đến cô Thúy Kiều...

Nhỡ hơi ngơ ngác:

- Cô Thúy Kiều?

- Đằng ấy không nhớ giai đoạn tái hồi Kim Trọng à?

Rồi nàng khe khẽ ngâm:

- "Duyên đôi lứa cũng là duyên bạn bầy."

- Đằng ấy nhớ Kiều nhỉ? -Chuyện! Đọc mãi.

Nhỡ ngạc nhiên:

- Đằng ấy đọc được truyện?

Hòa cười và cũng muốn khoe với Nhỡ:

- Thủa bé tôi học mãi chữ nho, thầy tôi là ông thầy đồ.

Hòa thấy bàn tay Nhỡ đương nắm lấy vai mình tự nhiên thả lỏng ra, nàng biết là Nhỡ ngạc nhiên lắm khi biết nàng là con gái một ông đồ. Nàng nói tiếp:

- Thôi bây giờ nói về Thúy Kiều, Kim Trọng. Hai người lấy nhau, nhưng cả đời chỉ là bạn suông như chúng mình bây giờ. Thế rồi tôi nghĩ đến cách có được mình làm chồng, nhưng chỉ riêng hai người biết với nhau thôi. Tôi chỉ mong thỉnh thoảng được mình đến nằm với nhau nói chuyện như hai vợ chồng... nhưng cũng suông như Thúy Kiều, Kim Trọng.

Hòa bíu chặt lấy hai vai Nhỡ, mở to mắt nhìn thẳng vào mắt Nhỡ:

- Ngờ đâu, bây giờ... như thế này... có được anh làm chồng. Chồng của em đây.

Nhỡ thấy hai con mắt nàng ướt nước mắt, chàng lay vai nàng một cái như để hỏi. Hòa cúi mặt xuống chiếu, mím môi lại như cố giữ cho khỏi khóc, nhưng nước mắt lại trào ra nhiều hơn. Nhỡ giơ hai bàn tay ấp lấy hai bên má nàng và nhìn thẳng vào hai con mắt long lanh ướt. Hai con mắt Hòa, chàng mới nhận ra là cũng có vẻ đẹp riêng, lòng chàng cũng đã đổi khác, chàng bắt đầu đã thấy hơi hơi yêu Hòa như yêu một người vợ. Chàng ngạc nhiên vì cái may được gặp một người đàn bà lạ lùng như Hòa và sao nàng lại nghĩ ra được cái lối vợ chồng kỳ quặc nhưng rất lý thú này. Tuy nàng lúc còn con gái đã đi hát mấy năm, góa chồng mà lại thường ngủ cùng nhà với khách trọ đàn ông, tự nhiên lại đến nằm cạnh chàng trước cử chỉ và lời ăn tiếng nói đĩ thõa, nhưng Nhỡ vẫn tin là ngoài chàng ra nàng chưa biết một người đàn ông nào khác, đúng như lời nàng nói. Nàng lại là con gái một ông đồ. Trong lòng yêu của Nhỡ có lẫn thêm lòng trọng nể Hòa. Chàng dịu giọng hỏi:

- Em... tên con gái em là gì nhỉ?

Nghe Nhỡ gọi mình là em, nàng thấy nàng như trẻ hẳn ra. Lúc nãy xưng em với Nhỡ nàng thấy ngượng mồm lắm, thế mà Nhỡ lại gọi nàng là em được mà giọng vẫn tự nhiên. Nàng cho là nàng tuổi cao nhưng nét mặt chắc còn trẻ. Nàng đáp lại và lần này nàng có ý nói dẫn vào mấy tiếng nàng xưng em với Nhỡ:

-Em ấy à? Tên em... em tên là Xuân.

- Tên em là Xuân à? Thích nhỉ. Thảo nào mà nét mặt em còn xuân thế.

-Giễu nhau làm gì, đằng này già rồi còn gì nữa.

Hòa cãi lại để cốt gợi Nhỡ nhắc lại lần nữa là Nhỡ thấy nàng còn trẻ.

- Đằng ấy hai mươi sáu cơ mà. Tôi trông tôi tưởng chỉ độ hai mươi hai.

- Thật à? Cha đời đứa nào nói dối nhé!

Nhỡ lay vai Hòa một cái, gật gật nhưng chàng tránh không cất tiếng thề. Hòa nói:

- Này ban tối lúc ăn cơm, uống rượu rồi dọn giường bỏ màn, tôi tưởng y như là đám cưới chúng mình. Thế mà hóa ra đám cưới thật...

Nàng lấy chân cặp chặt lấy người Nhỡ và kéo đầu Nhỡ đặt vào ngực mình:

-Thích quá nhỉ, bây giờ quả nhiên em có người chồng nằm cạnh.

Nhỡ úp mặt mình vào hai bầu vú của Hòa và thấy có mùi hăng hắc của vải yếm mới nhuộm nên chàng nhắm mắt lại và mỉm cười nghĩ thầm:

- Thế này mà lại bảo là nằm cạnh.

Bỗng Hòa bỏ người Nhỡ ra ngồi dậy mở màn đi xuống đất. Nàng ra cạnh chõng nước lấy ấm rót vào chén. Nàng uống thong thả vừa uống vừa đưa mắt nhìn quanh. Cái mái nhà, cái cột nhà, bức tường đã lở nhiều chỗ và cái giường trong đó có một người đàn ông nằm; đứng riêng một mình ở ngoài nhìn vào nàng nhận thấy rõ ràng hơn đấy là sự thực và nàng lại cảm thấy mạnh hơn cái sung sướng nó đương thấm trong khắp thân thể nàng và làm run run ở bàn tay cầm chén nước. Nàng ngừng uống, nghiêng tai nghe ngóng, hai

mắt yên lặng mở to, ngạc nhiên, ngơ ngác trước sự sung sướng của mình.

Nàng rót chén nước khác rồi đi lại phía giường:

- Anh dậy xơi nước.

Nhỡ ngồi dậy toan giơ tay đỡ, thì Hòa ngồi xuống, nghiêng người cầm chén đưa lên môi Nhỡ và dốc chén cho Nhỡ uống. Nàng ôm lấy người Nhỡ và ngửi thấy mùi mồ hôi ở lưng áo Nhỡ xông lên. Nàng thấy ngồi ôm nhau lại có một cái thú là lạ hơn là nằm ôm nhau.

- Anh xơi thuốc.

Nàng đem cái điếu lại, dịt thuốc và đánh diêm cho Nhỡ hút. Chồng nàng trước kia cũng nghiện thuốc lào, tuy nàng không ưa gì mùi thuốc nhưng nàng cũng thích Nhỡ hút để có mùi thuốc ở trong màn.

Khi Nhỡ say, nàng đặt đầu Nhỡ vào ngực, ôm lấy lưng chàng đợi chàng tỉnh. Nhỡ mở mắt mỉm cười và cứ nằm yên thế trong lòng Hòa. Có một thứ gì êm dịu từ ở người Hòa đưa ra bao phủ lấy chàng. Nằm dựa đầu vào ngực Hòa, chàng chỉ nhìn thấy cái cổ nàng và một bên cằm; chàng giơ tay khẽ bá vai Hòa và làm hiệu để nàng cúi xuống nhìn mình. Chàng muốn nhìn hai con mắt của Hòa để xem lại là có đẹp không. Chàng lại thấy đẹp hơn và nét mặt nàng nữa chàng cũng bắt đầu thấy có một vẻ đẹp kín đáo, một thứ duyên riêng mà trước kia chàng chưa nhận thấy.

- Thôi chỉ còn mấy giờ đồng hồ nữa thôi.

- Cũng chẳng sao. Thế một hai tháng sau đằng ấy lại đến nhớ.

Nhỡ gật gật:

- Đến sớm hơn cũng chưa biết chừng.

- Đừng đến nhiều quá, người ta sinh nghi.

Chính nàng, nàng phải định tâm trước là một hai tháng mới gặp Nhỡ một lần; định trước thế nàng không sợ buồn những lúc xa Nhỡ lâu và thất vọng vì Nhỡ chẳng đến.

Nhỡ hỏi:

- Này, sao lúc nãy đằng ấy lại để đèn sáng.

Hòa cười:

- Không để đèn sáng thì làm thế nào biết được ông khách trẻ này ngồi dậy, nhìn trừng trừng vào cửa buồng người ta, quả tim cu cậu chắc đập như trống làng, cu cậu muốn mò vào lắm nhưng lại sợ, nên lại đành nằm xuống vuốt bụng thở dài. Đối với một ông khách trọ thế mà bây giờ được bà hàng cơm tự ý đến nằm xuống bên cạnh thì còn gì ngon hơn nữa. Vì nghĩ thế nên đằng này mới đủ bạo để đến nằm bên cạnh đằng ấy. Lúc buông màn, sao mình không để ý là tôi ngồi lâu lắm ở trong màn.

- Có, nhưng không dám vào.

- Lúc ấy em đợi đằng ấy đến. Em thấy như là trước kia mỗi buổi tối buông màn đợi chồng về. Nhưng lâu lắm, lại phải chuồn ra và tức cu cậu lắm.

Nhỡ cười rồi ngồi dậy:

- Đằng ấy để đèn sáng cũng láu đấy, mưu mô của đằng ấy có vẻ chắc chắn nhưng giá nếu đằng ấy lúc đó mà tắt đèn thì có phải đã thành vợ chồng sớm hơn được đến nửa giờ.

Hòa nghĩ ra:

- Ừ nhỉ, lúc đó mình cứ sợ tắt đèn mà cu cậu vẫn còn nhát thì thật là hết. Chẳng lẽ tắt đèn, không thấy có gì rồi lại ra thắp đèn lại. Vô lý và thẹn chết. Nhưng mình không nghĩ ra là tự nhiên đem cái đèn đặt bên cạnh giường khách trọ rồi lại thổi cho tắt; ông khách trọ cho dẫu ngu độn như đằng ấy đi nữa tất cũng phải hiểu chứ?

Hòa đặt Nhỡ xuống giường, để chàng gối vào đầu tay mình rồi nói:

- Thôi bây giờ ngủ đi. Phải ngoan đấy.

Nhưng cũng đến hơn nửa giờ sau hai người mới ngủ được.

*

Lúc Hòa tỉnh dậy thì đầu Nhỡ vẫn đặt trên cánh tay nàng. Hòa kéo tay ra rất khẽ để Nhỡ không thức giấc, rồi nàng ngồi dậy, nghiêng người, chống hai tay nhìn ngắm Nhỡ ngủ. Nàng mỉm cười với Nhỡ và hất hất cằm mấy cái như điệu bộ nói với một đứa trẻ con. Sau một giấc ngủ, tỉnh dậy nhận rõ Nhỡ nằm đấy, nàng có cái cảm tưởng như độ nào đẻ thằng Lương, sau một cơn mê man nàng được cái thú lần đầu tiên ngắm đứa con nằm cạnh mình. Nàng cầm hai tay Nhỡ kéo ngồi dậy:

- Dậy đi thôi, mình.

Nhỡ thức giấc và bốn mắt nhìn nhau một lúc như ngơ ngác hỏi nhau không biết nằm mê hay sự thực. Hòa mỉm cười cúi mặt xuống rồi gục đầu vào ngực Nhỡ.

- Tôi đi làm cơm mình ăn sớm rồi về, như thế cả xóm không biết là mình ngủ đây đêm qua.

Nhỡ nói:

- Phải đấy, như thế độ năm mười hôm nữa tôi lại đến được mà không sợ gì.

Tuy thích nhưng Hòa cũng vội cản:

- Không được, nhiều nhất cũng chỉ một tháng một lần thôi.

Rồi nàng xuống bếp lấy nước đem lên cho

Nhỡ rửa mặt. Nàng đi vào buồng lấy gạo thổi cơm. Khi Hòa đi ngang qua trước mặt Nhỡ, Nhỡ ngừng rửa mặt, gọi:

- Này.

- Gì thế mình.

- Không có gì cả.

Chàng mỉm cười vì chàng gọi thế chỉ cốt Hòa quay mặt lại để chàng nhìn. Chàng nhận thấy nét mặt Hòa sáng nay lại đẹp hơn lên một tí.

Bữa cơm hôm nay tuy không sang như hôm qua, nhưng cũng nhiều thức ăn. Bữa cơm hôm nay lại khác hôm qua ở chỗ hai người không ngồi hai bên mâm mà lại ngồi cả về một phía. Ăn cơm uống nước xong, sắp đến lúc Nhỡ phải đi, hai người đều trở nên tư lự ít nói. Nhỡ cầm tay Hòa bảo ngồi xuống giường, rồi chàng ngồi xuống cạnh. Cả hai đều không nghĩ đến ôm lấy người nhau hay nhìn nhau nữa; họ ngồi thế lâu lắm, rồi Nhỡ nói:

- Tháng sau không có khách đến đây tôi cũng đến.

Chàng lấy làm lạ là lúc từ biệt nhau lại không tìm được câu gì thân yêu để nói. Hòa ban đêm nói chuyện khéo thế mà bây giờ cũng không buồn nói gì cả như băn khoăn nghĩ ngợi gì. Nhỡ thấy nàng cứ nhìn vào buồng luôn. Ngồi một lúc lâu rồi Hòa đứng lên đi vào buồng. Nhỡ nghe có tiếng mở hòm rồi có tiếng nàng gọi chàng vào.

- Cái gì thế?

Nhỡ vừa hỏi vừa bước lại phía góc buồng tới chỗ Hòa đương đứng. Hòa yên lặng đặt vào tay Nhỡ mấy đồng bạc đồng:

- Mình cầm lấy.

Từ lúc nghe tiếng lục rương, Nhỡ cũng đoán biết nhưng chàng cũng giật nẩy mình một cái:

- Chết chửa tôi không lấy đâu.

Thấy Nhỡ cứ khăng khăng từ chối mãi, Hòa nói có vẻ giận:

- Vợ chồng mà sao mình lại cứ ngại. Đằng ấy hai cha mẹ đều nghèo, mình cầm lấy giúp thêm ít nhiều cho em vui lòng. Em không giầu nhưng cũng có vốn để dành. Gọi là có ít tiền của cô nàng dâu mới mà!

Nàng nói đùa rồi cất tiếng cười để cho Nhỡ khỏi ngượng khi nhận lấy tiền. Nhỡ biết là nếu nhất định không lấy, Hòa sẽ tủi thân tưởng là chàng nghĩ nàng cho tiền chàng như thế là khinh chàng.

Hòa tiếp theo:

- Nhưng đừng nói thầy bu là của em nhé! ... Hừ, nói đến hai tiếng thầy bu sao mà ngượng mồm thế!

Nhỡ mở nắp cái ví dây lưng và mặc dầu không muốn lấy, tay chàng cũng run run khi cho tiền vào ví.

- Năm đồng bạc. Cả một cái vốn liếng to.

Từ thủa bé đến giờ, Nhỡ chưa bao giờ có một cái vốn to như thế. Ra đến cửa buồng sáng, Nhỡ thấy Hòa đứng lại, và quay mặt đi đưa vạt áo lên lau mắt. Rồi nàng ngửa mặt hai con mắt còn ướt chớp mau có vẻ tươi cười nhìn chàng:

- Thôi mình về. Tháng sau lại đến nhé.

Nét mặt Hòa lúc đó Nhỡ thấy đẹp hẳn và chàng lấy làm lạ sao trước kia chàng lại không nhận thấy; lòng chàng lúc đó cũng cảm thấy đã yêu Hòa mê man.

Hòa ra mở cửa, nhìn hai bên rồi làm hiệu cho Nhỡ ra. Nhỡ vác áo xe rồi đi về phía cửa. Lúc sắp bước ra chàng ngừng lại nhìn Hòa. Hòa đứng nép sau cánh cửa, yên lặng nhìn lại chàng rồi nàng sẽ hất cằm một cái và mỉm cười như nhắc lại lời hẹn. Nhỡ gật gật đầu rồi bước ra ngoài phố. Trời đã sáng nhưng các nhà ở bên còn đóng cửa hết. Nhỡ kéo xe thật thong thả và vì nhớ đường có nhiều cỏ nên tiếng kêu cũng không đến nỗi to lắm. Sao lòng chàng lại vui một cách dồn dập đến thế.

Đi đã xa và khuất hẳn không trông thấy bến Cháy đâu nữa, lại thấy cả quãng đường vắng ấy không có bóng người, Nhỡ ngừng xe lại. Chàng đặt xe bên đường, rồi lên ngồi trên xe, chân bắt chữ ngũ, ngả lưng vào thành xe ngửa mặt nhìn trời và mỉm cười. Chàng cho tay mở cúc cái ví rồi nhắm một bên mắt nhìn vào trong và mỉm cười một cái nữa.

- Cuộc phù thế nhân sinh ơi! Năm đồng bạc!

Chàng thong thả rút từng đồng bạc ra, vừa rút vừa đếm:

- Một, hai, ba, bốn, năm...

Chàng như đếm cái sung sướng của mình.

Đồng bạc nào cũng còn mới nguyên cả. Nhỡ nghĩ chắc tiền Hòa để dành và xem tình trạng cửa hàng Hòa, thì số tiền để dành của nàng cũng không quá hai ba chục bạc. Thế mà Hoà lại cho chàng những năm đồng bạc, đó là triệu chứng chắc chắn là Hòa yêu chàng lắm. Nhỡ tung những đồng bạc lên cao rồi giơ tay đón bắt và sóc sóc trong lòng bàn tay. Các đồng bạc sáng sủa kêu coong coong nghe rất vui tai. Rồi Nhỡ yên lặng ngẫm nghĩ về cuộc tình duyên mới mẻ với Hòa, mắt vẫn không rời những đồng bạc; cuộc tình duyên ấy cũng đầy hứa hẹn và chắc nịch như những đồng bạc trắng của nàng, nó đương đè nặng trên lòng bàn tay chàng, đến thích.

BA CHÀNG NGỰ LÂM PHÁO THỦ CỦA TI VI

DƯƠNG NHƯ NGUYỆN

(Tiếp theo)

Trong cộng đồng có một người ghét Kim Mao Sư Vương ghê gớm. Đó là chàng ngự lâm pháo thủ thứ hai của Ti Vi. Tên chàng là Đỗ Văn Hùng Dũng, cựu phi công, đương kim kỹ sư điện! Chàng là chủ tịch phong trào "Tuổi Trẻ và Chuyên Gia Việt Nam Yêu Nước." Chàng cũng có một biệt hiệu, chàng tự gọi chàng là Phạm Thái. Thần tượng của chàng là liệt sĩ Phạm Hồng Thái, và trong dịp đi nghỉ hè ở nước Tàu, chàng đã từng kính cẩn nghiêng mình trước mộ người anh hùng bỏ mình vì nước trong Hoàng Hoa Cương. Chàng không hiểu văn chương, văn hóa Việt Nam gì cả, ngoài hai câu nhớ... sơ sơ từ hồi học trung học ở Việt Nam:

Khoan khoan ngồi đó chớ ra,
Nàng là phận gái, ta là phận trai...

Phạm Thái không nhớ nổi hai câu ấy là của nhà nho Nguyễn Đình Chiểu, nhưng chàng rất thích, cho là văn chương tuyệt cú mèo, vì nó có vẻ... oai hùng làm sao ấy. Trong hai câu thơ ấy, chàng tráng sĩ coi nhẹ sức quyến rũ của mỹ nhân, chàng bảo nàng cứ ngồi yên đấy, đừng... bày đặt đến gần ta, ta chẳng coi ra gì. Phạm Thái say mê Ti Vi từ khi chưa gặp nàng, và có một người bạn nào đó mách cho chàng tích Phạm Thái, Quỳnh Như trong Tiêu Sơn Tráng Sĩ. Phạm Thái thích thú lắm, cho là tuyệt hảo. Chàng sẽ là Phạm Thái, nàng sẽ là Quỳnh Như.

Phạm Thái coi Kim Mao Sư Vương là phường "giá áo, túi cơm," là hạng ký sinh trùng của xã hội. Chàng kể với mọi người là trong khi chàng lái máy bay giết giặc ở Việt Nam, thì Kim Mao Sư Vương trốn quân dịch! Khổ một nỗi, Ti Vi thích thơ văn Việt Nam, mà Kim Mao Sư Vương lại là cái... thư viện Việt Nam, còn Phạm Thái thì mù tịt về địa hạt này. Chàng đã cố gắng học thuộc lòng bài Áo Lụa Hà Đông, "Nắng Sàigòn anh đi mà chợt mát, bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông," mà vẫn không làm Ti Vi rung động. Nhưng ngược lại, chàng đem Ti Vi đi biển, đi bắt cá, bắn súng, thả bè... Chàng rất tự hào cho mình là người đàn ông... sexy nhất cộng đồng, chàng cao lớn, khỏe mạnh so với đám đàn ông chuột nhắt. Hơn thế nữa, chàng là một người hùng yêu nước xả thân vì lí tưởng, ăn to nói lớn. chàng hay khoe với bạn bè:

- Các em bé tóc vàng trong sở em nào cũng mê tao!

Nhưng cái đích chinh phục của Phạm Thái là "em bé" Ti Vi, người đàn bà mà chàng không hiểu nổi. Trong đầu óc Phạm Thái, Ti Vi là Quỳnh Như, nàng sẽ là đồng chí kháng chiến của chàng. Họ sẽ yêu nhau trong rừng Cà Mâu, bên vịnh Hạ Long, bên cạnh khu "tổng tư lệnh" của Phạm Thái... Một ngày kia, Phạm Thái sẽ giải phóng nước Việt Nam, như vua Quang Trung oai hùng xa xưa, nhưng sau đó chàng sẽ không ứng cử tổng thống, mà sẽ rũ áo từ quan như Lưu Nguyễn, để đem Ti Vi qua Tahiti làm những màn ngoạn mục! Trong đầu óc đồng bào thì chàng đã đi vào lịch sử, còn chính chàng thì chọn lựa đi vào tình yêu!

Ngày Ti Vi mới dọn về thành phố, cả cộng đồng xôn xao... Tờ báo Times có đăng hình Ti Vi mặc mũ áo đứng trên khuôn viên đại học Harvard! Khi được ký giả tờ Times phỏng vấn, Ti Vi trả lời rằng điều làm nàng sung sướng nhất là được nghiên cứu về văn hóa và nguồn cội của nàng. Thế là Phạm Thái yêu ngay nàng... trên báo. Trước khi yêu Ti Vi, Phạm Thái cũng đã từng yêu Mĩ Đen... Khi nghe tin Mĩ Đen lấy chồng Mĩ thì Phạm Thái đâm ra phẫn nộ, khinh bỉ, và... hết yêu ngay lập tức. Phạm Thái yêu đàn bà với cường độ cũng như chàng yêu nước vậy! Ai chàng cũng yêu. Nhưng Phạm Thái cũng kén chọn lắm! Ý trung nhân của chàng phải đẹp, phải khỏe mạnh, phải học giỏi thần sầu, phải đem lại hãnh diện cho chàng trong cộng đồng, phải hướng thượng vô biên... như chàng! Phạm Thái mê Ti Vi vì nàng vừa liễu yếu vừa gợi cảm, vừa liêu trai vừa tân tiến, hội đủ tất cả các điều kiện kể trên. Sau khi Ti Vi dọn về thành phố, Phạm Thái đại diện hội "Tuổi Trẻ và Chuyên Viên Việt Nam Yêu Nước"

đến nhà ông bà giáo phỏng vấn Ti Vi. Mặt mũi chàng rất nghiêm trọng, gọi Ti Vi bằng "chị:"

- Chị nghĩ sao về công cuộc kháng chiến chống cộng ở Việt Nam?

Ti Vi không biết trả lời ra sao, vì nàng không biết gì về "công cuộc kháng chiến chống cộng" cả. Ti Vi trả lời theo khía cạnh... xã hội và nhân chủng học, những vết thương vô hình của những con người di cư, những hoài niệm về quá khứ, những viên thuốc tinh thần cho những tâm hồn đã rướm máu, những ngại ngùng và rung chuyển trước dòng văn hóa mới, vân vân và vân vân. Phạm Thái chăm chú nghe, nhưng chàng không hiểu gì cả. Chàng mơ hồ đoán là Ti Vi nói về nỗi nhớ nhà và sự đau khổ của người tị nạn. Không thành vấn đề, chàng còn mải chăm chú nhìn cặp môi gợi cảm của Ti Vi, hàm răng trắng với chiếc đầu lưỡi hồng hồng khi nàng say mê nói. Nàng mặc váy ngắn, mang tất lưới đen, chân bắt chéo trên ghế xa-lông, đầu nghiêng nghiêng, hai cánh tay nâu hồng thanh tao, nhỏ nhắn, và tròn lẳn như mình con rắn. Phạm Thái nóng ran cả người, đầu óc chàng nghĩ đến những tạp chí chụp hình đàn bà của Mĩ Quốc... (Hình như ngồi gần đàn bà đẹp là lúc nào Phạm Thái cũng nghĩ đến những tạp chí chụp hình của Mĩ Quốc!) Kể từ cuộc phỏng vấn hôm ấy, Phạm Thái là con cá mắc cạn trong tất... lưới của Ti Vi! Và từ đó, Phạm Thái nghiễm nhiên trở thành một trong trong ba chàng ngự lâm pháo thủ!

*

So sánh với Kim Mao Sư Vương và Phạm Thái, Đốc Mập theo chủ nghĩa bình chân như vại. Chàng là kẻ được cảm tình của bà giáo nhiều nhất. Sau khi đóng cửa phòng mạch, chàng hay đến vấn an bà giáo. Bà giáo hay chóng mặt, nhức đầu, đau lưng, lúc nào cũng cần thuốc bổ. Đốc Mập đường đường đi vào, đi ra gia đình bà giáo như chỗ không người. Thái độ dương dương tự đắc đó có từ ngày Đốc Mập được tuyển vào trường Y Khoa Sài Gòn, rồi tiếp tục trong những ngày Đốc Mập chạy loạn qua Mĩ, được nhận vào một trường Y khoa ở miền Nam... Sự thiếu thuốc tất không làm chàng buồn lòng mấy, vì mảnh bằng bác sĩ giải phẫu toàn khoa làm Đốc Mập thấy chàng sáng như mặt trời. Bà mẹ Việt Nam nào cũng muốn gả con gái cho Đốc Mập. Cảm tình của bà giáo làm Đốc Mập có cảm tưởng chàng là người tình bán chính thức của Ti Vi. Mĩ Đen hay kêu la với em gái:

- Anh chàng Đốc Mập dương tương tự đắc giống... cọng giá tao chỉ muốn ngắt cái đầu đem vứt thùng rác! Cái bằng "Em-Đi" đâu có nghĩa là "Em Đến."

Đốc Mập tin tưởng vào giá trị đồng tiền! Chàng không mấy bận tâm với chiến thuật "cua đào" của thi sĩ Kim Mao Sư Vương hay anh hùng rơm Phạm Thái. Đốc Mập ung dung ngồi hốt ra bạc, và tin tưởng tài hốt ra bạc của chàng sẽ đủ sức làm rơi rụng trái tim một nàng tiên Ti Vi! Dạo này cộng đồng có nhiều ông bác sĩ không phải là chuyên viên giải phẫu thẩm mỹ mà vẫn sửa sắc đẹp để hốt bạc, cho nên Đốc Mập cũng muốn mon men mở thẩm mĩ viện, mở lai rai, rồi bắt các bà các cô... trả tiền mặt để khỏi khai báo rắc rối! Có thẩm mỹ viện rồi, Đốc Mập sẽ là một bác sĩ triệu phú như chơi, chàng không coi những lão vớ vẩn như Kim Mao Sư Vương hay Phạm Thái là tình địch của chàng.

Đúng ra Ti Vi không phải là mẫu người lý tưởng của Đốc Mập. Đốc Mập có máu... mê tiền! Làm bao nhiêu tiền cũng không thỏa mãn. Đốc Mập muốn lấy con gái thương gia để hưởng của, vì các ông anh lớn của Đốc Mập đều có truyền thống bác sĩ lấy vợ giàu ở Việt Nam! Trong xã hội tị nạn bây giờ, đàn bà có nghề nghiệp chuyên môn là người tình lí tưởng của Đốc Mập. Chàng muốn lấy vợ bác sĩ, nha sĩ hay luật sư để cùng nai lưng kiếm tiền với chàng. Khó một nỗi, Đốc Mập cũng hảo ngọt và mê nhan sắc, mà các cô bác sĩ, nha sĩ, luật sư trong vùng toàn là Chung Vô Diệm tái sanh đối với chàng. Là một anh chàng độc thân có máu mặt lại kén vợ, Đốc Mập luôn luôn để ý đến chuyện mấy cô gái Việt Nam nổi tiếng trong cộng đồng. Những tin tức về Ti Vi lúc đầu không làm Đốc Mập hào hứng mấy. Thiên hạ đồn rằng Ti Vi rất lãng mạn, cứng đầu, hay cãi bố mẹ, tính tình ba gai, có nhiều bồ, vân vân... làm Đốc Mập nản chí. Nếu cứ để mặc Đốc Mập đi theo tiếng gọi của bản năng, chắc Đốc Mập chỉ muốn lấy một cô... y tá thật đẹp! Nếu con nhà hàng vàng nữa thì tốt biết bao! Đốc Mập tin rằng chỉ có y tá mới rõ ràng là... ngu dốt hơn bác sĩ, và sẽ coi bác sĩ như thánh sống! Đốc Mập rất sợ những cô gái nhanh nhẩu, hoạt bát, thông minh, lãng mạn, chữ nghĩa nửa vời, nổi đình nổi đám hơn chàng. Chàng biết mình không có khoa ăn nói, lại hay luống cuống! Học cả tuần Đốc Mập vẫn chưa nhảy được điệu Bee Bop cho ra hồn!

Thế nhưng tiếng sét ái tình không có biên giới. Không hẹn mà Đốc Mập gặp Ti Vi trong phòng

mạch, rồi đâm ra... tương tư nàng như một... củ khoai tây thứ thiệt! Một ngày trong tuần, trời đã nhá nhem tối, thư ký đã về, Đốc Mập đang chán nản thu dọn giấy tờ, thì bỗng nhiên có một bệnh nhân gõ cửa phòng mạch. Ti Vi hiện ra trước mắt chàng như một vũ công Hạ Uy Di sau một đêm "hu lao" ngoài bãi biển. Tóc nàng rũ rượi một cách rất... nghệ thuật! Nàng viền mắt bằng màu bút chì xám đậm, hơi óng ánh sắc kim tuyến. Nàng mặc chiếc áo hở tay, hở ngực, bằng một loại vải giống như sa-tanh láng, bên trong không mặc áo lót, áo bó sát người như áo tắm, loại "danskin" của các vũ công. Chiếc váy lụa mỏng manh, xòe như váy Tây Ban Nha, quấn ngang hông theo kiểu "sarong" dài đến mắt cá... Nàng đeo dây nhỏ, bông tai, khăn quàng lụa lung tung như bà đồng, vai đeo thêm một cái bị lòng thòng như hành khất! Nàng đứng trước mặt Đốc Mập thở dốc, chân đi khập khiễng như gần té, mắt ướt sũng như gần khóc... Ti Vi kể lể với Đốc Mập bằng cả tiếng Việt lẫn tiếng Mĩ rằng nàng mới ở lớp học nhảy "jazz" về, nàng trượt chân trong khi đang nhảy, trặc gân mắt cá. Đa số phòng mạch bác sĩ đều đã đóng cửa, nàng không muốn đi nhà thương cấp cứu vì thương tích không đủ nặng. Nàng đã khập khiễng ghé khoảng ba phòng mạch bác sĩ Việt Nam mà không ai mở cửa, và bây giờ thì nàng đang... đau lắm!

Dĩ nhiên là Đốc Mập làm một màn bác sĩ tận tâm lả lướt với người đẹp... Đốc Mập dìu Ti Vi ngồi lên bàn khám, săn sóc bàn chân người đẹp, trong khi Ti Vi vẫn thở dốc, mồ hôi rịn trên trán, mặt buồn so... Chưa bao giờ Đốc Mập thấy mình quan trọng và nghĩa hiệp như vậy. Chàng quên mất vấn đề... bảo hiểm, giấy tờ, vân vân..., chỉ muốn "xoa dịu" nỗi đau đớn buồn bã của cô vũ công này! Khi chàng hỏi Ti Vi cơ sự vì sao mà trượt chân như vậy trong khi múa, thì nàng bẽn lẽn ấp úng nói không thành lời... Té ra là ngoài đau chân Ti Vi còn đang đau bụng... hằng tháng, muốn xin Đốc Mập toa thuốc làm giảm cơn đau! Thái độ tâm sự e ấp của Ti Vi càng làm cho nam tính của Đốc Mập được ve vuốt! Sau khi... nắn chân cho Ti Vi, trái với thông lệ, chàng ngồi kiên nhẫn đọc từng câu hỏi trong bản khai bệnh lí dài dòng cả tiếng đồng hồ để nghe giọng nói êm như ru của Ti Vi, những âm "t," âm "h," âm "k" hơi ảnh hưởng cách phát âm tiếng Mĩ càng thêm phần quyến rũ. Nghe Ti Vi khai báo lí lịch, Đốc Mập mới biết Ti Vi là "nữ học giả trẻ tuổi" con gái giáo sư X, một nhân vật của cộng đồng mà Đốc Mập đã nghe tiếng, nhưng vốn không mấy thiện cảm vì nàng là "gái mới." Nhưng biết thì đã muộn, sức chống kháng của Đốc Mập đã tan vỡ, và tiếng sét ái tình đã chụp đánh... Đốc Mập hỏi Ti Vi:

- Bác sĩ gia đình của cô là ai?

- Thưa bác sĩ, Quỳnh mới dọn về đây, không có bác sĩ gia đình.

Nổi hứng bất tử, Đốc Mập hùng dũng tuyên bố:

- Nếu cô không ngại, tôi sẽ là bác sĩ gia đình của cô, không lấy tiền. Tôi vẫn kính mến cha cô từ bao lâu nay...

Nói xong, Đốc Mập hơi hối hận. Mỗi lần làm quyết định gì có dính dáng đến tiền, Đốc Mập đều hay... hối hận! Theo đúng lề lối giao hảo trong cộng đồng, thỉnh thoảng Đốc Mập phải làm Mạnh Thường Quân, cúng tiền cho các đoàn thể, các hội từ thiện, để giữ uy tín và "câu" khách... Nhưng mỗi lần cúng tiền xong, Đốc Mập đều "chửi thầm" trong bụng. Lần này, tuy cái nữ tính tuyệt vời của Ti Vi có làm chàng rung động, Đốc Mập vẫn không tránh được niềm hối hận khi đã vội vàng tình nguyện làm việc miễn phí cho Ti Vi.

Nhưng nếu cuộc gặp gỡ chỉ có vậy thì chắc Đốc Mập cũng không yêu Ti Vi ngay. Đằng này, vẻ thảng thốt, u sầu của Ti Vi không chỉ chấm dứt ở đó. Nàng vẫn thở dốc, mắt vẫn ướt sũng... Đốc Mập ái ngại, không hiểu Ti Vi xúc động nỗi gì, hay chỉ vì đau chân, đau bụng... Chàng cầm ống nghe đặt lên ngực bệnh nhân! Bỗng nhiên Ti Vi bật tiếng khóc nức nở, nước mắt ràn rụa. Nàng đưa tay nắm chặt lấy tay Đốc Mập, thở đứt quãng. Chàng nhìn vào đôi mắt mở lớn của Ti Vi và tự nhiên... chân tay bủn rủn, suýt nữa rơi cả ống nghe! Ti Vi nằm ngửa, thở mạnh, đôi mắt to, đen, ướt long lanh, ngước nhìn Đốc Mập như van xin, đau khổ. Cả con người bác sĩ lẫn con người đàn ông trong Đốc Mập đều bấn loạn, và sự bình tĩnh của chàng tiêu tán thành mây khói... Chưa bao giờ chàng thấy một "con vật giống cái" nào đẹp như thế. Cơn xúc động đột ngột làm Ti Vi đẹp não nùng! Nàng khóc không thành tiếng, mắt ướt đẫm, những sợi lông mi rung động theo cơn nức nở, nom nàng như cánh hoa trong mưa. Đồng thời nàng cứ... nắm chặt tay Đốc Mập như van xin một sự che chở, thiếu điều muốn gục vào người chàng. Đốc Mập có cảm tưởng chàng đang vỗ về cô bệnh nhân xa lạ này như vỗ về một người vợ bé bỏng trong cơn đau khổ. Tối hôm đó, Đốc Mập đưa Ti Vi về nhà, làm quen với ông bà giáo. Đêm đến, chàng trằn trọc khó ngủ vì xao xuyến...

(Còn tiếp)

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

Quê Hương Qua Ống Kính

Người đọc: *Bùi Bích Hà*

Tạp ghi của **Trần Công Nhung**, Quảng Bình Quan xuất bản, 197 trang, giá 20 mỹ kim. Liên lạc: Trần Công Nhung, 14926 Larch Ave, Lawndale, Ca 90260, USA. E-mail tancongnhung@yahoocom Tel (310) 978-8978.

Như tác giả trần tình trong lời nói đầu, là thiên ký sự kể lại cuộc hành trình thăm thú quê hương của *một người rong chơi đó đây rồi nhân thể bày tỏ tâm tư mình* nhưng bút pháp có cái linh hoạt của một nhà văn, cái đẹp của một nghệ sĩ nhiếp ảnh bén nhậy trước thiên nhiên và cuộc sống. Sách gồm hai mươi sáu đoản văn viết về hai mươi sáu địa danh quen thuộc, nổi tiếng về cảnh trí mỹ quan hoặc tập quán văn hóa đặc thù ở Việt Nam, có nơi tác giả đặt chân đến lần đầu với lòng khao khát từ thời mới lớn, du lịch qua sách vở, văn chương và lịch sử, có nơi ông trở về sau một thời gian xa cách dài để *chứng kiến xã hội đổi thay, kéo theo bao nhiêu thứ thay đổi* nhưng lòng ông *thì dạt dào một cảm xúc êm ấm, một niềm vui, một sự hãnh diện về xứ sở và một tình yêu quê hương thật đậm đà*. Không chỉ tả cảnh, ông còn tả người, không phải là những con người chỉ có đầu, mình và chân tay mà ống kính nghệ thuật cùng với lòng mẫn cảm của một nghệ sĩ sống bằng những rung động vi tế, đã cho phép ông nhìn thấu phần tâm tư ẩn khuất, sâu thẳm bên trong họ. Ngoài rất nhiều ảnh đen trắng, khổ nhỏ, minh họa cho bài viết, độc giả còn được thưởng thức 8 phụ bản lớn bằng khổ sách, in màu trên giấy láng, tuyệt đẹp, về các chủ đề Muối Hòn Khói, Đò Huế, Nón Phú Cam, Gốm Bình Dương, Xóm Quê Quảng Bình, Chợ Nổi Cái Răng, Bâng Khuâng và Tâm Thành, trong số này, đặc biệt bức Xóm Quê Quảng Bình rất bắt mắt độc giả, như là một tổng hợp hết sức đặc sắc của tài năng, tình yêu con người và quê hương kể cả chút may mắn hiếm hoi, thần kỳ, đến với ống kính một tích tắc không ngờ.

Bể Dâu Trong Giòng Họ Nguyễn Du

Người đọc: ***Bùi Bích Hà***

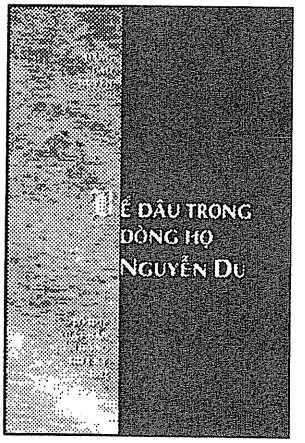

Biên khảo của **Đặng Cao Ruyên**, Tổ Hợp Miền Đông Hoa-Kỳ xuất bản, 217 trang, giá 18 mỹ kim (bìa trong đề giá 15 mỹ kim). Liên lạc Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa-Kỳ, 6433 Northanna Drive, Springfield, VA 22150, Tel (703) 971-9178 hoặc Cành Nam Publishers, 2607 Military road, Arlington, VA 22207, Tel&Fax (703) 525-4538, E-mail canhnam@dc.net

Trong lời giới thiệu của nhà xuất bản, đây là một công trình nghiên cứu kỹ lưỡng, đầy hứng thú, về dòng họ đại thi hào Nguyễn Du, được hình thành bởi tác giả sau hai mươi năm ấp ủ và làm việc hết sức say mê, cẩn trọng, là một tập hợp gồm cả những khám phá, tìm tòi của người đi trước được ghi nhận từ hàng thế kỷ qua, nhằm cung ứng những thông tin thật chính xác trong lãnh vực tham cứu, được hệ thống hóa ở chuẩn mực khá cao, đáp ứng với các đòi hỏi đương thời cho tất cả những ai muốn đi vào ngành Việt học và Kiều học.

Lấy ý từ hai câu trong truyện Kiều :

Trải qua một cuộc BỂ DÂU,
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.

theo liên tưởng của tác giả, cũng là cuộc bể dâu trong đời, trong dòng họ, trên quê hương Nguyễn Du, gắn liền với thăng trầm của đất nước, Đặng Cao Ruyên cống hiến bước đầu công trình khảo cứu qui mô của ông với gần như trọn vẹn gia phả nhà họ Nguyễn, làng Tiên Điền, từ đời thứ nhất (thế kỷ 15) xuống đến hậu duệ đời thứ mười bốn, cụ Nghè Nguyễn Mai, chỉ vừa mới

mất trong cuộc đấu tố cải cách ruộng đất ở miền bắc Việt Nam năm 1954 cùng với sự hủy hoại toàn bộ các thư tịch cực kỳ quí giá của dòng họ trong ngôi nhà năm gian của cụ bị đốt cháy trong biến cố đau lòng này.

Nếu ở đâu cũng vậy, người nghệ sĩ lớn luôn được coi là biểu tượng xuất sắc thời đại họ sống, để lại dấu ấn cho muôn đời sau, bạn đọc sẽ tìm thấy trong cuốn sách này không những chỉ là Nguyễn Du của thiên tài trác tuyệt, của vinh quang tột đỉnh mà còn là một Nguyễn Du mang trong tâm cảnh nhiều vết thương từ một giai đoạn lịch sử bị xâu xé, một bối cảnh xã hội nhem nhuốc, thường phải chịu đựng thiên tai, gieo vào lòng ông *nỗi đau đời sâu sắc, niềm khắc khoải đến u uất, luôn luôn cô đơn, bất đắc chí và thanh bần ngay cả trong suốt mười chín năm làm quan, được trọng đãi dưới triều vua Gia long*. Tuy nhiên, bên cạnh tấm chân dung cao cả và lãng mạn đầy thương cảm ấy, độc giả cũng sẽ còn được chiêm ngắm một cụ Tiên Điền thời mới lớn, thơ ngây yêu cô lái đò ở bến sông Hồng ngày ngày đi về học, một cụ Tiên Điền đa tình, đa cảm, dễ dàng dan díu tình trường, từ cô phường vải đến hai chị em cô hát ví, sau cùng, cuộc tình hy hữu với nữ sĩ Hồ Xuân Hương, người đàn bà vốn cao ngạo trong văn chương *Lại đây cho chị dạy làm thơ*, khi yêu, đã hạ bút thú nhận với tình quân thân phận nhi nữ đáng thương của mình :

Phấn son càng tủi phận long đong.
Biết còn mảy chút sương đeo mái,
Lầu nguyệt năm canh chiếc bóng chong.

Cuốn sách, ngoài phần biên khảo công phu, còn được minh họa bằng 52 trang hình, loại tư liệu quí giá, giúp độc giả gần gũi, cảm thông sinh động hơn với đời sống thật, phong phú, đa dạng, của đại thi hào Nguyễn Du qua sự nghiệp thi ca vô tiền khoáng hậu, gắn bó xương thịt với con người và thời đại của cụ mà cho đến bây giờ, đối với hậu sinh ngưỡng mộ, có lẽ chỉ đơn thuần là một ý niệm thăng hoa hay một di sản văn học lẫy lừng của đất nước và dân tộc, tách biệt với hơi hướm đời thường. Đây là một cuốn sách rất nên có mặt trong mọi tủ sách gia đình.

Trường khúc Mẹ Về Biển Đông

Người đọc: ***Phạm Xuân Đài***

thơ Du Tử Lê, HT Productions xuất bản, 165 trang kể cả phần dịch sang tiếng Anh, có kèm theo CD đọc thơ, giá US$15.00 (sách lẫn đĩa). Không ghi địa chỉ liên lạc.

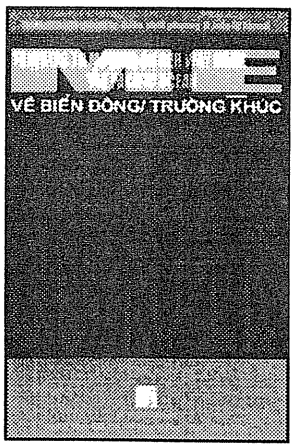

Phần thơ nguyên tác tiếng Việt gồm 72 trang, chia làm năm khúc: *Ngôi nhà trắng, chiếc quan tài và, những cây phong ở đường Beach; Những cánh cửa sổ, hồi chuông và, buổi sáng; Những bông hoa birdflower, nắm đất và, sự trở lại; Chuyến bay muộn, ký ức và, mẹ ở xa; Cõi mẹ về*. Một phần Trường khúc này đã được xuất bản lần đầu vào năm 1989, lần tái bản này thêm phần dịch tiếng Anh của Thiên Nhất Phương và Trần Lệ Khanh, và cuối quyển là phần "ngoại tập," đăng một hồi ký/tùy bút nhan đề "Con dế buồn tự tử giữa đêm sương" và một số hình ảnh kỷ niệm.

Lời thơ hầu hết bình dị như lời kể chuyện, nhưng với những hình ảnh và tứ thơ cảm động, kể lại sự qua đời của bà mẹ, và sau đó bao nhiêu là kỷ niệm, ký ức về bà từ khi tác giả còn là một cậu bé.

tôi tiễn bạn tôi về
căn phòng còn xác mẹ tôi, những người chị héo, rũ xuống như mấy
đụn vải biết cử động chậm
...
tôi chắc người xạ thủ Tây đen Tây trắng nào đấy
phải sằng sặc cười
lúc thấy viên đạn lửa của họ xuyên suốt thân thể anh tôi
lồ lộ bên bờ ruộng
...
mẹ tôi xé vội chiếc áo dài trắng
quấn lên đầu chúng tôi
chính bà, cũng không quên, chít lấy cho mình mảnh tang mới
(hay khúc lòng bà đứt đoạn, rói, tươi?)

Một tiếng khóc dài nhớ thương mẹ. Chen giữa những lời kể là những câu thơ như tóm lược một quãng đời, trừu tượng hóa một sự việc, diễn tả một ý tưởng, không còn là lời kể nữa.

tôi vẫn nghĩ ngày mai là bóng tối
và cuộc đời đã lạnh lúc sinh ra
mọi tri thức mang hào quang bịa đặt
gớm ghê nào ăn nổi bóng ma?

...

Mọi người đều bận việc
chẳng ai đủ rỗi
để hỏi mình là ai
ở chốn nào trên mặt đất đang khô
và, đời ta có sao lại mau tối vậy?

Nói về bà mẹ, mà cũng là nói về hành trình của một đời, của bao người mẹ, của bao người con, của cuộc sống và tâm thức Việt Nam. Trường khúc Mẹ của Du Tử Lê mang khả năng tổng quát hóa cao, dẫn người đọc đi từ nỗi riêng tư của một người đến hình ảnh của cả một dân tộc, và có thể, nỗi đau và thao thức của con người nói chung. Nhà văn người Mỹ Robert Olen Butler cũng nhìn thấy chỗ ấy khi ông viết: "Du Tử Lê là một nhà thơ tuyệt vời, một nghệ sĩ thực thụ, có khả năng làm thăng hoa những sự việc đặc thù thành những ý nghĩa phổ quát. Thơ của ông không phải chỉ nói cho người Việt Nam mà cho tất cả mọi người."

Dầu Hỏa Việt Nam 1970-1975: Những Ngày Còn Nhớ

Người đọc: ***Phạm Xuân Đài***

hồi ký của Trần Văn Khởi, tác giả xuất bản, 402 trang, giá US$15.00, ngoài Hoa Kỳ $18.00. Liên lạc: Khoi V. Tran P.O. Box 750233 Houston, TX 77275, USA.

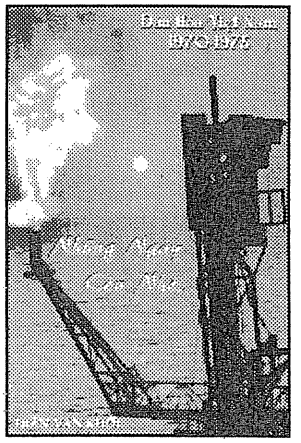

Tựa đề của cuốn sách cho thấy nội dung: tác giả kể chuyện hoạt động tìm kiếm dầu hỏa trên thềm lục địa miền Nam trong năm năm cuối của chế độ Việt Nam Cộng Hòa. Tác giả, ông Trần Văn Khởi, du học tại Mỹ về nước năm 1964, làm chuyên viên dự án kỹ nghệ tại Trung Tâm Khếch Trương Kỹ Nghệ, rồi Chánh sở Đầu tư tại bộ Kinh Tế. Đến năm 1970 ông được chính phủ giao phó thi hành Luật Dầu Hỏa, và có sáng kiến tổ chức Ủy ban Quốc gia Dầu hỏa mà ông làm giám đốc điều hành từ đầu năm 1971. Đến tháng Sáu năm 1974 ông được cử làm Tổng Cuộc Trưởng Dầu Hỏa và Khoáng Sản của Việt Nam Cộng Hòa. Với các vai trò đã giữ, có lẽ ông là người có thẩm quyền nhất để nói về dầu hỏa của Việt Nam từ những ngày mới bắt đầu thăm dò cho đến ngày miền Nam sụp đổ. Công cuộc khai thác dầu hỏa của chính quyền Cộng sản hiện nay chỉ là tiếp nối các công trình khai phá của miền Nam.

Đây không phải là một cuốn sách biên khảo về dầu hỏa Việt Nam mà là hồi ức của một người đã từng giữ trách nhiệm chính yếu về tìm kiếm, đấu thầu và khai thác dầu hỏa ở thềm lục địa miền Nam. Đầu sách có một đoạn khái lược về lịch sử tìm dầu hỏa vào thời Pháp thuộc, rồi đến công tác sơ khởi vào năm 1967 của Việt Nam Cộng Hòa và từ đó là các diễn tiến liên tiếp về chuyện dầu hỏa. Các ký ức của tác giả về từng giai đoạn, từng sự việc được trình bày với một giọng văn tươi tắn và chân thành. Việt Nam là nước chưa từng có kinh nghiệm về dầu hỏa, theo dõi hồi ký này người đọc có thể hiểu thế nào là bước khởi đầu từ số không của một việc lớn lao cỡ tầm mức quốc gia và quốc tế, như là chuyện dò tìm và khai thác dầu hỏa của một nước. Đó là những kinh nghiệm có một không hai của Việt Nam, ngay chính quyền cộng sản sau này đã làm công việc khai thác dầu hỏa thực thụ cũng không thể có được, vì chỉ là kẻ thừa kế những bước đầu tiên của miền Nam. Cũng vì thế mà cuốn *Dầu Hỏa Việt Nam 1970- 1975, Những Ngày Còn Nhớ* tuy chỉ là một hồi ức cá nhân sẽ có một vai trò quan trọng để hiểu một cách sinh động trang đầu của lịch sử dầu hỏa Việt Nam. Hơn nữa, cuốn sách còn có một phần Phụ lục rất quan trọng: tác giả đã sao lục tất cả tin tức liên quan đến dầu hỏa từ năm 1970 đến 1975 của nhật báo Chính Luận, cụ thể hơn, từ ngày 5 tháng 12 năm 1970 đến bản tin cuối cùng vào ngày 18 tháng Ba năm 1975. Đây là một công việc rất công phu, suốt 150 trang sách đã cống hiến cho độc giả một tài liệu độc đáo và quý giá như một đoạn phim về một mảng sinh hoạt chính trị kinh tế của miền Nam trong năm năm cuối cùng.

Sau 1975 tác giả tiếp tục làm việc trong ngành dầu hỏa với các công ty của Mỹ ở Texas nên có dịp đi đến nhiều nơi trong "thế giới dầu hỏa" của trái đất này, trong đó có cả nước Nga và Việt Nam. Ở Nga ông đã gặp những chuyên viên dầu hỏa từng làm việc với mỏ dầu ngoài khơi Vũng Tàu, ở Việt Nam ông tiếp xúc với các giới chức cao cấp cùng ngành và nhất là tìm thăm được nơi làm việc cũ trước 1975. Những chương hồi ký hậu 75 này cho một hình ảnh khá liên tục dù sơ sài về dầu hỏa Việt Nam, tuy phần chính của cuốn sách vẫn là "dầu hỏa của Việt Nam Cộng Hòa."

Bolsa Medical Center

10362 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683 - (714) 531-2091

***THUỘC TỔ HỢP Y TẾ HMO:* AMVI MEDICAL GROUP**
***CHƯƠNG TRÌNH CALOPTIMA:* AMVI/PROSPECT 27**

Trung Tâm Y Tế Toàn Khoa
Trung Tâm Giải Phẫu Ngoại Chẩn, Phòng Điều trị Khẩn Cấp & Quang Tuyến

Các bạn đi làm hay trong chương trình CalOptima xin hãy chọn các Bác Sĩ:

Bác Sĩ Gia Đình:
Phạm Đặng Long Cơ, M.D.
Bùi Thị Lãm Thúy, M.D.
Trần Lauren Yến Châu, M.D.

Bác Sĩ Nội Khoa & Người Già
Nguyễn Hữu Hùng, M.D.
Nguyễn Anh Tuấn, M.D.
Nguyễn Hữu Vượng, M.D.

Bác Sĩ Sản Phụ Khoa
Phạm Đặng Long Cơ, M.D.
Hoàng Thảo Christine, M.D.
Phan Tuấn, M.D.
Trần Du, M.D.

Bác Sĩ Nhi Khoa
Nguyễn Văn Lộc, M.D.
Hoàng Quý Minh, M.D.
Ngô Phước Liêm, M.D.

Bác sĩ Giải Phẫu Tổng Quát
Văn Kỳ Chương, M.D.

Bác Sĩ Đau Nhức & Gây Mê
Paul Phạm Việt Anh, M.D.

Bác Sĩ Tim Mạch
Nguyễn Phúc Vĩnh Khiêm, M.D.

Bác Sĩ Đau nhức, Chỉnh Xương, Tai nạn Lao động
Hinh Chris, M.D.

* Trung Tâm được trang bị với các dụng cụ y tế tối tân nhất trên thị trường hiện nay, chuyên về các trường hợp giải phẫu mà bệnh nhân có thể về nhà không cần ở lại đêm.

* Trung tâm được công nhận bởi cơ sở y tế địa phương và tiểu bang.

* Đầy đủ các máy Siêu Âm, Máy Tâm Đồ, Máy Đo Tim, Máy Đo Độ Cứng của Xương để phòng ngừa và truy tầm triệu chứng rỗng xương, một trường hợp rất nguy hiểm cho quý vị.

* Chuyên trị các bệnh Nội, Ngoại thương, Sản Phụ Khoa, Nhi Khoa, Bệnh Người Già. Đau Nhức, Tê Thấp, Mất Ngủ, Tiểu Đường, Cao Máu, Cao Mỡ, Tai Mũi Họng, Bệnh Ngoài Da, Dị Ứng, Truy Tầm Ung Thư.

* Khám tổng quát định kỳ hàng năm, khám nhập học, nhập tịch, khám sức khỏe về VN kết hôn.
* Mời quý vị đón nghe Chương Trình của Tổ Hợp Y Tế Bolsa Medical Group hàng tuần vào mỗi trưa thứ tư, từ 2:15 - 3:15 P.M. trên băng tần 106.3 FM VNCR. Chúng tôi sẽ giải đáp tất cả những vấn đề liên quan đến sức khỏe của quý vị.

Trung Tâm Y Tế Bolsa nhận Medi-Cal, Medicare, CalOptima, và các bảo hiểm PPO.POS, EPO sau đây:

* AETNA
* BLUE CROSS/BLUE SHIELD
* BPS HMO
* CALIFORNIA CARE
* CIGNA
* FOUNDATION HEALTH
* HEALTH NET
* INTERVALLEY HEALTH PLAN
* MAXICARE
* ONE HEALTH PLAN
* PACIFIC CARE
* PRO-PATIENT
* PRUDENTIAL/PRUCARE/PRU PLUS
* SECURE HORIZON'S
* TOWER HEALTH
* UNITED HEALTH
* UNIVERSAL CARE

AMVI Medical Group, affiliated with Fountain Valley Regional Hospital & Medical Center a TENETH HEALTH SYSTEM

PRESORTED
STANDARD
U.S. POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No.63

GIẢI PHẪU THẨM MỸ & CHỮA TRỊ DA

NGỌC NỮ LADY BELLE *Beauty Clinic*

Chuyên tẩy xóa nám, tàn nhang, mụn cóc, nốt ruồi, hột thịt dư, nấm ngoài da, bớt bẩm sinh, tẩy vết thâm của mụn, tẩy trắng da mặt, da cổ, da tay, chân. Chữa mụn kinh niên, lột da mặt, chữa thẹo lồi, chữa lỗ chân lông to, chữa vết nứt ở bụng trước và sau khi sanh, làm mờ vết thẹo của mụn, vết nhăn trên mặt. Chữa da dầu, da khô. Xóa xăm mình, xóa xăm lông mày.

UỐNG NHIỀU THUỐC TRỊ SINH, ĐẾN NHIỀU THẨM MỸ VIỆN VẪN KHÔNG CHỮA HẾT MỤN, CHÚNG TÔI CHỮA HẾT MỤN 20 NGÀY

BẢO ĐẢM CHỮA HẾT NÁM, TÀN NHANG TRONG VÒNG 4 ĐẾN 10 TUẦN
LÀM GIẤY TỜ CAM ĐOAN CHỮA KHÔNG HẾT LẤY TIỀN LẠI

GIẢI PHẪU THẨM MỸ

- Cắt mắt hai mí, lấy mỡ, cắt da mí dưới
- Nâng chân mày
- Sửa mũi cao, thon, đẹp tự nhiên
- Căng da mặt, trán và cổ
- Sửa ngực và nâng ngực mềm mại
- Hút mỡ bụng, lấy mỡ và căng da bụng.

CREAM
Tẩy trắng da cổ và cơ thể. Special **$49**

Do 1 nhóm Bác Sĩ Mỹ trên 20 năm kinh nghiệm đảm trách. Ở xa có xe đưa rước về chỗ ở

MÀI DA (Microdermabrasion & Diamond Peel)

Phương pháp mài da mới phối hợp với dược mỹ phẩm đem lại kết quả tốt nhất và an toàn nhất. Giúp da khoẻ mạnh, non mướt, trẻ trung, làm tan vết nhăn, mờ thẹo mụn vết nám, tàn nhang, mặt rổ...

(trong tháng 7/8) ***Giá đặc biệt $30*** *(cho khách đến trước)*

BÁN SỈ TẤT CẢ CÁC LOẠI CREAM &
MÁY MÀI DA WONDER FEEL (Microdermabrasion)

XÂM THẨM MỸ

- Xăm chân mày, mí mắt, viền môi...

Xăm rất đẹp và tự nhiên, dùng mực tốt, thay kim mới và dụng cụ cho mỗi lần xăm.

LỘT DA MẶT

- Lột da mặt bằng dược thảo, lột dầy chỉ trong vòng 5 ngày sẽ lột tẩy hết lớp da cũ, trang điểm, sinh hoạt bình thường.

Giá đặc biệt 50% OFF

Là 1 trung tâm làm đẹp lớn nhất và sang trọng, được sự tín nhiệm của quý khách, quý thân chủ trong suốt 15 năm qua

SKIN CARE PRODUCTS

Bí quyết để giữ và duy trì làn da trẻ & khỏe mạnh.

Cream dưỡng da tẩy trắng Nhật Bản **SACHIKO** làm bằng dược thảo thích hợp cho mọi loại da. Đặc biệt cream của Pháp **DERMABELLA** chữa trị nám, tàn nhang, vết thâm... không làm đỏ, nóng, rát, kết quả trong 1 tuần lễ.

LADY BELL NHẬP CÀNG NHỮNG LOẠI KEM DANH TIẾNG CỦA ĐỨC, PHÁP RẤT CÔNG HIỆU, KẾT QUẢ NHANH CHÓNG:

- Cream chữa vết răn nứt da bụng, đùi - Cream trị mụn kinh niên - Cream tẩy trắng da mặt - Cream làm săn ngực - Cream tan mỡ, ốm (rất công hiệu) - Cream chữa lỗ chân lông to - Cream làm mờ vết nhăn - Cream chữa da dầu da khô, da ngày cảm - Cream lột da mặt mỗi ngày - Cream lột da mặt 7 ngày - Lotion và thuốc trị rụng tóc kết quả nhanh chóng - Cream hồi sinh da mặt.

MUA 1 BỘ CREAM (cho tất cả loại)
ĐƯỢC TẶNG 1 FACIAL or UỐN LÔNG MI CONG

13872 BROOKHURST ST - GARDEN GROVE - CA 92843 *(Cạnh Century TV, khu chợ Đồng Hương)*
MỞ CỬA HÀNG NGÀY TỪ 10AM -6:30PM (nghỉ Thứ Ba)

(714) 534-4500 TOLL FREE **1(888)270-1234**

CHÚNG TÔI GỬI HÀNG ĐI CÁC TIỂU BANG - CẦN ĐẠI LÝ KHẮP NƯỚC MỸ

Ấn Phí: 5 Mỹ Kim